This is a reproduction of a library book that was digitized by Google as part of an ongoing effort to preserve the information in books and make it universally accessible.

Google™ books

https://books.google.com

Digitized by Google

*43. S. 39.

MENTEM ALIT ET EXCOLIT

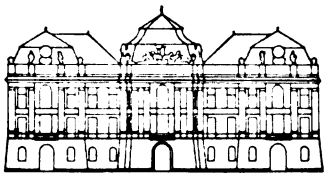

K.K. HOFBIBLIOTHEK
ÖSTERR. NATIONALBIBLIOTHEK

* 43.S.39

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

CATHECHISMVS

Pro ijs, qui volunt ſuſcipere

BAPTISMVM

In Octo dies diuiſus.

Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà đẻo đạo thánh đức Chúa blời

Ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus

Ab Alexandro de Rhodes è Societate IESV, eiuſdemque Sacræ Congregationis Miſsionario Apoſtolico.

ROMÆ, Typis Sacræ Congregationis de Propaganda Fide.

Superiorum permiſſu.

Digitized by Google

Digitized by Google

Gosſwinus Nickel Societatis IESV
Vicarius Generalis

CVm Cathechiſmum Latinum, & Tunchinenſem à P. Alexandro de Rhodes noſtræ Societatis Sacerdote conſcriptum, aliquot noſtri Theologi recognouerint, & in lucem edi poſſe probauerint, facultatem facimus vt typis mandetur ſi ita videbitur ijs, ad quos ſpectat; cuius rei gratia has litteras manu noſtra ſubſcriptas, ſigilloq; noſtro munitas, damus Romæ 8. Iulij 1651.

Gosſwinus Nickel.

Imprimatur.
F. Vincentius Cepolla Mag. & Socius R. P.
Magiſtri Sacri Palatij Apoſtolici.

Digitized by Google

WIEN

Digitized by Google

CATHECHISMVS in octo dies diuisus.

Phép giảng tám ngày

Dies Primus.

Ngày thứ nhứt.

SVppliciter petamus ab optimo Cœli Domino vt adiuuet nos, ad hoc vt intelligamus probè legem Domini [b] *intelligendum autem ad hoc est neminem esse in hoc sęculo qui diù viuat,* [c] *vix enim pertingitur ad septuagesimum aut octogesimum ætatis annum* [d] *quærendus est igitur à nobis modus vt possimus diù viuere,* [e] *hoc est, vitam sempiternam adipisci* [f] *hoc enim verè prudentis est* [g] *cæteræ omnes huius mundi artes quamuis diuitijs acquirendis sint aptæ,* [h] *minimè tamen eripere nos poterunt ab ignobilitate & miseria, quin tãdem in eam inci-*

[a] Ta cầu cũ đức Chúa blời giúp lực cho ta biết tó tường đạo Chúa là nhường nào [b] vì vậy ta phải hay ở thế nầy chẳng có ai sóu [c] lâu; [c] vì chưng kể đến bảy tám mươi tuổi [d] chẳng cò nhẽo. [d] vì vậy ta nên tìm đàng nào cho ta được sòũ lâu, [e] [e] là kiếm hàng sòũ vậy: [f] [f] thật là việ người cuển [g] tử. [g] khác phép thế gian nầy, dù mà làm cho người được phú [h] qúi: [h] sau le chẳng làm. được cho ta ngày sau

Digitized by Google

incidamus [i] *quare minimè debemus legẽ Dei addiſcere vt in hoc ſęculo ditemur:* [k] *prouẽtus enim Diuinæ legis proprie pertinet ad futurum ſæculum.* [l] *homines huius ſæculi benè norunt quæ ſpectant ad preſentem vitam bona & mala :* [m] *rationem autẽ tranſeundi feliciter per mortem ad futurum ſæculum minimè norunt.* [n] *Ad hoc autem intelligendum ſcire debemus hominum genus componi è duobus,* [o] *corpore ſcilicet atque anima.* [p] *corpus à Patre & Matre habet, conſtans ex oſſibus, ſanguine, & carne, quæ ſunt corruptibilia.* [q] *anima tamen eſt ſpiritualis, incorruptibilis, & immortalis* [r] *a patre & matre originem minimè trahens, ſed à ſuperiori principio.* [ſ] *Anima eſt vt domina,* [t] *corpus verò tanquaã ſeruus aut famulus,* [u] *qui animæ inſeruire debet tanquã Domino;* [x] *turpe namq; eſt famulã dominari,* [y] *& dominam ancillari,* [z] *neque*

Ngày thứ nhứt

khỏi lam tiếu nhin, khốn nạn. [i] Vì đây ta chẳng phải haọc đạo cho ta đươc phú quí ở thế nầy. [k] vì chưng ích đạo thánh đức Chúa blời về đời sau. [l] người thế sự đời nầy lành dữ thì hay: [m] mlẽ qua đời nầy cho khi chết đươc đui bẻ đời sau thì chẳng hay. [n] cho đươc biết đàng ấy, tlước thi phải hay lỗài người ta có hai sự: [o] một là xác, hai là linh hồn: [p] xác bởi cha mẹ mà ra, có xương, có mấu, có thịt hay nát hay mòn. [q] sau le linh hồn là tính thieng chẳng hay mòn chẳng hay nát, chẳng hay chết; [r] chẳng phải bởi cha mẹ mà ra, thật bởi bề tlên mà có. [ſ] linh hồn như chúa nhà, [t] xác như tôi tá, hay là đầi tớ, [u] vó thi phải phục linh hồn như chúa, [x] vì chưng đầi tớ cữ tôi tá làm chúa nhà, [y] hay là chúa nhà làm tôi ta, thì lộn lạo [z] cữ

eſt

Digitized by Google

eſt conforme rationi.
[a] *Itaque perpẽdamus cogitandumne prius pro famulo an pro Domino?* [b] *procul dubio negotiandum prius pro Domino,* [c] *poſtea cogitandum de famuli rebus, vt rationi congruus ordo ſit.* [d] *arare terram, mercaturam exercere & ſimilia ſunt negotia quæ perinent ad corpus.* [e] *ſunt arantes terram qui multam granorum copiam in horrea congregant,* [f] *& cùm ab hoc ſæculo migrant nihil ſecum deferre poſſunt è congregatis granis* [g] *ſunt qui frequentantes aulam regis magiſtratus gradum acceperunt,* [h] *at cum anima egredietur à corpore, omnia illis relinquenda ſunt, nihil omninò ſecum deferre poterunt.* [i] *eſt proloquium quando nati ſumus, nec ſerentium quidem in hunc mundum intulimus,* [k] *cùm moriemur ne obolum quidem deferre poterimus.* [l]

chẳng phải mlẽ.
[a] [a] Sao ta xét ta lo thứoc cho đẩy tớ, hay là cho [b] chúa nhà? [b] thật là ta lầm thứoc cho chúa nhà, [c] [c] ſau lo cho đẩy tớ, [d] thì mới phải. [d] cày ruộng, buôn bán, những việc thế ẽy là việc về [e] xác. [e] có kẻ đi cày đi cấy, mà đươc lúa nhiều [f] tlaõ kho, [f] đến khi qua đời nẩy một nhám lúa đam đi cũ chẳng [g] đươc. [g] cò kẻ đi hầu hạ chầu chức qua Chúa, mà đươc làm quan; [h] [h] đến khi linh hồn ra khỏi xác, những sự ẽy thì phải bỏ, đam về chẳng đươc đi gì sốt. [i] [i] có mlời ràng; khi sinh ra chẳng có đam một [k] đoũ mà lại: [k] khi chết cũ chẳng có cầm một [l] đoũ mà đi. [l] vì chưng ngươời ta ở thế nẩy [m] chẳng ai khỏi sự ẽy, [m] thì phải hặọc đạo thánh [n] về đời sau, [n] cho ngày

Cùmq; hoc nullus mortalium vitare poſſit, [m] *ſacrã legem addiſcere debemus pro futuro ſæculo,* [n] *ad hoc vt in illo poſſi-*

Digitized by Google

possimus in æternum viuere. o *Ad hoc autem intelligendum est prouerbium apud vos commune cùm dicitis,* p *hanc præsentem vitam esse tanquam hospitium peregrinantium, mortem verò esse reditum ad patriam seu habitationem propriam.* q *Sciendum tamen est in futuro sæculo duplicem esse habitationem,* r *vnam optimam, alteram pessimam,* f *superiorem scilicet & inferiorem,* t *Paradisum & infernum.* u *nam super cælos est paradisi domus,* x *ad quam qui peruenit,* y *perfectam sine fine beatitudinem adipiscitur,* z *hanc qui desiderat priùs inquirere debet, quisnam* a *sit cæli, quod nos cooperit, supremus conditor;* b *quis terræ, quæ nos sustinet, auctor;* c *quis rerum omnium, quibus sustentamur, creator.* d *interroga vt scias & colas, hæc est via meriti.* e *Quisquis in hoc regno vult magistratum adipisci* f *frequentare debet aulam Regis,* g *vel saltem debet solita tributa*

sau chúng tôi được sott
o lâu vô cữ o cho biết sự
ấy tổ tường, thì phải
dớ mlòi đất An nam
p nấy nói lien p sou thì
gưởi, chết thì về: (nói
chữ sinh là kí dã, tữ
q là qui dả) q sao le thì
phải hay đòi sau có hai
r quê: r một là quê lành,
f hai là quê dữ, f quê
t tlên quê dưới, t thien
u đàng, địa ngục. u vì
chưng tlên blòi thì có
x thien đàng: x ai đến
y được tlến ấy, y thì
chịu hàng hàng đui đế
z đây z mà ai muốn sự
a ấy tlước hết thì phải
b tìm, ai a sinh ra blòi
c che ta: b ai sinh ra đất
d chở ta: c ai sinh ra
e muốn vật mà nuôi ta:
f d hỏi cho biết mà thờ
g đấy, ấy là đang phúc.
e ai nấy ở nước An
f nam nấy, mà muốn cho
g được làm quan, f thì
phải đi háu hạ chầu
chức đua Chúa, g hay

pœna

Digitized by Google

perſoluere, ne mulctetur
pœna. [h] *quicunque famu-*
latur rebelli, [i] *vel latro-*
cinijs intentus ſeipſum
tanquam magiſtratum
conſtituit, [k] *incidet in*
pœnam à Rege expoſcen-
dam.

[l] *Quicunque eſt intra re-*
gnum debet inquirere quiſ-
nam ſit Rex, vt illum
veneretur. [m] *Quantò*
magis qui ſunt in hoc mun-
do tenentur inquirere, [n]
quiſnam ſit verus cæli &
terræ rerumque omnium
creator & Dominus, vt il-
lum colant.

[o] *Rerum enim omnium*
Conditorem neceſſario de-
bemus inquirere vt illum
colamus, [p] *ſic enim pote-*
rimus ad beatitudinem
cæleſtem peruenire [q] *quod*
ſi quis inquirere negligat,
vt colat verum Dominum,
[r] *atque interim colat &*
veneretur diabolum, [ſ] *per-*
inde ſe habet atque ſi quis
in hoc regno rebellis ali-
cuius ſigna ſequatur. [t] *Qui*
cæli Dominũ reueretur vt
decet, [u] *perueniet ad cali regiam cum Domino cœli;* [x] *at qui*

là chịu việc tiên năm
qúi thứ ê, thì mới khỏi
[h] vạ. [h] ai làm tôi nguỵ
[i] giạc; [i] hay là tlọm cướp,
[k] xưng mênh là quan, [k]
thì có vạ cữ ḉua Chúa.
[l] [l] Những kẻ ở tlaõ nước,
thì phải hỏi cho biết, ai
làm ḉua Chúa, mà kính
[m] đấy. [m] huống lọ người
ở thế nầy thì phải tìm
[n] cho biết đươc, [n] ai làm
Chúa thật, đã sinh nên
blời, đất, muôn vật, mà
thờ đấy.
[o] [o] Vì chưng ta phải hỏi
ḉho biết, ai sinh ra mọi
[p] sự, mà thờ đấy, cho
[q] nên [p] ḉấy thì ta mới
đươc lên tlên thiên
đàng, ḉươi ḉể vô cữ.
[r] [q] Ví báng chẳng hỏi cho
biết thật Chúa là ai mà
[ſ] thờ đấy, [r] lại đi thờ
ma khấn qui, [ſ] thì cữ
như người ở tlaõ nước
nầy, mà đi làm tôi nguỵ.
[t] [t] ai thờ đức Chúa blời
[u] cho nên, [u] thi đươc
[x] lên tlên thiên đàng cữ
đức Chúa blời: [x] ai thờ

damo-

Digitized by Google

dæmonẽ colit cum dæmone erit; & vbi eſt dæmon? y proculdubio in inferno eſt dæmon tanquam in propria domo; z & infernus vbi eſt? in centro terræ ſcilicet in carcere quem condidit a cæli Dominus ad puniendum reos. b vulgus vocat, am phu, *ſatis aptè, quia tenebrarum locus eſt, c ne exiſtimet quiſpiam in inferno nundinas eſſe d aut cãpos ad ſeminandũ, vt in hoc ſæculo. e In carceribus huius mundi, in quibus à Regibus plectuntur rei, f quid inuenies niſi catenas, compedes, virgas, & his ſimilia; g qui ibi detinentur, nunquid poſſunt facere quod libuerit? h Quantòminus qui ſunt in carcere inferni detẽti, i ſulphureum enim ibi patiuntur ignem in æternum, k miſeriis ſempiternis addicti, abſque vlla euadendi ſpe. l Ergo debemus applicare animũ ad legẽ, m quia lex eſt via ad veram patriã ducens: n via deſcendẽdi facilis eſt, o ede bibe,*

Ngày thứ nhứt

ma quỉ, thì đến ở cũ
ma quỉ: ſaõ le ma quỉ
y ở đau? y thật là mà quỉ
z ở tlaõ địa ngŏục là nhà
z nó. z địa ngŏục ở đau?
thật ở tlaõ đất nầy, là
a tù rạc a dức Chúa blòi
hŏá ra mà phạt kẻ dữ.
b b thế gian gọi là âm phủ
thì phải, vì chưng là nơi
c tối tam mù mịt. c chớ
ngờ đưới âm phủ có
d buôn bán, d có ruộng
nương cày cấy, như
e thế gian nầy đậu. e tlaõ
tù rạc nước nầy đua
f Chúa bất kể có tội, f tlaõ
ếy có thấy những đòi
tói, cồm, tlang, roi đánh,
g g nao có ai đào cầm
tlaõ ếy muốn làm ſao
thì đươc làm đậy ru?
h h huống lọ là kẻ ở tlaõ
i địa ngŏục, i đậy thì
chịu những lửa ſinh lửa
diem, đời đời kiếp kiếp,
k k mà kŏn nạn vô cũ,
khói chẳng đươc nửa.
l l vì đậy thì ta phải hặọc
m đạo, m vì đạo là đàng
n về quê thật. n đàng
o xuống thì dễ, o ăn, ŭống,
chơi boi, làm những

lude,

lude, totum corpori te impende. [p] *via ascendendi difficilis,* [q] *oportet enim bonitatem & veritatem amplecti,* [r] *animæque præcipuam curam impendere:* [s] *Quare lex vera necessariò rationi debet esse conformis:* [t] *si rationem ducem in nostris operibus sequuti fuerimus meritum consequemur:* [u] *si verò à ratione deflexerimus in peccatum incidimus.* [x] *scriptum est apud Annamitas prouerbium:* [y] *firmis funibus ligantur bubalorum cornua,* [z] *at firmis rationibus hominum corda trahuntur.* [a] *quod si apud Annamitas datur lex rationi congrua,* [b] *non est opus vt illam alibi è terris scilicet remotissimis maximo labore quærant:* [c] *duæ autem cõmuniter apud Annamitas cultus seu legis partes reperiuntur,* [d] *prima est quæ cœlum vt rerum principiũ colit:* [e] *secunda idolo primas confert,* [f] *agamus nunc de cœlo, postea suo loco de idolo agemus.* [g] *Est cõmune apud Sinenses proloquiũ:*

[p] việc xác. [p] đàng lèn thì
[q] khó, [q] phải ở hiền lành
[r] ngay thật [r] lo việc linh
[s] hồn trước hết. [s] vì đây
đạo thật là đạo lí, là đạo
[t] phải mlẽ. [u] phải mlẽ ta
[u] làm thì có phúc, [u] chẳng
phải mlẽ ta làm thì có
[x] phạm tội. [x] có chữ tlaõ
sạch An nam ràng (kien
thàng khá kể ngo-u giác
lí ngư nang phúc nhin
[y] tâm) [y] dây bền khá buọc
[z] được sừng tlâu, [z] mlẽ
thật khá phục được
[a] laõ ngươ-i ta. [a] bíbàng
nước An nam có đạo
[b] nào phải mlẽ, [b] đi tìm
về bó-i nước khác xa
[c] làm chi mà khó laõ. [c]
tlaõ nước An nam
thường lệ thì có hai
[d] phàn đạo: [d] một là lẽy
blò-i làm cội rễ mọi sự
[e] mà thờ đấy: [e] hai là lẽy
[f] bụt làm thước. [f] bay
giờ ta xét sự blò-i, khi
khác thì ta sẽ xét sự
bụt.
[g] [g] Tlaõ đại minh có mlò-i
rang (thien phú đia tái)

[h] *cælũ operit, terra ſuſtinet:* [i] *ergo cælum eſt domus, terra verò ipſius domus pauimentum:* [k] *omnis autem domus neceſſariò debet habere factorem, aut dominum* [l] *ergo & cœli neceſſariò datur Dominus & conditor.* [m] *eſt etiam aliud Sinenſium dictum:* [n] *olim factum eſt cœlum & creata eſt terra.* [o] *& ſunt qui adorant cœlum, vouent cœlo,* [p] *iudiciumq; cœlo tribuunt, vitam quoq; & mortem eſſe in poteſtate cœli?* [q] *cur igitur in libris Confuſij, ſupremi Sinenſium doctoris habetur* [r] *mulierem, quam ŏa dicunt, lapidem capiti ſuo impoſuiſſe, ac cœlum reſarciſſe:* [ſ] *ergo multò magis neceſſe eſt vt detur cœli conditor.* [t] *certè palatium quodlibet aut domus debet habere architectum qui illam perficiat.* [u] *quilibet homo, qui naſcitur de noue patrem & matrẽ neceſſariò habet,* [x] *quantò magis cœlum & terra primum debent habere conditorem & dominum.* [y] *Quod*

Ngày thứ nhĩt

[h] blòi chê đất chổ: [i] ậy thì blòi là nhà, đất là nền: [k] hễ là nhà nào thì có kẻ làm nên mà mới nên, cũ có chúa nhà mà chớ; [l] vì ậy thì có blới, cũ cò thật Chúa blòi, làm nên blòi mà chớ. [m] lại có đại minh ràng (tù tạo thien lọp địa) [n] xưa dựng blòi dựng đất. [o] mà, ſao có kẻ thờ blòi, khấn blòi; [p] nói blòi phán xét, mà ràng, ſoũ chết ở blòi. [q] vì ſao tlaŏ ſạch oũ khoũ, nước ngô gọi là thánh, ràng (nữ ŏa phụ thạch bổ thien) [r] đấn bà gọi là ŏa đội đá ậ blòi. [ſ] huống lọ thì thật có ai ſinh nên blòi. [t] đền đài cửa nhà ắt có thợ kheó làm cho nên. [u] người nào mới đẻ ra, thì thật cò cha mẹ ſinh để mà chớ. [x] huống lọ blòi đất thì thật có chúa tlước làm cho nên ſau thì mới nên, mới có. [y] ậi bàng

[y] *ſi*

si non datur supremus mundi huius creator, [z] *quis tandem cœlum & terram totamque hanc mundi visibilis machinam regit ac gubernat,* [a] *vt possimus in illa manere & viuere?* [b] *procul dubio datur cœli & terræ omniumque rerum creator & Dominus.*

[c] *Sunt qui dicunt, nisi cœlum venerati fuerimus,* [d] *cœlum verò nos fulmine suo tetigerit, quomodo euademus?* [e] *At falluntur cœlum enim neminem fulmine percutere potest,* [f] *sed solus Cœli Dominus,* [g] *dici etiam solet, tormentum bellicum demolitur arcem:* [h] *verè tamen tormentum bellicum ex se nihil omninò demoliri potest,* [i] *etiãsi quis cubet ad bellici tormentios per totam vitam, nihil omninò patietur,* [k] *nisi fuerit, qui puluerem tormentarium cum globo ferreo in tormentum bellicum immittat,* [l] *ignemque adhibeat.* [m] *Origo cur homines cœlo reuerentiam atque adorationem adhibuerint hinc videtur cœpisse,* [n] *quod in litera Si-*

chẳng có ai đầu hết mà hõá ra blòi đất nầy, [z] thì ai giữ gìn blòi đất cũ thế giái nầy [a] chó ta ở được mà lấu? [b] vì bậy thạt thì có Chúa làm ra blòi đất muôn vật mà chớ.

[c] Có kẻ thì nói ràng, bí bàng ta chẳng thờ blòi, [d] mà blòi lấy sấm sét đánh ta hàu làm sao cho khỏi? [e] ấy là lo quái, nào blòi có đành được ai đầu? [f] có một đức Chúa blòi đánh được mà chớ. [g] cũ có kẻ nói ràng sứ bán phá thành, [h] sao le sứ tự nhiên chẳng có phá được đi gì: [i] dầu mà ai nằm ở khẩu sứ thì một đòi, cũ chẳng có phải nao: [k] có người tla đạn, tla thuóc bào, [l] mà lấy lửa bắn thì mới chết mà chớ. [m] người ta lạy blòi, kinh blòi bởi đay mà ra quái quá bậi. [n] vì

nensi

Digitized by Google

nensi decepti fuerint, character enim qui cœlum
significat, [o] *resoluitur in*
duas literas, [p] *primum*
scilicet, & magnum. [q] *at*
quidnam tandem est istud
primum magnum [r] *nisi su-*
premus cœli rerumq; om-
nium Creator & Dominus
[f] *& primus & magnus:*
[t] *quem colere ac venera-*
ri debemus omnes, [u] *sicut*
recta ratio dictat, [x] *non*
autem cœlum quod est in-
sensata domus.

[y] *Non desunt alij qui ob-*
jiciant; [z] *cœlum inquiunt,*
cooperit nos, terra verò
sustentat, cur non igitur
adoremus? [a] *Quasi verò*
si quis domum alicuius in-
grediatur in qua omnia
ad edendum parata repe-
rit, [b] *postquam ederit &*
biberit, ac requieuerit, [c]
nunquid domui gratias a-
git, vel potius Domino do-
mus, [d] *quamuis eum non*
videat, qui hæc omnia
illi parauit? [e] *certè si quis*
domui ipsi gratias agat

chưng tlaõ chữ ngô có
[o] chữ thien là blời, [o] giải
[p] thì có hai chữ, [p] một
là chữ nhít, hai là
chữ đại nghĩa là một
[q] cả. [q] saõ le ai là một
[r] cả, [r] ắt là đức Chúa
blời sinh ra blời đất
[f] muôn vật, [f] thật là một
[t] cả: [t] cả và loài người ta
[u] thì phải thờ kính đấy, [u]
[x] ấy là phải mlẽ. [x] blời là
nhà chẳng biết đi gì, thờ
thì chẳng phải mlẽ đâu.
[y] Cũ có kẻ nói ràng
[z] (thien phú địa tái) [z] blời
che ta, đất chở ta: mà
[a] sao ta chẳng lay. [a] vì
bằng có (bào nhà ai, mà
coi tháy đã dẽon mọi
[b] sự ăn tlaõ éy, [b] an ũống
[c] nghĩ ngơi đõan: [c] có giã
nhà, hay là giã chúa
[d] nhà? [d] dù mà chẳng tháy
chúa nhà dẽon mọi vật
[e] éi cho, [e] ví bằng có ai
giã nhà, má chẳng giã
Chúa nhà, thạt là dại mà
[f] chớ. [f] sự blời đất thì
[g] cũ (bệy, [g] nếu có ai lạy

non domus Domino procul dubio insipiens est. [f] *sic igitur*
de cælo & terra dicendum est, [g] *si quis enim adorat*

cælum

Digitized by Google

cœlum, rationis non videtur capax, [h] *neque nouit rationem cœlorum* [i] *sed mitiùs interpretandus videtur hic loquendi modus;* [k] *cùm enim aliqui dicunt: adoramus cœlum,* [l] *compendiosè loqui videntur: ſicuti cum quis dicit domus magna præcipit hoc vel illud:* [n] *magna illa domus nihil aliud ſignificat, niſi præpotentem Dominum illius magnæ domus,* [o] *nempe Regem aut Principem, qui hoc aut illud præcipit.* [p] *Quod ſi quis audiens nomen magnæ domus, inuocet ipſammet domum ſpreto eius Domino atque dicat.* [q] *Ego reuerentiam exhibeo quatuor partibus huius domus, vt magiſtratus gradum adipiſcar,* [r] *poterit ne illum ſic adipiſci?* [f] *Aliud eſt domus, aliud verò illius Dominus.* [t] *Sic aliud eſt cœlum, aliud verò cœli Dominus:* [u] *ſicuti enim domus eſt quid inanime ſine intellectu,* [x] *ſic & cœlum eſt quid materiale & meræ corporeum ratione atque intelligentia carens.* [y] *Ergo nullo modo*

blòi thì chẳng biết mlẽ, [h] cũ chẳng thoũ thiên van: [i] ſaõ le thì phải giảng cách mlòi nói nầy cho phải mlẽ: [k] khi có kẻ nói ràng, lạy blòi, [l] thì nói tắt đêy: [m] như thể khi nói ràng, nhà cả khién ſự nọ ſự kia: [n] nhà cả là chúa nhà cả éy, có [o] phép khién mà chớ: [o] như thể đua Chúa, quan cuyèn, khién ſự nọ ſự kia. [p] nếu có ai nghe tháy tên nhà cả kêu nhà êy, mà chẳng din chúa [q] nhà, nói ràng: [q] tôi lạy bốn phương nhà nầy, cho tôi đươc làm quan, [r] đươc làm đẹy chức [f] éy rứ? [f] Nhà thì khác, [t] chúa nhà thì khác: [t] blòi thì khác, Chúa blòi thì [u] khác. [u] như thể nhà là [x] vật chẳng biết đều gì, [x] blòi cũ đẹy những xác khoũ, chẳng biết đi gì, chẳng thoũ mlẽ gì sốt. [y] [y] Vì đẹy chẳng nên thờ blòi, chẳng khá lạy blòi,

conuenit

conuenit cœlo reuerentiam aut adorationem exhibere, ſed Domino cœli.

[z] *Quare in communi loquendi modo cum vulgus dicit: Adoro cœlum: deeſt illi loquendi modo vna litera quæ Dominum ſignificat, addenda igitur eſt,* [a] *& deinceps dicendum* [a] *Adoro ſupremum cœli Dominum.*

[b] *Quod ſi cœlum adorare non conuenit quantò minus licebit adorare terram,* [c] *quam pedibus calcamus, omnia immunda in illius faciem conijcimus,* [d] *imò & illam aratro proſcindimus, puteoſque & foueas in illa ad libitum aperimus, abſque eo quod vnquam illa conqueratur,* [e] *quia ſcilicet eſt inſenſibile quid, & inanimatum.*

[f] *Ergo terram minimè adorare debemus,* [g] *ſed ſolum verum cœli & terræ conditorem & Dominum.* [h] *Supereſſet dicendum an idola cultum & adorationem mereantur nec ne?* [i] *at cum idola ſint cœlo longè poſteriora,* [k] *nempe Thicca idolo-*

lạy đức Chúa blờ-i, thờ đức Chúa blờ-i thì mới
[z] phải. [z] nhin vì ſự ếy khi
thế gian nói ràng, lạy
blờ-i, thì thiếu một chữ
Chúa, vì bởy thì phải
[a] thêm đơm chữ ếy: [a] mà
từ này về ſau nói làm
bởy. tôi lạy đức Chúa
blờ-i, là Chúa cả tlên
hết mọi ſự.
[b] [b] Ngươ-i ta chẳng nên
lạy blơ-i, huống lọ là lạy
[c] đết thì chẳng khá: [c] vì
chưng đết ở dươ-i chên
ta, mọi ſự dơ dáy ta
[d] bó tlến mặt đết: [d] lại ta
lấy cay sát mở đết mạc
ta, lấy mai đào đết làm
giếng làm lỗ mạc ta, mà
đết chẳng có kêu làm
[e] ſao: [e] vì chưng đết chẳng
[f] ſoũ chẳng biết đều gì. [f]
Vì bởy ta chẳng nên
[g] lạy đết. [g] ta nên lấy một
Chúa blờ-i đết là Chúa
thật hỡá ra blờ-i đết mà
[h] chớ. [h] hãy còn mlờ-i nói,
ta nên lạy bụt chẳng?
[i] [i] ſaố le blờ-i thì tlươ-c,
[k] bụt thì ſau, [k] vì chưng

lorum

lorum Sinensium caput ,
l post tria circiter annorum
millia ab orbe condito : m
priùs agendum de rerum
omnium primo conditore
ac fonte Deo : n *tum de ipsa*
totius mundi creatione , o
ac temporum successu ad
tempora vsque Thicca : p
postea videndum an illum
debeamus colere necne q *si*
enim fuerit rationi consо-
num faciendum erit , sin
minus , minimè . r *hic so-*
lum notandum tres gradus
superiorum seu Patrum
venerationem à nobis &
reuerentiam exigere iuxtà
suum gradum : s *infimum*
gradum obtinent Pater &
Mater carnis nostræ : t *me-*
dium vero Rex guberna-
cula regni temens : u *supre-*
mum denique Dominus cæ-
li & terræ vt rerum om-
niũ supremus ac verus Do-
minus . x *ab his tribus gra-*
dibus suo modo vita nostra
dependet . y *à patre nam-*
que & matre caro nostra
originem trahit per genera-
tionem , à qua solum corpus
nostrum habet esse , z *non*

Thíc ca làm cội rễ bụt
l Ngô , l mà sinh ra đã có
bởi trước ba nghìn
m năm do . m vì bởi ta
giảng trước sự đức
Chúa bởi , là cội rễ đầu
n mọi sự : n sau thì ta giảng
o sự bởi đết muôn vật
p bởi đâu mà có , o cứ sự
người ta ở thế này cho
q đến Thíc ca sinh ta , p
đoạn thì phải xét , nên
r thờ Thíc ca chăng ? q có
phải mlẽ thì phải làm ,
s chẳng phải thì chớ . r bay
giờ ta phải hay có ba
t đứng bề trên , gọi là ba
u cha , ta phải thờ , ở
x đứng nào , cho nên
y đứng ấy . s đứng dưới
z là cha mẹ sinh thân xác
cho ta : t đứng giữa là
vua Chúa trị nước : u
đứng trên là đức Chúa
bởi đết , làm Chúa thật
trên hết mọi sự : x có ba
đứng nầy ta mới được
sống , được ở . y vì chưng
ta có cha mẹ thì mới
được thân xác thịt nầy
sinh ra mà chớ . z sáo le
linh hồn ta chẳng phải
bởi cha mẹ mà ra đâu .

autem anima nostra . [a] *matri debemus quod per nouem aut decem menses nos in vtero gestauerit*, [b] *& summo labore pepererit, tribus verò annis lacte nutriuerit, aliaque edulia in os infuderit*, [c] *interdum etiam è proprio ore cibum abstraxerit mater vt filio daret*, [d] *amarum quandoque sumens edulium, vt suaue relinqueret filio*, [e] *fortè etiam aliquando in loco cubans humido vt siccum relinquat infanti* : [f] *Pater verò postquam genuit filium, cogitat qua ratione illum educet*, [g] *atque ideò interdum diù noctuque vigilat*, [h] *hoc aut illud officium exercet, hùc illùcque discurrit*, [i] *scilicet vt necessaria filijs alimenta conquirat*. [k] *certe venerationem parentibus debent filij vt rationi valde consonam* [l] *Quod si quis reuerentiam parentibus vel obedientiã denegauerit* [m] *procul dubio magni criminis reus erit*. [n] *Rex etiam totius regni, subditorũque vocatur Pater*, [o] *sine quo regnum pacificè*

Ngày thứ nhứt

[a] [a] ta chịu ơn mẹ vì có chịu thai, mà ta ở tlaõ lãõ mẹ chín tháng mười [b] ngày, [b] chịu khôn khó mà để ta, đõạn ba nam [c] bú mớm: [c] có khi thì mẹ cất của miệng mình [d] mà cho con ăn: [d] cũ có khi mẹ ăn miếng đáng, mà miếng ngõn để dành [e] cho con ăn: [e] lại có khi mẹ nàm chõn ướt, mà chõn ráo để cho con [f] nàm. [f] Cha để con đõạn thì lo việc nuoi nếng, [g] [g] vì bởy có khi thì cha [h] thức sớm chẳng ngũ, [h] mà làm nghề nọ nghề kia, chạy xuôi chạy [i] ngược, [i] kiếm của mà [k] nuoi con. [k] thật con thaõ kính cha mẹ thì thậm [l] phải, [l] ví bằng có ai chẳng thaõ kinh, chẳng khứng thưng phép cha [m] mẹ, [m] thạt thí có tội trạõ.

[n] [n] Bua Chúa cũ gọi là cha cả và nước, cú cãc dên: [o] [o] chẳng có bua Chúa, thì nước ở an lành

cificè

Digitized by Google

cificè permanere non poteſt; [p] *ideò enim Rex regnum obtinet, vt ſubditos faciat tranquilla pace frui,* [q] *quod facit, tum cuſtodiẽdo regnum,* [r] *ne inimici ab extra irrumpentes pacem perturbent vaſtando regnum:* [ſ] *tum etiam curando intra regnum* [t] *vt ſubditi præcipui pacem inter ſe cuſtodiant,* [u] *inferiores verò amicitiam inuicem & communicationem ſectentur.* [x] *Si non eſſet qui regnum moderaretur vel vno die,* [y] *multa procul dubio orirentur incommoda, quæ ſtatim ſubditorum pacem perturbarent:* [z] *maiores in regno Regem iuuant in adminiſtratione regni:* [a] *inferiores ſubditi tributa ſoluunt ad eumdem finem.* [b] *Quare omnes in regno Regem venerari tenentur:* [c] *quod ſi quis intra regnum rebelli alicui adhæreret procul dubio magna pœna dignus eſſet.* [d] *Supereſt ſupremus rerum omnium Pater ac Dominus,* [e] *cœli videlicet ac terræ, totiuſque uni-*

[p] chẳng đươc: [p] vì chưng
Đua Chúa trị nước cho
dên ò đươc an lành.
[q] [q] vì bệy Đua Chúa thì
[r] giữ nước, [r] và cho kẻo
giặc bê ngõài phá nước
[ſ] làm khốn dên [ſ] ſau thì
[t] ſửa tlaõ núoc, [t] làm
cho đại thần hõà thõận
[u] cữ nhau [u] và tiểu dên
yeu đang thoũ việc cữ
[x] nhau nữa. [x] Ví bàng
chẳng có Đua Chúa ſửa
[y] nước một ngày, [y] thạt
là có ra những ſự laó
daó, hỗn hào tlaõ dên
[z] mà chó. [z] đại thần tlaõ
nước côên tử thì giúp
Đua Chúa trị nhạm ſửa
[a] nước. [a] tiểu nhin thì ra
tiên năm tiên qúi giúp
[b] việc Đua Chúa nữa. [b]
Vì bệy hễ là kẻ ở tlaõ
nước thì phải kính dái
[c] Đua Chúa. [c] ví bàng có
ai tlaõ nước mà theo
ngụy thì chịu phạt đã
[d] đáng. [d] hãy còn cha cả
là Chúa cả tlên hết mọi
[e] ſự: [e] đã hõá nên và giữ
gìn blòi đết muân vật

uerſi

uersi creator: [f] *quis vnquam rationis compos dubitauerit ſupremum illi à nobis deberi cultum?* [g] *Cùm enim ab initio nondum eſſet cœlum & terra aut quidquam aliud creatum,* [h] *ipſeque ſibi ſolus ſufficeret* [i] *celum tamen & terram ex nihilo creauerit,* [k] *& vniuerſa quæ cœli ambitu continentur, produxerit;* [l] *in cælo ſolem, lunam, & ſtellas fecit vt lumen videre poſſimus,* [m] *nam ſine luce qua ratione viuere poteramus?* [n] *In inferioribus verò produxit animantia, flores fructus arbores atque herbas ad paſcendum nos:* [o] *produxit etiam ligna, aquam ignem, aërem, vniuerſaque elementa in vſum ſcilicet noſtrum:* [p] *quod ſi verbi cauſa deeſſet nobis pluuia vel ſol qua ratione viuere poſſemus?* [q] *Cœlum igitur & terra atque omnia quæ ſunt in mundo, ab vno Deo Optimo Maximo habent originem.* [r] *pro omnibus igitur ſupremo Patri ac bonorum omnium largi-*

Ngày thứ nhít

[f] cũ hết mọi sự. [f] nào có ai hồ nghi mà chẳng chịu thờ phượng đấy tlên hết mọi sự, mà chẳng [g] dại ru? [g] khốố xưa khi chưa có blời, chưa có [h] đất, chưa có đi gì. [h] mà đã có một đức Chúa blời thinh nhàn dụi bế bệy chẳng có thiếu gì [i] sột. [i] mới sinh ra blời sinh [k] ra đất, [k] lại hốá ra mọi [l] sự ở tlaõ blời nầy nữa. [l] tlên blời thì hốá ra mặt blời mặt blang, cũ ngoi [m] sao cho ta đượ̣c sáng. [m] ví bàng chẳng có sáng, ta ở làm sao đượ̣c? [n] duới hạ giái nầy thì sinh ra muâng chim cầm thú, hốa quả, cây cối, rau cỏ cho [o] ta đượ̣c ăn. [o] cũ có làm nên gỗ, nước, lưả gió cũ các kì sự cho ta dữ [p] [p] ví bàng thiên hạ chẳng có mưa chẳng có náng ta [q] soũ làm chi đượ̣c? [q] thạt blời đất cũ mọi sự ở tlaõ thé giái nầy bởi một đức Chùa blời roũ rãi vô cũ [r] mà có. [r] vì bệy ta cám ơn đức Chúa blời là cha cả chúng tôi, và thờ

tori

Digitized by Google

tori Deo gratias agere ac supremũ debemus exhibere cultum. [f] *quamuis aliqui literarum ac librorum non ita periti dicant,* [t] *nihil in libris Sinensium inueniri nisi cultum cæli, omninò falluntur:* [u] *nam expresse in multis locis tum confusij usm aliorum præcipitur cultu Regis superni,* [x] *qui procul dubio potest intelligi rerum omnium sopremus Rex ac Dominus supremus ues Reges ac Dominos:* [y] *& quamvis in Sinensium libris nihil de supremo cæli conditore haberetur, nihil interesset:* [z] *signatum enim est in cordibus nostris lumen hoc, vt intelligere debeamus* [a] *dari verè hunc supremum Patrem rerum omnium conditorem, vt illa possint esse.* [b] *Atque ideò in principio anni Tunchinẽsis Rex egreditur maxima pompa,* [c] *comitantibus totius regni proceribus, & multa militum frequentia, vt Regi superno litet in campo vastissimo:* [d] *postquam verò Rex Tunchi-*

phương đẩy tlên hết, mọi sự thì thậm phải.
[f] Dù mà có kẻ chẳng hay chữ đại minh mấy, mà nóy ràng, [t] tlaõ sãch đại minh hay một khien thờ blời, thì chẳng thoũ kinh sãch [u] vì chưng tlaõ kinh sách oũ khóũ, và tlaõ sách khác khien thờ thượng đế, [x] ãt thạt thượng đế là một đức Chúa blời, làm chủa Chúa cả tlên hết mọi sự, cũ tlên hết mọi chủa Chúa. [y] lại ví bằng tlaõ sãch ngo chẳng có nói đến sự đúc Chúa blời là cha cả sinh ra mọi sự, cũ chẳng có phải nao.
[z] vì chưng đã có mlẽ sáng tlaõ lãõ chúng tôi [a] thì phải suy mlẽ này, [a] thạt có cha cả là Chúa cả hõá ra mọi sự, thì [b] mới nên mọi sự. [b] Nhin vì sự éy thì đấu nam chủa Chúa An nam làm [c] phép cả, [c] có đại thần cả và nước và cõến cõãc đêù cũ thien hạ đi cũ, ra giao ma tế thượng đế [d] đến khi chủa Chúa đã

nensis

nensis supremum cæli Dominum seu Regem supernum adorauit, [e] *tum primores & optimates regni,* [f] *totusque populus ipsi Regi publicè reuerentiam exhibent;* [g] *tum postea vnusquisque domum reuersus Patrem & Matrem maioresque veneratur;* [h] *in quo apparet qua ratione natura scilicet ipsa duce tres diuersorum Patrum gradus Tunchinenses venerentur quamuis non ita clarè norint,* [i] *supremum scilicet Patrem verè supernum Regem* [k] *cui Rex ipse in presentia totius populi ac procerum Sacrificium offert,* [l] *loca scilicet omnium subditorum, qui comitantes Regem suum in illo Sacrificio,* [m] *simul etiã cum illo supremum Regem rerum omnium & conditorem, quem ignorant, taciti venerãtur, qui est supremus omnium pater,* [n] *quo peracto Sacrificio duces omnes & optimates cum vniuerso populo suum regẽ venerãtur per solitã totius corporis prostrationem,* [o] *illum procul dubio*

[e] té thương đế đồng, thì đại thần cũ kế cả [f] tlaõ nước, cũ cả! và thien hạ thì mới lạy đua Chúa tlước mạt đền. [g] thoi đồng ai nấi thì về nhà mà lạy cha mẹ cũ kế bề tlên mình oũ bà [h] oũ vái. tlaõ việc nầy ta xét đươc người An nam lễy mlẽ mình mà thờ ba đứng cha, dù mà chưa biết tỏ tường. [i] thứ nhứt là thương phụ, thạt là thương đế. [k] mà đua Chúa An nam tế thương đế tlước mạt thien hạ cũ đại thần. [l] thay vì các đền ở chấu đua Chúa khi làm việc [m] mà các đền ở đây, dù mà chẳng biết, mà đứng lạng, cũ thờ thương đế, là cha cả tlên hết mọi sự, heo đua [n] Chúa đấy. làm việc té thương đế đồng thì kể cả tlaõ nước đài thần cũ các đền thì kính đua Chúa mà lạy xuống như [o] thói An nam. éy là thạt

vt

vt ſecundum totius regni patrem colunt. P *Denique cum vnuſquiſque domum reuerſus Patrem & Matrem maioreſque veneratur,* q *tertium gradum atque infimum paternitatis naturæ ipſa rationeque duce profitetur.*

r *Iuxtà tres hos Patrum natura duce cognitorii gradus ſunt etiam tria præmiorum ac ſupliciorum genera:* f *ſi enim quis genuerit probum præceptiſque Patris obedientem filium: præmio illum Pater afficit, bona ſua illi largiendo:* u *ſi verò filium genuerit duræ ceruicis patriſque dictis minimè obſequentem,* x *illum punit & flagellat,* y *tandemque incorrigibilem domo pellit, bonisque paternis priuat;* z *ſed ſecuti non poteſt obſequenti filio dignitates publicas magiſtratumue conferre pater aut mater:* a *ſic neque inobedientem poteſt plectere capite,* b *quod ſi faceret criminis eſſet reus.* c *At verò Rex ſubditos ſuos obſequentes non ſolùm*

kính lạy trũ phụ cả và
P nước, là đua Chúa. P sau
hết khi ai nẽy về nhà mà
lạy cha mẹ oũ bà oũ vải;
q bởi vì có mlẽ ở tlaõ làõ
mình dẽại kính phụ thứ
ba, là chức dươi đệy.
r Như có ba đứng cha, tù
nhiẽn hay biết cũ có ba
f đứng thưởng phạt, f vì
chưng cha nào sinh đẽ
con lành có đưng mlời
t cha, t thì cha thưởng cho
u của cải mình: u vì bàng
cha sinh đẽ con kứng cỡ
x chẳng nghe mlời cha, x thì
cha phạt, lẽy roi mà đánh
y y vì bàng con chẳng chừa
lâu thì cha cũ xua đi, má
z chẳng cho của mẽnh. z
saõ le dù mà cha mẹ naò
có con hiền lành đưng
phép, cho con mình làm
quan thì chẳng đươc.
a a mà cha mẹ nào có con
dũ mà chẳng nghe mlời
thì cũ đánh chết chẳng
b đươc: b có đánh chết
c thì có vạ. c saõ le đua
Chúa có đẽn đưng phép
chẳng những là thưởng

præmijs

præmijs poteſt afficere pecunias illis largiendo, atq; alia bona, quæ poſſunt conferre parentes, [d] *vt domos aut agros, & multo plura:* [e] *ſed etiam poteſt conferre dignitates & magiſtratus iuxta cuiuſque meritum:* [f] *ſic etiam rebelles legibuſque regni aduerſos* [g] *punire poteſt* [h] *non ſolum priuatione bonorum ſed etiam pœna capitis.*

[i] *Supremus verò Pater, ac rerum omnium factor & Dominus eſt ſupremus iudex,* [k] *nam legi Dei obſequentes non ſolum poteſt temporalibus præmijs præſentis vitæ afficere,* [l] *ſed etiam æternis in futuro ſæculo:* [m] *ſic è contra qui cultum Deo debitum negant,* [n] *illum diabolo exhibentes aut alijs creaturis,* [o] *poteſt Deus plectere in hac vita, tum bonorum amiſſione temporalium,* [p] *aut etiam iactura ſanitatis, & ipſa etiam corporali vita priuare:* [q] *ſed præterea ſupplicijs æternis in infernum detrudere puniendos.*

Ngày thứ nhứt

mà cho tiền bạc của cải
[d] như cha mẹ, [d] và kửa nhà
ruộng nương hơn cha
[e] mẹ nữa. [e] mà lại cho làm
quan cuyền bàng cõu
[f] dên thì cũ được. [f] ví bàng
ai làm nguỵ chàng đựng
[g] lè lỏẹt tlaõ nước [g] đua
[h] Chúa thì phạt được [h]
chẳng lọ là cất của, mà
lại chém giét.
[i] [i] ặt thạt thượng phụ
là cha cả, chúa cả tlên
hết mọi sự, có thưởng
[k] có phạt trạõ. [k] vì chưng
ai giữ đạo Chúa cả, thì
Chúa thưởng được no
[l] mọi sự đời nầy, [l] mà
lại đời sau thưởng hàng
[m] đui đẻ đệy. [m] ví bàng
có ai chẳng khứng thờ
[n] Chúa Cha, [n] mà lại thờ
[o] ma quỉ cũ các vật: [o] đức
Chúa blời thì phạt được
[p] và cất hết của thế nầy,
[p] cũ làm đau náng cho
[q] đến chết thì cũ được: [q]
mà lại phạt được vô cũ
bó xuống tlaõ đia ngouc
chịu khổn nạn đời đời.

[r] *Quod*

Digitized by Google

[c] *Quod si prius ignoraſtis verũ cœli & terræ factorẽ & Dominum, nec illum hactenus vt decet coluiſtis,* [f] *ecce iam vobis noua lux exoritur, cùm lex Domini publicatur:* [t] *qui vobis illam annuntiant ſunt veluti præcones à Deo ipſo miſſi* [u] *vt pœnas æternas euadatis,* [x] *præmiaque ſempiterna conſequamini.* [y] *Neque verò dicatis hanc eſſe Luſitanorum legem;* [z] *lex enim Sancta Dei eſt lux, ipſo ſole maior & antiquior:* [a] *ſicuti verò ſol regnum aliquod illuminans facit in illo regno diem,* [b] *quamuis alia regna quibus nondum ſol ortus eſt adhuc noctis caligine premantur,* [c] *tamen ſol non propterea dicitur eſſe illius regni cui prius ortus eſt,* [d] *quia ſol eſt vniuerſalis totius mundi,* [e] *& regno etiam quem illuminat longè anterior:* [f] *ſic etiam ſancta lex Dei,* [g] *quamuis aliquibus regnis*

[c] [f] Ai nẽy xưa nay mà chưa biết thạt Chúa blời đẽt, cũ chưa có thờ cho nên; [f] nay có mới sáng ra, khi có rao lệnh [t] đức Chúa blời: [t] ai giảng đạo cho thì như sai vien rao lệnh đức Chúa blời [u] sai cho, [u] mà làm cho đươc khỏi phạt khốn nạn [x] vò cũ, [x] lại cho đươc chịu thưởng đui đẽ vô cũ [y] đẽy. [y] chớ có nói, đạo [z] nẽy là đạo pha lang: [z] vì chưng đạo thành đức Chúa blời là sáng, và [a] tlước, vá mlớn hơn mặt blời: [a] nói thí dụ, mạt blời soi đẽn nước [b] nào, thì làm ngày sáng nước ey; [b] dù mà nước khác chưa thấy mặt blời maọc lên, hãy còn chịu [c] tối đêm, [c] sáo le chẳng có ai gọi mặt blời là mặt blời nước ey, dù mà đã [d] chịu sáng mặt blời soi [e] nó tlước. [d] Vì chưng mặt blời là chung cả và thẽ [f] giải, [e] mà đã có tlước hơn nước ey soi cho: [f] đạo thánh đức Chúa

blời thì cũ đẽy: [g] dù mà có nước nào đã chịu [g]

priùs innotuerit, [h] *non tamen debet dici lex illorum regnorum,* [i] *sed lex ſancta Dei ſupremi Domini rerum omnium,* [k] *quæ longè nobilior & prior eſt omnibus mundi regnis.* [l] *Cùm autem iam huic regno Tunchinenſi hæc Diuina lux exoria ſit,* [m] *ne claudatis animarum veſtrarum & cordium ſpirituales oculos,* [n] *ſed rationi conſonam legem toto corde amplectimini,* [o] *& ſuperioris vitæ cæcitatem deteſtantes & errorum tenebras quibus immerſi hactenus fuiſtis.* [p] *à ſupremo rerũ Conditore ac Domino, lucem hanc vobis nouam, quamuis in ſe antiquiſſimam, cum gratiarum actione recipite,* [q] *& vt Dominus Deus vos vlterius illuminet, illum ſupplices veneremini, & rogate.*

Ngày thứ nhứt

[h] đạo tlước, [h] cũ chẳng nên gọi là đạo nước no [i] nước kia [i] thạt tên là đạo thánh đức Chúa blời, là chúa tlên hết [k] mọi sự, [k] thạt là đạo thánh, và tlước, và trạo hơn no mọi nước thien [l] hạ. [l] ẽy là đạc thánh đức Chúa blời đã sang soi đến nước An nam [m] nầy, [m] chớ có ai đáõ con mật thieng lieng ở tlaõ linh hồn, và tlaõ làõ [n] ta: [n] mà lại chiu lẽy đạo chính phải mlẽ, hết làõ [o] hết sức: [o] lại ghét mà bỏ đi những tối tăm mù [p] mịt tội lỗi đã pham xua [q] nay, [p] mà cám ơn đức Chúa cả cho bẽy giờ đạo sáng, dù mà đã có tlước khi chưa có blời, và chiu [q] lẽy hết làõ [q] mà lại cho đươc sáng làõ nữa, thì phải lại đức Chúa blời, mà cầu đẽy cho nên.

Digitized by Google

[a] DEo laus, heri iam explicuimus non esse adorandum cælum, quia cælum est domus insensibilis, [b] non esse adorandam terram quia est scabellum inanimatum: [c] rationi verò consonum esse, vt adoremus cæli & terræ Creatorem & Dominum, [d] venerari etiam debemus patrem & matrem à quibus scilicet geniti sumus; [e] Regi etiam ac magistratibus regnum gubernantibus honorem & reuerentiã procul dubio debent subditi: [f] at Patrem & matrem, atque etiam Regem quia corporeis oculis cernimus, benè nouimus. [g] At verum cæli & terræ cõditorem quamuis corporeis oculis cernere non possumus, [h] nosse tamen debemus, vt illi debitum exhibeamus cultum: [i] explicandum itaque nunc est quisnam sit verus hic cæli & terræ Dominus, [k] in quo etiam loco maneat, [l] atque vnde habeat originem: [m] incipiendo igitur ab hoc vltimo,

[a] Lạy ơn đức Chúa blời, hôm qua đã giảng, chẳng nên lạy blời, vì blời là nhà khôn chẳng biết đi gì. [b] chẳng khả lạy đất, vì đất là nên, chẳng có hồn n.o. [c] sao le thờ phuọng đức Chúa blời đất là Chúa cả sinh ra blời đất, thì [d] tham phải. [d] thảo kính cha mẹ thi cũ phải, vì [e] đã sinh đẻ ta. [e] kính đua Chúa quan cuyền trị [f] nước thì phải: [f] mà cha mẹ cũ đua Chúa con mắt xem thấy thì đã biết [g] Sao thạt Chúa làm nên blời đất, dù con mắt thit xem chẳng [h] đượ c, [h] sao le cũ phải biết, mà thờ cho nên. [i] [i] bây giờ phải giảng thạt [k] đức Chúa blời là ai, [k] đức Chúa blời ở đâu, [l] [l] bời đâu mà có đức [m] Chúa blời. [m] sự sau nầy cho ta giảng thước, ta

dicimus [n] *verum cæli Dominum à nullo alio factũ eſſe,* [o] *quia ipſe eſt rerum omnium creatarum prima cauſa efficiens:* [p] *quod ſi aliam cauſam efficientem haberet, iam non eſſet prima radix omnium rerum:* [q] *exemplum ſit eximia quædam arbor & procera* [r] *ramos, expanſos ac virides habens fructibus ſuauibus onuſtos,* [ſ] *ſi enim quæramus vnde illi rami viridantes ortum habeant? reſpondebimus à radice procedere* [t] *ſic etiam dicemus de fructibus & foliis virentibus.* [u] *quod ſi quis quærat an radix aliam etiam radicem habeat vnde oriatur?* [x] *reſpondebimus radicem eſſe à qua omnia in arbore ortum habeant* [y] *radicem verò non habere aliam radicem à qua oriatur ipſa radix,* [z] *alioquin verè non eſſet prima illius pulchræ arboris radix.* [a] *ſic etiam cùm verus cæli Dominus ſit prima creatarum rerum omnium radix & cauſa* [b] *à qua ſcilicet cælum & terra, & res omnes*

[n] nói ràng: [n] thạt Chúa blời đết chẳng phải bởi ai làm mà có, [o] vì chưng đức Chúa blời là cội rễ đầu, làm mọi sự. [p] ví bằng có ai làm đức Chúa blời thạt đức Chúa blời Chẳng phải cọi rễ đầu làm mọi sự. [q] nói thí dụ, [r] có cây naò tốt mlơn, [r] mà có nghành roũ xanh, blái ngon ngót đã đầy. [ſ] [ſ] ví bàng ta hỏi ngành xanh nầy bởi đâu? ta thưa ràng bởi cội rễ mà có, [t] sự blái cũ lá lại thưa [u] như bệy. [u] vì bàng lại hỏi có cội rễ khác mà ra [x] chang? [x] ta thưa ràng, các kì sự ở nơi cây, thì [y] bởi cội rễ mà ra: [y] saõ le cội rễ chẳng có cội [z] rễ khác mà ra, [z] ví bàng cội rễ nầy có cội rễ khác thì cộy rễ nầy chẳng phải cội rễ đầu cây tốt éy [a] đầu. [a] sự đức Chúa blời cũ bệy, thạt đức Chúa blời là cội rễ đầu [b] làm hết mọi sự, [b] vì chưng blời đết, cũ mọi

creatæ

Digitized by Google

creatæ tanquam à prima radice & causa ortum habent, [c] *non possumus quærere aliam causam aut radicem, à qua verus cæli Dominus ortum habuerit* [d] *nam alioquin ipse non esset prima causa.* [e] *Quod si aliam causam priorem quæras,* [f] *rursum de illa priore causa quærendum erit, an etiam vlteriorem causam habeat,* [g] *& sic in infinitum, quod omninò rationi repugnat :* [h] *debemus igitur sistere in prima illa rerum omnium creatarum radice & causa,* [i] *quæ est verus cæli & terræ Creator & Dominus.*

[k] *Sunt qui quærant vtrũ cæli Dominus de quo agimus sit homo quidam quẽ,* Muc moi, *vocant,* [l] *at dùm verus cæli terræque opifex ac Dominus ex se non sit homo,* [m] *&* muc moi *ille, vt constat etiam ex libris falsæ sectę, sit ex hominum genere.* [n] *non potest vllo modo esse cæli conditor & Dominus,* [o] *Atque idem dicendum de quodam alio, quem* nguc hoang *vocant,* [p] *qui ex ipsis*

[c] sự bởi đức Chúa blời, làm cội rễ đầu mà ra. chẳng có tìm được cội rễ khác làm ra đức Chúa blời đâu. [d] nếu có thì đức Chúa blời chẳng phải cội rễ đầu mọi sự. [e] ví bằng tìm cội rễ khác thước, [f] lại hỏi, cội rễ khác thước ấy có cội rễ khác thước nữa chang? [g] làm vậy thì hỏi chẳng cùng, mà chẳng phải mlẽ đâu, [h] vì vậy ta phải kiếm mà giữ một cội rễ đầu làm nên mọi sự, [i] thật là thiên địa vạn hõu chi chên Chúa, mà làm nên blời đất mọi sự.

[k] Có kẻ thì hỏi ràng, đức Chúa blời phải mục [l] mũy chang? saõ le đức Chúa blời chẳng phải lõải [m] người ta, [m] thật mục mũi tlaõ sãch đạo vạy, [n] là lõài người ta mục mũi ấy chẳng nên chức [o] đức Chúa blời đâu. [o] sự ngục hõàng nọ, cùng nói [p] như vậy, [p] vì chưng

ipſis falſæ ſectæ libris Lautij cuiuſdam nepos fuit, [q] *eiuſque patris matriſque in illis fit mentio,* [r] *quare non poteſt eſſe verus cæli terræque Dominus;* [f] *ſi enim totam hominum ſpeciem iungas cum Regibus ac principibus vniuerſis,* [t] *ne vnam quidem firmamenti ſtellam digito attingere poſſunt, quantò minus producere,* [u] *quid dico ſtellam nouam facere in cælo?* [x] *ne vnam quidē formicam viuam de nouo producere,* [y] *ergo homo ex ſe non poteſt eſſe verus cæli Dominus & Creator omnium.* [z] *præterquamquod tota hominum ſpecies non minus indiget Creatore quàm ipſum cælum:* [a] *ergo homo non poteſt eſſe prima cauſa rerum,* [b] *ſed neceſſariò, vt ſit, debet ſupponere prius primam cauſā à qua ſuum eſſe habeat,* [c] *vt poſtea ab illa eſſe recipiat.* [d] *Præterea ſi homines illi quos fingunt, cælum & ter-*

Ngày thứ hai

tlaõ sãch đạo vạy nói ràng, ngục hỏàng là con cháu Laõ tử, [q] lại tlaõ sãc éy kẽ cha mẹ ngục hỏàng: [r] vì ḅêy ngục hỏàng chẳng phải thạt chúa blòi đết. [f] vì chưng dầu mà hộp lại cả và lỏài người ta, cữ ḅua Chúa quan cuyèn làm một, [t] lẽy ngón tay đá đến một cái sao tlên blòi chẳng đươc, hỏáng lọ là hỏá ra làm sao cho đươc: [u] nói đến sự hỏá ra ngôi [x] sao làm chi? [x] một cái kiến cho soũ làm cữ [y] chẳng nên: [y] vì ḅẹy lỏài người ta chẳng nên mà làm thạt Chúa blòi đết, [z] đã làm nên mọi sự. [z] lại cả và lỏài người ta cữ phải chịu ơn ai làm nên cho, [a] cữ như blòi ḅêy: [a] vì ḅêy lỏài người ta chẳng phải cội rễ đầu làm mọi [b] sự, [b] vì chưng tlước [c] có cội rễ làm nên lỏài người ta, [c] sau thì lỏài người ta bớ̀i đây chịu [f] mình có ḅêy, [d] lại ví ḅằng những người giả

ḅêy có làm nên blòi đết, thì nên lạy, nên thờ,

ram

ram creaßent, eſſent adorandi & colendi, [c] *at nuſquam in libris Sinarum reperies præcipi vt iſti colantur,* [f] *neque vſquam hactenus in toto hoc regno ipſis erecta ſunt tẽpla.* [g] *ſed ſolùm idolis Thicca & ſimilibus,* [h] *quos tamen ortum habuiſſe longè poſt ipſum cælum & terram, conſtat ex ipſorum libris.* [i] *An verò idolis cultus ſit adhibendus poſtea agendũ, cùm de creatione cæli & terræ priùs egerimus,* [k] *ſi enim fuerit ratiom conſonum agendum erit, ſin minus, minimè.* [l] *Atque idem dicendum de quodam alio homine quem* ,ban co, *vocant ab eo enim fingunt cælũ & terrã habuiſſe originem,* [m] *ſed eodem modo confutantur atque* Muc Mụi, & ngục hoang, *de quibus paulò ante actũ eſt.* [n] *Alij benè intelligentes cælum & terram ab vniuerſa hominum ſpecie originem minimè traxiſſe,* [o] *ſed fingunt quandã ſubſtantiã corporalẽ minimè intelligentẽ, & vita carentẽ quam,* thai cuc, *vocãt,* [p] *à qua duas alias ſubſtantias proceſſiſſe dicunt quas,*

[c] ſaõ le tlaõ sắc đại minh chẳng có khiến thờ giống ấy; [f] cũ cả và nước An nam xưa nay chưa thấy chuà miếu nào thờ nó, [g] có những chùa thờ Thích ca cũ bụt khác: [h] dù mà tlaõ kinh bụt suy sự blời đất thì nên trước, mà bụt thì về sau. [i] có nên thờ bụt hay là chang, ta nói sự tạo thiên lọp địa đã, mới nói sự bụt [k] ví bằng phải mlẽ thì thờ, chẳng phải mlẽ thì chớ. [l] sự bàn cỡ mà khiến sinh ra blời đất thì dối đây, [m] cũ bắt như sự mục mũi, cũ ngục hoàng đã bắt khi nãi. [n] Có kẻ đã biết tỏ tùăng, blời đất chẳng phải bởi [o] lộài người ta mà ra, lại bay đạt tính nào có những xác khoũ, chẳng soũ, chẳng thieng, gọi là [p] thái kục: mà lại khiến có hai tính khác gọi là âm, dương, bởi tính trước

am, duam, *vocant*, [q] *intelligentes sub his nominibus cælum & terram*. [r] *Quomodo autem rationi consonum est, vt quod vita & intelligentia caret, [f] adeò perfectũ opus, quale est cælum cum omnibus suis motibus ordinatissimis perficere possit?* [t] *ac si quis diceret eximium aliquod palatium omnibus suis partibus constans,* [u] *cum suis aulis atque habitationibus,* [x] *ac penè innumeris, picturis perfectissimis variegatum* [y] *ab aliquo vento casu excitato* [z] *fuisse conditum, suisq; numeris omninò completum;* [a] *nunquid non haberetur pro mendacio?* [b] *cùm nimirum tale palatium* [c] *requirat architectum aliquem eximium, qui prius tale palatium in mente concipiat* [d] *ideamque illius apud se prius formet,* [e] *ac postea opus aggrediatur, summoq; studio perficiat.* [f] *Quantò igitur magis cælum & terra opificem requirit intelligentia infinita, prædictum* [g] *qui rerum omnium quæ in cælo*

Ngày thứ hai

[q] ểy mà ra: [q] mà lểy âm dương là blời đất ểy.
[r] làm sao cho phải mlẽ, mà lểy xác khoũ, chẳng [f] sốt, chẳng biết đí gì. [f] lại sinh ra đươc việc nhịt, là blời cử các kì [t] sự vân đi vân lại ở nơi blời làm sao? [t] cử bàng [u] ai bày đặt, có lâu đài [u] nào khéu, [u] mà có phào, có no mọi nơi ở phải [x] lám, [x] cử có những ảnh vẽ tốt lành kẻ chẳng xiết: [y] [y] mà lại khiến có gió [z] naò tình cờ thổi ra, [z] làm đươc cho nên những cuả nhít ểy cho [a] blọn hết; [a] mà chẳng lểy [b] là dói blả ru? [b] vì chưng các lâu khéu làm ểy [c] [c] bởi có thợ nào khéu tlaõ có bày mọi việc ểy [d] [d] mà làm hình tượng khéu tlước tlaõ mình, [e] [e] sau mới làm việc ểy bề ngoài hết sức thì mới [f] nên. [f] huấng lọ là blời đất thì phải chịu phép thờ nào hay biết vô cử, [g] [g] mà tlước tlaõ lào có

[g] cælo

cælo & terra sunt prius apud se ideam habeat perfectissimam, [h] *& potentiam quoque infinitam ad opus tantum perficiendum* [i] *Ergo* thai cúc, *illud inanime* [k] *atque intellectu carens,* [l] *non potest vllo modo esse cæli & terræ conditor.* [m] *Rectè quidem in hoc senserũt Sinæ, quod minimè colendum putauerunt inanime illud, atque intellectu carens* thai cuc, [n] *at prorsus irrationabiliter huiusmodi inanime, cæli & terræ Cõditorem constituerunt.*

[o] *Quis igitur erit supremus ille cæli & terræ, ac rerum omnium supremus conditor atque opifex?* [p] *cùm olim hoc à quodam philosopho quæsisset Rex,* [q] *philosophum ferunt petijsse vnum diem, vt prius cogitaret quid respondendum,* [r] *quo die elapso, duos alios dies ad melius cogitandum petijt,* [s] *& his etiam præteritis iterum accersitus, rursum quatuor dierum spatium exposcebat:* [t] *cui*

hình tượng khéu ra mọi sự ở tlaõ blòi đết: [h] mà lại có phép vô cừ thì mới được làm việc mlốn làm đệy cho nên. [i] Vì đệy thái kục nó là tính khí chẳng sóũ, [k] chẳng biết đều gì sốt, [l] làm nên blòi đết thì chẳng được đâu. [m] dù mà đại minh, khi chẳng có lệy thái cục làm nên thờ, thì lệy mlễ phải, vì thái cúc là khí chẳng sóũ chẳng biết đí gì: [n] saõ le có lệy thái cúc đy chẳng sóũ, chàng biết đí gì, mà nói làm ra blòi đết thì chẳng phải mlễ đâu. [o] Mà bây giờ cội rễ đâu, và thợ khéo làm nên blòi đết cừ muân sự lá ai? [p] truyền đòi xưa ràng, có đua Chúa nước khác hỏi cõên tử nao sự đy: [q] cuên tử thì xin một ngày, lo đã mà thưa: [r] khỏi một ngày, cõên tử đy, lại xin hai ngày nữa mà lo cho nên: [s] qua hai ngày đy, đua Chúa lại đòi, cõên tử thì lại xin bốn ngày: [t] ắt đua

Rex tu verò illudis nobis, inquit, ac tergiuersaris, terminum ea ratione iterum atque iterum prorogando, nec ad interrogata respondendo? [u] *at philosophus: absit, inquit, vt ego Regi audeam illudere,* [x] *sed potius quia respondere ad hoc ita arduum mihi videtur,* [y] *vt quantò magis cogito, tantò amplius mihi cogitandum superesse intelligam* [z] *atque ideò prolixiorem etiam terminum exigo;* [a] *ac si mare immensum intuens, quò longius quis à litore discedit, tantò magis immensitatem maris intuetur,* [b] *hæc philosophus ille* [c] *nondum Christianus at nos Dei auxilio freti, aliquid de ipso dicemus, qui est verus cæli & terræ, atque rerum creatarum opifex, ac supremus Dominus.* [d] *Primò dari Deum supponimus tanquam lumine ipsi naturæ certum* [e] *nam sine ipso creatore ac Domino, qui sit omnium primæ causa & fontalis origo, nihil omninò esse posset in rerum natura.* [g] *supponimus secundò*

Ngày thứ hai

Chúa ràng, mầy giễu ta, mà chẳng khứng thưa ru, sao xin đi xin lại làm bệy, chẳng thưa đều ta hỏi? [u] khi ẽy cỗên tử ràng, nào tôi dễám giễu [x] đua Chúa đâu. [x] saõ le vì tôi lẽy làm khó thưa [y] đẽy làm đẽy, [y] mà càng lo sự ẽy, thì càng thấy hay còn mà lo hơn nữa: [z] [z] vì đẽy tôy càng xin dễu ngày mà lo hơn nữa: [a] như thể khi thấy biển cả, càng khỏi bải thì càng thấy biển raõ rải [b] nữa. [b] cỗên tử ẽy chưa có đạo, mà thưa đẽy. [c] [c] saõ le chúng tôi cậy đức Chúa blời giúp sức cho, mà mới dễam nói sự Chúa cả là đức thọ cả làm nên blời đất, cử mọi sự bẽy. [d] [d] đầu hết thì phải hay, tlaõ lão người ta có mlẽ ràng, thạt có Chúa blời: [e] [e] ví bàng chẳng có ai lám cân nguồn mọi sự, [f] [f] thì cả và thế giải nầy [g] cử chẳng có gì lốt. [g] sau

esse

esse tria rerum omnium creatarum genera, [h] *nam quædam sunt merè materialia & corporalia quæ nihil spirituale admixtum habent,* [i] *& hæc sunt corruptibilia quę sicuti habent principium sic & habitura sunt finem,* [k] *& hæc sunt cælum, terra* [c] *ac elementa omnia, & mixta ex illis,* [l] *vt arbores, plantæ, animalia omnia, siue in terra, siue in aëre siue in aqua,* [m] *cum omnibus alijs rebus insensibilibus & inanimatis,* [n] *& hoc est rerum creatarum genus infimum, quod sicut habuit principium, sic & habiturum est finem:* [o] *alterum genus est naturæ cuiusdam spiritualis creatæ, quæ sicuti nihil de materia, vel corpore habet admixtum,* [p] *sic est ex natura sua sublime atque intelligens, & minimè corruptioni obnoxium;* [q] *sed quamuis habuerit principium in suo esse, nunquam tamen habiturum est finẽ, sed in æuum sine fine durationem habebit,* [r] *tales sunt nouem cælestium spi-*

[h] tữa thì phải hay, tlaõ sự
[i] ðức Chúa blời sinh ra,
[h] thì có ba đứng: [h] vì
chưng có đứng đứ ới
những xác, có ɓóc, mà
[i] chẳng có linh thieng gì
tlaõ mình ɓới, [i] mà
[k] nhưng sự ɓy, và có ngày
đầu, và có ngày hết, [k]
như blời cũ đất, nước,
gió, lửa, và mọi vật,
[l] bởi bốn sự ɓy mà ra,
[l] như thể cây cỏi, muông
chim cũ chúng sinh, hay
là ở tiền đất, hay là tlên
gió rõũ, hay là tlaõ nước,
[m] [m] cũ các kì sự chẳng hay
[n] căóc biết, cũ chẳng sóũ,
[n] ɓy là thế giái là lõài
[o] dưới, có ngày sinh, cũ
[o] có ngày hết, [o] lại có
lõài tlên, là tính thiêng
liêng, chẳng có ɓóc,
[p] chẳng có xác, [p] là tính
cao sáng, chẳng có phải
[q] hư mòn khi nào: [q] dù
mà có khi sinh, sao le
chẳng có khi naò hết:
mà hàng có ɓệy vo cũ.
[r] [r] lõài ɓy là chín đứng
thien thàng, có nhêu

rituum chori, qui sunt penè innumerabiles [f] ciuitatis caelestis ciues, quos creaturis corporalibus præfecit Deus, [t] vt præsto sint voluntati Dei in omnibus exequendæ, [u] intellectu enim præstantissimo sunt præditi, & voluntate libera, [x] vt Deo Domino perfectè subijcientes se, beatitudinē æternā adipisci possent [y] sed de puris his spiritibus absque vlla corporis contagione perfectis [z] iterum erit agendum. [a] Tertium denique rerum genus est, ex corpore & spiritu compositum, [b] ideſt homo, qui quoad corpus est corruptibilis & mortalis, [c] quoad spiritum verò, qui est anima rationalis, est incorruptibilis & immortalis, [d] habens quidem principium, sed non habens finem. [e] hæc sunt tria rerum à Deo creatarum genera, è quibus tanquam gradibus [f] ad ipsarum Creatorem, ac supremum Dominum debemus ascendere, [g] illiusque attributa infinitæ prorsus perfectionis in creaturis tanquam in speculo perscrutari.

[f] chẳng hay bê xiết, [f] những cõên ở trên thiên đàng, đức Chúa blời phú cho, mà trị mọi lõài có [t] xác [t] bẽy thì theo í đức [u] Chúa blời mà chớ, [u] có trí hay biết sáng láng, [x] cũ có chúa í, [x] mà bưng phép đức Chúa blời, cho [y] được (hui bẻ vô cũ. [y] sao le sự thiên thần ẽy chẳng có hình tượng [z] nào, mà trạõ làm bẽy, [z] đến sau thì lại phải giản. [a] [a] Lõài thứ ba là đứng và có xác, và có linh thiêng [b] làm một, [b] ẽy là người ta có xác, thì hay nát hay [c] chết: [c] có linh thiêng là linh hồn, chẳng hay nát, [d] chẳng hay chết [d] thật có đầu linh, mà chẳng có [e] chết. [e] ẽy là bà lõài, đức Chúa blời làm ra, cho ta [f] dữ như bức thang, [f] mà lên cho đến đức Chúa blời sinh ra mọi lõài ẽy, [g] [g] lại suy mlẽ tlaõ lõài ẽy, như tlaõ gương, cho đến biết sự đức Chúa blời những sự vô cũ bẽy.

Digitized by Google

h *Quamuis enim supremus* h
ille cæli Dominus i *in his* i
tribus gradibus minimè in- k
cludatur, k *sed sit omni-*
bus illis infinitè perfectior:
l *ex primo tamen illo, seu* l
infimo gradu in quo res me-
re corporeæ omnes includũ-
tur m *vt cælum, terra, ac* m
cætera omnia corruptibi-
lia, n *optimè colligimus* n
dari illarum Creatorem
omnipotentem o *qui per po-* o
tentiam quam habet infi-
nitam, p *ex nihilo adeò* p
præclaram mundi machi-
nam perfecerit ipse solus,
absque vllius adiutorio. q q
huius potentiæ infinitæ si
Regum omnium huius mũ-
di r *tam præteritorum,* r
quàm præsentium, ac futu-
rorum potentia compare-
tur, impotentia potius di-
ceuda est. s *Quis enim vn-* s
quam Rex huius mundi
quamuis potentissimus t *po-* t
tuit vel domunculam ex
nihilo fabricare? u *quin* u
potius ad quodlibet quam-
uis exiguum ædificium in-
cipiẽdum, priùs debet para-
re illa, quæ sunt necessaria

h Vì chưng dầu mà đức
i Chúa blờ-i cao trạ-i chẳng
k phải về ba lỡài ấy, k mà
khỏi moi sự ba lỡài ấy
l vô cũ: l ſaõ le bói lỡài
thứ nhít là lỡài nhữ-ng
m xác, m như thể blờ-i đất,
n cũ các kì sự hay nát, n
ta suy mlẽ đươ-c, làm
bầy. thạt có ai làm nên
o mọi sự ấy, o mà có phép
tác vô cũ, thì mới lấy
p đươ-c khoẻ, p mà hỡá
ra thế giái nầy mlớn
thế ấy một mềnh, chẳng
q có dử ai giúg cho. q ví
bàng ta lấy một phép
nầy vô cũ, mà ta ví cũ
phép các đua Chúa thế
r gian nầy: r dù mà lấy
hết đua Chúa, từ xưa
cho đến hết thế, mọi
phép ấy, ví cũ phép đức
Chúa blờ-i, thạt là ra
khoẻ, chẳng phải phép
f đâu. f vì chứng nào có
đua Chúa nào, dù mà cả
s mlớn, s mà lấy khoẻ
làm đươ-c nhà gì, dù mà
u nhỏ chít ruỏ u mà lại
cho đươ-c làm nên nhà
gì, đầu hết thì phải sắm
sửa mọi vật, mà làm nhà

ad

at tale ædificium, [x] *quæ niſi præſupponantur, nihil vnquam facere poterit.* [y] *At verò ſupremus cæli terræque Dominus* [z] *ex nulla omninò præexiſtente materia, omnia hæc viſibilia condidit, quia nihil omninò eſſe potuit, quia ab illo tanquam à prima Cauſa totum ſuum eſſe habuerit.* [a] *oportet ergo vt prima hæc cauſa infinitam in ſe perfectionem habeat, atque infinitam eſſentiam,* [b] *cui ſcilicet conueniat potentia infinita* [c] *vtpote quæ ex nihilo omnia condidit* [d] *Atque hæc potentia infinita ex eo etiam patet, quod in creatione totius mundi nullius adiutorio eguerit:* [e] *At alij potentiſſimi quilibet, vt aliquod magnum palatium aggrediantur,* [f] *non ſolum egent præexiſtente materia* [g] *ſed etiam multorum opèrariorum adiutorio* [h] *ſine quibus opus ſuum minimè poſſunt in lucem edere:* [i] *vt peritiſſimus quiuis architectus, qui eximium ali-*

Ngày thứ hai

[x] êy, [x] nếu chẳng có ſám ſửa, thì chẳng có làm [y] đươc đi gì đâu. [y] ſaõ le đức Chúa blòi đêt là phép nhít, mà chẳng có dữ đí gì cho đươc làm [z] nên mọi ſư ta xem, [z] vì chưng tlaõ mọi lõài chẳng có đí gì, mà chẳng bởi đươc Chúa blòi, là côi rễ đạu, ſự nào làm [a] ra thì mới có. [a] ḉệy thì côi rễ đầu mọi ſự, thạt là tính thiêng liêng [b] vô cũ, [b] thì mới có phép tác vô cũ, bàng tính mình [c] ḉệy, [c] mà có phép lêy [d] khoũ làm ra mọi ſự. [d] lại ſùy phép đức Chúa blòi là phép vô cũ, vì chưng chẳng có dữ ai [e] mà làm ra mọi ſự: [e] ſaõ le ai nêy, dè mà có phép cả ở thệ này, có dẽon [f] làm các lâu gì mlớn [f] chẳng nhữg là ſám ſửa [g] vật mà làm, [g] lại có kẻ giúp việc, thì mới làm [h] đươc, [h] ví bàng chẳng có ai giúp cho, làm ra việc êy mlớn chẳng [i] đươc: [i] như thế thợ nào khéo lo tõan làm

quod

quod palatium cogitat extruere, [k] *quamuis præclaram illius ideam apud se solus formet,* [l] *nunquam tamen illud extruere, aut ædificare poterit, nisi adiuuetur à multis operarijs, qui conceptum opus promoueant ad extra.* [m] *At solus Deus, sicuti opus suum perfectissimè apud se concepit;* [n] *sic solus ipse, absq; alterius consortio, totum opus suum, totamque mundi machinam condidit, absque vllo cuiuscunque adiutorio,* [o] *quod infinitam prorsus potentiam arguit.* [p] *Præterea quilibet quantumuis expeditus architectus,* [q] *si præclarum aliquod opus meditatur,* [r] *illud ad perfectionem non nisi longo temporis spatio poteſs perducere.* [f] *At cæli Dominus, supremus huius visibilis mundi machinæ Architectus, vnico efficacissimæ voluntatis suæ actu, per solum imperium omnia ad perfectionem perduxit,* [t] *dixit enim & facta sunt omnia, ipse mandauit & creata sunt,* [u] *quod procul dubio infinitam arguit in ipso potentiam*

ra lâu đài mlớn, [k] dù mà đã có hình tượng khéo lâu đài ấy tlaŏ lảŏ một mình [l] ſaŏ le nếu chẳng có ai giúp việc ấy, mà làm rà bề ngŏài, thì làm chẳng đượ c lậu đài ấy đâu. [m] Saŏ le một đức Chúa blời có tŏàn làm việc gì, và có ảnh tượng rứt khéo tlaŏ lảŏ mình, [n] lại có phép một mình ra mọi sự, mà chẳng có dữ ai giúp cho, khi hŏá ra cả và thế giái nầy. [o] thạt là bởi đức chúa blời có phép vô cữ mà chớ. [p] mà lại có thợ naó khéo, nhứt mạc lảŏ, [q] ví bằng có tŏàn làm việc gì mlớn [r] thì chẳng lâu ngày, làm chẳng đượ c cho đŏạn hết. [f] ſaŏ le đức Chúa blời la đức thợ cả, làm nên thế giái nầy ta xem, nhữ ng có í khiến một lần, mà hŏá nện mọi sự. [t] vì chưng Chúa blời có nói, mà đã nên, có khiến, [u] mà đã có hết, [u] thạt vì

tentiam & efficacitatem.

x *Denique quilibet architectus postquam opus suum ad perfectionem perduxit,* y *nihil amplius in illud influit,* z *sed opus illius permanet, quamuis ipse architectus post absolutum opus deficiat, & moriatur.*

a *At supremus rerum omnium Conditor Deus,* b *ita res creat, vt non minùs ab ipso pendeant in conseruari, quandiu durant in suo esse,* c *quàm penderent in prima sui creatione;* d *Itaque sicuti nisi ad primam illam creationem concurreret Deus nunquam haberent esse,* e *sic nisi continuò influeret ad conseruationem statim ad suum nihilum reuerterentur;* f *non minus, imò maltò magis quam pendeat lumen à sole, non solum in prima luminis productione,* g *sed etiam in perpetua conseruatione & influxu.* h *Neq; solùm ad conseruationem omnium rerum perpetuò influit Deus,* i *sed etiam*

Ngày thứ hai

đức Chúa blời có phép tác vô cùng, mà hỡá nên được làm bậy một chược mà chớ. x sau thì có thợ nao đã làm việc mình đỡạn y chảnh còn có giữ việc ấy đâu, z mà dầu thợ làm việc đỡạn có chết chẳng còn, việc thì còn bậy. a sảo le đức Chúa blời, là đức thợ cả, làm nên mọi sự. b hỡá ra làm bậy, có làm nên đí gì đỡạn, hãy còn bao lâu, đức Chúa blời thì còn giữ bấy lâu, c cứ bàng khi đức Chúa blời làm ra sự ấy đầu hết d ví bậy khi đầu hết, ví bàng đức Chúa blời chảnh có hỡá cho, thì nên đí gì chẳng được: e cứ khi đêu gì hãy còn có, mà đức Chúa blời chẳng giữ cho, thì sự ấy lại về khoư bậy, mà chẳng còn có gì tốt: f như thế có sáng bởi mạt blời mà ra, thạt là mạt blời có làm sáng, và đầu hết khi ra sáng ấy, g và lại giữ lien khi hãy còn có sang ấy. h Mà đức Chúa blời chẳng lọ là giữ lien mọi sự, khi hãy còn; i lại giúp

ad

ad singulas omnium omninò rerum actiones, & operationes, siue immanentes siue transeuntes, ita necessariò concurrit, [k] *vt ne folium quidem ab arbore decidere possit sine diuino concursu:* [l] *nam sicuti potentia Dei infinita omniũ omninò potentiarum creatarum est causa,* [m] *ita cum omnibus omninò potentijs, cùm ad actum reducuntur, sic concurrit, vt nulla omninò, ne minimum quidem actum exercere possit, nisi simul concurrente, & agente suprema illa causa.* [n] *Atque ita supremus hic Dominus rerum omnium Conditor, & Conseruator Deus,* [o] *cum sole illuminante illuminat;* [p] *cum igne calefaciente calefacit,* [q] *cum aëre refrigerante refrigerat;* [r] *cum aqua fœcundante terram fœcundat,* [s] *cum terra producente aliquid simul producit,* [t] *& sic cum alijs rebus omnibus ita continuò operatur,* [u] *vt ne manum quidem, aut pedem, vel ocu-*

fức mỗi một sự khi làm việc gì việc gì, và tlaõ mình, và bề ngõài, [k] mà đức Chúa blời chẳng giúp cho, dù mà một lá cây chẳng có rụng xuống được một mình, khi đức Chúa blời chẳng làm đối, mà rụng xuống. [l] vì chưng như phép vô cùng đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi phép, ở tlaõ các kì sự, đức Chúa blời sinh: [m] cứ khi phép naò làm đi gì đi gì, ví bằng chẳng có phép đức Chúa blời làm đối, thì phép ấy làm chẳng được đi gì sốt. [n] vì bởi Chúa cả nầy có làm nên, vá giữ mọi sự, [o] khi mặt blời làm sáng, thì đức Chúa blời làm cũ: [p] khi lửa làm náõ, thì cũ làm náõ đối: [q] khi gió rốũ làm mát, thì làm mát đối: [r] khi nước làm cho đất hõá ra, thì cũ làm hõá ra đối: [s] khi đất sinh nên của gì, thì cũ sinh nên đối: [t] vì có giúp mọi sự mà làm mọi việc lien đối: [u] ví bằng đức

lum mouere possimus, sine perpetuò illius primæ Causæ concursu; [x] *idque tanta facilitate Deus operatur atque quiete,* [y] *ac si nihil omninò ageret;* [z] *idemque esset si mille alij milliones mundorum essent extra causas:* [a] *tantaque sapientia & perfectione singula operatur,* [b] *ac si vnam tantùm actionem exerceret;* [c] *cùm propè infinitas actiones singulis penè momentis operetur.* [d] *Ex quo etiam elucet infinita eius potentia & sapientia,* [e] *qua tot, tam varijs & continuis actionibus ad non fatigatur extra nec perturbatur,* [f] *sed præstò est omnibus rebus singulis momentis.* [g] *Atque ex hac infinita primæ causæ potentia sapientiaque infinita, colligitur* [h] *necessariò infinita eius Diuinitas & essentia infinita* [i] *quæsit quasi radix (nostro modo intelligendi) attributorum infinitorum*

Chúa blời chẳng có lien giúp cũ: ta đọũ tay, đọũ chẽn, đọũ con mạt chẳng [x] đươc sốt: [x] mà đức Chúa blời lẽy mọi việc [y] ẽy làm dễ, mà chẳng [z] đọũ gì tlaõ mềnh, [y] như bằng chẳng có làm việc [a] gì sốt: [z] ví bằng có nghìn ức thề giải khác làm ra, thì cũ đẽy: [a] mà lại làm khôn, và blọn mỗi một [b] việc ẽy, [b] bằng làm một. [c] việc mà thôi: [c] saõ lẽ đức Chúa blời một chọc thì làm việc nọ, việc kia, chẳng hay bề xiet, [d] đẽy thì ta hay tỏ tuẩng, đức Chúa blời thạt có phép, và hay biết vô cũ, [e] vì có làm đươc nhều việc lien, mà chẳng [f] nhạoc, chẳng lộn, [f] dù đã sản giúp mọi sự, mà làm mọi việc lien, chẳng [g] khi nào đừng. [g] Ta lại suy mlẽ làm đẽy, đức Chúa blời có phép vô cũ, lại có hay biết vô cũ, [h] thì bởi tính đức Chúa blời thạt là tính thiêng liêng vô cũ mà chớ: [i] vì tính đức Chúa blời là [i] cân ngõền (ta nói làm đẽy) mọi sự vô cũ, ở

quæ

quæ sunt in ipso. [k] *quomodo enim essentia finita posset habere potentiam, & sapientium infinitam?*

[l] *Vlterius ex ipsa essentia infinita colligitur quoque duratio infinita seu æternitas,* [m] *principio scilicet atque fine carens:* [n] *infinita enim essentia durationẽ quoque requirit proportionatam hoc est omninò infinitam,* [o] *tum ex parte ante, quia principio caret, tum ex parte post, quia nunquã habitura est finem.* [p] *Quare antequam cælum, aut terra essent, aut alia quælibet creatura,* [q] *iam ab æterno, hoc est infinitis ante sæculis iam erat Deus, prima illa causarũ Causa,* [r] *nullius extra se omninò egens, sed in seipsa beatissima, infinitam se sola continens felicitatem omnem,* [s] *quam habuit antequam hic mundus esset,* [t] *& haberet perfectissimam etiãsi nulla creatura futura fuisset.* [u] *Attamen quia eius bonitas non minus infinita*

[k] tlaõ đức Chúa blời: [k] ví bằng thính đức Chúa blời là tính có cữ, lại có phép, và hay biet vô cữ làm sao đươc?

[l] [l] Mà đức Chúa blời thạt có thính vô cữ, ta lại suy mlẽ, thạt có hàng chẽy, [m] [m] mà chẳng có tlước, [n] cữ chẳng có sau: [n] vì tính vô cữ thạt là phải có hàng sóũ vô cữ, bằng tính [o] vô cữ chẽy: [o] vì chưng tính đức Chúa blời, và bề tlước chẳng có cữ; và bề sau chẳng hết chẳng [p] hay cữ. [p] Vì chẽy khi chưa có blời, chưa có đất, chưa có đi gì sốt, [q] [q] tlước vô cữ đời đời hàng có đức Chúa blời, [r] là cội rễ đầu mọi sự, [r] chẳng dữ đi gì bề ngoài, mà tlaõ mềnh tự chủi chẽ, vì tlaõ mềnh bũi có [s] mọi sự chui vô cữ, [s] khi chưa có thế giái nầy, cữ [t] đã chui chẽ, [t] mà dầu chẳng có ai nữa, một đức Chúa blời cữ blọn chui chẽ, thinh nhàn vô [u] cữ chẽy. [u] saõ le vì laõ lành đức Chúa blời cữ

quam eius essentia, & sempiterna Diuinitas. [x] *bonum autem est diffusiuum sui:* [y] *ideò Deus non solum voluit creare mundum hunc visibilem & corporalem* [z] *qui per suam existentiam finitam & operationes finitas penè innumeras, existentiam infinitam & operationem primæ Causæ participaret,* [a] *esset-que tanquam vestigium primam Causam repræsentans.* [b] *sed præterea voluit Diuina Bonitas se communicare creaturis rationabilibus,* [c] *quæ non solùm existentiam haberent, sed etiam Beatitudinis Diuinæ participes fierent.*

[d] *Quare perfectam Angelicam naturam creauit,* [e] *à corporea mole omninò secretam, vtpote omninò spiritualem,* [f] *& capacem amicitiæ Dei per gratiam, & visionis ipsius Dei per gloriam* [g] *vt sic illam suæ beatitudinis participẽ*

là vô cũ, bằng tính sóũ vô cũ đức Chúa blời

[x] bởy [x] sự lành nào, hay thoũ sự mệnh cũ kẻ khác:

[y] [y] vì bởy đức Chúa blời cháng nhữug đã tỏan hỏá nên thế giải nấy ta

[z] xem, có mệnh bóc, [z] mà có tính mệnh, có phép làm sự nọ sự kia nhều kể chẳng xiết, thạt là bởi tính vô cũ, và phép vô cũ đức Chúa blời bởy;

[a] [a] mà mọi sự ểy là như dấu chển, làm cho ta suy hình đức Chúa blời bởi

[b] [b] Mà lại lảõ lành đức Chúa blời thoũ mệnh ra lõài có tính ngõan biết mlẽ, [c] cho lõài ểy chẳng lọ là thạt có, mà lạy thoũ hàng bui bởi cũ đức Chúa blời bởy.

[d] [d] Vì bởy đức Chúa blời hõa ra lõai thiên thần, gọi là (*Angeli*) [e] chẳng có mệnh bóc gì, mà những thiêng liêng,

[f] [f] lại chịu đượ nghĩa cũ đức Chúa blời, gọi là (*gratia*) cũ chịu đượ

(*gloria*) là thấy mạt đức Chúa blời; [g] cho đượ thoũ [g] *faceret*

faceret. [h] *in hac Diuina Bonitas clariùs elucet,* [i] *quam in creatione mundi visibilis, & creaturarum omnium merè corporaliũ,* [k] *quę non sunt capaces amicitiæ Dei, neque beatitudinis.* [l] *Quamuis enim Diuina Maiestas sibi ipsa sufficeret,* [m] *nec vllius creaturæ consortio indigeret ad perfectam suam beatitudinem;* [n] *quia tamen bonũ est diffusiuum sui,* [o] *voluit Deus creaturam merè spiritualem & intellectualem creare,* [p] *cum qua amicitiam iniret per gratiam,* [q] *atque illi suam etiam beatitudinem communicaret per gloriam.*

[r] *Denique tertium etiam rerum genus addidit, ex corpore scilicet & spiritu constans,* [s] *nempe humanum genus, in quo creaturarum omnium quasi compendium effecit:* [t] *homo enĩ habet esse seu existentiam cum rebus inanimatis,*

[h] bởi đức Chúa blời. [h] bởi lẽ ấy, [i] là õ lành đức Chúa blời càng ra tỏ tường, [i] hơn khi đức Chúa blời hõá ra thế giái nầy ta xem, [k] cũ muôn vật nhữ̃ng có mềnh bóc; [k] vì chưng bay nhều sự ấy chẳng [l] két được nghĩa cũ đức Chúa blời, lại chẳng có [m] chịu được bui bé cũ. [l] Vì chưng dù mà đức Chúa blời một mềnh [m] đã blọn, [m] mà chẳng dữ đí gì bề ngõài, cho được [n] blọn bui bé: [n] saõ lẽ [o] cũ kẻ khác, [o] đức Chúa blời đã tõan hõá ra lõài thiêng liêng thoũ minh [p] sáng láng; [p] mà cho lõài ấy chịu, *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, [q] lại cho lõài ấy chịu bui bé cũ, là, *gloria*.

[r] Sau nữa thì đức Chúa blời sinh ra rót hết lõài thứ ba, có xác và [s] có linh thiêng, [s] là lõài người ta, thật là tóm lại mọi lõài. [t] vì chưng lõài người ta thì có mềnh

[t] *vitam*

u vitam vegetatiuam cum plantis & arboribus, ſenſitiuam cum animalibus, x & rationalem etiam cum Angelis, y per quam capax etiam eſt amicitiæ Dei per gratiam, z & beatitudinis æternæ per gloriam, ſicut ipſi Angeli. a Hominibus autem dat Diuina Bonitas infinita huius vitæ ſpatium, b ad promerendam beatitudinem æternam; c eo ſcilicet pacto, vt ſi Diuinam voluntatem huius vitæ præſentis tempore fuerint executi, d æternam in futuro acquirant beatitudinem: e ſi verò rebelles fuerint Dei præceptis & voluntati, f niſi reſipuerint vitæ præſentis tempore, g in futuro ſæculo æternis ſint cruciatibus torquendi; h in quo tum Diuina bonitas, tũ iuſtitia elucet. i Bonitas quidem & pietas infinita, quod humanum genus ad tantam dignitatem euexerit, vt Diuinæ fieret natu-

u như các vật chẳng ſống: u lại có ſống, như cây cỏi, cỉ có hay, như muông x chim cầm thú: x mà lại có ſinh ngõan thiêng y liêng, như thiên thàng, y cũ chịu đươc, gratia, là nghĩa cũ đức Chúa z blời, z lại chịu đươc gloria, là chui đẻ vô cũ, như bàng thiên thần bậy. a a Mà đức Chúa blời lão lành vô cũ, thì cho lõài b người ta ſống ở thế nầy, b mà kiếm coũ cho đươc c chịu chui đẻ vô cũ: c mà có giao làm bậy: ví bàng ai, khi côn ſống ở thế nầy, có chưng ỉ đức d Chúa blời, d thì đời ſau đươc chui đẻ vô cũ. e ví bàng cãi phép đức Chúa blời, chẳng giữ f mlời răn, f mà chẳng chừa khi còn ſống ở thế g nầy; g đời ſau thì phải chịu hình khôn nạn đời h đời bậy. h mà thế ấy và láõ lành, và thưởng phạt đức Chúa blời thì ra tỏ: i laõ lành vô cỉ

i thì ra tỏ, vì chưng đức Chúa blời cho lõài người ta lên chịu chức tlaõ lõài đức Chúa blời bậy,

Digitized by Google

ræ consors, [k] *si tamen Diuinis voluerit obedire mandatis, vt hoc assequatur* [l] *Iustitia verò etiam infinita Dei demonstratur in eo,* [m] *quod obtemperantibus sibi præmium largiatur æternum*, [n] *beatitudinem scilicet æternam in cœlo,* [o] *honorum omnium ac ipsiusmet Dei possessione cumulatam*, [p] *at rebellibus supplicia etiam infligat æterna.* [q] *Quare non mirandum, quod in hac vita breui amicis suis interdum Deus præsentia & peritura bona deneget*, [r] *quæ malis & peruersis hominibus, atque adeò inimicis suis, plena interdũ largitur manu:* [s] *quin etiam sæpe amicos suos in hoc sæculo pœnis, & calamitatibus afflixit*, [t] *& contra inimicos suos gaudere in hac sæculo sinit,* [u] *vt patet olim in Lazaro Sancto paupere, & diuite quondam Epulone:* [x] *ille namque in hac vita paupertate ac morbis*

[k] mà có chưng phép đức Chúa blời, giữ mlời răn, thì được chức ấy, [l] mà lại thưởng phạt vô cùng đức Chúa blời cũ tỏ ra; [m] vì kẻ chưng phép đức Chúa blời thì thưởng vô cùng, [n] khi cho phúc chơi bề đời đời ở trên blời, [o] lại cho chịu mọi sự lành, cũ thấy mặt đức Chúa blời ấy: [p] mà kẻ làm nguy, chẳng chưng phép đức Chúa blời, thì bắt tội vô cùng. [q] Vì ấy ta chớ có hãy, khi thấy đức Chúa blời thử lão kẻ lành, nhã có khi chẳng cho của thế gian nầy hay qua, [r] mà lại có khi thì của thế gian nầy phát rạo rãi ra cho kẻ dữ, là nguy cùng đức Chúa blời: [s] cũ có khi ở thế nầy, đức Chúa blời cho kẻ lành chịu [t] đều sự khốn khó, [u] lại có khi thì cho kẻ dữ những sự lành, ở thế gian nầy ấy. [u] như đời xưa làm cũ ơũ thánh Lazaro khốn khó, và cũ

đứa giàu dữ: [x] vì chưng ơũ thánh Lazaro còn ở thế [x] *affli-*

afflictus, [y] *nunc gaudijs potitur, innumeris iam à mille sexcentis & amplius annis, & in æternum potiturus est in cælo:* [z] *hic verò ad breue huius vitæ præsentis tempus bona temporalia recipiens,* [a] *iam pœnis cruciatur æternis, igneque æterno torquetur in inferno, iam à mille sexcentis & amplius annis,* [b] *& in æternum torquendus est absq; vlla vnquam euadendi spe, nec etiam moriendi.*

[c] *Quamuis etiam interdum Diuina iustitia malos in hac vita puniat, vt alij resipiscant,* [d] *& ne impij Dei prouidentiam in rebus humanis negent:* [e] *sic etiam interdum bonis in hac vita bona temporalia tribuit,* [f] *vt spe saltem illorum bonorum fragiliores ad se trahat,* [g] *& ad spiritualia & æterna tandem erigat. Ex his etiam colligitur vita venturi sæculi:* [i] *cùm enim*

nay chịu khó khán đau đớn [y] bây giờ đã hơn, một nghìn sáu trăm năm chịu vui thế, kể chẳng xiết, lại đời đời vò cữ một chịu vui thế thôy: [z] mà đứa dữ ấy, đã chịu vui một gey ở thế gian nầy, [a] sao le bây giờ chịu những khốn nạn đời đời, cữ chịu lửa địa ngục, đã hơn một nghìn sáu trăm năm: [b] lại chịu thôy đời đời, cữ chẳng có tlou được đàng nào mà khỏi, lại chẳng chết cho.

[c] Sao cữ có khi thưởng phạt đức Chúa blời bắt kẻ dữ, còn ở thế gian nầy, cho kẻ khác chừa; [d] lại cho kẻ dữ chớ ngờ đức Chúa blời chẳng trị sự người ta: [e] cữ có khi thì đức Chúa blời chia sự vật thế gian nầy cho kẻ lành, [f] mà làm thôy cho kẻ yếu đạo đến cữ, vì nó tlou của thế nầy, [g] thôy thì kẻo kẻo rủ nó yêu của linh hồn hàng có thôy. Cữ lấy mlẽ nầy mà suy sự đời sau: [i] vì chưng có đều người lành ở thế

plerique

Digitized by Google

plerique iusti in hac vita, affligantur paupertate & miseriis ; [k] *& è contra, impij prosperitatibus & diuitijs in hoc sæculo potiantur,* [l] *& sæpissimè ad vltimam vsque senectam.* [m] *hinc necessariò sequitur superesse futurum sæculum,* [n] *in quo scilicet supremus rerum Dominus, vtpote rectissimus & æquissimus,* [o] *bonis præmia pro meritis largiatur æterna ;* [p] *& malis pro demeritis supplicia etiam infligat æterna,* [q] *& hoc est quod communiter in ore omnium fertur, è vestris libris & antiqua traditione depromptum :* [r] *scilicet hanc vitam solùm esse in transitu, per mortem verò reuersionem fieri ad patriam permanentem.* [s] *bonis enim & fidelibus seruis Dei,* [t] *mors nihil est aliud, quàm transitus ab hac miseriarum valle, ad Patriam cælestem,* [u] *in qua æternis cumulentur bonis à supremo rerũ Conditore Deo,* [x] *æternùmque cum illo viuant beatissimi.* [y] *ma-*

nầy khó khan, khốn nạn, [k] mà chịu vậy ; [k] lại có kẻ dữ, ở đời nầy chui rúc, [l] giầu có phú qúi, [l] mà có nhêu lần cữ, đến già càng làm vậy. [m] bởi đấy ta suy mlẽ, thật hay còn có [n] đời sau, [n] mà đời ấy đức Chúa blời, là Chúa cả mọi sự, thật là chí linh [o] chí công, [o] mà thưởng kẻ lành, chịu phúc chuí đời đời, bằng công mình ; [p] [p] lại phạt kẻ dữ, chịu bằng tội mình, mà khốn [q] nạn đời đời vậy. [q] ấy là đều miệng thiên hạ quen nói, bởi sách An nam, và truyền đời xưa [r] ráng : [r] (sinh kí dã, tử qui dã) sóũ là giở ; chết [t] là về : [t] vì chưng kẻ lành, mà thờ phượng đức [t] Chúa blời cho nên : [t] khi sinh thì, ấy là khỏi nơi thổũ khốn nạn, mà về [u] quê trên blời, [u] nơi đức Chúa blời, là Chúa rứt cả trên hết mọi sự, thưởng vô cữ, [x] mà cho hàng sóũ, cữ chui rúc thỉnh nhàn [y] đời đời vậy : [y] mà kẻ dữ, khi chết cữ là qua cho

lis verò mors est etiã transitus ad æternos cruciatus, [z] *quibus à iustissimo Iudice Deo per mortem æternam puniuntur in Inferno.* [a] *Nam sanctè Deus est summè bonus & pius erga bonos;* [b] *sicutiam est summè iustus erga impios.*

[c] *Hæc igitur attributa supremi rerum Conditoris ac Domini cæli & terræ, ac rerum omnium,* [d] *habemus non solum per reuelationem, in eius libro ab ipso factam,* [e] *sed etiam per rationem naturalem, cordi nostro impressam & signatam ab ipso Deo.* [f] *Quod scilicet sit Infinitus in essentia, Æternus in duratione, Immensus in præsentia,* [g] *Sapientissimus in consilijs,* [h] *Omnipotentissimus in operatione,* [i] *Optimus & Liberalissimus in sui communicatione,* [k] *& Æquissimus in iudicijs ineffabilibus & incomprehẽsibilibus.* [l] *Infinitæ igitur eius Maiestati & Essentiæ*

Ngày thứ hai

[z] mà chịu tọi đòi đòi: [z] vì chưng đức Chúa blời coũ bàng vô cũ, phán xét bắt tội nó tlaõ địa ngoục, chết vô cũ. [a] Vì chưng đức Chúa blời bàng thưàng kẻ lành, thì [b] nứt nhin, nứt lành, [b] mà phạt kẻ dữ, thì chi linh, chi coũ ḅệy.

[c] ḅệy ḅệy mà bây nhêu sự nầy ở tlaõ đức Chúa blời, là Chúa cả làm nên [d] blời đất, cũ mọi sự, [d] thì ta đã hay, vì có mlới tlaõ kinh đức Chúa blời, [e] mà lại có mlẽ thạt tlaõ lào ta, đức Chúa blời in ḅẽào cho ta hay bây nhêu sự nầy ở tlaõ đức Chúa blời, [f] là tính thiêng liêng vô cũ, mà hàng có ḅệy, lại mọi nơi mọi có đức [g] Chúa blời, [g] cũ lá rứt khôn biết mọi việc tõan: [h] mà việc làm thì có [i] phép tác vô cũ, [i] nơi thoũ mênh ra, thạt là laõ lành, và roũ rãi vô cũ, [k] nơi phán xét, thì rứt coũ bàng, và sâu nhiệm, [l] ta suy chẳng đến. [l] mà ta phải hay, vì đức Chúa blời là tính thiêng liêng

[m] *supre-*

Digitized by Google

[m] *Supremam debemus adorationem & cultum, præsertim in anima nostra spirituali, quæ ab ipsa sola esse tiam participat,* [n] *& in spiritu præcipuè vult adorari & coli, cum sit infinitus spiritus,* [o] *tanquam primum principium, & vltimus finis noster, ac rerũ omnium:* [p] *atque ex hac adoratione & cultu interno,* [q] *debet procedere adoratio externa corporis,* [r] *vt sit illi Suprema Maiestati grata.*

[s] *Infinitæ illius immensitati & præsentiæ suprema debetur reuerentia,* [t] *vt scilicet vbique præsentem recordemur, reuereamur, & timeamus videntem,* [u] *nec in eius venerabilis Maiestatis præsentia audeamus, quod in præsentia Supremi cuiusdam Principis, vel etiã coram vniuerso mundo non auderemus.*

[x] *ex Aeterna eius vita & duratione infinita, absque principio & fine,* [y] *colligene*

[m] vô cũ, [m] thì ta phải lạy mà thờ, trước tlaõ linh hồn ta, là thính thiêng, bởi một đức Chúa blời [n] mà có [n] vì tính thiêng liêng vô cũ, thì khiến lấy tính thiêng trước, mà [o] lạy và thờ đấy, [o] vì là cội rễ đầu hết mọi sự lành chúng tôi, và các [p] kì sự. [p] Bởi vì có lạy và thờ tlaõ lão trước, [q] sau thì mới lấy xác mà [r] lạy bề ngoài, [r] thật làm vậy đức Chúa blời mới yêu.

[s] [s] Mà vì đức Chúa blời mọi nơi mọi có, thì ta phải kính ở nơi mọi nơi; [t] [t] vì vậy ta phải đớ liền, mọi chốn mọi có đức [u] Chúa blời thấy ta: [u] mà đều gì trước mặt đức chúa cả thế nầy, hay là trước mặt cả và thiên hạ, ta chẳng dễám làm, thì trước mặt rứt traõ đức Chúa blời ta chớ dễám.

[x] [x] Lại vì đức Chúa blời là sóũ lâu vô cũ, mà chẳng có trước, cũ chẳng có sau, thì hàng sóũ vậy, [y] ta phải suy mà làm

debemus, vt sicuti hanc vitam ab illo fonte totius vitę haurimus, [z] sic à nullo alio vitæ huius prorogationem speremus, quam ab illo qui est fons vitæ. [a] stultitiæ namque est non ferendæ, à mortuis parentibus, qui sibi ipsis vitam prorogare non potuerunt, vitam petere aut sperare. [b] n que solum vitam hanc & sanitatem corporalem à supremo vitæ omnis fonte Deo sperare debemus, [c] sed præcipuè vitam animæ nostræ, quæ consistit in eiusdem gratia & amicitia, [d] quam si vsque ad finem vitæ huius caducæ habuerimus, [e] æternæ etiam vitæ & beatitudinis perennis, cum ipso Deo in gloria paradisi, participes futuri sumus.

[f] Sapientiam quoque infinitam supremi rerum Conditoris venerabimur, [g] credentes nihil omninò esse posse occultum oculis Maiestatis eius, [h] ne cogitationes quidem & affectiones cor-

Ngày thứ hai

bởi, ta sống, thật là bởi đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi sự sống: [z] vì bởi khi ta muốn cho sống lâu, thì ta cậy một đức Chúa [a] blời mà chớ. [a] ai muốn cho sống lâu, mà cầu cũ cha mẹ, ông bà ông vãi đã chết, chữa mình cho sống lâu chẳng được, thì [b] thật là dại chóuc. [b] vì bởi ta phải cậy một đức Chúa blời, là cân ngõ đầu mọi sự sống, chẳng những là cho ta sống và [c] khỏe xác nầy: [c] mà lại đầu hết ta phải cậy đức Chúa blời cho linh hồn ta sống, là giữ nghĩa cũ đức Chúa blời, gói là [d] (*gratia*) [d] ví bằng ta giữ nghĩa nầy cũ đức Chúa [e] blời, cho đến chết, [e] thì đức Chúa cho ta sống lâu vô cũ, hui bể vô cũ lên blời, cũ đức Chúa blời bởi.

[f] [f] Cho ta kính được hay biết vô cũ đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi [g] sự, [g] thì ta phải tin chẳng có đi gì cõết mạt đức Chúa blời [h] dù lão ta có lo, có đọu làm sao, [k]

dis

dis noſtri, [i] *ſed omnia omninò illi eſſe manifeſta,* [k] *præſentia, præterita & futura,* [l] *nihilque prorſus illum latere poſſe,* [m] *vnde nec falli poteſt, nec fallere* [n] *quia infallibilis veritas eſt.*

[o] *Illam itaq. ſummã ſapientiã venerabimur.* [p] *ſi crediderimus verbis eius,* [q] *& intellectum omnem noſtrũ ſubiecerimus infinitæ ipſius ſapientiæ & cognitioni* [r] *infinitum etiam Diuinæ Maieſtatis oculum, cui nuda & aperta ſunt omnia, venerabimur,* [ſ] *ſi mentis noſtræ oculos ad ipſum venerabundi quam ſæpiſſimè direxerimus,* [t] *conſiderantes nobis ita inuigilantem,* [u] *atque operibus noſtris, tam internis, quam externis ita intentum,* [x] *ac ſi nihil aliud in vniuerſo mũdo videndum illi ſupereſſet;* [y] *hæc enim ſæpè repetita & fermè continua conſideratio,* [z] *magnam in nobis Diuinæ Maieſtatis*

[i] thì đức Chúa blòi đã [k] biết tỏ tường hết, [k] dầu mà đí gì đã qua, hay là chưa có, thì cũ đã hay, [l] mà chẳng có đí gì giấu được đức Chúa blòi. [m] Vì bởi chẳng có ai nói dối được đức Chúa blòi, mà lại đức Chúa blòi chẳng có nói dối được ai, vì chũng đức Chúa blòi là thạt nhứt. [o] Vì bởi cho ta kính hay biết vô cũ đức Chúa blòi, [p] thì ta phải tin mọi mlòi đức Chúa blòi truyền cho, [q] mà những trí ta bỏ dưới hay biết vô cũ đức Chúa blòi. [r] lại cho ta kính dái hay biết vô cũ đức Chúa blòi, xem tỏ tường hết mọi sự, [ſ] thì ta phải kính dó lien mạt đức Chúa blòi; [t] mà ta ngám đức Chúa blòi coi thấi ta lien, [u] và mọi việc ta, và tlaõ lão và bề ngõài tỏ tường. [x] cũ bàng có ta, mà chẳng còn có đí gì tlaõ thế giải nẫy nữa mà xem: [y] vì chưng ta dó làm bởi nhẽu lần, giẫn như thể bàng liên liền, [z] thạt là

rer

reuerentiam, sanctumque timorem ingenerabit, [a] *ne fortè in aliquo tantæ Maiestatis oculum offendamus.* [b] *Infinita etiam supremi rerum Conditoris Omnipotentia, in qua scilicet, & per quã viuimus, mouemur & sumus,* [c] *si à nobis benè perspecta fuerit, ac probè intellexerimus,* [d] *nos ne pedem quidem mouere posse, sine ipsius adiutorio.* [e] *ex vna parte magnam nobis despicientiam nostri & humilitatem pariet,* [f] *cum clarè videamus, nos ex nobis nihil omninò posse,* [g] *atque in nihilum redigendos, nisi continuus Diuinæ Potentiæ influxus nos conseruaret,* [h] *etiam in esse naturali, quod ab ipsa sine vllis nostris meritis habemus.* [i] *Hoc multò magis in esse gratiæ & supernaturali verum est,* [k] *ad quod per infinitam eius misericordiam assumimur, vt Diuinæ consortes Naturæ simus per gratiam;* [l] *quia nec ipsam gratiam sanctificantẽ animas nostras, si-*

Ngày thứ hai

làm cho ta kính dái đức Chúa blời, [a] lám, [a] má giữ ta, kẻo phạm sự gì mất lão đức Chúa blời. [b] lại khi ta ngám phép tác vô cũ đức Chúa cho ta sóũ, và đọũ, và ổ, [c] that thì nếu hay tổ tường, [d] đức Chúa blời cháng có giúp sức, thì bức một chin ra cũ cháng được, [e] một bên thì ta ra lão kiem nhưẫng, mà lẽy ta là kẻ hèn lám, [f] vì chưng thì ta biét tổ tường, bởi một mềnh ta, làm đi gì đi gì cháng được sốt, [g] mà lại ví bằng đức Chúa blời cháng phù họ ta lien, ta lại về khoũ: [h] dầu là bổn tính mình, đức Chúa blời hư khoũ cho ta, mà ta cháng có coũ gì: đức Chúa blời cháng giữ, thì cũ ra khoũ đẹ̣y. [i] hõẫng chi là tính, *gratia*, là lõài trao gẫn đức Chúa blời, [k] bói lão tư bi đức Chúa blời thương vô eũ, mà đam ta lên lõài tính đức Chúa blời, gọi là, *gratia*. [l] vì chưng nếu đức Chúa

ne

Digitized by Google

ne peculiari eius adiutorio habere possumus, [m] *nec in illa perseuerare, nisi continuis eius gratiæ auxilijs adiuuemur.* [n] *Ex alia verò parte si Omnipotentiam supremi Numinis paratam ad nos iuuandos benè perspexerimus,* [o] *non ad opera solum naturæ, sed etiã gratiæ,* [p] *magna in nobis orietur confidentia & spes,* [q] *quod scilicet nihil non possimus in eo Omnipotenti Deo, qui nos confortat.* [r] *Sed infinita supremi Numinis bonitas* [s] *& Caritas, qua dilexit nos, etiã ante mundi cõstitutionem,* [t] *& in tempore præstituto se nobis communicauit, creando nos ad imaginem & similitudinem suam, quã dedit animabus nostris:* [u] *parata etiam illam imaginem instaurare atque perficere,* [x] *per gratiam & amicitiam suam,* [y] *si probè illam perpendamus, apta est excitare in cordibus*

blòi cháng cho ta sức rieng, mà ta chịu lấy phép *gratia* (làm cho linh hồn ta nên thánh) [m] chẳng đươc. [n] lại giữ *gratia*, lá nghĩa cũ đức Chúa blòi, cho đến blọn [n] đòi, [o] mà đức Chúa blòi cháng phù họ ta lien, thì chẳng đươc đâu. [o] lại bẽn khác, thì ta nhớ đức Chúa blòi phép tác vô cũ, mà dọn lien giúp [p] ta, [p] chẳng nhữn là việc mọn về thế nầy, cũ giúp ta việc trạõ, *gratia*, [q] về đòi sau, [q] ta ra làõ cao, tloũ cậy phẽp vô cũ đức [r] Chúa blòi, [r] mà ta cay cả sức vô cũ làm dậy, chẳng có sự gì ta chẳng đươc.

[s] Saõ le sự đức Chúa [t] blòi lãõ lành vô cũ, [t] ái mộ ta làm sao, cũ khi [u] chưa có thế giái, [u] mà khi đã tõan sinh ra ta, cũ thoũ cho ta làm ảnh tượng đức Chúa blòi [x] ở trẽn linh hồn ta: [x] lại dẽon sửa lại ảnh nầy, mà làm cho khéo hơn nữa [y] phủ cho, *gratia*, là nghĩa cũ [y] đức Chúa blòi, [z] nếu ta suy lại cho nên, thạt thì làm cho [z]

nostris

nostris ingentem flammam amoris sui. [a] *Cur enim summopere non diligamus infinitam Bonitatem,* [b] *quæ nos adeò immeritos, & viles homunciones tanta charitate prior dilexit?* [c] *Et quoniam verus amor non in præclaris verbis, sed in operibus eximijs positus est,* [d] *& vt ipsamet superna Bonitas suis nobis eloquijs significare dignata est,* [e] *in mandatorum ipsius perfecta custodia consistit vera eius dilectio;* [f] *vt tantæ Bonitati aliquãtulum grati respondeamus,* [g] *curabimus præcepta ipsius integrè custodire,* [h] *cum gratia eiusdem supremi Numinis,* [i] *sine qua nihil possumus.* [k] *Denique rectissima supremi rerum Cõditoris, & incorrupti Iudicis æquitas,* [l] *qua vnicuique retribuit iuxtà suũ meritum, aut demeritum:* [m] *bonis quidem beatitudinem sempiternam in cælo* [n] *malis verò æternos cru-*

Ngày thứ hai

mẽn lại, mà cám ơn đức
[a] Chúa blời lắm. [a] Mà sao
ta chẳng ái mộ lại lão
lành vô cùng đức Chúa
[b] blời, [b] khi trước đã yêu
ta chẳng có cuũ gì, mà
là kẻ hèn, và mọ ta thư-
[c] ớc lám thế ấy? [c] sao le
vì lão yêu thạt, chẳng
phải là khéo mlời nói,
thạt là việc trao mình
[d] làm, [d] mà như có mlời
đức Chúa blời nhít lão
[e] lành, [e] thạt kính mẽn
đức Chúa blời, là giữ
mlời đức Chúa blời răn
[f] cho blọn; [f] ví bẩy cho
ta cám ơn lão lành
vô cùng đức Chúa blời,
[g] thì ta phải dọuc lão
giữ mlời đức Chúa
[h] blời răn cho blọn, [h] mà
đức Chúa blời cho sức
[i] ấy thì mới đươc, [i] chẳng
có sức đức Chúa blời
cho, thì ta chẳng đươc
[k] đí gì sốt: [k] Sau nữa khi
có đức Chúa blời cuũ
bàng vô cùng, phán xét
[l] chẳng tây ai, [l] mà thứ-
âng phạt ai nấy, bàng có
[m] cuũ, hay là có tọi: [m] kẻ
lành thì thưởng cho đuọi đẻ vô cùng tlên blời, [n] kẻ dữ [n]

ciatur

ciatus in inferno ; [o] *hæc vrget nos vt, Iudicem supremũ, dum exorabilis est, deprecemur,* [p] *superioris vt vitæ innumera nobis errata condonet ;* [q] *dolentes maximè, quod tantam offenderimus Maiestatem, eiusque iram meruerimus;* [r] *cum proposito vitam deinceps corrigendi, iuxtà normam Diuinæ Voluntatis, & præceptorum eius:* [s] *in eius scilicet infinita Misericordia confisi, quod veniam supplicibus & pœnitentibus sit datura.* [t] *Atque hæc cognitio de Deo, à lumine ipso naturæ accepta, iam sufficiat.*

thì phạt, mà bắt chịu hình đời đời tlaõ địa ngọuc ; [o] sự làm phép thì ép ta cầu cũ đức Chúa blời, khi chưa có phán xét ta, mà còn cho cầu [p] cũ. [p] ta xin tha tội, ta đã phạm ngày thuốc, kẻ [q] chẳng xiết: [q] ta lo buồn vì đã lỗi nghĩa cũ đức Chúa blời tlaõ làm phép: [r] mà ta đẽoục lào, từ nầy về sau chừa, là theo í đức Chúa blời, và giữ mlời [s] răn. [s] mà ta khiem nhường cầu tha, và ăn năn tội, thì cậy đức Chúa blời nhin lành vô cũ, tha tội tha vạ cho chúng tội. [t] [t] Mà biết hay nhêu sự đức Chúa blời, bởi lào ta suy mlẽ làm phép, bấy giờ thì chừa.

SVpra breuiter explicatum est, quod iam ab æterno, antequã esset cælum aut terra aut quidquã aliud, [b] iam erat substantia spiritualis essentiæ infinitæ, æternæ, immensæ, [c] sapientiam quoque habens infinitam omnipotentiam infiniam, bonitatem infinitam, [d] æquitatem denique & iustitiã infinitã. [e] Atque hæc substantia infinita, quæ vocatur Deus, verusq; cæli Dominus [f] quamuis nullo indigens; sibique sola sufficentissima esset, ad perfectã suam beatitudinẽ, omni ex parte completam; [g] pro sua libera voluntate ac infinita, [h] voluit creaturas ex nihilo: in quo ab æterno iacuerant, per suam Omnipotentiam extrahere, [i] illisque existentiam in tempore præstituto tribuere, [k] creando scilicet cælum & terram, omniaque in illis contenta: [l] quæ quamuis potuisset vnico momento si-

Ngày thứ ba.

[a] NGày thuốc đã giảng, khi chưa có blời, chưa có đất, chưa có đi gì sốt thuốc [b] vô cũ, [b] đã có tính thiêng liêng, là tính khí vô cũ, hàng có vô cũ, phủ mọi nơi vo cũ, [c] mà hay biết mọi sự vô cũ, phép tác [d] vô cũ, lào lành vô cũ, [d] lại là cou bàng vô cũ. [e] Mà tính thiêng liêng vô cũ nấy, gọi là Chúa *Deus*, thật là đức Chúa [f] blời. [f] dầu chẳng có dữ gì bề ngoài, mà bui có blọn bui bề một mềnh [g] no mọi đàng; [g] sảo le vì có chúa í mềnh, lại có lào [h] lành vô cũ, [h] thì có toàn dữ phép mềnh vô cũ, mà bởi khou hõá ra, mọi sự có, dầu xưa đời [i] đời một khou bẹy: [i] đến ngầy toàn làm, thì [k] cho mọi sự có, [k] má làm nên blời đất, cũ mọi sự ở tlaõ thế giái nấy bẹy: [l] mà dù đức Chúa blời có muấn hõá ra một chốc [l]

mul-

mul omnia [m] *per vnicum* [m]
ſuæ voluntatis efficaciſſimę
actum producere, [n] *& alia* [n]
innumera etiam perfectio-
ra, [o] *quæ in nibili tenebris liberè reliquit:* [p] *ea* [p]
tamen quæ creauit, voluit
ſex dierum ſpatio facere;
[q] *tum vt oſtenderet ſe li-* [q] [r]
berè agere quod ageret; [r]
tum etiam vt rerum, quas
ſingulis diebus producebat,
inſufficientiam demonſtra-
ret.

[s] *Prima igitur die creauit* [s]
Deus cælum empireum, [t] [t]
ſcilicet ad electorum ſuo-
rum beatiſſimam, atque
perpetuam habitationem;
[u] *& terram, indigeſtam* [u]
aquiſque circumquaq; coo-
pertam, [x] *cumq; omnia te-* [x]
nebris circunfuſa eſſent,
ſicuti creauit Deus lucem
corporalem, per quam cor-
poralia fierent viſibilia: [y] [y]
ſic etiam lucem ſpiritualem
creauit, ſubſtantiam ſcili-
cet merè ſpiritualem & in-
tellectualem, quæ non ſolũ
creaturas omnes, naturaſq;

mọi ſự thì cũ được.
[m] [m] mà khiến một mlòi,
chẳng những ra đều hết
[n] ſự thế giái nầy, [n] mà lại
hõá ra được muân vàn
thế giái khác vô cũ, tốt
[o] hơn thế giái nầy, [o] đầu
đã tõan để các thế giái
[p] khác khoũ đây: [p] ſaõ le
mọi ſự đã tõan làm ra,
mà có; thì tõan làm ra
[q] tlaõ ſáu ngày; [q] và cho
ta hay đức Chúa blòi
có chúa í tứ, mà làm ra
[r] bay nhêu ſự nầy; [r] và lại
tỏ ra làm mỗi một ngày
ſự nọ ſự kia thì ra thiếu,
mà một mềnh chẳng đủ.
[s] [s] Vì đây thì ngầy thứ
nhứ đức Chúa blòi hõá
[t] ra blòi tlên, [t] để làm
đền bui để cho các
thánh, đã chọn ở đây
[u] đòi đòi; [u] lại ſinh
ra đất còn hỗn độn, có
[x] nước chung quanh: [x] khi
ấy còn tối tam hết, mà
đức Chúa blòi ſinh ra,
và ſáng có xác, cho ta
thấy được ſự có hình,
[y] có xác: [y] lại ſinh ra ſáng
thiêng, là tính những

thiêng liêng ſáng biết: mà tính thiêng liêng ấy

& proprietates eorum, clarè ac perfectè perſpiceret: [z] *ſed etiam fieret capax à Deo per gratiam, ad videndum ipſum Deum,* [a] *(quãuis naturaliter à creatura, etiam qualibet rationali & intellectuali, inuiſibilem):* [b] *ſi tamen perfectè Creatori ſuo ſubiecta, æternam illam beatitudinem mereretur.* [c] *Creauit igitur ſupremus rerum Artifex & Dominus nouem, Angelorum Choros, qui ſinguli ſunt numeroſiſſimi:* [d] *quod vel inde colligi poteſt, quod ex ſolo infimo Angelorum Choro ſupremus rerũ Dominus ſingulis hominibus ſingulos deputauerit Angelos,* [e] *qui per totum vitæ huius curriculũ, ab hora natiuitatis vſq; ad horã mortis, illos cuſtodiant:* [f] *vnde colligitur in illo ſolo infimo Choro tot ſaltem eſſe cunctos Angelos cuſtodes, quot ſunt homines qui ſunt ſuperſtites in toto mundo.* [g] *dicũt autem Sancti aliqui viri,*

chẳng những là biết mọi tính đức Chúa blời ſinh ra, và biết tỏ mọi phép [z] bấy nhêu tính ấy: [z] mà lại bởi đức Chúa blời chịu được ſức, là *gratia*, cho thấy mặt đức Chúa [a] blời: ([a] dù mà các lõài thiêng liêng, bởi mềnh chẳng có ſức nào, mà thấy được mặt đức [b] Chúa blời:) [b] faõ le chịu lụy đức Chúa blời cho bọn thì thín thiêng liêng ấy được coũ chịu đui [c] để làm bậy, đời đời. [c] Vì bậy đức Chúa blời là Thợ cả Chúa cả ſinh ra chín đứng thiên thần, mà mỗi một đứng có [d] nhêu thiên thần lám, [d] ſự ấy thì tỏ ra, vì chưng dấu một đứng thiên thần dưới đủ mỗi một người có mỗi một thiên thần, đức [e] Chúa blời [e] cho thiên thần ấy giữ gìn ta còn ſóũ ở thế nấy, từ ngày ſinh để cho đến ngầy chết thì [f] giữ bậy: [f] vì bậy thiên thần một đứng dưới, ít là, có bao nhêu người còn ſóũ ở cả và thiên hạ, thì có bay nhêu đức thành thiên thần ấy giữ đấy. [g] lại có người thánh [g]

Digitized by Google

eò plures esse Angelos in superioribus Choris, quò nobiliores sunt. [h] *Vnde fit vt numerus militum summi Regis ac Domini* [i] *sit omninò innumerabilis respectu nostri.* [k] *Sapintia autem illorum est tanta,* [l] *vt rerum omnium naturalitũ cognitionem habuerint à primo instanti quo creati sunt,* [m] *quamuis quoad mysteria supenaturalia & Diuina* [n] *nouum semper lumen à Deo acquirant;* [o] *ita vt tres Chori superiores à supremo Rege, cui semper assistunt, lumen illud immendiatè accipiant,* [p] *& hi rursus tres Choros medios illuminent,* [q] *qui tres Chori medij lumen à supremis tribus Choris accepti, rursum communicẽt tribus Choris infimis;* [r] *vt scilicet sic gradus omnes à supremo Rege vel immediatè,* [f] *vel mediantibus gradibus superioribus illuminati,* [t] *voluntatem supremi Domini impigrè exequantur.* [u] *Potentia verò & efficacia in illis tanta est,*

ràng, thien thần càng đứng tlên thì càng nhiều.

[h] vì bởi cõên đức Chúa blời, là chua Chúa cả [i] tlên hết mọi chua, [i] vô hồi vô số, ta kể chẳng [k] đượC. [k] mà hay biết thien thần thì đến chừng [l] ấy, [l] khi đầu hết đức Chúa blời sinh ra, đã biết mọi tính thế giái [m] nầy. [m] sao le sự bề tlên [n] khỏi tính thế giái nầy, [n] đức Chúa blời cho một [o] khi một sáng nữa; [o] mà ba đứng tlên, ở lien chầu chức đức Chúa blời, thì chịu sáng bởi một đức [p] Chúa blời, [p] lại ba đứng tlên ấy thì sáng ra cho [q] ba đứng giữa, [q] mà lại ba đứng giữa sáng chịu bởi ba đứng tlên, lại thoũ ra cữ ba đứng dưới; [r] ấy thì các đứng chịu sáng bởi đức Chúa blời, hay là bởi một [f] đức Chúa blời cho, [f] hay là bởi đứng tlên truyền [t] cho, [t] mà ấy biết ý đức Chúa cả làm sao, thì chưng tức thì làm ấy.

[u] Mà phép tác thien thần

ex

[x] *vt vel vnus Angelus ſatis ſit ad mouendum vniuerſum cælum, omneſque firmamenti fixas ſtellas,* [y] *quarum ſingulæ vniuerſo terrarum orbe longè maiores ſunt;* [z] *cumque ab initio mundi vſque nunc per tot annorum myriades* [a] *abſq; vlla intermiſſione id muneris exequantur, nunquam tamen defatigantur,* [b] *neque defatigabuntur vſque ab finem mundi.* [c] *Quid referam cætera? vnus Angelus, ex mandato Dei,* [d] *percuſſit vniuerſum Aſſyriorum exercitum;* [e] *ita vt vna nocte interfecerit centum & octoginta quinq; millia hominum,* [f] *facillimè atque abſque vlla defatigatione:*

[g] *Supremus itaque Angelorum, ac rerum omnium Dominus* [h] *nouem Choros, ſeu nouem exercitus militum ſuorum ſic diuiſit;* [i] *vt tres ſupremi Chori ſic aſſiſterent ſupremo Regi in ſua cæleſti Regia,*

[x] vì một thien thần có ſức blớ đọu hết cả và blờ-i, và các ngôi ſao [y] tlến, [y] mà mỗi một ngôi ſao ếy thì mlờn gia giết, hơn cả và hòn đết nữa, [z] mà từ đầu hết thế giái [z] nấy, cho đến bay giờ, mấy [a] nghìn nàm, [a] làm việc ếy lien, chẳng có khi nào đừng, mà chưa có nhaọc sốt, [b] dù mà làm lien, [b] cho đến hết thế, cữ chẳng [c] có nhaọc nữa. [c] ſự khác ta kể làm chi? có thien thần đức Chúa blờ-i khi- [d] én, một mềnh [d] đanh phá hết cả và giạc thắng [d] Aſſirio: [e] mà một đêm thì đánh chết một vàn tám muân nam nghìn [f] cỡn giạc ếy, [f] dễ lám, mà chẳng có nhaọc sốt.

[g] [g] Vì ởếy đức Chúa blờ-i, là Chúa cả tlên các thien thần, cữ tlên hết mọi [h] ſự, [h] thì ſửa việc chín đứng, hay là chín chiếc mlớn cỡn mềnh làm- [i] ởếy: [i] ba đứng ở tlên thien đàng, mà châu chức đức Chúa blớ-i lien,

[k] *vt*

k vt communiter non descẽderent ad inferiora hæc, nisi rarissimè, l ad suprema quædam & grauissima tantum negotia exequenda, m sed semper in Dei laudibus essent intenti : n tres alij Chori medij præessent omnium cælorum, o solis & lunæ ac planetarum, stellarumque fixarum motibus & influxui, p & elementorum cæterarumq; specierum conseruationi ad bonum vniuersi. q Denique infimi tres Chori inferiorum etiam bono sic præessent, r vt supremi quidem singula sibi commissa custodirent regna, eorumque bonum curarent : s medijs singulis singulorum Regum ac Principum supremorum commissa esset cura, t vt illos dirigerent ad regna rectè administranda ; u postremis vero singulis singulorum hominum demandata esse custodia : x ita tamen, vt omnes illi nobilissimi spiritus, y sint etiam z administratorij luminum & inspirationum

k k cũ chẳng có quen xuống hạ giái nầy, là hõa,
l l khi có việc gì rứt, vá kứcc trạo, thì mới xuống làm việc ấy mà thôi,
m m cho được ở lien khen ngợi đức Chúa blời:
n n ba đứng giữa thì giữ
o gìn mọi tầng blời, o mặt blời, mặt blàng, cũ các ngôi sao tlên dưới blời đoũ, và giáng xuống, p
p cũ coi các phần mlớn thế giái nầy, và các lõài kéo hết, cho thế nầy lành.
q q Sau hết ba đứng dưới thì coi sóc hạ giái nầy cho
r lành làm đầy; r đứng nhít thì mỗi một thien thần có giữ mỗi một nước, mà coi sóc cho
s lành: s đứng nhị thì mỗi một thien thần giữ gìn mỗi một quan mlớn chúa
t Chúa, t mà dẽạy đẽy trị
u nước cho nên: u đứng dưới hết thì mỗi một đức thánh thien thần chịu việc giữ gìn mỗi
x một người: x Sáo le các chín đứng kực sáng kực trạo đức thánh thi-
y en thần ấy, y cũ giữ việc

Diuini Spiritus. [z] *propter eos qui à Deo hæreditatem capiunt ſalutis æternæ.*

[a] *Dicet aliquis, ſi tot nobiliſſimi ſapientiſſimi ac potentiſſimi Spiritus bono vniuerſi inuigilant:* [b] *cur tot mala, tam culpæ, quàm pœnæ miſeros mortales inuadunt?* [c] *Cur tot bella & lites inſurgunt, ſi tot Angeli pacis, quieti & paci hominum præficiuntur?*

[d] *Ad reſponſionem huius rei ſciendum eſt, omnem creaturam rationalem & intellectualem,* [e] *ſic à ſupremo rerum Conditore Deo fuiſſe conditam,* [f] *vt libertatem ſui arbitrij haberet, ad benè vel malè agẽdum,* [g] *quod etiam puris illis Spiritibus conceſſum eſt,* [h] *vt ſcilicet per libertatem arbitrij ſui & propriæ voluntatis ſupremo Regi, Dominoque ſubijcientes, beatitudinem æternam conſequerentur,* [i] *& ſic in gratia &*

Ngày thứ ba

giuẩng ſáng, và phép đức Chúa blời giúp ſức [z] cho kẻ lên chiu đui để đời đời, bởi mlời đức Chúa blời blối cho.

[a] Có kẻ nói làm đẽy, nếu có đều thien thần thiêng kực trạõ, và rứt ſáng láng, lại có cả phép làm đẽy, mà coi ſóc thế giái nầy cho lành: [b] vì ſao có nhều tọi va, phạm lỗài người ta khổn nạn? [c] nếu có nhều thien thần có phép bàng an lành, mà cói ſóc cho lỗài người ta được bàng an lành, vì ſao có nhều giặc đến, nhều ſự láo dáo làm đẽy.

[d] Cho ta thưa đều ẽy, thì phải hay, hễ là lỗài có chúa í mềnh, và có ſáng biết, [e] thì đức Chúa blời là Chúa cả làm nên mọi lỗài, có hỗá ra lỗài ẽy, [f] mà cho có í tứ, mạc lảõ chọn làm ſự lành, hay là ſự dữ [g] ſự chọn ẽy, đức Chúa blời cũ đã cho các thien thần, [h] mà đẽy có chọn đượng phép đức Chúa blời, là đua Chúa cả, mạc í mềnh, thì chiu được phúc đui để đời đời, [i] cũ đước

tia &

tia & amicitia Dei confirmarentur in æternum: [k] *rebelles contra iuxta peccatum ſuum æternis deputarentur ſupplicijs.* [l] *quamuis igitur omnes illi nobiliſſimi Spiritus, in primo ſuæ Creationis inſtanti,* [m] *ſupremi Conditoris ac Domini gratiam ſint conſequuti;* [n] *quia tamen poſtea ſupremus ille Angelus qui lucifer nominabatur, & à ſupremo Rege* [o] *tanquam omnium Angelorum Princeps conſtitutus fuerat;* [p] *eximias ſuas dotes & perfectiones conſiderans,* [q] *ita euanuit in cogitationibus ſuis, vt contra ſuum ſupremum Regem & Conditorẽ ſuperbiret,* [r] *velletque ſedere, & eſſe ſimilis Altiſſimo;* [ſ] *imò ad hanc ipſam rebellionem cæteros Angelos ſibi quodammodo ſubditos, inſtigaret,* [t] *ita potenter, vt tertiam Angelorum partem in eandem à ſupremo Rege defectionem*

gratia, là nghĩa cũ đức Chúa blời, hàng bền [k] chửng vô cũ chệy: [k] mà thien thần ngụy bàng tội mềnh, thì chịu hình đời đời chệy. [l] Vì chệy dù mà các thien thần ſáng trạo ẽy, khi đầu hết đức [m] Chúa blời ſinh ra, [m] thì đươc *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, là Cha [n] cả, và Chúa cả: [n] ſaõ le vì khi ſau thien thần cả, gọi là Lucifer bởi đức Chúa blời, là chúa Chúa [o] cả, [o] mà đã chịu chức làm cai tlên hết các thi- [p] en thần, [p] xem mềnh có tài mlớn, có phép trạo, [q] [q] thì ra làõ khoũ mà dẽ ngươi, cho đến kieu [r] ngạo cũ đức Chúa blời, là chúa Chúa cả hõá ra nó, [r] [r] mà nó tõan ngồi ở tõa [ſ] bàng đức Chúa blời; [ſ] lại cây mềnh làm cai, thì giục laõ các hết thien thần khác, làm ngụy cũ đức Chúa blời, mà có dờ dành gia giết làm ſao; [t] [t] cho đến, chia các thien thần làm ba phần, một thì cũ dẽ ngươi, mà ra blỏ-

induxerit. [u] *Quamuis aliæ duæ Angelorum partes in sua fidelitate, atque amicitia erga suum supremum Regem permanserint,* [x] *in Luciferi malã inductionem nullo modo consentientes, imò fortiter repugnantes.* [y] *Quare supremus omnium Dominus, cùm videret rebellem Luciferum,* [z] *cum suis sequacibus sic superbientem, ac bellum in cælo mouentem,* [a] *statim infernum condidit in centro terræ,* [b] *ignemque ibi produxit æternum,* [c] *cui vim dedit comburendi rebelles Spiritus.* [d] *tunc etiam constituit Deus fidelissimum Michaelem cælestis militiæ Principem,* [e] *illique præcepit vt rebellẽ Luciferum, omnesque eius sequaces è cælo pelleret,* [f] *atque ipsum Luciferum impiæ perduellionis caput,* [g] *cum præcipuis eiusdem*

[u] laõ nguy cũ đức Chúa
[u] blòi.[u] saõ le còn hai phần
đức thãnh thien thần,
chẳng có làõ nào, giữ
[x] blọn nghĩa cũ đức Chúa
blòi, là đua Chúa cả,
[x] [x] mà hai phần ẽy, Luci-
fer giục làõ làm sao, thì
[y] chẳng có nghe sót, lại
che mlòi nó đứng đàng.
[y] [y] Vì đẽy đức Chúa blòi,
[z] là Chúa cả mọi sự, thấy
[z] thàng nguỵ Lucifer,[z] cũ
[a] các thàng theo nó, ra làõ
kiêu ngạo làm đẽy, mà
[a] làm giạc tlên blòi,[a] tức
[b] thì làm địa ngọuc tlaõ
[b] rõn đết,[b] lại hõá ra lữa
[c] bẽn đòi đới[c] mà cho
lữa ẽy có sức đốt bẩy
nhêu thien thần ẽy, là
đứa nghịch cũ đức Chúa
[d] blòi:[d] cũ khi ẽy đức
Chúa blòi cho đức
thánh Michael, khi đã
giữ blọn nghĩa cũ, làm
cai cả tlên hết cõên
[e] thánh tlên blòi,[e] mà
đức Chúa blòi phán khi-

én đức thánh Michael xua thàng nguỵ Lucifer, cũ các thàng ngịch theo nó, ra cho khỏi thien đàng,[f] mà và thàng Lucifer làm cai những đứa dữ tợn nghịch ẽy,[g] và những đứa nhít theo

rebellionis

rebellionis comitibus, [h] *statim in infernũ detruderet,* [i] *aterniſque cruciatibus manciparet:* [k] *tunc ſtatim Sanctus Michael, mandatum ſupremi Regis exequens, cum ſuis fideliſſimis comitibus* [l] *Angelis Sanctis arma in rebelles direxit, verbũ Dei, dicens, Quis vt Deus?* [m] *Quiſnam eſt Lucifer iſte, qui ſupremo Conditori ac Domino Noſtro æquiparari vult?* [n] *ſtatimque in diabolum mutatus Lucifer, dictuſque Sathan,* [o] *tanquam fulgur cum comitibus ſuæ perduellionis è cælo in tartarum ruit;* [p] *aliqui tamen à ſupremo Iudice Deo permiſſi in aëre hoc permanere, vſque ad finem mundi;* [q] *& hi ſunt diaboli tentatores, qui homines ad omnem impietatem impellunt;* [r] *ex his omnes falſæ ſectæ ortum habent, omnia mendacia, periuria,* [ſ] *inimicitiæ, rixæ, impudicitiæ, homicidia,*

thàng Lucifer, làm nguy
[h] cũ nó, [h] bỏ ſa xuống
dưới địa ngouc chò
[i] cháõ, [i] mà bắt ở tlaõ
lửa chịu hình đòi đời.
[k] [k] bấy giờ tức thì đức
thánh Michael, cũ các
đức thánh thiên thần,
cũ một lào làm bạn cũ,
[l] đưng phép đức Chúa
cả, [l] lấy khí giái thiêng,
là mlòi đức Chúa blòi,
mà ràng, Ai bàng đức
[m] Chúa blòi? [m] Naò thàng
Lucifer là ai, cho nó dễám
[n] giành ở bàng đức Chúa
[o] blòi, là Chúa chúng tội?
[n] [n] mà tức thì Lucifer mất
[p] chức thiên thần, đổi làm
[o] quỉ, gọi là Sathan, [o] lại
như sấm sét ſa xuống
địa ngouc, cũ nhều đứa
[q] nghịch làm bạn cũ nó
[p] nữa. [r] Saõ le cũ có nhều
đứa đức Chúa blòi, có
í sâu nhiệm, còn để ở
nơi gió rốũ nấy, cho đến
[q] hết thế, [q] mà những quỉ
ếy là kẻ cám dễõ, giục
lào người ta làm mọi
[r] sự lỗy; [r] bởi chúng nó
[ſ] ra mọi đạo vải, mọi sự gian, thề dối, [ſ] ŏan
gia, ghịch cũ nhau, tì đâm, giết bỏ người ta,

latrocinia [t] *denique omnia peccata certè ipsis impellentibus ab hominibus sic perpetrantur;* [u] *permittente scilicet supremo rerum Conditore,* [x] *qui pro suis secretissimis, sed æquissimis iudicijs,* [y] *maluit ex malis bona facere,* [z] *quam nulla esse permittere.*

[a] *Itaque prima die, siue in principio temporis creauit Deus cælum & terram, paradisum & infernum:* [b] *atque in paradiso collocauit Sanctos Angelos omnes fideles,* [c] *illosque beatitudinis æternæ compotes per gloriam effecit, & claram visionem faciei suæ:* [d] *rebelles contra æternis cruciatibus addicens,* [e] *sempiterna ignominia notauit.* [f] *sic supremus ille Iudex Deus,* [g] *homines bonorum Angelorũ imitatores Deoque supremo Domino perfectè subiectos, præmijs etiã donabit æternis:* [h] *rebelles cõtra, dæmonumq; sequaces*

[t] tlôm cướp, [t] cũ mọi tội thạt bởi chúng nó [u] dễ̃ là õ người ta phạm làm ḉệy; [u] vì chưng đức Chúa blời, đã làm [x] nên mọi lõài, [x] thạt có í sâu nhiệm, mà chi linh [y] chi coũ, [y] đã chọn để sự dữ, mà bởi ḉệy làm sự [z] lanh, [z] lệy làm hơn, chẳng để ai làm sự dữ.

[a] [a] ệy ḉệy mà ngày thứ nhứt, hay là khi đầu hết, đức Chúa blời hỡá nên blời cũ đết, và thiên đàng cũ địa ngoục, [b] mà cho các đức thánh thiên thần có giữ một lào cũ, [c] ở tlên thiên đàng, [c] và chịu, *gloria*, là ḉui ḉể đời đời, cũ hàng thấy mặt đức Chúa blời tố tưởng: [d] lại các thàng ngụy bắt gia hình khốn [e] nạn đời đời, [e] mà hàng chịu xấu hổ ḉệy chẳng [f] cũ. [f] Mà lại đức Chúa blời cả phán xét người [g] ta thì cũ như ḉệy, [g] vì chưng ai bắt chước thiên thần lánh, mà blọn

ḉưng phép đức Chúa blời là Chúa cả, thì cho chịu phúc đời đời; [h] mà kẻ nghịch bắt chước [h]

æternis

Digitized by Google

æternis cùm Sathana damnabit supplicijs.

i *Secunda die creauit Deus cælum hoc visibile, quod dicitur firmamentum,* k *cùm prima die cælum superius, scilicet Empyreum creasset: quod oculis nostris est inuisibile,* l *vtpote beatorum Spiritum sedes,* m *& supremi rerum Conditoris regia.* n *cælum tamen hoc visibile dicitur in scriptura sacra diuidere aquas ab aquis,* o *quia scilicet cùm totum hoc spatium, quod inter terræ globum, & cælum empyreum continetur,* p *implesset Deus aquis, quas magnum chaos dicere possumus,* q *firmamentum in medio illarum aquarum ita composuit,* r *vt magna ipsarum aquarum pars supra firmamentum remaneret,* s *vt aliqui putant. reliqua verò sub ipso firmamento, ita vt vniuersum adhùc terræ globum cooperiret:* t *ex hac ipsa aqua inferiori, partibusque eius subtilioribus, possumus dicere facta*

theo quí, thì đức Chúa blời phạt nó cũ Sathan, chịu tội đời đời đệy.

i Ngày thứ hai đức Chúa blời làm ra blời nầy ta xem, gọi là, *firmamentum,* k khi ngày thứ nhít đã hõá nên blời tlên, là thien đàng, con mắt ta xem chẳng đến, l thạt là nhà các đức thành thien thần, m cũ là kinh đô đức Chúa blời làm nên mọi sự. n saõ le tlaõ kinh đức Chúa blời phán ràng; blời nầy ta xem có chia nước ra tlên dưới, o vì chưng từ hòn đất cho đến blời tlên, cả và nơi khoũ ẽy, p đức Chúa blời đã đẽy những nước, tà gọi là hõn độn thì cũ nên: q blời ta xem thì làm ra giữa nước ẽy, r mà phần mlớn nước, ẽy, có kẻ ràng, đức Chúa blời đã đẽ tlên ẽy, s cón phần nước thừa, đã đẽ dưới blời nầy, cho đến che cả và hòn đất: t mà ta nói làm đệy thì cũ nên, đức Chúa blời lẽy

esse

Digitized by Google

esse à Deo [u] *aërem atque ignem, duo hæc quæ totam intercapedinem ab aqua (quæ adhuc supererat super vniuersam faciem terræ) vsque ad firmamentum occupant,* [x] *imò aliqui dicunt totum hoc venire nomine cæli:* [y] *vnde etiam in scriptura dicuntur volucres cæli, quæ in hoc aëre volitant.* [z] *Notandum autem est diem primam, secundam, & tertiam:* [a] *tres dies priores antequã sol formaretur, distinctas fuisse* [b] *per lucem, quã prima die fecerat Deus,* [c] *hæc per motũ circularem diuidebat diem & noctem.* [d] *Tertia itaque die cum aqua totum adhuc terræ globum cooperiret,* [e] *nec sic esset apta habitationi hominum:* [f] *supremus rerũ Conditor iussit vt aquæ congregarentur,* [g] *& relinquerent partem terræ siccã, & habitabilem hominibus,* [h] *atque ita facta sunt ma-*

nước ẽy dưới, và phần
[u] naò máõ thì làm ra, [u] và
gió róũ nầy, và lửa, hai
vật nầy đã đẩy blời nơi
khoũ, tù nước (còn khi
ẽy bao quanh cả và hòn
đất) cho tận blời ta xem;
[x] [x] lại có ké thì ràng cả
[y] và nơi ẽy cữ gọi là blời:
[y]) vì bởy tlaõ kinh đức
Chúa blời, cái chim bay
[z] tlên gió róũ nầy, cữ gọi
[z] là chim blời: [z] lại ta
phải hay sự ngày thứ
nhít, thứ hai, thứ ba,
[a] [a] là ba ngày tlước, khi
[b] chưa có mạt blời, thì
[c] [b] chia ra, [b] bởi đã cò sáng,
đức Chúa blời hõá ra
[c] ngày thứ nhít, [c] mà sáng
[d] ẽy blớ chung quanh, thì
[e] cho nên chia và đêm, và
ngày.
[d] [d] bởy ngày thứ ba khi
[f] nước hãy còn bao cả
và hòn đất chung quanh,
[g] [e] mà thế ẽy đất thì chẳng
nên cho người ta ở
[f] được, [f] đức Chúa blời
[h] làm nên mọi sự, thì khiến
[g] nước họp lại, [g] mà để
phần đất ráo để dành cho người ta được ở,
[h] làm bởy thì đã nên biển, là nước họp lại. [h]

ria

ria congregationes scilicet aquarum. [i] *Tunc iussit supremus Dominus vt terra* [k] *produceret arbores & plantas, cateraque virgulta & herbas, in vsum scilicet hominis,* [l] *& animalium postea producendorum alijs diebus,* [m] *statimque terra, iubente Domino, absque vllo semine, quod in se suscepisset,* [n] *produxit arbores fructibus iam maturis onustas, atque alia virgulta & olera:* [o] *eademque die produxit Deus paradisum voluptatis, tanquam hortum speciosissimum,* [p] *in quo erat perpetuum ver, absque vlla frigoris, aut caloris nimij molestia,* [q] *ita tamen vt quolibet anni tempore maturis fructibus abundarent arbores.*

[r] *Quarta postea die supremus Conditor ornauit firmamentum,* [s] *formando solem qui suo motu* [t] *diem constitueret, dieique praesset,* [u] *& lunã quę praesset nocti,* [x] *stellas etiam pulcherrimas produxit, quæ*

[i] Thoi đoạn đức Chúa blời, là Chúa cả thì khiến đất [k] mạoc ra cây cối, cỡ khác rau cỏ, cho nguời ta, [l] và muông chim cầm thú, dẽon sinh ra, [m] ngày sau dữ: [m] mạ đức Chúa blời khiến làm đẽy, tức thì đất, dầu chẳng có giống nào gieo [n] tlaõ, [n] thì sinh rà cây cối, đã có blái chín đã đẽy, [o] cỡ khác rau cỏ [o] mà cỡ ngày ẽy đức Chúa blời làm ra nơi chơi đẻ, [p] như vườn tốt lành, [p] tlaõ ẽy mát mẻ lien, như hàng mùa xõên, chẳng có rét, cỡ chẳng có sốt quá, mà làm khõn gì ai, [q] [q] faõ le blót năm tlền cây có blái chín.

[r] [r] Sau thì ngày thứ bốn đức Chúa cả làm nên mọi sự, dẽon blời cho [s] tốt, [s] mà sinh ra mặt blời cho blổ đọũ chung quanh, [t] làm ngày cho sáng, như làm cai ban ngày, [u] [u] cỡ sinh ra mặt blang, như làm cai ban đêm: [x] [x] lại sinh ra ngoi sao tốt lành, chẳng những là

Digitized by Google

non ſolum firmamentum ornarent, y ſed etiam in hæc inferiora per ſuas qualitates influerent in bonum vniuerſi.

z Quinta die iuſſit Deus vt ex aquis orirentur, a variæ auium ſpecies, quæ ſtatim in aëra volarent, eſſentque vt aëris huius habitatores: b tum etiam piſcium varia genera, quæ in aquis viuerent, eſſentque habitatores aquarum: c & ſic tam aues quam piſces ſecundum ſpecies ſuas multiplicarentur.

d Sexta porrò die ex ipſa humo produxit ſupremus rerum Conditor varias quadrupedum, & reptilium ſpecies, e quibus etiam indidit vim producendi ſibi ſimile, ſicque ſpecies ſuas conſeruandi, vſque ad finem mundi,

f Eodem ipſo die ſtatuit Deus facere hominem ad imaginem & ſimilitudinẽ ſuam, g tanquam totius operis ſui compendium, atque vltimum vniuerſi decus, h formauitque de terra corpus humanum perfectum triginta circiter

y làm cho blòi tốt, y mà lại giuẽng ſức mẽnh dưới hạ giái nầy, cho lành cả và thế giái đệy.

z đến ngày thứ năm có mlới đức Chúa blòi phán khiến nước ſinh ra, a và các giống chim cho bay tlên đệy: b và những giống cá, cho ſống tlaõ nước, mà ở tlaõ nước lien đệy: c mà làm đệy và cái chim, và con cá, ſinh nối giống mẽnh đệy.

d Mà đến ngày thứ ſáu đức Chúa blòi, là đức Thọ cả làm nên mọi lõài, thì lệy đất, mà ſinh ra lục ſức, cũ giống rắn, e lại cho mọi vật ẽy có ſức ſinh nối lõài mẽnh, cho đến hết thế đệy.

f Lại cũ một ngày ẽy đức Chúa blòi tõan ſinh ra lõài người, làm hình tượng thiêng đức Chúa blòi, g như thế gọp lại mọi việc đã làm, thật nở mất thế giái; h đệy thì lệy đất mà làm thân

ætati

ætatis annos repræsentans, [i] *& inspirauit in faciem* [i] *eius spiraculum vitæ,* [k] [k] *hoc est animam rationalẽ ex nihilo creans simul,* [l] [l] *& infundens in illud corpus iam perfectum:* [m] [m] *atque ita factus est homo in animam viuentem,* [n] [n] *atque ad imaginem & similitudinem Dei Conditoris sui;* [o] [o] *& tunc non solum dotatus est scientijs & virtutibus naturalibus,* [p] [p] *in ipso creationis suæ primo instanti:* [q] [q] *sed etiam ad gratiam & amicitiam Creatoris sui elevatus est,* [r] [r] *donisque multis supernaturalibus dotatus,* [s] [s] *ad finem supernaturalem beatitudinis æternæ, simul cũ Angelis beatis adipiscendum.* [t] [t] *accepit præterea dominium homo super omnia sensitiua,* [u] [u] *tam terrestria, quam volatilia & aquatilia,* [x] [x] *ita vt omnia ex quodam instinctu naturali ab ipso Creatore in-*

[i] xác người i khéo léo hình [i] ba mươi tuổi dõ, [i] và thổi ra khí sóũ đến mặt [k] người i, [k] là lẽy khoũ mà [l] sinh linh hồn thieng, [l] và phú cho ở tlaõ xác ẽy [m] đã làm ra bọn: [m] mà làm ẽy thì rà người có linh [n] hồn cho sóũ, [n] và là ảnh tượng thiêng đức Chúa [o] blời làm đẽy ẽy: [o] khi ẽy có chịu sáng biết và [p] nhìn đức bổn sức mềnh, [p] p từ đầu hết khi được [q] linh hồn cho sóũ: [q] mà lại đức Chúa blời đam người lên cho được chức *gratia*, là két nghĩa [r] cũ đức Chúa cha, [r] cũ cho phúc đức nhều tlên [s] sức mềnh, [s] cho được chịu phúc vô cũ đui đế đời đời, cũ đức thành [t] thien thần. [t] lại đức Chúa blời cho người làm Chúa tlên hết mu- [u] ông chim cầm thú, [u] và có ở dưới đất, và tlên [x] gió rủ, và con cá tlaõ nước, [x] cho nên các vật ẽy, bởi phép đức

Chúa blời cho, tự nhiên thì phải chịu lụy người,

to ad nutum eius parerent, y singuliſque nomen indidit, y ipſorum naturæ proportionatum: z omne enim quod vocauit Adam ipſum eſt nomen eius. a Vtque vitã hanc feliciorem duceret, b introductus eſt à Deo in paradiſum voluptatis; c in quo præter alias arbores pomiferas erat arbor Vitæ, d cuius fructus tantã habebat efficaciam, vt eius ſeneſcentem quemcunque, ad iuuenilem reſtitueret vigorem. e Voluit tamen ſupremus Dominus eius in eo fidelitatem experiri; f quod arborem ſcientiæ boni & mali, in paradiſo voluptatis g eius poteſtati non tradidit, ſed vetuit ne de illius fructu comederet, h quamuis fecerit illi Deus poteſtatem de omnibus alijs fructibus, qui in paradiſo erant, comedendi: i imò minitatus eſt illi mortem in quacunque die comedi-

Ngày thứ ba

y mà người đạt tên cho mỗi một vật ấy phải z tính nó: z vì chưng oũ Adam có đạt tên cho các vạt làm sao, thì phải a tên nó ấy. a Mà cho oũ Adam khi còn ở thế nầy được thanh nhàn b hơn, b thì đức Chúa Blời đem để vào oũ Adam ở tlaõ vườn chơi để, c c mà tlaõ ấy, chẳng kể cây khác có blái, lại có cây nào gọi là cây sóũ d lâu, d vì chưng ai ăn blái cây ấy, dù mà đã già yếu, thì cho sức e bằng khỏe lại, e sao lẽ đức Chúa Blời là Chúa cả khiến thử lão oũ Adam có dụng phép Chúa f cả thế nào, f mà tlaõ vườn chơi để ấy có một cây, gọi là cây làm cho g biết lành biết dữ, g mà cây ấy chẳng cho oũ Adam, bèn cấm blái một cây ấy, mà chẳng cho h oũ Adam ăn, h dù mà đã phụ cho mọi blái khác ở tlaõ vườn chơi để dầu lão ăn: i lại đe i ràng: có ăn blái ấy ngày nào thì chết ngày ấy:

sit

ſtet ſequuturam: [k] *quæ mors præſertim intelligitur de ipſius animæ immortalis morte,* [l] *per amiſſionem ſcilicet gratiæ ac iuſtitiæ Originalis,* [m] *quæ amiſſio lapſum ſtatim ſequeretur, & poſtea etiam de corporis* [n] *interitu per ſeparationem ipſius animæ à corpore,* [o] *cum aliis malis innumeris,* [p] *vtramque mortem vel comitantibus,* [q] *vel præcedentibus, vel conſequãtibus* [r] *Adam igitur audiens tale præceptũ Domini Creatoris ſui,* [ſ] *minitantis illi mortem tum corporis, tum animæ, cum innumeris aliis malis,* [t] *quæ in ipſum, ipſiusque poſteritatem eſſent ſanciendæ, cum amiſſione gratiæ & iuſtitiæ Originalis,* [u] *niſi ipſe ſupremo ſuo Domino obediret,* [x] *ſtatim ſubiecit ſe toto affectu Creatori ſuo, dicens,* [y] *ſi paulò ante crea-*

[k] [k] mà ſự chết ấy thì phải hay, nhứt về ſự linh hồn chẳng hay chết, mà phải [l] chết, [l] là mất, *gratia*, mất nghĩa cũ đức Chúa blời, đã cho đầu hết, là [m] ſóũ chất linh hồn: [m] mà phàm blái ấy bao giờ, thì mất ſóũ linh hồn bấy [n] giờ. [n] mà đến ſau xác cũ phải chết, khi linh hồn [o] ta khỏi xác, [o] lại cũ phải dều ſự khốn nạn kể [p] chẳng xiết, [p] hay là ở cũ hai ſự chết ấy, [q] hay [q] là phải trước, hay lá [r] theo ſau. [r] Vì bởi khi [ſ] oũ Adam nghe thấy có mlời đức Chúa blời là Chúa cha ſinh ra mình [t] có răn làm bởi; [t] mà lại đe chết, và xác và linh hồn, cũ tai vạ khác, [u] vô hồi, vô ſố, [u] cũ phạm hết đời mình ſau, phải [x] mất *gratia*, mất nghĩa, [x] cũ đức Chúa blời, [y] nếu [y] oũ Adam chẳng dưng phép đức Chúa cả, thì phạm mọi ſự khốn nạn ấy; [z] chóuc ấy oũ Adam [z] chịu phép đức Chúa cha hết lào, mà rằng, [a] tôi [a] lạy đức Chúa blời, tôi xưa chẳng tớ, mà đức

Digitized by Google

tum ex nihilo, [z] *totum*
suum esse habere à Domino, totque ac tantis bonis
ditatum, [a] *nihil omninò*
velle, nisi quod placeret
supremo Benefactori suo,
[b] *ideòque paratum se esse*
ad obediendum in omnibus,
[c] *cùmque tot recepisset à*
supremo Domino, ac bene-
factore suo, [d] *quid tandem*
hoc esset vt abstineret ab
esu fructus vnius illius
arboris,

[e] *Tunc Adam nondum*
habebat sociam, immisit
itaque Deus soporem in
Adam, [f] *ipsoque dormien-*
te detraxit vnam de costis
eius, & repleuit carnem
pro ea, [g] *atque costam*
illam ædificauit in mulie-
rem, eiusdem fermè ætatis
ac ipse Adam, [h] *animam*
quoque rationalem illi in-
fudit, [i] *excitatus verò à*
somno Adam, vt sociam
vidit ait: [k] *hoc nunc os, de*
ossibus meis, & caro de car-

Chúa blòi khi nẫy lẽy
[z] khoũ mà hõá ra tôi, [z] tôi
có đi gì bỏi đức Chúa
cha cho tôi, tlaõ mềnh,
và bề ngõài dều sự lành
[a] cũ cho tôi hết: [a] tôi
chẳng yêu gì, tôi hay
một ước thề nào chơ
tôi đẹp lãõ đức Chúa
[b] cha, [b] vì bẽy có mlòi
nào đức Chúa blòi thì
[c] tôi chưng hết, [c] mà lại
tôi đã chịu ơn đức Chúa
[d] cha nhều làm bẽy, [d] mà
tôi kiếng blái một cây
ẽy là bay nhều hột chò
tôi chẳng giữ bẽy.
[e] [e] Khi ẽy-oũ Adam chưa
có bạn, mà đức Chúa
[f] blòi làm cho oũ Adam
[f] ngủ đi; [f] đến khi đang
ngủ, thì đức Chúa blòi
lẽy một xương sườn cựt
oũ Adam ra, mà đề bẽ-
[g] aò thịt thay nó, [g] lại
[i] làm xương ẽy nên xác
đẫn bà, hình cũ một tuổi
[h] đồ bàng oũ Adam, [h] mà
lại hõá nên linh hồn đam
[i] bẽaò tlaõ xác ẽy, [i] thõắc
chóuc oũ Adam thức, mà thấy bạn thì ràng,
[k] xương nẫy bây giờ là xương tao, và thịt nẫy [k]

re mea: l propter hoc re- l
linquet homo patrem ſuum
& matrem ſuam, m & ad- m
hærebit uxori ſuæ, & erunt n
duo in carne una; n quod
totum ſpiritu prophetico
dixit. o Notandum autem o
eum Dei Scriptoribus Sacris p
non ex oſſe capitis Adam q
factam à Deo fuiſſe mu-
lierem, q quia caput mu- r
lieris eſt vir, teneturque
ipſa viro ſubeſſe: r quamuis
enim monere poſſit maxi-
mè virum, ſi erraverit, s
non tamen poteſt excan-
descere in virum, t quia t
eſt ſubdita & non caput vi-
ri: u attamen neque ex pe- u
de mulier formata eſt à
Deo; x ſed ex coſta, quin x
vir non debet uxorem i
habere ut ancillam, y ſed y
amare ut ſociam. z Præ- z
terea Deus non duas aut
tres Adamo uxores dedit,
ſed unam tantum, a quia a
debebant eſſe duo in carne

l Hà thịt tao: l nhơn vì sự
c ấy người thì để cha
m mẹnh; và mẹ mẽnh m mà
lấy bọ mẽnh lấm một
n cũ, bấy thì hai người
ra cũ một thịt. n Oũ
o Adam có chịu phép nói
sấm truyền mà nói bấy
p nhiêu đều. o Mà ta phải
q xét mọi oũ thánh cõên
r tử nào nhủ bấy; p khi
đức Chúa blời làm ra
s đấn bà, chẳng có lấy xu-
t ống đầu oũ Adam mà
u làm, q vì chưng đấn oũ
x là đầu đấn bà, mà đấn
i bà thì phải chịu lụy chồõ
y r vì đầu mà đấn bà bảo
z sẽ sẽ chồõ, khi chồõ lỗi,
a s thì cũ được, t saõ le
u máng mọ chồõ thì chẳng
x được, u vì chưng phải
i chịu lụy, mà chẳng phải
y đầu chồõ đầu. x Saõ le
z đức Chúa blời cũ chẳng
a có lấy xu-ống chẽn mà
x làm đấn bà ra, y bèn lấy
xu-ống ſườn cụt mà làm:
vì chưng chồõ chẳng
khá lấy bọ làm như tôi tá, y mà nên yêu như bạn
bấy. z Lại đức Chúa blời chẳng có làm cho oũ Adam
hai ba bọ, bèn cho một bọ mấy, a vì chưng hai

vt prophetauit Adam & non plures : [b] *& Annamitæ hoc etiam dicunt, virum & vxorem tradere sibi inuicem ossa & carnẽ.* [c] *sicuti enim vir habet ius in corpus vxoris,* [d] *vt viuente ipso non possit adhærere alteri viro* : [e] *sic etiã vxor habet ius in corpus viri,* [f] *vt ipsa superstite non possit vir aliam vxorem ducere,* [g] *in hoc enim pares sunt vir & vxor ex Diuino præcepto,* [h] *quod sic ab initio mundi fuit in Adamo & Eua executioni mandatum,* [i] *ac postea seruatum, saltem in prima tota mundi ætate vsque ad diluuium, ab iis qui legem Dei seruabant,* [k] *vt postea videbimus in Noe,* [l] *& filijs eius, ante & post diluuium.*

[m] *Sex itaque diebus supremus totius mũdi Artifex totum suum perfecit opus,*

người thì nên một thịt, như mlời sấm truyền oũ Adam nói ra, mà chẳng [b] phải nhều: [b] lại người Annam cũ nói bệy hai bọ chào gươi xuống [c] gươi thịt nhau: [c] vì chưng như chào có [d] phép tlên mênh bọ, [d] cho nên khi chào còn sóũ, bọ lẽy chào khác [e] chẳng đươc; [e] bọ thì cũ có phép tlên mênh [f] chào như bệy, [f] vì chưng khi bọ còn sóũ chào lẽy bọ khác cũ chẳng [g] đươc: [g] vì có phép đức Chúa blời răn, làm bọ chào bằng nhau tlaõ việc [h] ẽy, [h] mà tự đầu hết thế oũ Adam cũ bà Eua có [i] giữ làm bệy, [i] đến sau hẽ là kẻ có giữ đạo thánh đức Chúa blời, ít là cho đến lụt cả, là đõán tlước thế giái cũ [k] có theo như bệy, [k] như sẽ giảng sau, khi nói đến sự oũ Noe, [l] cũ sự con cái oũ ẽy, và tlước lụt cả, và sau.

[m] Bệy thì đức Chúa blời, là đức thợ cả mọi | [m] *dici-*

n dicturque requieuisse die septimo ab vniuerso opere quod patrarat; o quia die septimo nullum opus nouum, aut vllam creaturæ nouam condidit, p benedixitque diei septimæ, & sanctificauit illum. q sic etiã Adam & eius vxor diem illam ita cultui supremi Numinis consecrarunt, r ad gratias scilicet pro innumeris beneficijs acceptis agendas, s vt ab ipsa mundi exordio vsque nunc, veri Numinis cultores sic ad amussim obseruauerint t vt saltem septimum quemque diem sacrum reputauerint, u cultuique supremi rerum Conditoris addixerint, x & post sex dies in quibus opera facium seruilia, ad corpus scilicet alendum ac vestiendum pertinentia, y vt sunt agricultura, mercatura, fabrilium aliorumque eius generis operum, z die vno ab huiusmodi operibus abstinerant,

n sự, tlaổ sáu ngày làm ra
n mọi lõài, n mà nói ràng,
o ngày thứ bảy mọi việc
p rồi, thì có nghỉ: o vì
chưng ngày thứ bảy
chẳng có làm việc gì
mới, chẳng có hõá ra
q p vật nào mới, p mà nói
lành tiẽn ngày thứ bảy,
và làm ngày ẽy thánh:
r q mà oũ Adam cũ bạn
thì bắt chước như ẽy,
vì chưng có giữ ngày
s thứ bảy đẽ thờ phu-
t ậng đức Chúa cả, r cám
ơn nhiều kẽ chẳng xiết,
t u mà truyền giữ ẽy, t
cho nên từ đầu hết thẽ
đẽn nay, hẽ là kẻ có thờ
u thạt đức Chúa blời đờ i
x nào, lien có giữ làm
ẽy, chẳng fai một chút
y vì chưng hẽ là bảy ngày
z thì lẽy một làm lẽ lạy, u
mà đẽ thờ phượng đức
Chúa cả làm nẽn mọi
y việc, x mà khi sáu ngày
đã làm việc mọn kiếm
z y ăn kiếm mạc cho xác, y
như thẽ việc cạy cấy,
buận bán, làm thợ làm
thũ, cũ khác việc giõũ ẽy, z thì một ngày đừng

a vt

[a] *vt cultui supremi Numinis impensius vacent* [b] *& gratias agant pro tot beneficijs,* [c] *quæ singulis momentis, à supremo rerum Conditore accipiunt,* [d] *& quamuis laudes impendant Deo Optimo Maximo & gratias pro viribus agant,* [e] *semper sunt longè impares acceptis beneficijs.* [f] *Erant igitur in illo delitiarum paradiso tunc primi parentes nostri* [g] *in magna quiete ac pace tum animi, tum corporis:* [h] *omniaque animalia, tam terrestia quam volatilia atque etiam aquatilia,* [i] *ita erant illis subdita, vt ad nutum omnia obedirent homini;* [k] *vt si Adam è syluis aduocasset leonem, statim promptus aderat leo,* [l] *dominium eius à supremo rerum Domino datum instinctu quodam naturali sentiens:* [m] *si è profundo mari quemcunque*

[a] làm mọi việc mọn ấy, [a] để mà thờ phượng đức Chúa blời hết lòng, [b] mà làm ơn nhiều vô hồi vô số, [c] chịu liền liền bởi đức Chúa cả làm nên mọi sự; [d] mà dẫu khen ngợi đức Chúa blời rứt lành rứt cả, và cám ơn hết sức đấy, [e] liền thì còn xa lắm, mà chẳng bằng ơn chịu mình đẹy. [f] Ấy đẹy mà tổ tú ta khi ấy ở tlaõ vườn chơi [g] bể ấy [g] bằng an lắm và xác, và linh hồn; [h] và các muâng chim cầm thú, hay là tlên đất, hay là tlên gió rốũ, cũ là con cá tlaõ nước, [i] có chịu lụy hết, mà chưng phép [k] người: [k] như thể ví bằng oũ Adam có gọi muâng sư tử ở tlên rừng, tức thì muâng sư tử có [l] chạy đến, [l] tự nhiên chưng phép người, bởi đức Chúa blời cho làm [m] chúa nó: [m] lại nếu oũ

Adam có gọi con cá nào ở tlaõ biển cả, boũ chóuc thì

piscem

piscem accersisset, statim adnatans adveniebat: [n] si auem quamcunque è sublimi aëre adesse iussisset, [o] statim obsequens aduolabat, [p] Neque vllus erat ibi [p] æstus, aut frigus quod molestiam vllam afferret, [q] sed perpetuo vere, aëris-que mira [r] temperie fruebantur primi parentes. [s] Quod autem præcipuum est, quia caro ita spiritui erat subdita, vt nullam eius rebellionem spiritus experiretur, [t] omnesque sensus, tàm interni, quàm externi, rationis imperio erant ita subditi, vt nullo modo contradicerent ei: [t] totumque hoc quod poterant primi Parentes simul cum Iustitia Originali, [u] erant in filios ac nepotes transfusuri, absque vllo mortis metu, [x] & cùm vellent tempore suo, vel ipsi, vel eorum filij, [y] beatitudine cælesti perfui, [y] Deus illos in cælum

[n] lọi đến, [o] hay là có cái chim nào bay cao tiên gió rốũ, mà khiến lại, [o] thỏát chóuc thì ḅưng [p] phép, mà bay lại. [p] ḅệy tlaõ vươn ẽy chẳng có sốt gì, cữ chẳng có rết, [q] mà nên khó làm sao, [q] bèn tlaõ ẽy như có mùa xỏ-ên lien, cho tổ tế ta ở mát mẻ, ḅui an lành lien ḅệy. [r] Mà lại có sự trạõ hơn nữa, vì chưng khi ẽy thần xàc thịt thì có chịu lụy linh hồn, mà chẳng có cãi phép ẽy, [s] [s] và các phép thịt tlaõ ngỏài thì ḅưng phép mlẽ phải, mà chẳng hay cãy [t] sốt. [t] lại mọi sự tổ tế ta có chịu ở mềnh ḅới *gratia*, là nghĩa cữ đức Chúa blời, đã chịu khi [u] đầu hết chịu sóũ, [u] thị cữ truyền hết cho con cho chàu, mà chẳng có [x] dái chết, [x] cữ đến khi ở thế nầy đã no, mà hay là tổ nẽ, hay là con cái, muấn lên thiên đàng, chịu ḅui ḅể đời đời, [y] thì đức Chúa blời ruốc lên, và xác và linh [y]

assumpsisset in corpore simul & anima, [z] *sine vllo mortis tributo.*

[a] *Inuidit scilicet peruersus cacodæmon tantæ hominũ felicitati,* [b] *tumque ex odio quod in ipsum Deum exercere non poterat,* [c] *in ipsam Dei gratam imaginem iram suam conuertit,* [d] *ac omnem conatum exeruit, vt illam contereret,* [e] *maximè cùm sciret sedes in cælo beatas ab ipso, ac socijs eius amissas,* [f] *Deo disponente ab hominibus occupandas.* [g] *Itane verò, aiebat superbus;* [h] *patiar ego vt homo è puluere ortus sedem supremæ felicitatis, quam ego amisi, adipiscatur,* [i] *ego verò qui purus sum spiritus in inferno extremis afflictus miseriis sedeam?* [k] *faciã certè vt & ipse quoq; vt per inobedientiam in factorem suum, ruat mecum in perpetuum interitum.* [m] *videbat certè malignus dæmon virum*

[z] hồn, [z] mà khi ẽy chẳng có phải chết đâu.

[a] [a] Sao le khi tổ tử ta ở cùi cho an lành làm vậy, mà quỉ dữ thì ghen ghét, [b] vì khích nghịc đức Chúa blời, mà làm chi đẽy chẳng được, [c] thì toan phá ảnh tượng đức Chúa blời yêu, [d] mà dủ hết sức dữ tọn mềnh làm hại loài người, [e] nhít là vì chưng đã hay tỏa cùi cho tlên blời, và mềnh, và bạn mềnh đã bỏ mất, [f] đức Chúa blời để dành cho người ta ở. [g] mà quỉ thấy vậy mà kieu nghao, thì nói ràng; [h] sự làm sao cho tao chịu được, cho có người bởi đất mà ra, lại ngồi ở được tỏa kục trạo, kục cùi, tao đã mất đi, [i] mà tao là tính những thiêng liênh, ngồi ở tlaõ địa ngục, mà chịu những sự rứt khốn khó ru? [k] thạt tao làm cho nó ngịch cử Chúa blời cùi, [l] mà cùi nó ngã người chết đời đời cử tao. [m] cùi thì mà [m] cau-

cautiorem esse, [n] *nec facilè suggestiones malignas admissurum;* [o] *maluit ergo debiliorem mulieris sexum aggredi,* [p] *vt per mulierem victam, virum etiam ipsum à statu felici in miseriam deturbaret,* [q] *captabat igitur cacodæmon animam opportunam, vt mulierem solam reperiret,* [r] *à viro suo seiunctam, vt illam facilius deciperet :* [f] *Tunc Adam iam declarauerat Euæ Diuinum Præceptum,* [t] *de non comedendo fructu arboris scientiæ boni & mali sub pœna mortis.* [u] *postea cùm sola Eua per hortum voluptatis vagaretur,* [x] *& aduenies curiosius fructum arboris vetiti contemplaretur,* [y] *laudaretque vt pulchrum, visu, aspectuque delectabile,* [z] *attingere tamen minimè auderet,* [a] *aditum nihilominus ad tentationem diabolo dedit,* [b] *is igitur qui in serpentem ingressus,*

[n] quĩ dữ xém thấy chào [o] khôn ngoan hơn, [p] mà chẳng nghĩ chịu mlời [q] nó cám dỗ, [r] vì bởy nó chọn dễ dành đến [f] bà yếu sức hơn, [t] mà được bợ ngã, thì giục bợ cho được chào, bó mất sự bui bé, mà ngã tlaõ sự khốn nạn bởy: [u] nhin vì sự ấy mà quĩ dữ thì dẽom khi naò kịp cho gặp đến bà ở [x] một mềnh, [y] mà khối mạt chào, cho nghĩ dỗi [z] đến bà được. [a] khi ấy oũ Adam thì đã nói tó tường cữ bà Eua nhữ̃ng mlời đức Chúa blời răn, [b] chớ có ăn phải blái cây biết lành biết dữ, [u] mà phải chết, [x] đến sau có ngày bà Eua ở một mềnh, mà đi choi ở tlaõ vườ̀ng bui bé, [y] đến nơi có cây cấm ấy thì coi lại lám, [z] mà khen ràng, thấy thì tốt lành, [a] vá bui xem, [b] saõ le tay đá đến thì chẳng dễám; mà bởy thì mở đàng cho mà quĩ cám dỗ được: vì chưng ma-

illa minterrogare cepit; [c] cur de fructu illo pulchro non comederet? [d] cui mulier ineptè respondit dicens vetitum sibi à Deo esse, ne fortè, inquit, moriamur, [e] [f] tanquam dubitans, an verè esset moritura si comederet, [g] quæ dubitatio ianuam tentatori aperuit ad mentiendum, & seducendum: [h] statim enim contra Diuinum verbum diabolus affirmauit, nequaquam moriemini, inquit, [i] scit enim Deus quod in quocunque die comederitis ex eo, [k] aperientur oculi vestri & eritis sicut Dij, scientes bonum & malum: [l] impudenter scilicet supremo Numini inuidiæ imponens, [m] ac si nollet homines habere scientiam boni & mali [n] atque ideò fructum illius arboris vetuisset, [o] ne fierent sicut Dij, scientes bonum & malum. [p] Atque ita mulier damonis

Ngày thứ ba

quĩ thấy ệ̃y thì nhệp ệ̃ao tlaõ con rắn, mà [c] hỏi ràng: [c] blái nầy tốt lành, sao bà chẳng ăn? [d] [d] mà bà ệ̃y thưa mlòi [e] dại ràng: [e] đức Chúa blòi có cấm, mà ăn phải [f] dái chết chang, [f] như thế bàng hồ nghi, ăn [g] phải có chết chẳng: [g] mà mlòi hồ nghi làm ệ̃y thì mở cưả cho ma quĩ đỗi, mà cám dỗ đươc: [h] [h] vì ma quĩ tức thì cãi mlòi đức Chúa blòi, mà đỗi ràng: nào có chết [i] đâu; [i] vì chưng Chúa blòi đã hay, ngày nào bay [k] ăn phải blái nầy, [k] thì mở con mắt bay ra, đươc chức bàng Chúa blòi, mà biết sự lành sự [l] dữ: [l] ệ̃y thì ma quĩ dễám bỏ lão ghen ghét cho đức Chúa blòi là [m] đức Chúa cả: [m] như thế bàng đức Chúa blòi chẳng cho người ta biết [n] sự lành sự dữ, [n] mà vì sự ệ̃y cấm blái cây ệ̃y [o] [o] cho kẻo người ta đươc chức bàng đức Chúa blòi, biết lành dữ ru. [p] Mà [p]

Dei

vt afluti serpentis vocem audiens, [q] præceptumque Dei abiçiens, extendit manum ad fructum vetitum & decepta comedit, multipliciter errans, [r] primum quod à viro se subduceret, sola in paradiso illo vagaretur. [s] si enim cum viro fuisset, nequaquam diabolus fuisset ausus illam aggredi: [t] huius exemplo distant mulieres non vagari sola sine fideli comite, ne decipiantur; [u] deinde quod contemplaretur fructum arboris vetiti, [x] ac etiam intra se laudaret, tanquam pulchrum oculis, aspectuque delectabile: [y] vnde etiam fortè, præbuit ansam diabolo illam tentandi, [z] vt dicamus omnes non aspicere, nec laudare, quod non licet concupiscere. [a] tertiò erravit in eo quod cum dæmone intra serpentem latente sermonem miscuit, [b] Satim namque ac serpentis

làm bộy đàn bà nghe mlòi ma quỉ dữ, o tlaõ [q] con rắn quỉ quái, [q] mà bỏ mlòi đức Chúa blòi, vì tay mẽnh cắt lẽy blái cấm, nghe mlòi dối mà ăn, bộy thì lỗy nhiều sự. [r] [r] tlước thì có lỗy, ví dề chàõ, mà một mẽnh đi choi dữ dài tlaõ vườn [s] đui bé: [s] ví bàng ở cữ chàõ, ma quỉ thì chẳng dễám đến cám deõ bà [t] ẽy: [t] hễ là đàn bà thỉ phải xem guờng nầy mà haọc, chớ có đi dữ dài một mẽnh, khi chẳng có bạn ngay, mà phải kẻ [u] gian. [u] Sau thì bà Eua có lỗy, vì có xem lâu [x] blái cấm, [x] mà tlaõ lào cữ khen ràng, xem thấy [y] tốt lành báy: [y] âu là mà quỉ thấy bộy, thì lẽy làm [z] kịp mà cám deõ, [z] cho hết ta đươc hay, hễ là vật gì ta chẳng nên uống, ta chớ coi lại, chớ khen. [a] [a] thứ bà thì cữ lỗy, vì nói khó cữ ma quỉ, ấn [b] mẽnh tlaõ con rán: [b] vì chưng khi nghe thấy tiếng con rắn, mlẽ thì

vocem

vocem audiuit, debuerat
aufugere, [c] *virum quærere, atque illi venenatas illas ſerpentis ſuggeſtiones referre,* [d] *nec vllum ſerpenti reſponſum dare, ne deciperetur,* [e] *ſed quia temerè reſpondit facilè decepta eſt,* [f] *hoc docet mulieres cum incognitis non facilè miſcere ſermonem,* [g] *maximè cùm ſunt ſolæ, ne decipiantur.* [h] *Denique maximè peccauit mulier eo, quod præceptum & comminationem certam mortis, quam Deus affirmanter prædixerat,* [i] *in dubium reuocauit Eua cum dixit, ne fortè moriamur:* [k] *ex quo dubio ſumpſit anſam diabolus mentiendi,* [l] *& abſolutè negandi futuram talem mortis pœnam, dicens: nequaquam moriemini;* [m] *vt diſcamus omnes, nullo modo titubare, nec in dubiũ reuocare verba Dei, ne grauiter peccemus;* [n] *quia Deus vt potè qui nouit omnia etiã, ante-*

Nhày thứ bà

[c] phải tlồn tức thì, [c] đi tìm chàõ, mà nói ra cũ những mlòi đoục dữ ếy, con rắn dẽở dẽành giục
[d] làõ làm ſao, [d] mà chớ blá mlòi gì nó, kẻo mạc
[e] mlòi đớ-i: [e] ſaõ le vì đã thưa những mlòi láo
[f] dáo, thì cháõ phải ſa cám dẽở, [f] ſự nầy dẽay đẫn
[g] bà, chớ có dẽ nói khó cũ ké chẳng biết là ai,
[g] nhít là khi ở một mềnh cho kẻo phải gian tà.
[h] [h] ſau hết đẫn bà có tội lám, vì mlòi thật đức Chúa blòi răn, mà chẳng
[i] giữ thì đe chết thạt, [i] Eua lếy làm hồ nghi ộệy ràng, phảy ăn có chết
[k] chang: [k] mà mlòi hồ nghi làm ộệy, thì có mở đàng cho ma quỉ dối blà
[l] [l] mà chối ộệy ràng: chẳng có phải chết đâu;
[m] [m] ộệy cho ta hết thay thải haọc ſự mlòi đức Chúa blòi, chớ có dái dối ſốt, chớ có lếy làm
[n] hồ nghi, mà lỗy lám: [n] vì chưng đức Chúa blòi

quam

quam fiant : • *non potest* • đã biết hết mọi sự, dù
falli nec potest Deus falle- mà chưa có sự ấy, vì
re aliquem P *vt pote su-* P bởi được đức Chúa blời:
prema & infinita Veritas • • mà lại đức Chúa blời
& Bomtas.. q *sed potius* q chẳng có dối được ai,
omnia tela inimici ignea P P vì chưng là nhứt thạt
extinguere debemus, r *assu-* r thà vô cữ, lão lành vô
mẽtes spirituale scutũ fidei, q cữ bởi: q sao ta phải lấy
ac ei resistere fortes in- blời đức Chúa blời ta
fide. s *Taceo inordinatum* s tin, r lấy như thỏản thi-
sciendi appetitũ, quem ha- eng, mà tát hết tên lửa,
buit mulier, t *fidem quo-* t ma quỉ bỏ cho ta, bởi
que præstans diabolo dicen- ta lấy blời tin, mà ở
ti. Eritis sicut Dij. u *qui* u s rằn mạt cữ nó. s Chẳng
appetitus sciendi, illam- kể sự dẫn bà ước cho
potius ad præuaricationem t biết lảo dáo bởi ấy, t mà tin
induxisse videtur, quam blời quỉ khi ràng, được
appetitus cibi & gustus, x chức bàng Chúa blời,
x *non enim deerant in* u u âu là sự muốn láo dáo
Paradiso alij fructus lon- ấy cho biết, có giục lão
gè pretiosiores, z *præcipuè* y Eua phạm tội, hơn sự
arbor vitæ, quæ erat in- x thèm ăn: x vì chưng tlão
medio Paradisi, y *& de qua* z vườn bui bể chẳng có
sicuti & de alijs omnibus thiếu gì blái khác tốt
habebant facultatem pri- y hơn xa lám: y nhứt là có
mi parentes sumendi ad cây sóũ lâu, ở giữa vư-
libitum, a *præterquam* z ờn bui bể, z mà đức
de vna illa scientiæ boni Chúa blời cho tổ tũ ta
& mali arbore, à Deo ve- ăn, và blái ấy sóũ lâu,
tita. và blái khác dầu lão, a có một blái ấy biết lành | a
biết dữ, đức Chúa blời cấm mà thôi.

b *Neque*

b *Neque contenta fuit mulier edere de fructu prohibito,* c *sed etiam virum ad idem peccatum induxit:* d *cum enim diabolus Adamum solus immediatè aggredi non fuisset ausus,* e *quem tamen præcipuè supplantare intendebat,* f *vt scilicet in illo tamquam in capite totum humani generis massam corrumperet,* g *ideò mulierem induxit vt viro fructum vetitum offerret.* h *Adam igitur videns socium suam, quam vnicè amabat, iam fructus vetiti esse corruptam, i non illam, vt debuerat, reprehendit,* k *sed potius eius exemplum secutus, etiam ipse comedit fructũ à muliere oblatum;* l *non quod Adam fuerit deceptus,* m *optimè namque nouerat, se in præceptum, si ederet, impingere,* n *& gratiam, & amicitiã Dei cum Iustitia originali amittere,* o *tam pro se quàm pro toto humano genere,* p *sicque per peccatum*

b Mà đẫn bà ăn blái cấm, c chẳng lấy làm đủa, c lại giục lão chào cũ phạm d tội ấy: d vì chưng khi ma qui đến cám dỗ oũ Adam, một mình chẳng e dễám, e mà nhít là có í muẫn làm cho oũ Adam f ngã, f bởy thì làm hư đầu, cho cả và lỗài ngươi ta nát đời: g nhin vì sự ấy thì giục đẫn bà lấy blái cấm, mà dưng cho h chào. h ấy bởy mà oũ Adam thấy bạn mình yêu hết lào, đã ăn phải blái i cấm, mà hư, i chẳng lọ là chẳng có máng, mà mlẽ k thì đã máng, k lại bắt chước bạn, mà ăn phải blái ấy, đẫn bà dưng l cho l lão oũ Adam chẳng có phải mlòi như nhầm m đâu: m vì chưng oũ Adam đã biết tỏ tường, n ăn thì phạm răn, n mà bỏ mất *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blòi, lại bỏ o mất nhin đức đầu o cho mẽnh, lại bỏ mất cho cả và lỗài ngươi ta nữa, p p mà bởy phạm tội thì

mortem

mortem incurreret, tùm
corporis, quàm animæ, q
cum aliis innumeris malis
quæ subiturus erat, tum
ipse, tum vniuersa eius pro-
sapia: r *nimius tamen* r
amor quo sociam proseque-
batur, illum ad tot tan-
taque mala scientem ac
volentem induxit, s *& for-* s
tè ne sociam contristaret,
non dubitauit præceptum
Diuinum infringere, t
t *atque edere de fructu à* t
Deo vetito. u *Statim post* u
peccatum cæperunt erube-
scere primi Parentes, x x
quòd nudi essent, & folia
ficuum consuerunt ad tegen-
dum se, y *Cùmque audi-* y
issent vocem Dei deambu-
lantis in paradiso z *timue-* z
runt, & abscondérunt a
se in medio paradisi: a *(si-* a
bilem enim aliquam figu-
ram videtur assumpsisse
Dominus Deus vt illos ar-
gueret:) b *sed quomodo la-* b
tere possent, aut effugere
Diuinum oculum, omnia
clarissimè intuentem. c *Vo-* c
cat igitur Dominus Deus

phải chết và xác và linh
q hồn, q cũ phải những sự
khốn nạn mềnh, vô hồi
vô số, cũ cả và họ mềnh
r nữa phải chịu: r sảo le
bố-i yêu bạn đã quá, dầu
đã hay có phạm những
sự tai vạ làm chẳng, cứ
s chọn chịu chẳng, s mà kẻo
mất lảo bạn, âu chẳng nè
phạm tăn đức Chúa
t blờ-i, t mà ăn phải blái
đức Chúa blờ-i cấm chẳng.
u u Phạm tọi đoạn thì tỏ
tứ ta tức thì hổ ngươ-i,
x x vì mềnh ở tlần tluồng,
mà lấy lá cây vả, mầy
y lại che mềnh. y khi ấy
thấy tiếng đức Chúa
blờ-i đi lại tlaõ vườn
z chơi bẻ, z thì sợ hãi, mà
ẩn mềnh giữa vườn chơi
a bẻ chẳng: a (âu là đức
Chúa blờ-i có lấy hùng
tuồng nào, cho tỏ tứ ta
thấy được, mà chẳng
b trách tỏ tứ ta:) b sảo le
nào có ăn mềnh được,
hay là tlánh cón mắt đức
Chúa blờ-i, đã thấy hết
c mọi sự rứt tỏ tuồng. c
Chẳng thì đức Chúa blờ-i

Digitized by Google

Adam, & dicit, Vbi es? [d] *proprio territus peccato respondet Adam.* [e] *Vocem tuam audiui in paradiso & timui,* [f] *eò quod nudus essem, & abscondi me.* [g] *Rursus Dominus ad illum: Quis enim indicauit tibi quod nudus esses?* [h] *certè quod ex ligno, quod præceperam tibi ne comederes, comedisti.* [i] *nam priùs cùm adhùc esset cum innocentia originali primi parentes,* [k] *quamuis nudi essent, non erubescebant,* [l] *at post peccatum, rebellionem carnis sentientes,* [m] *iam de nuditate erubescebant;* [n] *cùmque Dominus Adæ suum obiiceret peccatum,* [o] *vt illud Adam ingenuè fateretur, sicque facilius veniam consequi posset:* [p] *maluit ipse reijcere peccatum suũ in mulierem, & indirectè in ipsum etiam Deum, dicens:* [q] *Mulier, quam dedisti mihi socium, dedit mi-*

Ngày thứ bả

gọi oũ Adam rằng: mầy
[d] ở đâu? [d] oũ Adam thì
sợ, vì có tội, mà thưa
[e] rằng: [e] tôi lạy đức Chúa
blời, tôi đã nghe tiếng
đức Chúa blời, tlaõ vu-
ờn bui bé, mà tôi sợ
[f] hãy, [f] vì tôi tlần tluồng,
[g] thì tôi ẩn mềnh. [g] đức
Chúa blời lại phán rằng:
ai bão mầy, cho mầy hay,
[h] mầy ở tlần tluồng? [h] that
bở i mầy ăn phải blái
[i] tao đã cấm mà chớ: [i] vì
chưng khi tờ tũ ta hay
eòn lành, giữ blọn nghĩa
đầu hết đức Chúa blời
[k] cho, [k] dầu tlần tluộng,
cũ chẳng có hổ ngươi:
[l] [l] saõ le phạm tội đoạn,
vì mềnh xác có nghịch,
[m] [m] cũ linh hồn, mà tlần
[n] tluồng, thì hổ ngươi: [n]
khi ẽy đức Chúa blời
[o] bố tọi oũ Adam thuộc
[o] mạt oũ ẽy, [o] cho oũ ẽy
xưng ngay tội mềnh, mà
nghỉ chịu đươc tha bẽy,
[p] [p] saõ le oũ Adam có chọn
bố tội mềnh tlên đầu
bà, mà bẽy cũ nhũ bố tlên đức Chúa blời, ràng:
tội lạy đức Chúa blời, [q] đẫn bà đức Chúa blời [q]

bi

hi de ligno & comedi ; [c] *Sic locutus est Adam quasi vero non deberet potius præcepto Dei adhærere, ac mulieris suasiones rejicere ;* [f] *præsertim cùm ipse non fuerit seductus,* [e] *sed sciens ac volens fructum mortis acceperit.* [u] *Cùmque postea Dominus Deus etiam mulierem interrogasset, Quare hoc feciſti ?* [x] *illa respondit, Serpens decepit me, & comedi* [y] *tanquam culpam à ſe in serpentem rejiciens :* [z] *cum tamen Deus vellet, ut ſuã culpam agnoſceret,* [a] *quod & ipſa fructum vetitum comediſſet, & vino comedendum dediſſet.* [b] *Quia tamen benigniſſimus Dominus iam ex tunc humano generi, miſerè ſic lapſo, remedium parabat ;* [c] *priùs in ſerpentem inuehitur ; ſeu potius in diabolum, ſub illa ſerpentis figura latentem :* [d] *Inimicitias,*

Ngày thứ ba 91

cho tôi làm bạn cũ ; thì cho tôi blái, mà tôi đã ăn. [c] Oũ Adam thì nói dêy ; như thế dưng mlòi đức Chúa blòi răn, mà bỏ mlòi đấn bà dễỏ [f] dành, chẳng hơn ru ; [e] nhứt vì oũ Adam chẳng có phạm vì ai dỗi mềnh đâu, [e] ſaỏ thì biết, và dược lào ăn blái chết [u] dêy. [u] Sau thì đức Chúa blòi cũ hỏi đấn bà, phán ràng : ſao mấy làm thế [x] êy gái kia ? [x] mà đấn bà thưa ràng : tôi lạy đức Chúa blòi, con răn đã dỗi tôi, mà tôi đã ăn : [y] [y] như bàng giải mềnh, mà bỏ hết va cho con [z] răn dêy. [z] khi đức Chúa blòi muốn cho đấn bà [a] xưng mềnh có lỗy, [a] và khi mềnh lêy blái cấm mà ăn, và khi dưng cho [b] chàỏ ăn cũ. [b] Saỏ le vì đức Chúa blòi rứt nhin, mà tù êy đã dẽọn chứa lỗài người ta, đã ngã mà khốn nan làm dêy ;

[c] tlước thì máng con răn, hay là thạt máng phạt quỉ, đã lêy hình con răn, ấn mềnh, [d] thì [c] [d]

inquit, ponam inter te &
mulierem, [c] *& inter se-*
men tuum, & semen illius,
& ipsa conteret caput tuũ
&c. [f] *quibus verbis ruinam diabolo prædicit per Saluatorem mundi, qui de*
muliere nasciturus erat. [g] *postea tamen vtrique parenti varias ærumnas prædicit, quas & ipsi passuri*
erãt, & tota eorũ prosapia,
[h] *ac demum mortem, quam*
omnes propter Adæ peccatũ erant subituri; [i] *ac propterea de paradiso voluptatis illos eiecit* [k] *sine spe*
ad illum redeundi, [l] *ne*
forte de fructu arboris vitæ comederent, per quem
vitarent corporis mortem;
[m] *Atque hinc nascimur omnes peccati originalis maculâ infecti;* [n] *atque ideò*
etiam paruuli qui vsu rationis adhuc carent, [o] *tamen peccatum originale*
contraxerunt, antequam

đức Chúa blời phán
ràng: ngày sau tao làm
cho mầy cũ đần bà nghịch
[c] nhau, [c] và giống ra bởi
mầy, cũ giống ra bởi đần
bà, cho hai giống nghịch
nhau, mà đần bà ngày
sau đập giã giệt đầu mầy.
[f] [f] Mlời nầy đức Chúa
blời phán, là sấm truyền
sự ma quỉ ngã, vì có
đức Chúa blời kó-u thế,
bởi đần bà mà sinh đẻ
[g] ra đời: [g] sau thì mới phán
dều sự khốn nạn, tổ tũ
ta, cũ cả và họ phải chịu,
[h] [h] sau nữa thì cũ phải chết
hết, vì bởi tội ou Adam:
[i] [i] nhin vì sự Ey đức Chúa
blời xua tổ tũ ta ra
[k] khỏi vườn chui bé, [k] mà
chẳng còn có tlống được
[l] blở lại tlaõ ếy nữa, [l] cho
kẻo ăn được blái cây
sống lâu, mà làm chệy khỏi
[m] chết xác. [m] bởi đếy cho
nên ta hết thay thải, khi
mới đẻ ra, đã phải lếy
blộ tội tổ tũ ta truyền
cho ta. [n] vì chệy dầu tlẻ naò mọn mới đẻ, mà [n]
chưa có chúa í mênh, [o] saõ le khi chưa có đẻ [o]

nascerentur

nascerentur, [p] *ideò remedio etiam ipsi indigent, ad illud peccatum abstergendum,* [q] *ne in æternum priuentur gloria cælesti, si fortè ante vsum rationis moriantur,* [r] *tanquam veræ inimici Dei.* [s] *quòd si mors aliquis illorum contingat, post Baptismum ritè susceptum,* [t] *æternâ beatitudine in societate beatorum Angelorum potientur.* [u] *quare maximè id curandum, etiam filijs Ethnicorum, ante vsum rationis decedentibus;* [x] *quod prudenter faciendum, etiam inscijs, aut inuitis parentibus,* [y] *cum infantes morti sint proximi, antequam extinguantur, opportunè baptismum ministrando.* [z] *Atque hoc misericordiæ opus pluris faciendum est, quam si immensi thesauri pauperibus distribuerentur.*

ra, phải tội tổ nẽ truyền
[p] cho, [p] bởi đẩy cho nên
tlẻ nào dầu mọn thì phải
chịu phép, mà giải tội ẩy,
[q] cho kẻo phải mất đời
đời fự chui bẻ tlên
[r] blời, [r] nếu tình có phải
chết, khi chưa có chúa
í mềnh, vì đã phải mất
nghiã cũ đức Chúa blời:
[s] [t] nếu tlẻ mọn nào phải
sinh thì, khi đã chịu phép
[t] rửa tội cho nên, [t] thì
đươc chịu chui bẻ đời
đời, làm bạn cũ đức
thánh thiên thần ẩy.
[u] [u] Vì ẩy thì phải lo cho
nẽo, mà làm phép ẩy,
dầu cha mẹ chưa có đạo
mà con tlẻ khi rình chết
chưa có chúa í mềnh:
[x] [x] mà phải lo việc ẩy cho
khẻo, dù mà cha mẹ con
tlẻ ẩy chẳng hay, hay là
[y] chẳng khứng, [y] mà con
tlẻ đã ring chết, thì phải
làm phép rửa tội cho kịp,
[z] khi chưa có tắt hơi. [z]
Mà phúc thưởng xót nầy, thì phải lẩy làm trạo hơn thí cho
kẻ khó của trạo vô hồy vô số ẩy.

[a] *Adam post peccatũ è paradiso ejectus, quamuis pœnitentiam agere cœperit,* [b] *statim tamẽ perfunctive etiã cœpit quanta mala sibi, ac progeniei suæ per illud peccatum intulisset:* [c] *quamuis enim peccati sui veniam quoad culpam, à Misericordia Dei accepisset;* [d] *in sudore tamen vultus sui vescebatur pane suo,* [e] *& Eua dolores partus in pœnam accepit:* [f] *quodque prius fuit, rebellionem in primo, quem peperit, filio vidit Satan, &* [g] *ut neque pro prio fratri Abel peperceret, nam ex inuidia illum necauit:* [h] *cùm enim Abel pie Deum coleret, eiusque sacrificia Deo essent accepta:* [i] *contra Cain impius & inuisus Deo esset, id ægrè ferens, mortem intulit fratri,* [k] *atque ideò vagus fuit super terram, filios etiam*

[a] Vì Adam phạm tội đoạn, mà khỏi vườn chưa bề, dầu lien [b] có ăn năn tội, [b] song le cũ đã xem thấy tức thì những sự khốn nạn, và mình, và họ mình phải, [c] vì mình phạm tội ấy: [c] vì chưng dù mà đức Chúa blời thưởng, mà tha tội cũ ấy, cho nên [d] khỏi vạ vô cũ, [d] song le cũ chịu mạt mình đổ mồ [e] hôi, cho được ăn, [e] mà bà Euà chịu phạt sự khốn [f] khó khi đẻ con: [f] mà lại đã thấy càng khốn hơn nữa, vì đã thấy con đầu lòng mình đã nghịch [g] cùng ấy, [g] cho đến chẳng tha em mình, tên là cũ Abel, thàng ấy bởi ghen ghét, mà đánh chết [h] em: [h] vì chưng cũ Abel thờ phượng đức Chúa blời hết lòng, mà cũ Abel tế lễ, đức Chúa blời [i] lấy làm yêu: [i] song thàng Cain quỉ quái, chẳng

đẹp lào đức Chúa blời, bởi thàng Cain thì ghen ghét, mà đánh chết em; [k] cho nên thàng Cain [k]

genuit

genuit sibi similes, l impios sciluces ac Diuinæ ma- jestati rebelles, qui solum terrena saperent; m bi po- l ganismum inuexerunt in mundum, & instrumenta nefaria, & bellica. n Tertium filium genuit Adam, quem vocauit Seth, o il- loque docuit piè Deum colere, cumipsius progenie; p atque ideò filij Seth vo- cati sunt filij Dei, q inter quos Henoch ita placuit Deo, r vt tuleris eum Deus, nec amplius apparuerit, f eumque tuleri Patriarcha iam diu mortem obierint, t unus tamen Henoch, post quatuor mille, & amplius annos, est adhuc in cœlis, u in loco secreto translatus à Deo. x Postrema tamen prope finem mundi est mo- riturus pro Sancta lege Dei. y & quamuis aliquis Patriarchis ante diluuium

đi dủ dài trên đất, cũ sinh ra con cáy bát chư- l óc nó, l những thàng quỉ quái, mà ngịch cũ m đức Chúa blờ-i, một lo sự thế gian mà thôi: m bởi những đứa ấy cho n nên ra thói thế gian lấy dễ đợ, mà đẫn hát, cũ o kí giải, bởi chúng nó bay p đạt mà chớ. n Oũ Adam thì sinh ra con thứ ba, q mà đạt tên là Séth, o cũ dẽay oũ ấy, và đờ-i oũ ấy, thờ phượng đức p Chúa blờ-i cho nên: r vì bởi con cái oũ Séth, thì gọi là con cái đức Chúa q blờ-i, q mà tlaõ họ ấy thì có oũ Henóch thì đẹp laõ r đức Chúa blờ-i lám, r cho nên đức Chúa blờ-i lấy oũ ấy, mà chảng thấy f oũ ấy nữa: f dầu các oũ t tổ nề đờ-i xưa đã sinh thì, t tlaõ le một oũ Henóch đã được hơn bốn nghìn tuổi, mà hãy còn sõũ, u đức Chúa blờ-i giữ oũ ấy ở nơi kín x tlaõ le ngày lau, khi rinh hết thế, cũ phải chịu x chết vì đạo thánh đức Chúa blờ-i bởy: y mà y dầu tlaõ tổ nề, khi chưa có đến lục cả, có kẻ thì

nongentos

nongẽtos annos in hac vita superarint, [z] vt Adam qui ad nongentesimum & trigesimum ætatis annum peruenit, [a] nullus tamen ad mille annos peruenit, [b] præter vnum Henoch, qui, vt diximus, adhuc est superstes, & quatuor annorum millia iam superauit. [c] Mathusala filius Henoch qui reliquos omnes Patriarchas ætate superauit, peruenit ad nongentos & sexaginta nouem annos, [d] atque adeò cum Adamo superstite vixit plusquam ducentis annis; [e] à quo etiam totam de creatione huius Mundi seriem accipere immediatè potuit, [f] atque illam tradere, non solùm Noe nepoti suo, [g] sed etiam tribus eius filijs ante diluuium; [h] vitam enim vsque ad diluuij tempus protraxit, [i] & mortuus est eo ipso anno quo diluuium accidit.

[k] Cum enim filij Dei, idest ex progenie Seth, qui erant

Ngày thứ bốn

đã khỏi chín tlam tuổi,
[z] như oũ Adam đã đến
[a] chín tlam ba mươi: [a] sao
le chẳng có oũ bà nào
[b] đến nghìn; [b] có một oũ
Henoch hãy còn sóũ đến
bây giờ, như đã nói khi
nãi, mà đã khỏi bốn nghìn
[c] nam: [c] có một oũ Ma-
thusala, là con oũ Henóch
đã khỏi tuổi các tổ nẽ,
mà đã sóũ cho đến chín
tlam sáu mươi chín nam,
[d] [d] cho nên còn ở cũ oũ
Adam khi còn sóũ ở thẽ
nầy, hai tlam dư nam,
[e] [e] mà bẽy cũ chịu được
mlời oũ Adam, kể cho
oũ Mathusala, sự đức
Chúa blời hóá nên thẽ
[f] giái nầy làm sao: [f] mà lại
oũ Mathusala truyền
mọi sự ấy chẳng những
cho oũ Noe, là cháu oũ
[g] Mathusala, [g] mà lại tru-
yền cho con cái oũ Noe,
[h] chớ đến lụt cả, [h] vì chưng
oũ Mathusala thì còn sóũ
[i] cho đến lụt cả; [i] mà nam
ẽy có lụt cả, thì oũ Ma-
thusala mới sinh thị.
[k] [k] Khi ẽy kẻ thờ phượng

supremi

ſupremi Numinis cultores, đức Chúa blời, là dõ
[l] *acceperint vxores ex fi-* [l] dói oũ Séth, gọi là con
liabus hominum, ideſt ex [t] cái đức Chúa blời, [l] thì
progenie Cain, quæ erat lấy bọ những con cái
impiorum; [m] *ita corrumpi* [m] người ta, là dào họ thàng
cœperunt, in moribus, vt Cain, những kẻ gian dữ;
vno excepto Noe cum fa- [m] cho nên cả và lỗài ngu-
milia ipſius, [n] *omnes eſſent* [n] ời ta hư thân; có một
corrupti, ac talem ſupre- oũ Noe, và con cái oũ
mi Nominis iram incur- ấy còn lành, [n] hễ là ké
rint, [o] *vt ſtatuerit Deus* [o] khác đã nát hết, mà làm
per diluuium vniuerſale cho đức Chúa blời gẹn,
delere omnes, [p] *præter* [p] [o] cho nên đức Chúa
vnum Noe, ipſiuſque fa- blời làm lụt cả mà phá
miliam. [q] *præcepit ergo Deus* [q] [p] hết, [p] để một oũ Noe,
Noe vt fabricaret arcam [q] và con cái oũ ấy. [q] bấy
ſatis capacẽ ad ſaluandam giờ đức Chúa blời khi-
eius familiam, [r] *Noe ſci-* [r] én oũ Noe thì đáõ tàu
licet & vxorem eius, tres như hình hòm, mà rọũ
filios & tres vxores filio- [r] rải, [r] để cho oũ Noe ở,
rum eius, [f] *& omnia ani-* [f] và bọ oũ ấy, cữ ba con
malia, & volatilia, & rep- oũ ấy, lại ba bọ ba
tantia ſuper terram, ad [f] con oũ ấy: [f] và muâng
ſaluandas eorum ſpecies; chim cầm thú, cữ các
[t] *de mundis quidem ani-* [t] giống oũ con trẽn, để mà giữ
mantibus, & de volati- [t] lỗái nó, kẻo hết: [t] giống
libus ſeptena & ſeptena, [u] [u] naò muâng ſạch, thì giữ
de quibus ipſe Noe imme- bảy con: mỗi một lỗài
diatè poſtdiluuium poſſet [u] cái chim cữ bảy con, [u] vì
ſumere ad ſacrificandum chưng khỏi lụt cả đoạn,
thì oũ Noe phải lấy
những giống oũ muâng ſạch ấy, cữ cái chim ấy mà

& gratias Deo agendas ;
[x] *de immundis vero bina & bina, masculum & faminã.*
[y] *Dum igitur Noe fabricaret arcam illam ſpatio centum circiter annorum,* [z] *alios monebat futurum diluuium, vt à peccatis reſipiſcerent,* [a] *at illi irridebant Noe tanquam fatuũ, & ſuis interim peccatis & luxui vacabant :* [b] *cùmque vicino iam diluuio vniuerſali, mouente Deo, iam animalia & reptilia omnia & volatilia ingreſſa eſſent in arcam,* [c] *ipſe etiam Noe cum ſuis ingreſſus eſt,* [d] *& clauſit à foris oſtium Dominus,* [e] *factaque eſt pluuia ſuper terram ſine intermiſſione quadraginta diebus, & quadraginta noctibus ;* [f] *& non ſolum cooperuit aqua omnem ſuperficiẽ terræ,* [g] *ſed etiam montes excelſi ita operti ſunt, vt cacumina illorum ſupereret aqua quindecim cubitis ;* [h] *atque ita mortua ſunt extra arcam animantia, & volatilia,*

Ngày thứ bốn
tê lễ cám ơn đức Chúa
[x] blời, [x] mà giống nào chẳng
sạch mỗi một thì để hai
con, một đực một cái.
[y] [y] Sáo le khi oũ Noe đáo
tàu ẽy một tlam nam đồ,
[z] [z] thì báo kẻ khác, ràng
ngày sau có lụt đến, mà
[a] phải chừa sự lỗy : [a] sáo
le những đứa nó thì cu-
ời oũ Noe như thằng
naò dại, mà nhin thế
phạm tội chơi bời ẽy.
[b] [b] đến khi đã rình lụt cả,
đức Chúa blời giục lão
các giống muôn chim, cử
giống còn rắn, thì đẽào
[c] tàu, [c] mà oũ Noe và bà
[d] còn thì cũ đẽào : [d] chó-
uc ẽy đức Chúa blời
thì đáo cửa lại bế ngõ-
[e] ài ; [e] bấy giờ thì mưa
đổ xuống tlên đất bốn
mươi ngày, và bốn
mươi đêm, chẳng có khi
[f] naò đừng ; [f] cho nên nư-
ớc che, chẳng lọ là cả
[g] và mạt đất, [g] lại che các
núi cao cho đến khỏi
đầu núi mười lam thũ-
[h] ớc tlên : [h] mà làm đẽy
hễ là giống nào sống ngõ-

que

Digitized by Google

que habebant ſpiritum vitæ, [i] *uniuerſique homines;* [k] *excepto Noe & his qui cum ipſo erant in arca,* [l] *quæ tunc ſerebatur* [l] *ſuper aquas,* [m] *illæ autem obtinuerunt terram centum & quinquaginta diebus;* [n] *poſt quos cùm reconciliatus ſuiſſet Dominus Noe & omnium eorum, qui cum eo erant in Arca,* [o] *cœperunt minui paulatim aquæ ſuper terram,* [p] *cùmque cœpiſſet diluuium anno ſexcenteſimo vitæ Noe; menſe ſecundo, decima ſeptima die menſis,* [q] *poſt eà menſe ſeptimo, vigeſima ſeptima die menſis, requieuit arca in montibus Armeniæ:* [r] *decimo verò menſe prima die menſis apparuerunt cacumina montium;* [r] *& aperiens Noe feneſtram, quam fecerat in arca,* [t] *dimiſit coruum, qui non eſt reuerſus, donec ſiccaret*

[i] ài tàu là các muông chim cầm thú có giác hồn thì [i] chết hết, [i] cả và lõài người ta cũ chết đõi: [k] [k] còn một oũ Noe, cũ bà con oũ ẽy, và mọi giống ở tlaõ tàu thì còn [l] sóũ mà thôi: [l] khi ẽy tàu [m] thì đi lại tlên nước, [m] mà nước thì che cả và đết một tlam nam mươi [n] ngày; [n] sau thì đức Chúa blời dớ oũ Noe, cũ các [o] hết lõài ở tlaõ tàu cũ oũ [o] Noe, [o] mà làm cho nước hạ xuống ít ít đẽy: [p] [p] đầu hết lụt cả phải khi oũ Noe nên sáu tlam tuổi, mà ngày mươi bay [q] tháng hai; [q] đến hai mươi bảy tháng bảy, thì tàu mới phải cạn mà nghỉ tlên núi đết, gọi là [r] Armenia; [r] mà đến mồng một thánh mười, mới [t] thấy được đầu núi: [t] khi ẽy oũ Noe thì mở ra cửa sổ, đã làm tlước tlên tàu đã sản, [t] và tha chim ác đi, mà nó chẳng có: blở lại, cho đến khi đất đã khói nước, mà đã ráo

rentur aquæ super terram:
[u] *dimisit quoque columbã*
post eum, [x] *quæ cum non*
inuenisset vbi requiesceret
pes eius, [y] *reuersa est in*
arcam; [z] *& expectatis*
vltra septem diebus, Noe
rursum dimisit columbam
ex arca; [a] *& illa venit*
ad eum ad vesperam, por-
tans ramum oliuæ virenti-
bus folijs in ore suo. [b] *in-*
tellexit ergo Noe quod ces-
sassent aquæ super terram
[c] *Expectauitque nihilomi-*
nus septem alios dies, &
emisit columbam, [d] *quæ*
non est reuersa vltra ad
eum: [e] *Igitur sexcentesimo*
primo anno vitæ Noe, pri-
mo mense, prima die mensis,
imminutæ sunt aquæ super
terrã, [f] *& aperiens Noe te-*
ctum arcæ, aspexit, vidit-
que quod exsiccata esset su-
perficies terræ, [g] *non tamen*
est ausus egredi ex arca,
donec moneretur à Deo, [h]
sed expectauit in arca vs-
que ad vigesimum septi-

Ngày thứ bốn

[u] [u] oũ Noe cũ tha chim
[x] câu ra theo chim ác, [x]
mà chim câu tìm chẳng
thấy nơi nào nghỉ chân,
[y] [y] thì blở lại tlaõ tàu: [z]
[z] oũ Noe thì đợi bảy ngà y
nữa, mà lại tha chim
[a] câu ra tàu; [a] saõ le chim
câu, đến chiều tối thì
blở lại cũ oũ Noe, mà mỏ
nó thì càm gáp nghành
cây, gọi là Oliua, có lá
[b] tươi. [b] bởy thì oũ Noe
đã hay nước tlên đất
[c] thì đã thôi: [c] mà hãy
còn đợi bảy ngày nữa,
đoạn thì lại tha chim
[d] câu ra lần nữa, [d] mà nó
chẳng có blở lại cũ oũ
[e] Noe nữa. [e] ấy bởy mà
đến sáu tlam một tuổi
oũ Noe, là ngày mồu một
tháng gyâng, nước thì
[f] đã khỏi đất, [f] mà oũ Noe
mở ra mái đẽán lớp
tlên tàu, coi thấy mặt đất
[g] thì đã ráo: [g] sao le khi
chưa có mlời đức Chúa
blời khiến ra ngõài tàu,
thì oũ Noe chưa dẽám
[h] ra: [h] mà hãy còn đợi

tlaõ tàu cho đến hai-mươi bảy tháng hai, hầu

mum

mum diem menſis ſecundi, fermè duobus menſibus; [i] *tunc enim locutus eſt Deus ad Noe, & iuſſus eſt egredi ipſe & vxor eius, & alij qui cum ipſo erant, cum animantibus & volucribus ac reptilibus.* [k] *Egreſſus itaque Noe ædificauit altare Domino,* [l] *& obtulit holocauſta de pecoribus, & volucribus mundis,* [m] *gratumque habuit holocauſtum Dominus, odorataſque eſt quaſi odorem ſuauitatis;* [n] *quin etiam pactum fecit cum omni carne, non amplius futurum ſic vniuerſale diluuium;* [o] *dicens cum obduxero nubibus cœlum, apparebit arcus meus in nubibus & recordabor fœderis mei vobiſcum, & cum omni anima viuente quæ carnem vegetat,* [p] *& non erunt vltra aquæ diluuij ad delendam ſic vniuerſam carnem.*

[q] *Vixitque Noe ſà diluuium trecentis quinquaginta annis,* [r] *ita vt omnes*

[i] hai tháng: [i] bởi thì khi ấy có mlời đức Chúa blời cũ cùng Noe, phán: cùng ấy, và bọ cùng ấy, và kẻ khác ở cũ cùng ấy, cũ muâng chim, và con rắn thì [k] ra ngoài tàu hết. [k] Mà cùng Noe ra ngoài tàu rồi, thì lợp nơi thờ đức Chúa [l] blời, [l] lấy giống sạch tlaõ muâng chim, mà tế lễ [m] đức Chúa blời; [m] sự tế lễ ấy đức Chúa blời lấy làm yêu như ngửi của [n] thơm tho bởi; [n] mà lại đức Chúa blời thì phán, giao cũ mọi giống thịt, chẳng còn có làm lụt cả [o] làm bệy nữa: [o] mà phán rằng: khi tao làm mây che blời, cũ xem thấy sự tao tlaõ mây, mà tao sẽ nhớ đến mlời tao giao cũ bay, và cũ các hồn sống, làm cho thịt sống bồi [p] [p] mà chẳng còn có lụt cả nữa, cho đến phá mọi thịt làm bệy đâu.

[q] [q] Mà cùng Noe từ lụt cả thì còn sống ba tlam nam [r] mươi tuổi, [r] bởi mọi tuổi cùng Noe sống là chín

anni

anni vitæ Noe fuerint nongenti & quinquaginta. [f] [f]
& cum per tres filios Noe [c]
nempe Sem, Cham, & Iaphet, multiplicatum fuisset genus humanum adhuc viuente Noe, [t] *terraque* [t]
esset labij vnius, sermonumque eorumdem; [u] *in-* [u]
stante verò Noe vt iuxtà præceptum Domini diuiderentur in vniuersas terras filij ac nepotes, vt totam replerent terram. [x] *cùmque* [x]
venissent multi filij ac nepotes Noe ab Oriente, in terram Semaar dictam, [y]
& se inuicem adhortati sunt [y]
vt facerent ciuitatem & turrim cuius culmen pertingeret ad cælum, [z] *vt ce-* [z]
lebrarent nomen suum, antequam diuiderentur in vniuersas terras; [a] *cùmque* [a]
huic operi essent intenti, confudit Deus linguã eorũ, [b] *ita* [b]
vt non intelligeret vnusquisque vocẽ proximi sui; [c]
opus igitur sic inceptum reliquerunt, [d] *huius turris incepta vestigia adhuc remanent in terra Babilo-*

Ngày thứ bốn

[f] tlam nam mươi. [f] Mà ba con ơũ Noe là ơũ Sem, Cam, laphet thì sinh nõi lõài người ta đã nhiều, khi ơũ Noe hãy còn sống, [t] mà cả và thien hạ cũ một miệng, cũ một tiếng nói: [u] khi ấy ơũ Noe đương mlời đức Chúa blời phán, mà giục và con và cháu, thì lià nhau, đi khắp thien hạ, cho [x] đầy cả và đất, [x] khi ấy và con và cháu ơũ Noe nhiều, bởi phương đoũ mà đến đất, gọi là Sen- [y] naar, [y] thì rủ nhau làm thành và tháp cao, cho [z] đầu nó tận blời, [z] ấy thì làm cho danh mình nên trạo, khi chưa có lià nhau, đi khắp thien hạ: [a] mà khi đang làm việc ấy hết sức, thì đức Chúa [b] blời lộn tiếng nó, [b] cho nên ai nấy chẳng biết [c] tiếng anh em; [c] vì ấy thì nó bỏ việc mới làm [d] thế ấy, [d] mà dẽầu tích tháp làm đầu hết ấy, hãy còn thấy ở đất tên là Babilon, nghĩa là lộn-

nis

nis quæ confusionem significat. [c] *Igitur diuisi sunt filij Adam in vniuersas terras, dum adhuc viueret Noe,* [f] *qui primæuam linguam, hebræam scilicet, vt probabilius est, retinuit,* [g] *illamque simul cum vero Dei cultu reliquit filio suo Sem,* [h] *qui Sem etiam ante diluuium per ferme annos superstitem, habuit Abraam suum Mathusalam,* [i] *à quo etiam tunc audire potuit quæ ille immediatè ab Adamo acceperat.* [k] *atque ipse Sem vixit vsque ad tempora Abrahami & Isaaci filij eius,* [l] *imò cum Abraham natus fit trecentis circiter annis post diluuium,* [m] *& Noe post diluuiam vitam protraxerit ad trecentos & quinquaginta annos,* [n] *potuit Abraham tum à Sem, tum ab ipso Noemo, traditione m Diuinæ legis accipere,* [o] *illamque prosa-*

[c] lạo. [c] ḋệy thì còn cái
oũ Adam là nhau, mà
đi kháp thien hạ, khi oũ
[f] Noe hãy còn ſống: [f] mà
oũ Noe thì giữ tiếng
đầu hết, là tiếng hebrea,
[g] như ngò thạt hơn; [g] lại
tiếng ḗy, và phép thạt
thờ phụng đức Chúa
blời, thì oũ Noe để
truyền cho con, tên là
[h] oũ Sem; [h] lại oũ Sem
ḗy khi chưa có lụt cả,
thì cũ ở một tlạm nam
dồ cũ oũ có, là oũ Ma-
[i] thusala, [i] mà khi ḗy oũ
Sem cũ hạọc đươc
những mlời oũ Mathu-
sala nghe mḗng oũ Adam
[k] nói: [k] lại oũ Sem thì ſống
cho đến oũ Abraham,
và oũ Isaac là con oũ ḗy:
[l] [l] mà lại oũ Abraham,
khi ſinh ra, lụt cả đã rồi
[m] đã ba tlạm nam dồ: [m] mà
oũ Noe tứ lụt ḗy thì còn
ſống ba tlạm nam mươi
[n] nam, [n] cho nên oũ Abra-
ham cũ chịu đươc đạo
thánh đức Chúa blời,
và bởi oũ Sem, và bởi
oũ Noe truyền cho, [o] oũ Abraham lại giữ để cho [a]

p ac toto Regno Iudæorum, cuius ipse Abraham fuit Pater, hæreditariam reliquit simul cùm hebraica lingua. q Reliqua verò regna sicuti linguã hebraicam amiserunt in confusione linguarum, r sic etiam traditionem Diuinæ legis, s & sic in falsas sectas degenerarunt.

t Post confusionem linguarum, incepit Sinarum regnum, à quo Annamitæ leges acceperunt. u Cùm autem Sinæ post liguarum confusionem idioma, in quo erat vera lex, amisissent, x nec libros haberent, in quibus vera lex continebatur, y in varias leges falsas sunt diuisi: z sicuti qui veram viam amittunt, in varias distrahũtur vias, omnes tamen erroneas. a in tres verò præcipuè vias falsas fuere diuisi Sinæ, b præter alias multas minus præcipuas atque falsas: c prima est literatorum quã

p nhà mình, p và truyền để cho nước Iudæa, vì ấu Abraham là tổ nê nước ấy, và lại để tiếng hebræa truyền cho q nước ấy: q mà các nước khác, cũ mất tiếng hebræa khi lộn tiếng nói, r s và lại mất truyền đạo thánh đức Chúa blời; s cho nên phải sa đạo vạy.

t Lộn lạo tiếng nói đoạn thì mới ra nước đại minh, mà Annam thi chịu đạo bới nước ấy: u khì lộn lạo tiếng nói đoạn, mà đại minh phải mất tiếng nói tlaõ đạo thạt, x mà lại chẳng còn có kinh truyền đạo thạt, y thì phải phân ra nhều z đạo vạy: z như thể kẻ lạc đàng thạt, thì lạc đi nhều đàng, mà những a đàng vạy. a Saõ le đại minh bốn thì có phân ra ba đàng cả, những b vạy, b chẳng kể nhều đàng tiểu mọn khác, cũ c vạy bậy. c đàng thứ nhứt, là đàng về kẻ hay chữ, gọi là đạo Như:

Như

Nhu *vocant*: [d] *secunda veneficorum, quam dicunt* dao: [e] *tertia idololatrarum, quam vocant* but, [f] *incipiendo igitur ab hac vltima quæ in India originem habuit*, [g] *ab ipsa enim eius origine statim patebit eius falsitas.*

[h] *Tribus itaque millibus circiter annis à creatione mundi*, [i] *& à confusione linguarum paulò plus quàm mille annis*, [k] *fuit in India quidem Rex nomine* Tim pham, [l] *qui filium habuit ingenij acuti, sed valdè superbum*: [m] *is prius quidem vxorem duxit, vicini Regis filiam*, [n] *ex qua postquam prolem suscepit, vnicam filiam*, [o] *inuita vxore in Eremum secessit solus*, [p] *cùm effet magicis datus artibus* [q] *tum vt sui admirationem pareret*, [r] *tum vt liberius cum dæmonibus ageret*: [s] *duos autem præ cæteris dæmones habuit ma-*

[d] đàng thứ hai, là đàng
kẻ thờ quỉ, mà làm việc
[e] đối, gọi là đạo đạo: [e]
đàng thứ ba là đàng kẻ
thờ but, gọi là đạo but.
[f] [f] Sự đàng sau nầy bởi
nước India mà ra, thì
[g] ta nói trước: [g] ta suy
bởi đâu mà ra, thì một
chốc ta biết, là đạo giả
dối.
[h] [h] Ấy vậy mà từ tạo thiên
lập địa qua ba nghìn
[i] năm dồ, [i] mà từ lộn lạo
tiếng nói một nghìn
[k] dư năm, [k] bên thiên trúc
cõi nước thì có vua, tên là
[l] Tinh phan, [l] mà để con,
dễ thì sáng, song kiêu
[m] ngạo lắm: [m] đã lấy con
vua nào gần đấy gả cho,
[n] [n] mà sinh đẻ được một
[o] con gái đoan, [o] thì khiến
đi ở tlên rừng một
mình, dầu vợ cãi, mà
[p] chẳng cho, [p] vì mình đã
quen làm việc dối, như
[q] pháp môn phù thủy, [q] và
muốn cho người ta bái,
mà khen nó, [r] và bloủ
[s] làm thoủ doủ nói khó
cũ ma quỉ: [s] mà tlao nhiều quỉ dễai nó, thì có

gistros Alalam scilicet & Calalam, [t] *inter quos ipse* [u] *medius sedebat,* [u] *illi docuerunt ipsum prius atheismum, dato ei nomine* Thicca. [x] *cumque ipse alios docere vellet impiam illam doctrinam,* [y] *rationique naturali adeò repugnantem; omnes ab illo recedebant;* [z] *Quod videns ipse, cum dæmonibus suis magistris,* [a] *aliam cœpit docere viam fabulosis narrationibus plenam,* [b] *vt sic retinere posset discipulos,* [c] *quos etiam docuit fabulosam animarum transmigrationem,* [d] *cultum simul idolorum docens plebem, & seipsum, tanquam idolorum omnium caput statuens:* [e] *ac si ipse esset cæli & terræ conditor & rector:* [f] *nomine verò cæli, & terræ vulgus decipiebat; ac corpus humanum ipse intelligebat, cæteraque omnia idola, corporis humani, tam viri, quàm fœminæ membra, etiam pudenda, interpretabatur*

Ngày thứ bốn

hai quỉ, tên là Alala, và Calala, quên làm thày [t] nó lien, [t] mà nó thì ngồi [u] giữa hai thày quỉ ấy, [u] mà dẽại nó đầu hết, chớ tin gì có Chúa bỏi, cứ [x] đặt tên nó là Thicca. [x] đến khi Thicca ra dẽại kẻ khác sự đạo gian ấy, [y] vì thấy mọi lám, thì [y] người ta bỏ mà đi hết; [z] Nó, và quỉ làm thày [a] nó, thấy vậy, [a] thì lấy đàng khác, mà mới dẽại [b] những truyện dối bá đã đầy, [b] vậy thì mà [c] cầm đẽi tớ lại, [c] cứ có dẽại nó sự lỏên hỏi, đối [d] bá đẽi tớ vậy: [d] lại khiến nó thờ bụt, mà [e] lấy mình Thích ca làm cỏi rễ bụt vậy, [e] như thế lấy mình là kẻ làm nên bỏi hết, mà trị đầy. [f] Sao le nó lấy tên bỏi [f] hết vậy, mà dối bá thế gian, nó thì lấy là mình [g] người vậy: [g] mà lại các bụt thì cứ lấy là tứ chi cốt tiết, đầu đến cổ, đầu đến bà, cứ là vật âm mình, lấy làm bụt vậy:

k ijs scilicet qui in impia doctrina erant, proiectio-
res; i vetabat tamen severè ne id in vulgus propa-
laretur, k illos enim suis fa-
bellis & magicis artibus l
ita dementabat, vt ido-
lorum cultum suaserit, m m
promittens scilicet se quis
idolorũ cultor fuisset, quã-
uis nunc ex infima ple-
be, n illum in animarum n
trãsmigratione, nasciturũ
filium Regis, o suos tamen o
intimos discipulos in athei- d
smi barathrum tandem
perducebat, p omnia sci- p
licet ex nihilo esse tanquã
ex prima causa, q & ad q
nihilum etiam, tanquam
ad vltimum finem redire. h
r Vnde fit vt idolorum r
doctrina sit duplex, f vna f
quidem, quam exteriorem
vocant, quæ in impio ido-
lorum cultu consistit, t cum t
innumerabilibus fabulis,
ac nenijs, u quibus plebs u
ad idolorũ cultũ trahitur,
& ad innumera peccata, f

k ấy, xiêu dối thế gian, *u* mà lão về thờ bụt, cho

h h mà mỗi ấy thì nói cũ
kẻ hạoc đã lâu mà thôi,
i i sấo le đều ấy, chẳng
cho nói ra cũ thế gian,
k k mà cũ nó những nói
sự truyện dối blá bày
đạt bệy, và lấy phép
l giả bối quỉ mà làm
cho thế gian lến dại bệy,
cho nên thế gian thờ bụt,
m e vì chưng thì nói hứa
ràng, ai thờ bụt, dầu là
kẻ hèn mọn ở đời nầy,
n n đến đời sau khi lỗện
hồi thì để ra được làm
o con dua Chúa bệy.
sấo le đẻi tớ nào yêu
thì càng dối nó, mà làm
cho phạm chốn càng sâu,
cho đến chẳng còn có
p đức Chúa hỗi bệy:
lại khiến khoư làm cội
q rễ đầu mọi sự, mà khi
thì chết lại về khoư, lấy
h khoư làm bia mọi sự bệy.
r Vì bệy giáo bụt thì có
f hai đàng: một là gọi
giáo ngoài, mà dạy
người ta thờ bụt, dối
t bệy, hay bày đạt những
truyện giả, kể chẳng xi-

x alteram

Nhày thứ bốn

x *alteram verò interiorem* x
vocant; quæ longè peior est,
vt pote atheismus, y *fræ-*
na scilicet laxans ad om-
nia peccata. z *vnde fit vt*
qui interiori illo veneno
sunt corrupti, prioribus lon-
gè sint peiores. a *Vnde*
Confusius sinarum summus
doctor, b *idolarum cultũ,*
barbarorum doctrinam
vocat in suis libris.
c *Quod si quæras quomo-*
do barbarus hic idolorum
cultus apud Sinas sit propa-
gatus? d *cùm apud Indos,*
gentem scilicet respectu Si-
narum valdè rusticam,
originem habuerit? e *Res-*
pondetur Sinas procul du-
bia Indiarum gentibus esse
longè cultiores. f *tum in ijs*
quæ ad scientias & animã
pertinent, tum in ijs quæ
ad corpus spectant. g *Indi*
enim primò sunt in scien-
tijs valdè rudes: h *deindè*
in cultu corporis incedunt

nên phạm tội, vô hồi vô
x lố: x lại có giáo khác
gọi là đạo tlaõ càng dối
nữa ràng chẳng có Chúa
z nào hõá ra thế giái nầy,
y y mà làm bệy thì mớ
đàng chờ người ta
a phạm mọi tội dầu lào,
z z cho nên ai phải đạo
bụt tlaõ đọục ếy, thì
quỉ quái hơn kẻ theo
a đạo ngõài bệy. a Vì bệy
oũ khóũ tử, là kẻ đại
b minh lếy làm thấy nhứt,
b tlaõ sãch thì gọi đạo
bụt những đạo rợ mọi
bệy.
c c Ví bằng có hỏi sự thờ
bụt nầy là thói rợ mọi,
d mà đại minh có chịu thói
ếy làm sao? d mà thiên
trúc cõãc, là đết cháng
có lẽ bằng đại minh, sao
thói ếy ra bởi nước
thiên trúc cõãc thế nào?
e e ta thấy ràng, thạt đại
minh có lẽ hơn thiên
f trúc cõãc đã xa, f và lõên
phép haọc, cũ sự linh
hồn, và coi sự xác nữa. g Vì chưng có lõên phép g
haọc thì thiên trúc cõãc chẳng hay mấy: h lại coi h
phép về xác bõn thói người nước ếy thì quen

plerumque

plerumque fermè nudi ; [i] *in refectione quoque quotidiana sunt ita ruſtici, vt diſcis aut ſcutellis minimè vtantur, ſed tantum ficuum foliis ;* [k] *atque plena manu cibos etiam liquidos apprehendant.* [l] *Attamen cum iam pridem in ſuis libris Confuſius monuiſſet,* [m] *Sanctum in terra Occidentis quærendum eſſe :* [n] *Cum id Rex Sinenſis,* Han Min đế, *nomine* *legiſſet,* [o] *ac diuinitus, vt ferunt, etiam monitus fuiſſet, vt veram legem è magno occidente peteret,* [p] *legatũ deſtinauit ad hoc, vnum è primarijs ſui regni proceribus,* [q] *qui cum multis menſibus longo itineris tractu in Indiam peruenijſſet,* [r] *qua reſpectu Sinarum eſt quidem verſus occidentem :* [ſ] *attamen, vt ad Magnum Occidentem peruenire mediam itineris partem nondum confecerat :* [t] *moeſtijs au-*

đi trần lien, hay là mặc quéi quá chẽy : [i] sự thói ăn üống thì vô lễ, vì chẳng có dữ đĩa bát nào, [k] những dữ lá chẽy : [k] mà cũ chẳng hay dữ đứa, một chan cơm bối canh, mà đầy tay ăn bọc chẽy. [l] Sáo le vì có mlời đời xưa tlaõ sách oũ khổũ, [m] bảo ràng : [m] bên tây thì có oũ thánh, mà phải [n] đi tìm đẽy : [n] lại có đua đại minh đời xưa, tên là Hán minh đế, cói thấy đều ẽy tlaõ sách oũ khổũ [o] [o] mà lại có kẻ ràng đua ẽy đã chịu mlời đức Chúa blời phán ràng, đạo that thì phải kiếm bởi nước bên đại tây [p] dương : [p] chóuc ẽy đua Hán minh thì chọn tlaõ đại thần một người nhứt, đi sứ bên nước ẽy. [q] [r] mà đến khi đại thần ẽy đã đi lâu tháng, và đàng xa thì mới đến, [r] thiên trúc cõãc, [ſ] bởi nước đại minh cũ là bên [ſ] tấy : [t] mà cho đến bên đại tây dương, chưa được nửa phần đàng : [t] sáo le

tem-

tem itineris, atque erumnis iam fractus, noluit vlteriùs procedere, [u] *sed in ipsa India quæsiuit, an aliqua ibi lex esset, quam ad Sinarum Regem deferret;* [x] *cùmque impia illi Thicæ secta data fuisset,* [y] *ipse lætus accepit, & ad suum reuersus Regem eam illi obtulit,* [z] *mentiens se illam à Magno Occidente deferre.* [a] *Rex legato fidens, eam absque alio examine, an is verum diceret, suscepit,* [b] *atque statim idola venerari cæpit, templaque illis erexit:* [c] *populus indoctus Regem sequēs, impium idolorum cultum etiam suscepit:* [d] *literati tamen & docti talem cultum cōmuniter contempsere,* [e] *quamuis aliqui etiā ex istis, Regi scilicet adulantes, exteriùs idola colere cæperunt,* [f] *etsi illa interiùs contemnerent, legemque barbarorum, cum*

Ngày thứ bốn

vì đã chịu nhiều sự khốn khó dẽọc đàng ẽy, mà nhaọc, thì tỏan chẳng đi xa nữa, [u] lại tìm ở nước thien trúc ẽy, có đạo naò chang, mà đam về cho đua đại minh; [x] khi ẽy bẽn thien trúc cŏác có cho nó đạo Thic, [y] những dồi blá bẹ̀y, [y] nó thì mẳng, mà lẽy đạo ẽy đam về cho đua nó; [z] cŭ nói dồi đua rằng: bởi đại tây dương lẽy đạo ẽy mà về. [a] đua thì tin mà chẳng có xét gì, những chịu lẽy đạo ẽy, [b] mà tức thì có thờ bụt, và làm chùa triền thờ bẹ̀y: [c] chóuc ẽy dẽn đại dộc, thì theo đua, mà chịu lẽy đạo gian, thờ bụt cŭ đua: [d] ſaŏ le ké hay chữ nghĩa bởn chẽ đạo ẽy, [e] cŭ có ké hay chữ mà thờ bụt bề ngŏai, [f] phỉng đi đua bẹ̀y, [f] dù tlaŏ lảŏ thì chẽ đạo bụt, mà gọi là đạo rợ mọi, vạ, cŭ gọi làm bẹ̀y.

bát chuóc oŭ khoŭ là thày

magistro

magistro suo Confusio diceret. g Eò tamen dementiæ deuenerunt idolalatræ vt Thiccam cæli & terræ cõditorem sibi fingerent; h cùm tamen clarè ex eius libris constet, i quod longè ante ipsum fuerit cælum & terra. k Alij etiam idololatræ fictitium quemdam, quem bàn cõ vocant, l cæli & terræ conditorem dicunt, nullum tamen cultum illi exhibent, m nec templa ei dedicant, sed tantum impio Thiccæ. n Secunda secta apud Sinas est Lautij cuiusdam, o quem etiam cæli & terræ conditorem asserunt eius asseclæ: p cùm tamen de ipso etiam ex Sinarum libris constet, q quod multis annorũ millibus ante ipsum cælum & terra condita sint. r hæc secta dæmones veneratur præcipuèque ueneficijs constat, s & nullũ cultum ipsi Lautio exhibet, atque in maximis versatur tenebris. t solum quamdam à Lautio accep-

g mà kẻ thờ bụt thì đạ chưng ẽy, cho đến lẽy Thíc ca làm nên blời h đất đẽy, h đầu tlaõ sách Thíc ca đã thấy tỏ tuấng, i khi chưa có Thíc ca, đã có blời đất tlước, k đã lâu. k cứ có kẻ thờ bụt, mà bày đạt đứa naò đối, tên là, bàn l cõ, l khiến đã làm nên blời đất, faõ le chẳng có thờ bàn cõ ẽy sốt, m cứ chẳng có làm chùa naò cho nó, một làm chùa thờ Thíc ca, là đứa gian đẽy.

n Giáo thứ hai ở tlaõ nước ngo bởi lảo tử o nào mà ra: o kẻ theo giáo nầy, thì lẽy lảo tử p làm nên blời đất; p đầu tlaõ sách đại minh đã tỏ q tuấng ràng, q mấy nghìn nam blời đất đã tlước r lảo tử ẽy. r Giáo nầy thì thờ ma quỉ mà làm s những phép giả, s cứ chẳng có thờ Lảo tử ẽy sốt, nhưng ở tối tăm mù t mịt đẽy. t Có một cu lẽy bởi Lảo tử mà thôi,

tam

tam ſententiam proferunt,
quæ dicit: [u] đạo, *hoc eſt,*
legem, ſeu viam feciſſe
unum: unum verò feciſſe
duo; duo feciſſe tria: tria
denique feciſſe omnia. [x]
Quod ſi ab illis quæras,
unde ſit illud, đạo, *ſive*
lex? [y] *reſpondent, ex ni-*
hilo, & vacuo, abſque
alio principio eſſe magnum
illud đạo, *ſeu magnam*
legem; [z] *neque aliud de*
de rerum productione no-
runt; [a] *conſtituuntque va-*
cuum, & nihil tanquam
primum rerum omnium
principium effectiuum: [b]
quaſi verò nihil, aut va-
cuum poſſint aliquid pro-
ducere. [c] *Cumque verum*
rerum Conditorem, ac
ſupremum Dominum igno-
rent, dæmonibus cultum
exhibent, [d] *veneficiiſque*
innumeris implicati, à dæ-
monibus miſerè decipiun-
tur.

[c] *Tertia denique apud Si-*
nas ſecta dicitur đạo nhu

Ngày thứ bốn

ràng: [u] đạo ſinh nhứt,
nhứt ſinh nhị, nhị ſinh
tam, tam ſinh vạn vật.
[x] Ví bằng có ai hỏi, đạo
ấy, hay là đằng, bởi đâu
mà có? [y] nó thì thưa
ràng, hư vô tự nhiên
chi đại đạo: [z] mà mọi
sự hóa ra thế nào, thì
chẳng biết đi gì nữa:
[a] ấy thì lấy hư vô, là
không, mà chẳng có, làm
can ngươn hóa nên mọi
[b] sự: [b] lại đòi không, hay
là chẳng có, mà làm nên
được đi gì cho có sự?
[c] ấy vậy mà vì chẳng
biết thật Chúa cả, làm
nên mọi sự, mà thờ, thì
[d] thờ quỉ, [d] và trộn những
phép giả dã khê lê, cho
nên ma quỉ dỗi được
nó vậy.
[e] Tlaõ đại minh còn giáo
thứ ba, gọi là đạo nhu,
[f] những kẻ hay chữ thì
theo đấy, mà thờ ông
[g] không, [g] vì ông ấy bày chữ
ra, mà lại dạy lè lỗi

[f] *& literaturum eſt, quæ Confuſium colit,* [g] *eò quod* | [f] [g]
ab ipſo literas ſuas acceperit, & politicas quaſdam

leges

leges, per quas regnum Sinarum administratur, [h] & propterea supremum ipsi Confusio cultum exhibent Sinæ, [i] illumque Sanctum & bonum per antonomasiam nominant; [k] sed immeritò ita loquũtur, [l] vel enim Confusius ille supremum nouerat rerum omnium Conditorem ac Dominum, [m] qui est totius Sanctitatis, & bonitatis fons & origo, vel non nouerat: [n] si nouerat, cùm esset magister, illum debebat discipulis indicare, vt cultum illi debitum exhiberent; [o] quod cum non fecerit, non potuit esse bonus, aut Sanctus, sed potiùs peruersus & malus, alios scilicet priuans cognitione imprimis necessaria, [q] quod si Deum supremum omnis bonitatis, & Sanctitatis principium, & fontalem originem, non nouerat, [r] quomodo poterat esse Sanctus, aut bonus? [s] quare nulla ratione vocãdus est Sanctus, [t] quanto

[h] sửa nước đại minh: [h] minh vì sự ấy tlaõ đại minh thì lấy thờ oũ khốũ [i] làm nhít, [i] mà gọi là thánh hiền, là thánh, và [k] hiền nhít đấy; [k] saõ le nói thế ấy chẳng phải [l] mẽ đâu: [l] vì chưng hay là oũ khốũ tử ấy biết đức Chúa cả, làm nên [m] mọi sự, [m] là cội rễ mọi sự thánh, mọi sự lành, hay là chẳng biết: [n] ví bằng đã biết, mà làm thầy, thì phải dẽay đấy tớ cho biết cử, mà thờ [o] đấy cho nên: [o] saõ le oũ khốũ chẳng có làm sự ấy, vì đấy chẳng phải hiền, chẳng phải thánh, [p] [p] thạt là đọục dữ, vì sự nhít phải hay đầu hết: mà chẳng có dẽay ai. [q] [q] Ví bằng oũ khốũ chẳng biết đức Chúa blời, là cội rễ, và cội rễ mọi sự lành, mọi sự thánh, [r] [r] nên thánh, nên hiền [s] làm chi dược? [s] Ví đấy thì chẳng khá gọi là oũ [t] thánh sốt: [t] hõáng lọ lấy phép phải thờ một

minus illi debent exhiberi honores Deo soli debiti; [u] neque debet inuocari, ad hoc, aut illud ab eo habendum. [x] cum hæc omnia debeant à supremo rerum Domino expectari & haberi [y] Ad summum illi honor ille ac reuerentia debentur, & exhiberi poterunt, quæ magistris viuis exhibentur, [z] illa scilicet quæ cultum merè politicum non superant: [a] nempe caput vsque ad solum demittere in eius reuerẽtiam, quod magistris etiam viuis, aliisque superioribus apud Sinas exhibetur, [b] idemque est atque apud nos Magistro aperire caput, eique inclinari: [c] in conspectu tamen aliorum, vt Ethnicorum, (qui Confusium illum suum tanquam numen colunt) [d] nulla potest tribui reuerentia, nisi priùs clarè illis explicetur, illam reuerentiam non exhiberi. Confusio tan-

Ngày thứ bốn

đức Chúa blòi, mà thôi oũ khốũ, thì cãng lỗy: [u] cũ chẳng nên cầu đi [x] gì đi gì cũ oũ khốũ: [x] vì chưng mọi sự ta phải cầu, và cậy một đức [y] Chúa blòi mà thôi. [y] Ví bàng có kĩnh oũ khốũ chang, thì phải dữ lễ có quen làm cho các thày [z] khi hãy còn sóũ, [z] là phép lễ về thế nầy, cho lịch [a] sự ma thôi: [a] như thế cội đầu xuống mà lạy, là lễ kính tháy nao, khi hãy còn sóũ, và kính kẻ bề trên, như thói đại minh [b] quen; [b] mà lễ lam đẹy cũ bàng phép kẻ ta, kính thày, mà cất nón, hay là [c] bái thày đẹy: [c] saõ le thước mạt kẻ khác, như thước mạt kẻ chẳng có đạo (vì chưng kẻ ngoài đạo, thạt thì lẽy oũ khốũ, mà thờ oũ khốũ, bàng ta thờ đức Chúa blòi) [d] nếu chẳng phan đua thước, thì chẳng nên lạy oũ khốũ, mà khi phan đua thì phải nói tỏ tường, cho nguòi ra ở đẽy nghe đươc, có lạy oũ

quam.

quam Numini, [c] *sed solùm vt Magistro, à quo literas, & alia politica acceperint;* [f] *alioquin esset scandalum, si exhiberetur Confusio reuerentia coram alijs absque declaratione;* [g] *existimarent enim Ethnici illum coli pro Numine à Christianis, nisi protestatio illa praecederet,* [h] *& sic Ethnici in suo confirmarentur errore,* [i] *quia tamen vix inuenietur qui publicè hanc protestationem audeat facere, illo modo quo facienda est, ne sequatur scandalū:* [k] *ideò absolutè talem Confusio reuerentiam hortamur omittere, ne aliquibus sit in laqueum.* [l] *In eadem literatorum secta solent Ethnici adorare Cœlū pro Numine* [m] *qui error etiam in vulgus emanauit,* [n] *sed hoc iam suprà, initio huius catechismi refutatum est die prima.*

[o] *Alij multi errores è tribus hisce sectis, vt venenatis fontibus, originem*

khóu thì chẳng phải như
[c] đức Chúa blời, [c] thật
có lạy như thầy đã dẽay
chữ, cũ phép sửa nước
[f] mà chớ; [f] ví bằng có
lạy oũ khốũ trước mặt
người ta, mà chẳng có
phan đua làm bậy, thì
[g] có tội: [g] vì chưng kẻ
ngoài đạo thì ngờ là kẻ
có đạo, khi lại oũ khỏũ,
mà chẳng có phan đua
trước, có lạy oũ khốũ
[h] như đức Chúa blời, [h]
bậy kẻ ngoài đạo, càng
[i] tin sự dối nữa. [i] Saõ le
vì có ai dẽám phan đua
làm bậy, trước mặt người
ta, cho kẻo kẻ ngoài
đạo càng tin sự dối, đu-
[k] ợc là hỏa, [k] vì bậy ta
khuien đừng lạy, kẻo
[l] phải sự lỗy. [l] Tlaõ đạo
như ậy kẻ hay chữ cũ
lạy blời như Chúa blời
[m] bậy, [m] má đều lỗy ậy cũ
đã ra cho thế gian bắt
[n] chước; [n] saõ le đầu hết
mlời giãng nầy, ngầy
thứ nhứt, đã bắt đều ậy.

[o] [o] Bởi tam giáo nầy, như
bởi nguồn đọục, có ra

traxerunt; [p] *sed singulos refutare opus non est*, [q] *sufficit enim scire vndenam emanarint, vt earũ falsitas manifesta sit*, [r] *sicuti enim deiecta infructuosa, imò damnosa arbore, ramos etiam ab illa promanantes decidere necesse est*; [s] *sic nigro ac mẽdaci* Thicca *deiecto, à quo aliæ idolorum fabulæ promanarunt, clarum est omnes illas corruere*. [t] *quod autem de animarum transmigratione in exteriori sua secta tradit, est omninò ridiculum*: [u] *cur enim aliquis saltem non recordaretur prioris vitæ, si in illa ante hanc aliquando fuissemus?* [x] *est ergo merum* Thiccæ *figmẽtum*, [y] *qui etiam in suis libris expresse*, [z] *inter animas plantarum, seu arborum, animantium, & hominum ait nullam esse differentiam*: [a] *mortalem ergo facit animam homi-*

[p] nhẽu sự dối khác: [p] laõ
le bắt mỗi một sự dối
[q] ấy chẳng có làm chi, [q]
vì chưng biết là bởi đâu
mà ra, cho hay tổ tư-
[r] ãng là dối, thì chặt
[r] như thể có chém cây
naò đọuc cho ngã, các
ngành cây ấy từ nhiên
[t] cũ ngã đổi: [s] vậy thì
ta làm cho Thíc ca, là
thầng hay dối người
ta, ngã xuống, thì mọi
truyện dối tlaõ đạo bụt,
bởi Thic ca mà ra, có
[t] ngã đổi thì đã tổ: [t] Saõ
le sự lỗẽn hồi Thíc ca
bày đạt, phần đạo ngõài,
[u] thì la sự cười choúc: [u]
vì chưng ví bằng ta đã
ở đời tlước, mà sao
[l] chẳng có một ai còn đớ
[x] sự đời tlước ấy? [x] vì
vậy thạt là Thíc ca bay
[y] đạt dối blá vậy: [y] mà
lại tlaõ sắch Thíc ca nói
[z] tổ tường ràng: [z] tlaõ
hồn cây cỏi, cũ hồn mu-
ãng chim, cho đến hồn
người ta, thì chẳng có
[a] khác; [a] vậy thì nó làm

linh hồn người ta hay chết, cũ bàng giác hồn, hay

nis

nis, æquè ac sensitiuam, & vegetatiuam, [b] *in quo sibi ipse contradicit, cùm postea transmigrationem animæ rationalis in alia corpora docet:* [c] *si enim ex eius sententia, seu errore anima hominis est æquè mortalis, atque animæ iumentorum, vel arborum;* [d] *quomodo in alia corpora transmigrare poterit?* [e] *si anima hominis simul cum corpore extinguitur, quomodo aliud corpus informare poterit?* [f] *præterquã quod transmigratio illa est contra communem hominum sensum,* [g] *& commune proloquium, tam apud Sinas, quam apud Annamitas receptum:* [h] *vitam scilicet hanc esse tanquam hospitium, mortem verò esse reditum ad propriam domũ:* [i] *si enim daretur hæc ficta transmigratio animarum, semper esset anima nostra in hospitio,* [k] *nunc in hoc corpore, paulo post in alio.*

[l] *Peius adhùc longè est, ani-*

[b] là sinh hồn, [b] mà làm bậy thì đều naò nó đã nói trước, đến sau thì [c] nó lại chối: [c] vì chưng ví bằng nó ngô linh hồn người ta hay chết, cũ như hồn muông chim, [d] hay là hồn cây cối; [d] mà sao lại rằng có lộn hồi cho người ta lại sinh ở [e] xác khác? [e] ví bằng linh hồn người ta, khi xác chết, cũ chết đi, lại sinh lại, mà cho xác khác sóũ [f] làm sao được? [f] mà lại lộn hồi ấy chẳng ưa mlẽ ở tlaõ laõ các ngư- [g] ời ta, [g] cũ uy báng mlời thiên hạ, dầu đại minh, dầu Annam quen nói lien [h] làm bậy: [h] sinh kí dã tử qui đã: sóũ thì gưởi, [i] chết thì về: [i] ví bằng có lộn hồi, mà chẳng phải đổi, thì linh hồn một ở [k] gưởi lien bậy: [k] bây giờ thì ở gưởi tlaõ xác nấy, đến lau một gậy nữa thì lại ở gưởi tlaõ xác khác bậy.

[l] Mà đều Thic ca dẽay nơi trũ giáo ràng linh

mã

Digitized by Google

mã hominis mortalem asse-
rere, vt Thicca *ponit in se-*
cta interiori: [m] *sibi ipsi, vt*
supra monuimus, contradi-
cens: [n] *nam præterquam*
quod hæc pestilens doctri-
na ad omnia vitia ianuam
aperit, [o] *est etiam ex-*
presse contra communem
animæ rationalis appeti-
tum, [p] *quæ sui memoriã*
etiam post hanc vitam
relinquere cupit, [q] *vt pa-*
tet in magnificis sepultu-
ris, quas ambit, [r] *& in*
alijs præclarè gestis, quæ
ad posteros etiam vult per-
uenire. [s] *præterea opera-*
tiones præcipuæ, quas ha
bet Anima hominis sunt à
corpore independentes: [t]
operationes scilicet intel-
lectus, ac liberæ voluntа-
tis, [u] *quas corpore etiam*
effæto exercet, [x] *quod si-*
gnum est illas à corpore mi-
nimè dependere, [y] *imò se-*
paratam à corpore liberius
exercere. [z] *sed cur tandem*
communiter homines parẽ-
tum suorum, natura duce,
post eorũ obitum curam ge-

Ngay thứ bốn

hồn người ta hay chết,
[m] thì càng lỗy, [m] mà đều
ếy Thíc ca thì ủy báng
mình, như ta đã
[n] nói trước: [n] vì chưng
giáo đọục nầy, chẳng
những mở cửa cho mọi
[o] tội; [o] mà lại chẳng ưa
[p] mến linh hồn ta, [p] vì có
muốn khi khỏi đời nầy
để dấu mình lại, cho
[q] người ta dó, [q] như ta
xem nơi chốn xác mềnh,
mà ước làm cho trạo,
[r] [r] và việc nào đã làm
nên thì muốn để truyền
[s] cho đời sau. [s] Sau nữa
hễ là phép trạo linh hồn
người chẳng có dữ xác,
[t] mà làm việc; [t] như thể
phép trí, hay là phép có
[u] chúa í mềnh, [u] vì chưng
linh hồn ta có dữ hai
phép ếy, dầu xác đã già
[x] cả, mà nhạoc; [x] vì bởy
hai phét nhít ếy, chạc
[y] chẳng có dữ xác, [y] mà
lại khi khỏi xác thì càng
[z] nghỉ làm việc ếy. [z]
Lại sao bổn người ta,
có mlẽ tlaõ lão, giọuc
lo cho cha mẹ, khi đã

runt?

rum? a Cur Annamitæ tanto studio Maiorum suorum anniuersarium diem celebrant? b Cur conuiuia defunctis tantis impensis, c aliaque obsequia pro suis parentibus post obitum parant? d si enim animæ cum corporibus intereunt, frustranea est omnis defunctorum cura. e quamuis enim bruta animantia, naturæ duce, curam suæ prolis gerant, f & auicula pro edendis, educandisque filijs, nidulos suos tanta solicitudine, atque industria parent, g quia scilicet proles parentum opera indiget: h nulla tamen animantium, quamuis prudentium, species parentum suorum iam mortuorum curam gerit, i quia scilicet cum animantium omnium corpora, æque atque eorum animæ simul intereant. k atque ideò prolis opera iam non indigeant; l Deus verò nihil faciat frustrà, ideò nulla est animalibus à Deo indita parentum mortuorum cura.

a sinh thì đẻn? a Sao người An nam mọi năm mọi có giữ ngày cha mẹ, ơũ bá, ơũ vải sinh thì, mà làm giỗ chạp hết b sức? b Sao tốn của bấy nhêu, mà làm cỗ làm c mâm, c cũ nhêu sự nữa có đẻn cho cha mẹ khi đã d sinh thì? d vì chưng nếu linh hồn chết đoi xác, lo cho kẻ chết chẳng có e làm chi. e vì chưng dầu muông chim cầm thú tự f nhiên lo cho con, f mà cái chim nhỏ hay lo, và khéo hay làm tổ, đẻn sinh đẻ, và nuei nóng g con, g vì con có dử việc h cha mẹ mà chớ: h sao le chưa thấy muông nào, dầu khôn, hay lo cho i cha mẹ khi đã chết: i vì chưng hễ là muông chim, khi xác nó chết, hồn cũ k chết đoi, k vì đẹy chẳng l còn có dử việc gì con; l mà đức Chúa blời chẳng m có làm đi gì khoũ, m vì đẹy cũ chẳng có cho

cura, quia nihil ſupereſt curandum. [n] *Contra verò, cum docente ipſa natura, homines tantam parentum defunctorum habent curam,* [o] *& non minus fortè quam ipſi parentes pro viuis filijs ſoliciti ſint.* [p] *certè fatendum eſt à Deo ipſo nos edoceri,* [q] *parentes, etiam poſt hanc vitam, adhuc ſupereſſe, qui noſtris obſequijs adhuc indigeant,* [r] *ergo anima noſtra, poſtquam à corpore ſeparata eſt, adhuc viuit:* [ſ] *ergo eſt immortalis ex ſe, & naturaliter;* [t] *à nullo enim agente naturali, poſtquam à corpore ſeparata eſt, poteſt deſtrui.*

[x] *Sciendum tamen eſt, animam noſtram à corporis huius mole ſeiunctam,* [x] *corporeis cibis, aut indumentis, alijſque huiuſmodi rebus corporeis minimè indigere, cum ſit ſpiritualis;* [y] *atque in hoc Annamitæ grauiter errant, cum corporalibus cibis animas*

[n] tlaõ lào muâng naò, còn lo cho cha mẹ, khi đã chết: [n] ſaõ le khi người ta tự nhien có lo giaᷤ giét làm bẹy cho cha mẹ, khi đã ſinh thì, [o] âu là cữ bàng cha mẹ lo cho còn khi còn ſóũ: [p] thạt thì phải xưng, có đức Chúa blờ̀i mở̀ lào ta, [q] khi cha mẹ đã qua đờ̀i nầy, thì hay còn có, mà hay còn dữ việc ta giúp cho: [r] vì bẹy linh hồn ta, khi đã ra khỏi xác, [ſ] thì hay còn ſóũ, [ſ] mà tự nhien chẳng hay chết: [t] vì chưng chẳng có phép naò dưới đức Chúa blờ̀i, mà làm hại đước linh hồn, khi đã khỏi xác.

[u] [u] Saõ le cữ phải hay, khi linh hồn ta đã khỏi xác [x] thịt nầy, [x] chẳng còn có dữ ăn ũống, hay là mạc, cữ các kì ſự vẽ xàc, vì [y] linh hồn ta là tính thiêng liêng: [y] mà người An nam mờ̀i linh hồn ăn

mas defunctorum inuitant
z *anima enim nostra no-* z
bilior est, quam quæ huiusmodi cibis vtatur : a *&* a
in hoc grauem suis progenitoribus iniuriam irrogant, b *ac longè maiorem,* b
quàm si viuis adhùc parentibus paleas, & alia, quæ brutis animantibus dantur, c *cùm domum adueniunt, ad manducandum ministrarent;* d *maior enim* d
improportio est omnium ciborum corporalium ad Animam nostram, vtpote Spiritualem : e *quam sit pa-* e
learum & aliorum, quibus bruta animantia ad vescẽdum vtuntur, ad homines, adhùc in hac vita degentes. f *Maior adhùc irre-* f
uerentia, & tanquam irrisio, qua progenitores suos defunctos Annamitæ afficiunt, g *cùm domos, ve-* g
stes, pecunias, & alia vtensilia ex papyro depicta conficiunt, vt illis offerant:
h *hæc enim nullus sanæ* h
mentis, vel pauperculo viuenti auderet offerre, vt

z của xác, thì lỗy xa: a vì
chưng linh hồn ta trọ
hơn, mà chẳng còn có
dữ ăn ưống giống ấy đâu:
a a vì bởy An nam thì vô
phép, mà mất lão cha
b mẹ lám, b càng hơn khi
cha mẹ còn sống, mà lấy
blanh, lấy cỏ, là của muông chim cầm thú ăn,
c c mà mời cha mẹ ăn
nhưng của giống ấy, khi
d đến nhà cữ: d vì chưng
hễ là của xác dữ, mà ăn
ưống, thì hèn, và tlái í
linh hồn ta, là tính thi-
e êng liêng, e hơn blanh
cỏ, cữ các của muông
chim cầm thú quen ăn,
thì hèn, mà tlái í cho
người ta, khi hay còn
f sống ở đời nầy, mà mời
f ăn những giống ấy. f Lại
người An nam càng vô
phép, mà như thể cười
nhạo cha mẹ, khi đã sinh
g thì, g mà dữ những gấy
làm nhà, cữ áo, tiền,
vàng, bạc, và các kì sự
h vẽ, mà cúng cha mẹ: h vì
chưng chẳng có ai khôn,
mà dễám cho người

Digitized by Google

huiusmodi rebus vteretur.
i *Quomodo igitur ea progenitoribus defunctis Annamitæ audent offerre, vt huiusmodi rebus fictitijs vtantur?* k *Dicet aliquis per combustionem in alia trasmutari.* l *Egregiè verò, nam per combustionem illa omnia conuertuntur in flammas, vel in cineres,* m *quid ergo progenitoribus mittitis?* n *si cineres commodè sane habitabunt inter cineres,* o *& nitidè valdè cineribus vestientur:* p *si flammas mittitis, vt verè mittitis,* q *quia illa opera falsa & peccaminosa exercetis, quæ à parentibus didicistis,* r *atque ideò illorum cruciatus in altera vita adaugetis,* s *sicuti enim ijs qui alios bona docuerunt post illorum mortẽ,* t *dum illa exercentur in hac vita ab ijs, qui didicerunt,* u *in cælo augetur gaudium Sanctis, quia ea docuerunt:* x *sic etiam qui*

Ngày thứ bốn

i naò, khi hay còn sóũ, dầu rứt khó, mà khiến nó dữ bay giớũ ẽy. i Mà sao nguòi An nam dẽám cũ cho cha mẹ, khi đã sinh thì, nhữ̃ng của dối ẽy? k Có kẻ ràng, đốt thì mà biẽn hõá, ra khác. l Nói làm chẽy phải chốc, vì đốt thì phần ra sứả, phần thì ra blo: m mà guởi phần naò cho cha mẹ? n ví bàng guởi blo thì làm cho cha me ở tlaõ o blo mà sứấng ru: o mạc blo mà sạch sẽ, và lịch p sự lám ru: p ví bàng guởi lứa, ăt thạt guởi q lứa, q vì chưng khi làm nhữ̃ng việc dối, thì phạm tội, haọc mà bắt chước cha mẹ xưa có làm thẽ ẽy, r cho nên có thêm hình lứa cho cha mẹ, đã qua đòi nầy. s Như thẽ ai ở thẽ nầy đã dẽạy kẻ khác sự lành, đẽn khi đã qua đòi, t mà kẻ đã haọc còn làm sự lành ẽy ở thẽ nầy, u thì thêm phúc cho nguòi thánh tlên blòi, vì đã dẽạy kẻ khác đều lành ẽy: x chẽy

peruer-

peruersa docent alios, & ea
fiunt, [y] *etiãsi qui ea docue-*
runt fint vita functi, eorum
pœna & cruciatus in alia
vita augentur. [z] *propter*
illa noua peccata quæ fa-
ciunt hi, qui ab illis didi-
cerunt: [a] *quare filij qui*
parentibus ea ficta offerũt,
& comburunt, verè illis
flammas mittunt. [b] *quia*
dum exercent peruersa
illa, quæ à parentibus de-
functis didicerunt, [c] *eorum*
cruciatus, & pœnas adau-
gent in alia vita: [d] *præ-*
ter peccatum quod ipſimet
filij committunt, [e] *propter*
quod etiam ipſi, niſi ma-
turè reſipiſcant, in futuro
ſæculo plectentur. [f] *Quare*
ceſſandum eſt ab huiuſ-
modi fictitijs, & falſis ho-
noribus, [g] *quia ſunt veræ*
parentum contumeliæ &
irriſiones, & cruciatuum
ipſorum augmentum. [h]
Qualis autem honor pa-
rentibus defunctis exhibẽ-
dus ſit, [i] *docebimus infra,*
cùm de honore parẽtib⁹, tàm

Nhày thứ bốn 123

kẻ dẽạy sự dữ, mà kẻ
khác làm sự dữ ấy đã
[y] haọc, [y] dù kẻ đã dẽạy
trước, đã chết, cũ chịu
[z] thêm hình đời sau, [z] vì
tội mới ấy, kẻ đã haọc
[a] nó, còn làm: [a] vì bởi
khi con cái đốt cho cha
mẹ những của giả ấy,
thạt là gưởi lửa cho
[b] cha mẹ mà chớ: [b] vì
chưng kẻ làm sự lỗy ấy,
xưa đã haọc bởi cha
[c] mẹ, [c] thì thêm hình khốn
cho cha mẹ, khi cha mẹ
[d] đã chết: [d] chẳng kể tội
[e] con làm bấy giờ, [e] mà
chẳng chừa cho lọp, thì
mềnh đời sau cũ phải
[f] chịu tội ấy nữa. [f] Vì bởi
thì phải bỏ mọi lễ dối ấy,
[g] mà đừng, [g] vì chưng
thạt là bất nghĩa, mà
cưởi nhạo cha mẹ, cũ
thêm hình cho cha mẹ.
[h] [h] Mà ta phải thảo kính
cha mẹ khi đã sinh thì
[i] thế nào, [i] dẽn sau ta sẽ
dẽạy, khi ta giảng sự
đức Chúa blời khiến
kính cha mẹ làm sao,

viuis, quàm defunctis, iuxtà legem Dei debito agemus.

[k] *Cùm igitur tam Sinæ, quam reliqua omnia regna veræ legis traditionem amisissent,* [l] *& in varias sectas, ex dæmonis fraude, pessum abijssent:* [m] *vna tamen Iudæorum natio veram supremi rerum Conditoris legem retinuit, simulque linguam hebræam.* [n] *Nam Abraham, qui fuit primus gentis Iudeorum parens, veram legem accepit,* [o] *tum immediatè ab ipso Deo, cui propter Sanctitatem valdè charus fuit,* [p] *sæpèq; Deus ipsi apparuit; & cum illo, vt cum amico sæpè loquutus est,* [q] *mysteriaque recondita ipsum docuit.* [r] *tum etiam Abraham Sem, filium Noe, magistrum habere potuit,* [s] *quia multis annis illo superstite vixit.* [t] *Sem autem non solum à Patre suo Noe veram accepit legem,* [u] *sed etiam à suo abauo Ma-*

Ngày thứ bốn

dầu còn sống, dầu đã qua đời.

[k] ấy bởi mà khi và đại minh, và mọi nước khác đã mất truyền đạo thật, [l] mà bởi quỉ dỗi, thì phạm sa những đạo vay: [m] song le có một họ Iudæa còn giữ đạo thật đức Chúa cả làm nên mọi sự truyền cho, và giữ tiếng [n] hebræa bởi. [n] Vì chưng ấy Abraham là tổ nghề họ Iudæa thì chịu lấy đạo [o] thật, [o] và bởi đức Chúa bởi truyền cho ấy, vì là người thánh mà [p] đức Chúa bởi yêu, [p] cũ nhiều lần hiện xuống, và nói khó cũ nhiều lần, như người có nghĩa [q] cũ, [q] mà bảo ấy sự [r] sâu nhiệm. [r] Mà lại ấy Abraham hầu được cũ ấy Sem, là con ấy Noe, [s] [s] vì ấy Abraham ở thế nầy nhiều năm, khi ấy [t] Sem hay còn. [t] Mà ấy Sem chịu truyền đạo thật, chẳng những bởi [u] cha là ấy Noe, [u] mà lại chịu bởi ấy cố là ấy

thusala

thusala, cum quo diù vixit ante diluuium; [x] & Mathusala immediatè ab ipso Adam, cum quo etiam diù vixit, vt supra notauimus. [y] Quare Abraham per Sem, & Mathusalam veræ legis traditionem ab Adamo habere potuit, [z] quam ipse tradidit filio suo Isaac, quem genuit cum esset nonaginta nouem annos natus, [a] ex Sara iam nonagenaria & sterili, [b] & per eam accepit repromissiones à Deo, [c] quod scilicet futuris temporibus ex eius pronepotibus acciperet totius humani generis Redemptorem: [d] eademque promissio, post mille circiter annos, facta est à Deo Dauidi Iudæorum regi, qui erat secundum cor Dei, [e] & alijs deinceps Sanctis prophetis, vsque ad Redemptoris Aduentum.

Mathusala, vì chưng ở cũ oũ ẽy lâu nam, khi chưa có lụt cả: [x] mà oũ Mathusala chịu truyền ẽy bởi oũ Adam; vì đã sóũ, lâu nam nữa cũ oũ Adam, như ta đã nói [y] trước. [y] Vì bẽy oũ Abraham chịu đươc truyền đạo thật bởi oũ Adam có oũ Sem, cũ oũ Mathusala, hai oũ ở giửa, mà thôi. [z] mà oũ Abraham lại truyền cho con, là oũ Isaac, đã để khi đã nên chín mươi [a] chín tuổi, [a] bởi bà Sara đã nên chín mươi tuổi, [b] mà lại có tặt ở sọn. [b] Oũ Abraham có chịu mlời đức Chúa blời [c] phán nói húa cũ, [c] bởi dàõ dội oũ Isaac, ngày sau có Chúa ra đời kóũ [d] người ta. [d] đến sau qua một nghìn nam dồ, lại có mlời húa ẽy, bởi đức Chúa blời phán ra cũ oũ Dauid, là bua Chúa nươc Iudæa, đã đẹp làõ đức Chúa blời. [e] Mà lại đều ẽy có truyền nối xuống cũ người thánh, chịu sâm truyền,

[e]

[f] Cùng

[f] *Cùm scilicet omnes aliæ nationes in tenebris infidelitatis iacerent,* [g] *& præcipuè magnum Sinarum Imperium, quod per varias sectas, quas suprà retulimus & refutauimus,* [h] *tandem in atheismi barathrum incidit, quod naturæ lumini est adeò repugnans:* [i] *quin etiam animæ rationalis immortalitatem communiter non agnoscit.*

[k] *At vera lex, quæ supremũ Dominum ac rerum omniũ Creatorem primumq; Principium, atque vltimum finem agnoscit;* [l] *non solum ex Diuina reuelatione,* [m] *sed etiam vel ipsa ratione naturali duce:* [n] *consequẽter etiam animam rationalem, spiritualẽ & immortalem agnoscit.* [o] *Primus enim rerum omnium Conditor Deus, cum necessariò sit iustus,* [p] *eius iustitia rectissima saluari non*

[f] cho đến đức Chúa blòi ra đòi kóu thế. [f] Mà khi ấy hễ là các nước chẳng tin, cho nên ở tối tam [g] mù mịt, [g] nhứt là nước đại minh, có theo nhiều giáo những dối, ta đã kể [h] và bắt tlước, [h] mà ngã lỗ lâu lám, là chẳng tin có đức Chúa blòi, thật tlai mlẽ tlaố lảo người [i] ta lám, [i] mà lại đại minh bổn chẳng tin, linh hồn ta một hàng sóu đẹy, mà chẳng hay chết.

[k] [k] Saố le đạo chính, là đạo thờ phượng một đức Chúa blòi, thì nhìn một Chúa cả, làm nên [l] mọi sự, thật là cội rễ đầu, mà lại làm như bia cả [m] mọi sự đẹy: [l] mà biết bay nhiều sự nầy, chẳng những bởi có mlòi đức [n] Chúa blòi truyền cho, [m] mà lại vì có mlẽ tlaố ta dẽay đẹy. [n] bởi đẽy thì phải xưng linh hồn ta lã tính thiêng liêng hàng sóu đẹy, chẳng hay chết. [o] Vì chưng khi ta nói thật đức Chúa blòi chi linh chi coũ, [p] ví bằng chẳng còn có đòi sau, [p]

posset

Digitized by Google

posset, nisi post hanc vitam supereſſet alia, in qua præmia bonis & malis ſupplicia decernerentur : [q] *multos namque videmus iuſtos & Sanctos viros,* [r] *qui in paupertate & contemptu ad vltimam vſque ſenectam degunt,* [ſ] *imò interdum morbis afflictantur, ita vt adhuc iuuenes diem obeant,* [t] *& ſæpè etiam à malis, & improbis hominibus affliguntur,* [u] *aliquando vſque ad internecionem, & boni patienter id ferunt :* [x] *& contrà malos ſæpè videmus in proſperitatibus & diuitijs,* [y] *aliiſque huius vitæ commodis, ad multam ſæpè ſenectam peruenire,* [z] *quamuis multa mala perpetrent, horrendiſq; ſceleribus ſint onuſti :* [a] *ergo neceſſariò ſupereſt alia vita, in qua ſcilicet boni debitas virtuti coronas recipiant, & præmia :* [b] *mali verò iuxtà ipſorum demerita pœnis, & ſupplicijs afficiantur,* [c] *à ſupremo rerum omnium*

đề thưởng kẻ lành, và phạt kẻ dữ, thì đức Chúa Blời chẳng phải còn bàng đâu : [q] Vì chưng ta thấy nhiều người lành [r] nên thánh, [r] khó khan, chịu khốn, chịu khó, người ta đề đuổi cho [ſ] đến già cả : [ſ] cũ có khi thì phải đâu náng, mà [t] chết tề : [t] lại có nhiều phen, kẻ dữ thì làm khốn [u] kẻ lành ; [u] cũ có khi thì đánh chết, mà kẻ lành [x] thì chịu đặng. [x] Mà lại ta thấy đều lắm, kẻ [y] dữ thì giầu có, đuợi đề [z] ở thế nầy, [y] mà chịu những sự đuợi, cũ có khi thì đến già cả chịu một thinh nhàn đặng, [z] dầu mà làm nhiều sự dữ, mà gánh tội vạ trạo lám. [a] vì đặng thật hãy còn đời lau, và cho kẻ lành chịu cọu, chịu phúc, bằng nhịn đức mình lám : [b] và lại kẻ dữ thì chịu hình khốn nạn, bằng tội vạ mình lám, [c] vì đức Chúa cả trên hết mọi sự, thì phán xét lám đặng.

Iudice

Iudice ac Domino. [d] *Sic accidit olim vt supra notauimus, Lazaro sancto, pauperi, ac mendico, vlceribusque pleno,* [e] *qui breuẽ hanc vitam in miserijs patienter, ac virtuosè pertransiens,* [f] *iam à mille sexcentis, & amplius annis fœlicitate potitur cælesti,* [g] *ac in æternum beatitudinẽ gloriæ possidebit:* [h] *contrà verò diues Epulo in delicijs viuens,* [i] *post mortem, propter multa peccata quæ perpetrauit, sepultus est in inferno,* [k] *atq; ignibus inextinguibilibus traditus est, iam etiã à mille sexcentis, & amplius annis,* [l] *& in æternũ cruciabitur, absq; vlla spe vnquam euadendi.* [m] *talis namq; est iustitia Dei sine fine, sicuti & ipse Deus est infinitus.* [n] *Pro ijs autem qui adeò hebetes sunt, vt ex dictis adhùc animæ hominis im-*

[d] đòi xưa oũ thành Lazaro, như ta đã bảo trước, cũ đã gặp thế ấy,
[e] vì ở đòi nầy, thì khó khan, chẳng bao lao, mà đi ăn mày, cũ tlaõ mình mầy phải nhưng chóuc lệch, mà chịu, và làm đều sự nhin đức Chúa Blời: [f] mà bây giờ đã chịu phúc tlên blời chui thế, đã qua hơn một nghìn sáu tlam năm, [g] lại đòi đòi một chịu thinh nhàn [h] Chúa ấy chẳng cũ. [h] Mà thằng giầu kia, hay ăn uống, ở thế nầy thì một [i] hay chơi bời, [i] đến khi chết, vì có phạm tội nhều, thì phải chôn ở tlaõ địa [k] ngục, [k] mà chịu lửa chẳng hay tắt, cũ đã qua hơn một nghìn sáu tlam [l] năm: [l] lại về sau cũ chịu hình đòi đòi Chúa ấy, mà chẳng có tloũ đươc khi [m] naò chọ khỏi đâu. [m] vì chưng đức Chúa blời là tính thiêng liêng vô cũ: lại coũ bằng ở đức Chúa blời, cũ là chẳng cũ Chúa ấy.

[n] Saõ le cho kẻ u mê chũng ấy, mà nghe bay nhều mlời [n]

mortali.

mortalitatem non capiant, hæc quæstio potest proponi.
° *Cur tandem omnibus à natura insitum sit, vt charissimos etiam quosque,*
P *cum quibus, dum essent viui, familiarissimè agebamus, ac conuescebamur:*
q *statim autem ac sunt vita functi, tantum illorum metum & horrorem concipimus, vt sine magno terrore illis soli assistere non valeamus?*
r *Cur igitur sic timemus? Verè quia eorum anima etiam separata, vel ipsa docente natura, nobis terrorem illum incutit;*
s *signum igitur euidens est, ab ipsa natura inditum,*
t *animam hominis post mortem adhùc superesse,*
u *quæ adhùc relationẽ habeat ad illud corpus, quod timemus, etiam postquam defunctum est.*
x *Contrà verò feras, vt leones, tigres, lupos timemus,*
y *dum adhùc viuunt, & ab illis naturaliter fugimus:*
z *si tamen occisæ*

đã giảng, cũ sự linh hồn
người ta chẳng hay chết
nếu chưa tó, thì phải
° giảng đều sau nầy. ° Vì
sao ta tự nhiên, có ngư-
ời nào hàng ở cũ ta, và
P có nghĩa cũ ta, P mà khi
còn sóũ, thì ta một ở
q nói khó cũ, và ăn cũ, q
sao le đến khi đã chết,
ta thở́t chóuc kinh
khủng, mà sợ, một mình
r ó chẳng được cũ? r Mà
sao tá dái làm bệy?
Thạt là vì linh hồn ẽy
dầu đã khỏi xác, tự nhi-
en làm cho ta sợ làm
s bệy mà chớ. s ẽy là dễ́u
thạt, như thể có mễ tlaõ
làõ ta bảo, tự nhien,,
t t linh hồn người khi đã
qua đời, thì hãy còn
u sóũ, u mà hãy còn về xác
ẽy, ta dái, dù mà đã chết
x đã rồi. x Sao le muâng
dữ nào, như thể muâng
sư tử, con hùm, chó sói,
y y khi còn sóũ thì ta dái,
mà tự nhien ta tlốn nó:
z z ví bằng đã đánh chết
muâng nào dữ, chẳng

Digitized by Google

fuerint huiusmodi ferae, nihil amplius in illis timemus, [a] *sed acutissimos earum dentes, aut vngues, etiam pueruli, sine vllo timore apprehendunt, & cum illis ludunt:* [b] *quia scilicet, vel ipsa naturae duce, intelligitur nihil amplius in illis superesse quod timeri debeat;* [c] *earum enim anima, simul cũ corpore extinguitur.* [d] *Sicuti si domus aliqua possessorẽ adhùc habeat quamuis absentem,* [e] *naturaliter timent homines illam diripere,* [f] *quia scilicet timent ne à possessore deprehendantur, & multentur:* [g] *si tamen domus sit omninò derelicta, & carens domino,* [h] *liberè illam quiuis diripit, absque vllo metu, quia scilicet caret domino:* [i] *sic quamuis timeamus naturaliter feras, dum adhùc viuunt, & ab illis fugimus,* [k] *mortuarum tamen corpora laniamus, absque vllo metu,* [l] *quia illarum animae simul cum corpore intereunt, nec superest,*

Ngày thứ bốn

còn có gì mà dái nó nữa,
[a] mà còn tẻ nhó thì bắt
nành nó, hay là chuất nó
dầu sắc, mà chơi ác chẳng,
[b] cũ chẳng có dái gì. [b] Vì
chưng tự nhiên đã hay,
chẳng còn có đí gì mà
dái, [c] vì hồn nó đến
khi xác chết, thì tát đi
[d] chỗi. [d] Nói thí dụ, như
thể có nhà nào, còn có
chúa, dầu mà váng mặt,
[e] [e] thì tự nhiên người ta
dái, mà chẳng dễám lẻy
[f] đí gì nhà ẻy: [f] vì chưng
thì dái chúa nhà một
choúc có đến, mà bắt;
[g] [g] nếu có nhà nào đã để
đi, mà chẳng còn có chúa
[h] nào nhà ẻy, [h] thì ai nẻy
lẻy của nhà ẻy mà chẳng
[i] có dái gì, vì chẳng có
chúa, [i] sự nầy cũ chẳng, vì
dầu ta dái tự nhiên mu-
ông nào dữ, khi hãy còn
[k] sóũ, mà ta tồn nó. [k] sao
le khi nó đã chết, ta xé
nó ra, mà chẳng có dái
[l] gì, [l] vì hồn nó thì cũ chết
chỗi xác, mà chẳng còn

Digitized by Google

superest dominus qui timeatur: [m] *& hominum defunctorum cadavera timemus natura duce,* [n] *quia scilicet illorum animas, quæ sunt veluti cadaverum domina, adhuc timemus, vt superstites.* [o] *Ergo naturaliter intelligimus hominis animam esse, corpore moriente, superstitem;* [p] *& consequenter immortalem,* [q] *nullum enim agens naturale animam à corpore separatam corrumpere potest aut destruere;* [r] *sed solus Deus, qui sicuti illam ex nihilo creauit,* [s] *& in suo esse per continuatam quandam creationem conseruat:* [t] *sic illam per negationem concursus creatiui posset destruere si vellet;* [u] *id tamen nunquam facturus est, vt ex ipsius reuelatione constat,* [x] *sed bonis præmia æterna largi-*

[m] có chúa mà dái: [m] Saõ le tự nhiên ta dái thân xác người ỉ, dẫu đã chết, [n] vì chưng ta hãy còn dái tự nhiên linh hồn, là chúa thân xác ấy, vì linh hồn hãy còn. [o] Vì bởi ta tự nhiên đã hãy linh hồn người ỉ, khi xác chết, [p] thì hãy còn sóũ, [p] mà lại đã hay thạt, linh hồn người chẳng có chết được, [q] vì chẳng có phép naò dưới đức Chúa blời, mà làm hại được, hay là phá được linh hồn ta, khi đã khỏi xác. [r] có một đức Chúa blời, như đã lấy khoũ, mà hõá ra linh hồn người, [s] mà lại hàng có giữ gìn, như thế hõá ra linh hồn người lien bởi. [t] mà đức Chúa blời khiến đừng giữ gìn làm bởi, mà tự nhiên phá linh hồn người thì cũ được: [u] Saõ le đức Chúa blời chẳng có đừng giữ đời đời, vì đã có mlời đức Chúa blời phán, [x] cho kẻ lành thì chịu phúc tlên blời |

turus est in cælo: & malis verò supplicia æterna irrogaturus est in inferno.

& đời đời, & mà kẻ dữ, thì phạt chịu hình khốn, tlaõ địa ngọục đời đời đêy.

Digitized by Google

a Quæ sequuntur non sunt committenda omnibus, b nisi iis qui per priorum auditum, c iam idola, & inanes sectas contempserint, d & ad Baptismum iam sint disponendi, per ieiunium & alia pia opera: e atque ideò illis iam tradendus est Orationis Dominicæ, Salutationis Angelicæ, f ac Symboli Apostolorum liber: vt illa memoriæ mandet. g Proponuntur hodie mysteria duo totius Christianæ religionis profundissima & altissima: h nempe sacrosancta Trinitatis mysterium prorsus ineffabile, i ac stupendum Diuinæ Incarnationis opus. k Cùm igitur initio iam statuerimus dari primum rerum omnium creatarum principium, l quod lumine naturali notum est: m sic etiam notum est vnum tantùm dari primum principium infinitum: n æternũ

a Mlòi giảng hàu nầy, thì chẳng b khá nói cũ hết, b nói cũ kẻ đã nghe đều thước c mà thôi, c khi đã bỏ bụt d đi, cũ các giáo dỗi: d mà dẽọn chịu phép rữa tội thì phải ăn chay, và làm e phúc khác: e vì bởy thì nên tlaõ kinh đức Chúa Iesu, và kinh đức Chúa f bà Maria, f cũ kinh mu-òi hai đầy tớ cả, cho hặọc thuọc làõ.

g Rày thì giảng hai đều nhứt tlaõ đạo thánh đức Chúa blòi, và rựt sâu h nhiệm, cũ rứt cao: h là đều giảng (Sanctissima Trinitas) mlòi nói chẳng i hết mlẽ sốt, i và đều giảng phép cả đức Chúa blòi ra đòi, làm cho ta k hãi. k Mà tlước đã định l có cội rễ đầu mọi sự, l đều bởy tự nhiên đã có mlẽ m tỏ tlaõ làõ ta: m lại cũ đã tỏ có một cội rễ đầu, là tính thiêng liêng vô n cũ; n hàng có vô cũ, mọi

immen

immensum, [o] *omnipotens, omnia sciens, omnem bonitatem & perfectionem in se continens,* [p] *& incomprehensibile, quo nihil melius cogitari potest:* [q] *qualis autem sit incomprehensibilis eius essentia & proprietates, nullus intellectus creatus potest intelligere,* [r] *nisi per supernaturale lumen ad id eleuetur ab ipso Deo.* [s] *Lumen autem hoc est duplex,* [t] *primum est lumen fidei, per quod Deus se ipsum & sua reuelat in hac vita,* [u] *obscurum quidem, atque omnem rationem naturalem superans,* [x] *sed certissimum, vt pote quod nititur ipsius primi principij, seu primæ veritatis testimonio,* [y] *quæ prima Veritas, nec falli potest, quia omnia nouit,* [z] *nec etiam fallere, quia est simul summa Bonitas, quæ mentiri non potest.* [a] *Alterum est lumen*

Ngày thứ nam

[o] nơi mọi có vô cùng, [p] có phép vô cùng, hay biết vô cùng, gồm bao lại mọi sự lành, mọi sự tốt ở mình, [p] [p] mà chẳng có gì bao được mình, cũ chẳng có tuồng được đi gì [q] hơn cõi rẽ đầu nầy: [q] mà tính vô cùng nầy, và phép thể nào, chẳng có mầu nào dưới đức Chúa [r] blời mà suy đến, [r] có một đức Chúa blời cho ta sáng bề trên, thì mới [s] được: [s] Mà sáng ấy thì [t] có hai: [t] một là sáng lòa tin đức Chúa blời, khi ở thế nầy ta biết đức Chúa blời và sự về đức Chúa blời, vì có mblời đức Chúa blời giuảng [u] ra: [u] dù mà còn mờ mờ ấy, và trên mọi mầu [x] ta đến được: [x] lão le- sáng ấy là rứt thật, vì chưng có vịn mblời đức Chúa blời là thật nhứt. [y] [y] Mà chẳng có ai nói đối được thật nhứt nầy, vì đã biết mọi sự: [z] cũ

chẳng có đối được ai, vì chưng là rứt lành, mà nói đối chẳng được. [a] Lại có sáng khác [a]

quod

quod dicitur gloriæ, [b] *quo intellectus creatus eleuatus & illustratus, clarè videt essentiam Diuinam sicuti est:* [c] *hoc autem lumen gloriæ solùm datur beatis in æterna felicitate degentibus.* [d] *Si enim Regem Sinarum cùm in sua Regia in pace degebat, nullus extra regiam intueri poterat,* [e] *multò minus Regem Regum intueri quis potest sicuti est,* [f] *nisi prius ad ipsius cælestem Regiam peruenerit beandus in futuro sæculo.* [g] *Ad hoc autem lumen gloriæ adipiscẽdum, dat nobis misericors Deus in hac vita,* [h] *fidei lumen supernaturale, per quod firmiter & immobiliter assentimur reuelationi Diuinæ,* [i] *factæ viris Sanctis in Ecclesia Catholica, & per illam nobis:* [k] *vt sic per fidei lumen ambulantes in hoc sæculo,* [l] *tandem perueniamus ad æternam*

[b] gọi là, gloria, [b] mà tính naò hay mlẽ có chịu sáng nầy thì lên đứng cao, và sáng cho nên thấy mạt đức Chúa blòi tỏ tường.

[c] Saõ le những thánh tlên blòi thì chịu sáng nầy, mà bui bé đòi đòi.

[d] Vì chưng nếu bua Chúa đại minh đòi xưa khi yen ổn, thì ở tlaõ đền, mà ngõài đền chẳng có ai thấy đươc:

[e] huống lo đức Chúa blòi, là bua Chúa, tlên bết mọi bua Chúa, chẳng có ai thấy đươc, [f] mà chẳng đến chịu phúc đòi sau tlên blòi, bui bé đòi đòi bẹy.

[g] Saõ le cho ta đươc sáng, gloria nầy, đức Chúa blòi nhin lành, thì cho chúng tội ở thế nầy, [h] sáng bề tlên, là laõ tin, cho ta tin that mọi mlòi, [i] đức Chúa blòi truyền cho ngươi thánh tlaõ Ecclesia Catholica, cho đến ta, mà tin cho bền, chẳng dòi.

[k] mà bẹy ở thế nầy ta dữ mlòi tin như sáng soi cho ta, [l] mà đòi sau ta đến nơi hàng bui bé, vì cho

beat.

beatitudinem, [m] *in qua per lumen gloriæ clarè videamus, quæ in hac vita firmiter credidimus,* [n] *quare ita certum habere debemus, quod fidei lumen docet,* [o] *vt nullo modo de vllo mysterio dubitemus, quamuis humana ratio ad illud non pertingat;* [p] *sed de reuelatis à Deo, ac per Ecclesiam propositis,* [q] *certiores esse debemus, quam si oculis ea inspiceremus,* [r] *quia oculus potest falli & hallucinari,* [s] *at Verbum Dei nullo modo falli, aut fallere potest.*

[t] *Primum itaq; mysterium ac præcipuum cui firmiter assentiri debemus,* [u] *circa ipsum Deum, est quod quãuis Deus sit vnus in essentia,* [x] *est tamen Trinus in Personis, atque ideò vocatur Sanctissima Trinitas, Pater, & Filius, & Spiritus sanctus.* [y] *Pater enim est Deus, & Filius est Deus,*

[m] sáng gloria, [m] mà thấy được tỏ tường, đều nào ta còn ở thế nầy đã tin [n] chứng càng. [n] Vì bởi hễ là đều nào bởi sáng tin, mà truyền cho ta, thì [o] ta phải lấy làm thạt, [o] mà chẳng nên hồ nghi đều gì sốt, dù mà trí người [p] ngòi suy chẳng đến: [p] mà lại hễ là mlời đức Chúa blời nói ra, mà thánh Ecclesia truyền cho ta, [q] [q] thì ta phải lấy làm thạt hơn con mắt xem: [r] vì chưng có khi thì con [s] mắt dối ta, [s] saõ le đức Chúa blời chẳng chịu được ai dối mình, cũ chẳng dối được ai.

[t] [t] ấy bởi mà đều nhứt, và cả tlaõ kinh đức Chúa blời, ta tin được [u] thạt, [u] mà nói đến sự đức Chúa blời, vì chưng dù mà có một đức Chúa blời vì tính đức Chúa [x] blời là một. [x] Saõ le thạt là ba ngôi, vì bởi thì gọi là Sanctissima Trinidade là đức cha, và đức con, và đức Spiritus Sanctus; [y] vì chưng thì đức Cha, là đức Chúa blời, và [y] đức

& Spiritus Sãctus eſt Deus, đức Con, cũ là đức Chúa
[z] *non tamen ſunt tres Dij,* blời, và đức Spirito
ſed tres perſonæ ſunt vnus Sancto, cũ là đức Chúa
Deus, vnus Dominus; [a] *ita* [z] blời bệy: [z] ſaõ le chẳng
vt æternitas, immenſitas, phải ba đức Chúa blời,
ſapientia, potentia, bouitas, & iuſtitia infinitæ, [b] thạt là ba ngôi, cũ là
omnia prorſus infinita ſint một đức Chúa blời.
æqualiter in Patre, & in [a] Mà hàng có vô cũ, mọi
Filio, & in Spiritu ſancto, nơi mọi có vô cũ, hay
[c] *quia eſt vna eſſentia, &* biết vô cũ, phẽp tác vô
maieſtas Patris, & Filij, cũ, lào lành vô cũ, coũ
& Spiritus Sancti: [d] *quamuis* [b] bàng vô cũ, [b] mọi ſự vô
tres perſonæ ſint inter cũ làm bệy, cũ ở đức
ſe diſtinctæ: [e] *nam Deus* Cha, và ở đức Con, và
Pater eſt verè Pater, quia ở đức Spirito Sancto,
generat Filium ab æterno: [c] cũ bàng nhau, [c] vì chưng
[f] *& Deus Filius eſt verè* cũ một tính, một tõà, và
Filius, quia per generatio- đức Cha, và đức Con,
nem æternam procedit à và đức Spirito Sancto;
Patre: [g] *& Deus Spiritus* [d] [d] dầu ba ngôi thí khác
Sanctus, eſt verè Spiritus [e] nhau: [e] vì chưng đức
Sanctus, [h] *quia ſpiratur* Chúa blời là đức Cha,
à Patre & Filio ab æterno thạt la Cha, vì đẻ ra Con
per voluntatem: [i] *cùm* [f] hàng vô cũ bệy: [f] lại
enim Deus Pater ab æterno đức Chúa blời là đức
ſeipſum cognoſcat, & ade- Con thạt là Con, vì có
[g] [g] mà lại đức Chúa blời

là đức Spirito Sancto; thạt là Spirito Sancto,
[h] vì chịu thoũ ra hàng vô cũ bởi đức Cha, và [h]
bởi đức Con yêu nhau bệy. [i] Vì chưng đức [i]
Chúa blời là đức Cha hàng biết bọc blọn tính

Digitized by Google

quatè comprehendat, [k] *producit Verbum, ſeu imaginem ſui ipſius,* [l] *eique totam ſuam eſſentiam communicat, ita vt ſit æqualis Patri, & eſt verè Filius:* [m] *cùm tamen audis Filiũ, ne putes opus ibi fuiſſe matre,* [n] *vt in humanis generationibus:* [o] *Deus enim Pater eſt verè puriſſimus Spiritus,* [p] *qui ſe ſolo, & per ſuum intellectũ, abſq; vlla corporis admixtione perfectiſſimã ſui imaginẽ generat.* [q] *Exemplum quamuis imperfectũ, ſume de limpido aliquo ſpeculo,* [r] *in quo faciei noſtræ perfectam imaginem producimus,* [ſ] *qua noſtras omnes delinationes repræſentet:* [t] *ſic Deus Pater in eſſentia ſua, tanquam in ſplendidiſſimo ſpeculo, ſe ipſum contemplans,* [u] *perfectiſſimam ſui ipſius imaginem producit,* [x] *cui totam ſuam eſſentiam neceſſariò communicat,* [y] *&*

Ngày thứ nam

[k] mình vô cữ, [k] mà ſinh ra ảnh thiêng mình, hay là mlòi vô cữ, [l] mà thoũ ra blót tính mình, cho ra đức Con, cữ bàng đức Cha, mà thạt là Con: [m] ſaõ le khi nghe tiếng Con chớ nghỏ là có dữ mẹ naò đâu, [n] như thế khi ſinh ra người ta; [o] vì chưng đức Chúa blòi là đức Cha, thạt là tính thiêng liêng rứt tịng ſạch, [p] mà một mình có hay biét vô cữ, thì ſinh ra ảnh mình rứt khéo, mà chẳng có lộn gì ſự xác đêy. [q] Nói thí dụ ſự hèn đêy, như thế cái [r] guêng naò ſạch, [ſ] mà tlaõ guảng êy thì ra hình tượng mạt ta, [t] như vẽ mọi ſự ở mạt ta tỏ tượng đêy: [u] mà đức Chúa blòi, là đức Cha, xem thấy tính thiêng liêng mình, như guảng rứt ſáng, [x] đêy thì để ra ảnh mình rứt khéo rứt ſáng, [y] mà tự nhiên thì thoũ ra blót tính mình cho ảnh êy, [y] mà đức ảnh êy là đức Mlòi đức

hæc imago est verbum Dei æternum, [z] *& verè Filius Dei, consubstantialis Patri,* [a] *eique coæternus, & verus Deus, æquè ac Pater.*

[b] *Rursus Pater amore æterno prosequitur Filium, & ita Filius Patrem,* [c] *& hic Amor æternus, mutuusque Patris & Filij, dicitur Spiritus Sanctus,* [d] *& est verus Deus à Patre Filioque procedens,* [e] *quia totam essentiam Diuinam Spiritus Sanctus accipit à Patre & Filio,* [f] *estque vnus verus Deus, simul cum Patre & Filio,* [g] *consubstantialis & coæternus Patri & Filio:* [h] *& hæc est Sanctissima Trinitas Pater & Filius & Spiritus Sanctus,* [i] *vnus verus Deus in essentia, & verè Trinus in personis,* [k] *fontalis origo, & radix,*

Chúa blòi hàng có ḅệy,
[z] thạt là đức Con, cũ một tính thiêng liêng vô
[a] cũ ḅối đức Cha, [a] mà hàng có ḅệy cũ đức Cha, thạt là đức Chúa blòi, bàng đức Cha ḅệy.
[b] Lại đức Cha thì yêu đức Con, hàng hàng, đòi đòi ḅệy, mà đức Con cũ yêu đức Cha
[c] như ḅệy, [c] sự đức Cha, cũ đức Con yêu nhau vô cũ làm ḅệy, gọi là
[d] đức Spirito Sancto, [d] thạt là đức Chúa blòi, mà ra bởi đức Cha, cũ
[e] bởi đức Con, [e] vì chưng đức Cha cũ đức Con, thì thoũ ra blót tính đức Chúa blòi cho đức Chúa
[f] Spirito Sancto, [f] vì ḅệy đức Chúa Spirito Sancto, cũ là một đục Chúa blòi cũ đức Cha, và cũ
[g] đức Con, [g] cũ một tính thiêng liêng, mà hàng có ḅệy đòi đòi cũ đức

Cha, và cũ đức Con: [h] ệy là Sanctissima Trinidade là đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Sancto, [i] cũ một đục Chúa blòi, lá một tính, mà thạt thì có ba ngôi, [k] là can nguồn, và cội

primumque Principium, atque vltimus Finis rerum omnium creatarum.

[l] *Hoc primum Mysterium verè Deus ipse Sanctis reuelauit,* [m] *& per sanctos suos nobis credendum proposuit,* [n] *vt ipsius gratiam possimus in hac vita consequi,* [o] *ita vt adulti accedentes ad Baptismum, nisi credant illud firmiter, tanquam infallibile, atq; à Deo reuelatum,* [p] *peccatorum remissionem consequi non possint:* [q] *imò nisi qui Baptismum ministrant, illud in suis verbis adhibeant,* [r] *remittere peccata, vel Baptismi gratiam conferre non possunt:* [s] *sufficit tamen illud absq; vlteriori inquisitione credere,* [t] *nam intellectus noster in hac mortali vita, est pusillus,* [u] *seipsum, aut animam suam capere non potest, quæ finita est:* [x] *multò minus infinitam Dei essentiam, & proprietates*

Ngay thứ nam rẽ đầu mọi sự, và mọi sự thì về một đức Chúa blời.

[l] đều nhứt nầy thật là bởi đức Chúa blời nói [m] ra cũ người thánh, [m] mà lại người thánh truyền [n] cho ta tin, [n] mà bởy ta được *gratia*, là nghĩa, cũ đức Chúa blời ở thế nầy: vì bởy hễ là kẻ đã [o] khôn, mà đến chịu phép rửa tội, ví bằng chảnh [p] tin thật đều nầy, như [q] mlời đức Chúa blời, [p] chẳng hay sai, [p] chịu tha thội thì chẳng được. [q] mà lại ví bằng ai làm phép rửa tội, mà chẳng [r] lẽy thật, và blọn đều nầy khi đang làm phép, [r] thì rửa tọi chẳng được, mà cho *gratia*, là nghĩa cũ [s] đức Chúa blời, cũ chẳng [t] được: [s] ſaõ le ai tin thì [u] bửa, mà chẳng khá lõên [t] mlẽ nữa: [t] vì chưng trí [x] ta, khi còn ở thế gian [u] nầy, thì thấp hén, [u] mà biết sự mình cho hết, hay là sự linh hồn mình, dù có cũ, cũ chẳng được cho hết: [x] huống chi tính

illi-

illimitatas capere poterit. y Olim Sanctus Augustinus de ineffabili Sanctissimæ Trinitatis Mysterio viginti quatuor conscribebat libros: z cùmque aliquando solus in maris litore ambulans, a de Diuino hoc Mysterio cogitaret, vt illud clariùs exponere posset, b Angelum vidit sub specie pueri, & in litore sedentem, c foueamque paruulam effodientem, in quam effundebat aquam è mari, cum paruo conchilio hausiam: d illum igitur interrogat Sanctus vir, ò puer quidnam ibi facis? e Respondet Angelus ille: Se verò maris aquam haurire, & in foueam illam infundere, vt exhauriretur mare. f Tum Sanctus ad Angelum, quem puerum putabat: g Nonne vides, inquit, foueam esse adeò exiguam, h quomodo ergo immensũ mare capere

thiêng liêng vô cũ, và mọi sự vô cũ, ô đức Chúa blời, biết cho hết chẳng làm chi đươc. y đòi xưa một oũ thánh tên là Augustinus, giảng ra đều rứt nhiệm là sự một đức Chúa blời ba ngôi, mà làm ra hay mươi bốn kinh những đều ấy: z có ngày nào ô một mình, mà đi đi lại lại trẽn bảy cát biển, a và một lỗện sự một đức Chúa blời ba ngôi làm sao, mà giảng ra chọ tớ: b khi ấy coi thấy đức thánh thiên thần, hiện xuống, lấy hình con tlẻ, ngồi ô nơi bảy ấy, c mà làm lỗ nhỏ, đoạn thì lấy bỏ hau múc nươc biển, đẽ vào lỗ ấy. d Oũ thánh Augustinus hỏi ràng, ô thàng bé kia làm chi ấy? e e Thiên thần ấy thưa ràng, tôi lấy nươc biển đổ đẽ vào lỗ nầy cho cạn biển, f oũ thánh nói cũ thiên thần, ngờ là con tlẻ, mà ràng: g sao chẳng thấy lỗ thì nhỏ lắm, h mà đổ cho hết nươc biển rọũ làm sao làm

poterit? [i] *Tunc subridēs Angelus, ait; Tuus intellectus quantulus est,* [k] *vt infinitum atque incomprehensibile beatissimæ Trinitatis Mysterium capere possit?* [l] *His dictis disparuit puer: intellexitque Sanctus vir fuisse, non puerū, vt apparebat,* [m] *sed Sanctum Angelum à Deo missum, vt illum moneret,* [n] *inscrutabilia Diuinitatis Mysteria, supra captum nostrum non esse curiosius perscrutanda,* [o] *sed cum humili veneratione credenda, in hac vita, dum per fidem ambulamus,* [p] *donec dies nobis æternitatis illucescat,* [q] *& per lumen gloriæ beatissimam Trinitatem clarè videamus in cælo sicuti est.* [r] *Sic faciens beatus vir gloriam, nempe claram Sanctissimæ Trinitatis visionem adeptus est, iam à mille & amplius annis:* [s] *ita & nos, viri sancti*

Ngày thứ nam

[i] sao đuợc? [i] Bấy giờ thiện thần làm hình cuời, ràng; làõ oũ là [k] bao mlớn, [k] mà uớc cho biết tớ đều chẳng cũ, và rứt sâu nhiệm, là một đức Chúa blời ba ngôi, gọi là rứt thánh Trindade, làm chi đuợc? [l] [l] con tlẻ nói làm ệy đoạn thì biến đi, mà oũ thánh Augustinus đã hay, chẳng phải con tlẻ, như [m] hình ngõài thấy, [m] thạt là đức thánh thiên thần, đức Chúa blời sai, bảo [n] oũ thánh ệy, [n] sự đức Chúa blời sâu nhiệm, ta suy chẳng đến, chẳng khá lõên hơn sức ta, [o] [o] mà ta khiem nhuờng còn ở thế nầy kính, và [p] tin, mà noi giữ ệy, [p] cho đến ngày vô cũ đời [q] sau sáng ra, [q] mà đuợc sáng gloria cho thấy Sanctissima Trindade tỏ tuờng thạt ệy tlên blời. [r] [r] Mà oũ thánh Augustinus làm thế ệy, đã chịu đuợc gloria, ệy xem tỏ tuờng Sanctissima Trindade, đã hơn một nghìn năm nay. [s] Mà ta làm [s] *vesti-*

Digitized by Google

vestigijs inhærentes, [t] *firmiter credamus nunc Diuinis reuelationibus, quamuis obscuris, & supra captum nostrum,* [u] *vt credita nunc, in futuro sæculo postea illa clarè possimus intueri.*

[t] chệy theo chên, bắt chước ơũ thánh ệy, [u] bây giờ ta tin thạt mlời đức Chúa blời truyền cho, dầu mù chệy, mà tlên trí ta. [u] Vì ta tin bây giờ, đời sau thì được thấy tỏ tường.

[x] *Alterum Mysterium prorsus ineffabile est Diuinæ Incarnationis,* [y] *cùm enim Omnipotens Deus hominẽ ad imaginem & similitudinẽ suam creasset,* [z] *eumque gratia, & amicitia sua nobilitasset, in statu innocentiæ,* [a] *& per inuidiam diaboli in peccatum miserabiliter corruisset;* [b] *per quod ipse cum tota hominum progenie, non solam corporis mortem,* [c] *sed etiam damnationem æternam meritus fuerat, incurrendo in offensionem Dei, per violationem Diuini præcepti.* [c] *Misericors Deus humano generi remedium per seipsum dare statuens,* [f] *præstituto*

[x] Có đều khác nữa, mlời nói chẳng đến, là đức Chúa blời ra đời kớu thế: [y] vì chưng khi đức Chúa blời phép tác vô cũ, đã sinh nên người, làm ảnh tượng đức Chúa blời, [z] lại cho *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, cho trạo, khi chưa có tội gì: [a] mà bởi ma quỉ ghen ghét người ta, thì người ta phạm tội khốn nạn, [b] cho nên ơũ Adam, cũ cả và lõài người ta, chẳng những là phải chết xác, [c] mà lại đáng chịu tội đời đời, [d] vì đã mất lão đức Chúa blời, khi đã phạm mlời đức Chúa blời răn. [e] Mà đức Chúa blời nhin lành, khiến chữa lõài người ta, mà mình khiến làm việc ệy, [f] đến ngày đã

tempo-

tempore, humanam naturam assumere dignatus est, g *sicuti ante promiserat per prophetas suos.* h *Cum igitur ad hoc præcellens opus perficiendum Iudæorum regnum elegisset,* i *quod solum in uniuerso orbe Diuinam profitebatur legem:* k *& eo in Regno, Dauidi Regi, & Prophetæ iam promississet,* l *se de ipsius stirpe nasciturum.* m *Cùm iam mille circiter anni ab hac promissione fluxissent,* n *viuebant in Iudæorum regno coniuges duo, ætatis iam grandæuæ, Deo valde grati,* o *quorum nomina erant Ioachim, & Anna, ex progenie Dauid,* p *qui tamen prole carentes, quamuis Diuinæ Legis obseruantissimi,* q *contemnebantur etiam à sacerdotibus,* r *cùm sua munera iuxtà Legis præscriptum, ad Templum deferebant,* s *quod illis doloris*

Dies quintus

định thì lẽy tính người
g mà làm một cũ, g như
mlời đức Chúa blời, đã
nói hứa đời tlước, cho
kẻ đã chịu sấm truyền.
h h ẽy ẫy mà đức Chúa
blời đã chọn nước Iu-
dæa, mà lấm việc trạo
i ẽy, i vì chưng cả và thien
ha có một nước Iudæa
theo đạo thánh đức
k Chúa blời: k lại có đua
Chúa nước ẽy, tên là
l oũ Dauid, đức Chúa
l blời đã nói hứa cũ, l
ngày sau có sinh đẻ, ra
đời, tlaõ con cháu oũ ẽy.
m m từ mlời hứa nẩy, khi
đã qua một nghìn năm
n dồ, n có hai ẫy chàõ
đã già cả, đẹp laõ đức
o Chúa blời lấm, o tên
là oũ Ioakim, bà Anna,
chính dàõ họ oũ Dauid,
p p laõ le chẳng có con,
q dầu giữ đạo hết sức, q
mà kẻ làm thày ở nước
ẽy, thì cũ chê hai oũ bà,
r r khi đam của cũ đức
Chúa blời, tlaõ đến
s thánh, ẫy hẳng phép mlời răn, s mà lại oũ bà vì sự

non

non exigui [t] *causa erat: nihilominus voluntati Diuinæ seſe integrè committentes, orationi inſtabant.* [u] *Sanctos itaque coniuges exaudiens Deus, verè pius, & miſericors,* [x] *qui illos prælegerat, vt ex eorum, vtpote Sanctorum, prole Sanctiſſima* [y] *in mundum Redemptor aduenirent:* [z] *miſit ad eos Sanctum Angelum, qui felicem illis filiam prænunciaret,* [a] *quæ Deo foret gratiſſima, ſupra omnes puras creaturas, etiam angelicas;* [b] *quam nimirum elegiſſet Deus ipſe, vt ex illa caruem aſſumeret,* [c] *tanquam ex vera Dei Matre, & Virgine vocaretur: Maria.* [d] *Hoc læto nuntio accepto Sancti coniuges, humillimas Deo pro viribus gratias agentes,* [e] *filiam virginitatis florem genuerunt,* [f] *abſq; vlla etiam peccati labe originalis conceptam, ſicut multi Doctores tenent,* [g] *vtpote*

[t] ẽy lo láng gia giết, [t] ſaõ le phú mọi ſự mình mạc ơn đức Chúa blời, mà cầu khẩn lien.

[u] [u] ẽy mà đức Chúa blời thạt làõ nhin lành, [x] [x] khi đã chọn hai oũ bà ẽy, là thánh, cho để con [y] gái rứt thánh, [y] mà đức Chúa blời dẽọn ra đời, choặc tội, bởi rứt thánh [z] con gái ẽy. [z] Mà ſai đức thánh thien thần đến cữ, giuáng tin lành, là [a] có ſinh để con gái, [a] đẹp làõ đức Chúa blời, hơn mọi ſự đức Chúa blời ſinh, cữ hơn các đức thánh thien thần nữa: [b] [b] vì chưng đức Chúa blời đã chọn, mà bởi [c] đẽy ẽy mình ngươi, [c] thạt làm Mẹ đức Chúa blời, và đòũ thần, đạt [d] tên là Maria. [d] Hai oũ bà chịu tin lành làm ẽy, càng khiem nhưâng, và cám ơn đức Chúa blời [e] hết lẫõ, [e] mà ſinh để con gái, là hõa đòũ thần, [f] [f] cữ chẳng có phải tội gì oũ Adam truyền cho, như đều ngươi thánh lüân, [g] vì [g] in

in ſuam Genitricem Deus, in mundum venturus humani generis reparator, iam ante ſæcula prælegerat. [h] *Nata ergo illis eſt beatiſſima ſemper Virgo Maria Dei Genitrix futura;* [i] *& à pijs parentibus triennis in templo eſt præſentata,* [k] *quæ rationis uſum præueniens totam ſe Deo etiam per Virginitatis perpetuæ votum conſecrauit,* [l] *& in templo cum alijs Virginibus manſit, omni virtutum genere* [m] *alijs prælucens, in domo Domini, uſque ad decimum quartum ætatis annum.* [n] *Cùm autem Virgines ad eam ætatem peruenientes ſponſis traderentur,* [o] *per voluntatem Dei tradita eſt beatiſſima Virgo Sanctiſſimo viro, æquè ac nobiliſſimo,* [p] *Ioſeph dicto, qui nimirum & ipſe erat de domo Regis Dauid,* [q] *quamuis pauper, fabri li-*

Ngày thứ nam
chưng đức Chúa blời đã chọn lấy làm Mẹ mình, từ đoan ra đời chuộc tội cho lòài người ta, khi chưa có thế
[h] giái nầy. [h] Đấy thì hai ơũ bà để ra con, là rứt thánh đức Chúa Bà Maria, blọn đời đòũ thân, đã định ngày sau làm
[i] Mẹ đức Chúa blời; [i] khi đã nên ba tuổi, cha mẹ thì đam đi đền thánh, cũ
[k] đức Chúa blời: [k] khi ấy rứt thánh đức Chúa Bà đã có chứa í mình, mà từ ấy đã khấn cũ đức Chúa blời giữ blọn đời
[l] đòũ thân: [l] lại ở tlaõ đền thánh, đối con gái đòũ thân khác, giữ phép
[m] mọi nhin đức, [m] cho kẻ khác bắt chước, tlaõ nhà đức Chúa blời, cho
[n] đến mười bốn tuổi. [n] Mà khi con gái naò đến tuổi ấy, thì quen gả chàõ
[o] cho, [o] đấy có í đức Chúa blời, mà các thày tlao rứt thánh đòũ thân
cho người rứt thánh, và rứt trạõ, [p] ten là ơũ Ioſeph, cũ là dàõ dõi đua Chúa Dauid, [q] dầu khó khăn,

gnarij

gnarÿ artem, exerceret. [r] *Datus est autem à Deo Beatissimæ Virgini talis sponsus, antequam filium Deum conciperet,* [f] *qui esset Beatissimæ Virginiquàm simillimus, vtpote qui etiam Virginitatem colebat;* [t] *tum vt esset Virginitatisimmaculatæ sponsæ custos, atque testis fidelissimus:* [u] *tum secundo ne Beatissima Virgo, paulò post Diuinitùs grauidanda,* [x] *lapidaretur à Iudæis, si absq; sponso appareret grauida:* [y] *tum vt in peregrinationibus, quas inter Ethnicos posteà susceptura erat,* [z] *sponsum iustissimum haberet pro solatio:* [a] *Denique vt partus eius celaretur diabolo, qui putaret non de Virgine, sed de coniuge susceptum.* [b] *Itaque Beatissima Virgo Nazareth à Sanctissimo Ioseph sponso ducta,* [c] *dies, nocteſque orationi vacans, suspiria in cælum, gemitusque continuò mittebat, iuxtà morem antiquorum Pa-*

[r] mà làm thợ mọc. [r] đức Chúa blời cho rứt thánh đòũ thân chàõ ểy, khi chưa có chịu thai, mà để Con, là đức Chúa blời, [f] vì cũ bắt chước rứt thánh đòũ thân, mà đã tỏan giữ blọn đòi đòũ thân ểy; [t] để giữ, và làm chứng ọ mình đòũ thân sạch sẽ, chẳng có ỗế gì sốt. [u] Lại cho keó, khi rứt thánh đòũ thân đến sau, bởi phép đức Chúa blời có chịu thai, [x] mà chẳng có chàõ, người Iudæo thấy thì ném đá, cho đến chết. [y] Mà lại khí đến sau rứt thánh đức Chúa Bà phải đi ngõài cõ̃ắc, tlaõ kế vô đạo, [z] có chàõ nhin đức đi cũ, mà an ủi ểy. [a] Sau nữa cho ma quỉ chẳng hay Con đức Chúa Bà để ra đòũ thân, ngò bởi chàõ mà để Con ra. [b] ểy ểy mà oú thánh Ioseph thì đam rứt thánh đòũ thân về thành Nazareth, [c] mà đêy đêm ngày hay một

trum, [d] humano generi, lapso in peccatum, Redemptorem petens, [e] maximè cùm benè nosset (ex prophetarum libris, quorum lectioni continuò vacabat) [f] iam instare tempus redemptionis nostræ: [g] cùmque quadam nocte prophetiam fortè legeret in qua dicitur, [h] Virgo concipiet, & paritura filium, cuius nomen Emanuel, [i] magis incensa desiderio videndi talem Virginem, atque ei famulandi: [k] Deum enixiùs & ardentiùs rogabat, vt aduenire dignaretur. [l] Simile quoque erat beatorum spirituum desiderium, [m] & oratio ad Deum, pro generis humani remedio. [n] Ergo benignissimus Dominus cogitationes pacis cogitans, [o] vnum è septem primis Principibus, Gabrielẽ Archangelũ, [p] legatum destinat ad Beatissimam Virginem Mariam,

Ngày thứ năm

cầu khẩn, khaóc laóc, như các thánh đòi xưa, [d] xin ai kóu lẽy lỏài người ta, đã phạm tội, [e] vì cũ đã hay (bỏi kinh oũ thánh, đã chiụ sấm truyền chép ra, mà mình thì đaọc lien) [f] đã gần ngày đức Chúa blòi khién kóu chúng tôi. [g] mà có đêm naò, âu là có đaọc tlaõ sấm truyền đều nói ràng: [h] có đến ngày đẩn bà đòũ thân chiụ thai, và sinh đẻ con, gọi tên là Emanuel: [i] càng ước cho thấy đẩn bà đòũ thân ẽy, mà làm tói tá, giữ việc nhà cho người thánh ẽy: [k] càng cầu lám cũ đức Chúa blòi, xuấng đến cũ chúng tôi: [l] mà đức thánh thiên thần tlên blòi, cũ ước như ẽy, [m] và cầu cũ đức Chúa blòi, kóu lẽy lỏài người ta. [n] Khi ẽy đức Chúa blòi nhìn lành, mà lo những sự an lành, [o] tlaõ bảy thiên thần cả thì chọn một, tên là đức thánh Gabriel, [p] mà sai cho rứt thánh đức Chúa bà Maria

[p] am,

am, qui ei nuntiet, [q] *ipsam à Deo electam, vt mediatricem, ad redemptionis humanæ Mysterium peragendum:* [r] *cùm enim Deus Pater sic dilexerit mundum, vt Filium suum Vnigenitum dare decreuerit, ad redemptionem mundi,* [f] *ad quod Diuinum opus perficiendum, Filius Dei humanam sit assumpturus naturam in vna persona.* [t] *Ipsa Beatissima Virgo electa est à Sanctissima Trinitate, vt sit vera Dei genetrix,* [u] *vtpote ex cuius carne carnem esset assumpturus Vnigenitus Dei Filius verus Deus.* [x] *Commissam igitur legationem libentissimè suscipiens Sanctus Gabriel,* [y] *statim è cælo in Nazareth in domunculam Beatissimæ Virginis Mariæ aduolauit,* [z] *eamque acceptis à Deo verbis humillimè salutauit, & dixit:* [a] *Aue gratia plena*

đòu thân, đam tin xuống ràng: [q] đức Chúa blời đã chọn người, mà giúp việc kõu lõài người ta, [r] vì chưng khi đức Chúa blời, là đức Cha, yêu thê chùng êy, cho đến định phú một đức Con mình làm việc kõu thế, [f] mà cho nên sự êy, thì đức Con Chúa blời lẽy tính người, làm một ngoi cứ. [t] Mà Sanctissima Ttin da-de có chọn rứt thánh đòu thân, cho nên Mẹ thạt đức Chúa blời, [u] vì chưng một Con đức Chúa blời, thạt là đức Chúa blời, lẽy thịt mình bởi thịt người mà chớ. [x] lẽy thì đức thánh Gabriel chịu mlời đức Chúa blời sai hết lão, [y] tức thì bởi blời mà xuống đến thành Nazareth, đến nhà chật hẹp rứt thánh đòu thân đức Chúa Bà Maria, [z] lẽy mlời đức Chúa blời, mà khiem nhuống, chào đẽy ràng: [a] đức Chúa blời phù hộ cho |

Domi-

Dominus tecum, benedicta tu in mulieribus. [b] *Hãc salutationẽ, supremis laudibus plenam, audiens humilitatis plena Virgo expauit,* [c] *& secum tacita cogitabat qualis esset ista salutatio.* [d] *Tunc Angelus ei respondens ait:* [e] *ne timeas, Maria, inuenisti enim gratiam apud Deum.* [f] *Tu ipsa concipies & paries filium, & vocabis nomen eius Iesum.* [g] *Hic erit magnus, filius altissimi vocabitur, & regni eius non non erit finis.* [h] *His auditis sapiẽtissima Virgo tantò magis timuit,* [i] *votumque Virginitatis, quod ab ipsa infantia emiserat, proponens, ait:* [k] *quomodo fiet istud, quoniam virum non cognosco?* [l] *Cui statim satisfaciens Angelus; diuini Spiritus hoc opus fore asseruit,* [m] *atque ita nullo modo violandam, sed potius confirmandam Virgi-*

bà đầy *gratia*, đức Chúa
[b] blòi ở cũ Bà, nữ trủ Bà
[b] có phúc lạ. [b] mlòi chào
trạo làm ḉệy, và những
đều khen rứt cao, đức
Chúa Bà nghê thấy, thì
[c] khiem nhuẫng mà sợ, [c]
[d] và ở lạng, lo lại mlòi
[e] chaò ẽy làm sao. [d] Khi
ẽy đức thánh thien thần
thưa lại ràng, [e] Lạy
đức Chúa Bà Maria chớ
sợ làm chi, vì đực Chúa
Bà đã đước *gratia*, đã
đép laõ đức Chúa blòi,
[f] [f] mà đức Chúa Bà sẽ
[h] chiụ thai và sinh con,,
[g] gọi tên là Iesu, [g] ẽy là
[i] người cả, gọi là đức
Con đức Chúa blòi, làm
[k] ḉua Chúa đòi đòi chẳng
[h] cũ. [h] đức Chúa Bà, là
đòũ thân rứt khôn, nghe
[l] đều ẽy, thì càng sợ hơn
[i] nữa, mà tỏ ra mlòi mình
khán, hứa đòũ thân khỡ-
[k] ở bé, ráng: [k] sự nầy làm
[m] thế naò, vì tôi chẳng
[l] biết đẫn oũ. [l] Mà đức
thành thien thần giải

đều ẽy, ràng: việc nầy là việc đức Chúa Spirito Santo; [m] vì ḉệy chớ lo là hư đòũ thân, mà lại càng [m]

nitatem

nitatem, [n] *quia non est, inquit, impossibile apud Deum omne Verbũ.* [o] *Matrem enim Virginem non decebat parere nisi Deum:* [p] *neq; Deum decebat nasci nisi ex Virgine.* [q] *Audiens talia Beatissima Virgo in profundo humilitatis colligens sese,* [r] *atque Diuinum acceptans donum, cùm Mater eligeretur, respondit:* [f] *Ecce ancilla Domini, fiat mihi secundum Verbum tuum.* [t] *Atque eo ipso momento, quo Virgo Beatissima optatissimum hoc responsum protulit,* [u] *virtute Spiritus Sancti concepit Filium,* [x] *nam è purissimo eius sanguine, atque in eius vtero formatum est, atque organizatum humanum corpusculum perfectissimum, per omnipotentem virtutem Dei,* [y] *ac simul creata est à Deo anima rationalis perfectissima, omnibusque Dei donis do-*

[n] bền hơn nữa, [n] vì chưng ràng, chẳng có đều gì, mà đức Chúa blời chẳng [o] đư ợc. [o] vì mẹ đồũ thân chẳng khá sin ai, mà chẳng phải đức Chúa [p] blời; [p] lại đức Chúa blời có ra đời, chẳng khá để ra bởi mẹ chẳng [q] đồũ thân: [q] rứt thánh đồũ thân nghe mlời làm bệy, càng khiem nhường [r] sâu lám, [r] mà chịu lấy ơn đức Chúa blời, khi đã chọn mình làm Mẹ, [f] mà thưa ràng: [f] ễy tôi là tôi tá đức Chúa blời, tôi [t] đựng mlời, đức thánh thiên thần đem cho tôi. [t] Khi rứt thánh đồũ thân thưa đều thiên [u] hạ ước, bồũ chóuc, [u] bởy phép Spirito Santo chịu thai con, [x] vì chưng phép vô cũ đức Chúa blời, có lấy mấu rứt tinh đức Chúa Bà, mà tlaõ thai thì sinh xác người nhỏ mà blọn [y] bệy, [y] một chóuc ấy đức Chúa blời cũ sinh ra một linh hồn, có mọi nhia

tata

tata: [z] *simulque per maximum miraculum, quod Deus vnquam fecit, vel facturus est,* [a] *vnita sunt nodo indissolubili vnionis hypostaticæ cum persona Filij Dei,* [b] *ita vt eo ipso momento, idem verus fuerit Deus & verus homo:* [c] *verus quidem Deus, quia est verus Filius Vnigenitus Dei Patris, & Patri consubstantialis;* [d] *& verus homo ex anima rationali, & ex humana carne compositus,* [e] *veruſque Filius perpetuæ Virginis Dei Genitricis Mariæ:* [f] *est tamen vnus Christus, quia in vna persona Verbi subsistit verus Deus, & verus homo.* [g] *In primo instanti in quo creata est benedicta Christi Domini anima,* [h] *fuit ornata præclarissimis donis, quæ debebantur hypostaticæ vnioni,*

đức, và phép đức Chúa
[z] blòi, [z] mà lại đức Chúa
blòi làm phép cả, trên
hết mọi phép xưa nay,
[a] cho đến hết thế, [a] vì
chưng đức Chúa blòi
buộc lại và xác, và linh
hồn ê, cũng ngôi thứ hai, là
Con đức Chúa blòi mà
chẳng có dứt được khi
[b] nào, [b] cho nên chúc ấy
cũ một ngôi thật là đức
Chúa blòi, cũ là thật
[c] người, [c] thật là đức
Chúa blòi, vì thật là bui
một đức Con đức Chúa
blòi là Cha, và một tính
[d] thiêng liêng cũ, [d] cũ là
thật người, vì có linh
hồn, và xác người, làm
[e] một cũ nhau, [e] thật là
Con đức Chúa Bà, blọn
đòi đòũ thân, làm Mẹ
[f] đức Chúa blòi, [f] sãõle
có một Christo mà thôi,
vì chưnh và đức Chúa
blòi, và người cũ là
một ngôi thứ hai, là đức
Con đức Chúa blòi mà chớ. [g] đến khi đức Chúa [g]
blòi hõa ra rứt thánh linh hồn đức Chúa Iesu
Christo, một chúc, [h] thì có đầy những phúc lạ, [h]
vì đã hộp lại, làm một cũ đức Con đức Chúa blòi,

[i] *statim*

Digitized by Google

i statim enim habuit claram Dei visionem, longè perfectiorem quàm omnes Angelici Spiritus, k & quàm omnes Sancti aliquando sint habituri: l habuit etiam beatissima illa Christi anima scientiam rerum omnium futurarum comprehẽsiuam, m ac multarum rerum, quæ nunquam erunt; n hoc enim spectabat ad perfectionem Sanctissimæ illius animæ. o Cùmque Christus Dominus, in illo primo suæ creationis instanti, se nosset Redemptorem humani generis constitutum à Deo Patre, p se statim obtulit ad ferendam mortem pro salute hominum, cum omnibus cruciatibus & opprobrijs, quæ illam concomitatura erant, q & quamvis anima Deum clarè videnti debereтur corpus omnino impassibile, r multò magis quàm debeatur sinus, aut igni calor

i vì bẽy tù ẽy cũ đã thấy mặt đức Chúa blời tỏ tường, hơn các đức k thánh thiên thần, k cũ hơn các người thánh, l ngáy sau được thấy đức Chúa blời nữa. l Lại rứt thánh linh hồn đã biết blọn hết mọi sự ngày sau có, dầu đến đời đời: m cũ biết tính đều sự, dầu chẳng khi nào ra mà có. n vì chưng hay biết bấy nhiêu sự làm bẽy, thì phải chức trạo rứt thánh linh hồn đức q Chúa Iesu. o Mà khi ẽy đức Chúa Iesu Christo đã hay, đức Chúa blời là đức Cha, đã định mình đức Chúa Iesu, là chuộc tội cho lỗài người ta, p vì bẽy chóuc ẽy thì phú mình chịu chết, cũ mọi sự nạn, và dể mình ngày sau có chịu cho người ra được linh, q mà dầu linh hồn nào coi thấy mặt đức Chúa blời tỏ tường, thì phải có xác thịnh nhàn bẽy, r càng hơn có nước, thì phải lạnh, mà có lửa,

[f] *quia tamen pro nobis passurus erat,* [c] *per miraculum prohibuit, ne dotes illæ, per animum iam beatam, in corpus redundarent,* [u] *quæ illius pro nobis acerbissimum passionem, aut mortem impedire possent.* [x] *Quin imò quamuis superior animæ pars iam esset beata,* [y] *cæpit tamen ex illo primo instanti amarissimum suæ passionis calicem, in inferiori animæ portione degustare:* [z] *statim enim præuidit, & præ oculis mentis habuit,* [a] *non solum quæ ipse per totum sua Sanctissimæ vitæ curriculum, vsque ad amarissimam mortem passurus erat,* [b] *sed etiam omnia peccata, quæ ab initio mundi facta fuerant, & quæ vsque ad mundi finem futura erant,* [c] *cum maxima Diuinæ Maiestatis læsione,* [d] *quæ omnia exhibita vt præsentia, eius Sanctissimæ mentis oculis,* [e] *maximum pijssimo eius cordi dolorem afferebant.*

Ngày thứ nam
tự nhiên thì phải náo:
[f] [f] sáo le khi đức Chúa
Iesu đã tỏan chịu tội
[c] vì chúng tôi, [c] có làm
phép lạ, mà cấm lại mọi
sự ấy, kẻo bỏi linh hồn
mình thoát ra ngỏai xác,
[u] [u] mà chịu nạn chịu chết
[x] chẳng được vì chúng
tôi: [x] mà lại dầu phần
[y] linh hồn bề trên đã hưởng
bề thiêng nhàn rỗi ấy: [y] sáo
le từ đầu hết ấy, phần
linh hồn về bề dưới,
[z] thì đã nếm sự đắng tỏan
chịu ngày sau: [z] vì chưng
[a] một chóuc ấy đã thấy,
như trước mặt, [a] chẳng
những mọi sự mình tỏan chịu từ sinh đẻ, cho
đến chịu nạn, chịu chết,
[b] [b] mà lại thấy hết mọi
tội, từ đức Chúa bỏi
hỏa ra bỏi hết, cho đến
hết thế, có ai phạm trước sau, [c] lỗy phép đức
[d] Chúa bỏi lắm [d] mà mọi
tội ấy, từ đầu hết ấy, ở
trước mặt linh hồn rứt
thánh đức Chúa Iesu,
[e] như thể có bấy giờ, [e] mà
làm cho nên lão rứt nhìn

Præter-

f *Præterquam quod cernebat etiam omnium seruorum suorum, & Martyrum cruciatus,* g *à Tyrannis in eius odium infligendos:* h *reproborum quoque numerum pene infinitum,* i *qui eius pijssimum amorem & merita contemnentes, in perpetuum interitum ruituri erant;* k *qua omnia quantùm pijssimum Domini cor afflixerunt,* l *ab ipso matris vtero, vel à primo Incarnationis instanti,* m *nulla pura creatura comprehendere potest.* n *Sicuti neque vlla pura creatura comprehendere potest,* o *eius ardentissimum amorem, tàm erga Deum Patrem, qui tàm impiè peccatis hominum offendebatur,* p *quàm erga homines, qui tanta mala patiebantur, siue in corpore, siue in anima.*

f đức Chúa Iesu lo buồn
f lâu não rứt mực. f Lại
coi thấy, cũ từ ấy, mọi
người ta thánh có nghĩa
cũ, mà chịu hình khổn
g nạn, g bởi kẻ hủy báng,
mà ghét đức Chúa bởi:
h h cũ thấy kẻ dữ, mà hư
i vô hồi vô số, i vì che
rứt nhin nghĩa, và coi
đức Chúa Iesu, cho nên
k phải chết vô cũ. k mà
coi thấy mọi sự ấy, làm
kức lão rứt nhin đức
l Chúa Iesu thể nào, l từ
đức Chúa Iesu ở tlaổ
thai đức Mẹ, hay là từ
m đầu hết có, m tlaổ mọi
lỗài đức Chúa blời sinh,
chẳng có ai suy được
n cho hết mlẽ, n cũ tlaổ
mọi lỗài ấy, chẳng có ai
biết được cho hết mlẽ,
o o linh hồn đức Chúa Iesu
có kĩnh mến đức Chúa
Cha là chừng nào, mà
người ta phạm tội, lỗy
nghĩa cũ đức Chúa Cha
đã lám: p mà lại đức Chúa Iesu yêu người ta | p
thể nào, mà người ta chịu đều sự khổn lám
đ ấy, và ở xác, và nơi linh hồn nữa.

q Igitur pijssimus Redemptor, iam à Matris Virginis vtero Redemptoris officium exercens, r Matrem Sanctissimam impulit, ad visitandam Sanctam Elisabetham cognatam suam, s iam senem, & in vtero gestantem Ioannem praecursorem suum, t qui adhuc in horrendis tenebris originalis peccati iacebat. u sed domum Zachariæ ingressa Virgo Mater, Deo plena, x statim ac salutauit Elisabeth, Ioannes, adhuc in vtero inclusus, exultauit præ gaudio, y agnoscens scilicet Deum Redemptorem suum, & in vtero etiam Virginis Matris aduenientem, z qui eum statim à peccati originalis macula liberauit, a gratiam ei, & amicitiam suam infundens, in primo ingressu; b manfit autem Beatissima Virgo Maria Domina nostra mensibus tri-

q ấy bởi mà đức Chúa Iesu lão rứt nhin kỏu thể, còn ở tlaõ thai đức Mẹ, mà đã làm việc chữa đòi, r vì bởi thì giouse lão rứt thánh đức Mẹ đi viếng Bà thánh Elisabeth là họ hàng, s đã già cả, mà tlaõ thai có còn, là oũ thánh Ioaõ, ngày sau có mở đàng tlước cho đức Chúa Iesu, t mà bấy giờ hãy còn phải tội đầu hết oũ Adam truyền cho, u Saõ le khi đức Mẹ đòũ nhân bởao nhà oũ Zacharia, mà tlaõ thai có đam đức Chúa blời, x thì chào Bà thánh Elisabeth, mà oũ thánh Ioaõ, dầu tlaõ thai mẹ, bóũ chóuc thì nhảy mầng, y vì đã nhìn đức Chúa blời kỏu thể, cũ đến tlaõ thai đức Mẹ đòũ thân, z mà một chóuc ấy oũ thánh Ioaõ cũ đã chịu ơn khỏi tội oũ Adam truyền cho, a bởi

đức Chúa Iesu, khi mới bởao, thì cho *gratia*, và nghĩa cũ: b mà rứt thánh đòũ thân Maria, là đức

bus cum sancta cognatu-
sua; [c] procul dubio vt ei
iam seni, & grauidæ min-
straret, & in partus mo-
lestijs eam leuaret. [d] Re-
uersa verò Virgo Sanctiss-
sima in domũ suam, [e] iam
apparebat in utero habens
de Spiritu Sancto: [f] San-
ctissimus verò sponsus eius
Ioseph mysterium ignorans,
[g] cum quidquam mali de
sponsa, quam vt Sanctiss-
simam reuerebatur, suspi-
cari non posset, [h] quamuis
summo amore ac reueren-
tia eam prosequeretur; [i]
mens tamen ne cum illa
manens in aliquam Dei
offensam, contra legem san-
ctam incurreret, [k] voluit
occulte a matre eum, cum
maximo animi dolore,
[l] propter maximum eius
rum, ac virtutum simili-
tudinem, [m] qua simul an-
gelicam puritatem super
antes conuiuebãt: [n] sepa-
ratio ergo erat acerbissi-
ma; [o] sed omnia legi Dei
postponens, [p] iam charis-
simam sponsam erat dimis-

[c] Chúa Bà chúng tôi, ở
cũ bà thánh họ hàng
[d] bà tháng: [e] thật mà coi
tóc, làm việc đầy tớ chờ
bà già có thãi, kẻo khó
[d] khi đẻ. [d] Sau thì rứt
[e] thánh đờ̃ trấn về nhà,
[e] thai bởi phép Spiritо
[f] Santo đã mõn ra: [f] mà
cũ bạn là rứt thánh Io-
seph, khi chẳng thờ̃i
[g] sự sầu nhiệm ấy, [g] mà
lại chẳng ngờ được
điều gì chẳng lành chờ
bà bạn, vì đã hay, và
[h] kính là rứt thánh: [h] vì
bởi thì kính mến bởi
[i] rứt mực: [i] sao le vì dẫu
ở cũ, có mất lão đức
Chúa bờ̃i chẳng, mà
phạm đạo thánh chẳng,
[k] thì đoục lão để lộm
bởi, mà lo buồn lắm,
[l] vì ăn ở cũ nhau, và
nhìn đức cũ một lão,
[m] lại giữ tịnh sạch sẽ
hơn đức thánh thiên
[n] thần nữa: [n] vì bởi là
nhau, thật là sự khó lắm,
[o] sao le chảnh kể đí gì,
[p] bằng đạo thánh đức
Chúa bờ̃i, [p] đã rinh để

surus.

surus : [q] *cùm Sanctus Ioseph ita cogitaret, ecce tibi Angelus in somnis ei apparens*, [r] *totam hanc abstergit nebulam, totum ei declarans mysterium, & dicens ex parte Dei* : [s] *Ioseph fili Dauid, noli timere accipere Mariam coniugem tuam*, [t] *quod enim in ea natum est, de Spiritu Sancto est*, [u] *pariet autem filium, & vocabis nomen eius Iesum* : [x] *ipse enim saluum faciet populum suũ à peccatis eorum*, [y] *Quantam hoc lætum, & Diuinum nuntium Sanctissimo viro lætitiam attulit*, [z] *explicare solum poterit, qui summum eius erga Sanctissimam sponsam amoris, ac reuerentiæ affectum intelligat* ; [a] *qui deinceps eò magis excreuit* ; [b] *quò iam non solùm vt charissimam sponsam eam habebat*, [c] *sed etiam vt Sanctissimam Dei Matrem, & Virginem*

Ngày thứ nam

[q] bạn mình chuộng lắm : [q] khi ấy thánh Ioseph lo làm vậy, mà nằm chiêm bao, thấy chúc [r] có đức thánh thiên thần hiện xuống, [s] mà rằng : [s] hỡi ấy Ioseph là con vua Dauid, chớ dại gì lấy đức Chúa Bà Maria làm bạn cũ, [t] vì chưng có Con nào thai, bởi phép đức Spirito Santo mà chớ, [u] lại đẻ ra Con, mà ấy sẽ gọi tên là, Iesus, [x] vì chưng có cứu dân mình cho khỏi tội đã phạm : [y] tin nầy vui mừng bởi đức Chúa Blời, có làm cho ấy thánh Ioseph mừng rỡ thể nào, [z] ai biết cũ thành vậy có kính mến rứt thánh bạn chừng nào, thì mới [a] suy được sự vậy : [a] mà từ ấy về sau càng kính [b] chuộng nữa, [b] vì chưng

từ ấy, chẳng những là lấy đức Chúa Bà như bạn mình yêu lắm, [c] mà lại thêm kính chuộng, vì là rứt [c]

vene-

venerabatur, [d] *indignum se reputãs qui tantæ Matri, & Virgini parituræ, & Filio Deo vero famularetur.*

[d] lẽy mình chẳng ſđáng làm đầy tớ rứt thánh Maria đức Mẹ cả làm đẽy,

[f] *Eo ipſo tempore publicatum eſt edictum ab Auſto Cæſare,* [g] *vt deſcriberetur vniuerſus Orbis, qui ſcilicet imperio Romano ſubdebatur:* [h] *cùmque hæc primum deſcriptio fieret à Præſide Syriæ Cyrino,* [i] *& irent omnes, vt profiterentur ſingulí in ciuitatem ſuam,* [k] *aſcendit quoque Sanctiſſimus Ioſeph à Galilæa, de ciuitate Nazareth,* [l] *in Iudæam ciuitatem Dauid quæ vocatur Bethlehem,* [m] *eo quod eſſet de domo, & familia Dauid Regis,* [n] *vt profiteretur cum Maria Sanctiſſimæ Virgine deſponſata ſibi vxore prægnante, per virtutem ſempè Spiritus Sancti.* [o] *Vt exemplũ exhiberet obedientiæ, etiã principibus ſæcularibus, in*

[f] Bấy giờ khi ẽy cọ ra lệnh bởi đua Chúa nước Roma, tên là Auguſtus Cæſar, [g] khiến làm sổ cả và thiên hạ, hay [h] nước ẽy: [h] đầu hết trẽn thủ xứ Siria, tên là Cyrino, có làm sổ ẽy, [i] ai nấy thì về quê mình mà [k] cho tên. [k] Ấy thánh Ioſeph khi ẽy cũ phải tlẽy bởi thành Nazareth, ở xứ Galilæa, [l] mà lẽn xứ Iudæa, tẽn thành oũ Dauid, gọi là Bethlehem, [m] vì oũ thánh Ioſeph là [n] họ đua Chúa Dauid, [n] mà cho tên, đã lẽy bởi rứt thánh đức Chúa Bà Maria đòũ thân, làm [o] đẽy thì làm gương chịu lụy, đưng phép đua

đẽo mình, người đã chịu thải bởi phép Spirito Santo:

rebus licitis. P Factum est autem cum essent ibi, impleti sunt dies, vt pareret Dei Genitrix Virgo, & peperit Filium suum primogenitum, & vnigenitum, q & pannis eum inuoluit, & reclinauit eum in præsepio, r quia non erat ei locus in diuersorio. s Cùm enim essent pauperes, & multi diuites accederent ad eum ipsum locum, vt profiterentur, t cætera loca commodiora occupauerant: u filius autem Dei in præsepio est collocatus, x vt verè doceret nos vanitatem mundi despicere: y cùm enim esset infinitè diues, pro nobis factus est pauper, z vt nos diuitijs suis infinitis, vel etiam paupertate sua ditaret. a At multa mirabilia in Christi Domini Natiuitate resplenduerunt: b nam primò nasci voluit de Virgine inuiolata, c qui simul esset & Virgo & Mater,

Ngày thứ năm

Chúa, sự gì chẳng có
P lỗy đạo. P Mà khi đã ở
đẩy, thì no ngày đức
Mẹ đức Chúa bỏi, mà
đòũ thân thì sinh Con
đầu lòũ, cũ là một Con
q đẻy, q lẽy của sạch bao
lại, mà đẻ tlaõ máng
r có, r vì chẳng có nơi
khoũ cho mình ở tlaõ
s quán: s vì chưng mình
khó khăn, mà người
giầu đến nhẽu, cũ cho
t tên ở thành ẽy: t có nơi
x naò đủa tốt mà ở, thì
u đẩy bẽn, u mà Con đức
Chúa bỏi thì đẻ tlaõ
x máng có đẻy, x thạt là
dẽay ta chê sự kieu ngaõ
y thế gian: y vì chưng khí
Con đức Chúa bỏi phú
z quí vô cũ, chịu làm khó
z khan, z cho ta được phú
quí, bỏi phú quí vô cũ,
hay là bỏi đức Chúa
bỏi chịu khó khan đẻy,
a a Saõ le khi đức Chúa
Iesu sinh đẻ, có sáng ra
b nhẽu phép lạ, b vì chưng
đầu hết thì chọn đẩn
bà đòũ thân mà đẻ ra,
c và làm đòũ thân, và làm đức Mẹ bỏi: c

d ở

[d] *& Virgo quidem, quia sicuti ante partum fuit integra,* [e] *sic & in ipso partu, & post partum Virgo permansit integerrima:* [f] *nam Filius Dei nascens corporaliter, Sanctissimæ Matris integritatem minimè violauit, sed potiùs perfecit:* [g] *& sicuti solaris radius crystallum penetrans, minimè frangit, sed illuminat;* [h] *quantò magis Diuinus ille radius, solis radio infinitis partibus lucidior,* [i] *ex vtero Matris egrediens, claustrum Virginitatis non violauit,* [k] *sed omninò perfecit & confirmauit,* [l] *quia Deus Omnipotens, totius naturæ auctor,* [m] *de Virgine Matre nasci voluit sine semine:* [n] *quemadmodum enim ab initio mundi, absque vllo semine, iussit Deus terram producere herbam virentem, & factum est:* [o] *sic*

[d] thạt là đòũ thân, vì chưng như khi chưa có [e] để Con, là đòũ thân, [e] khi đang đẻ Con, cũ là đòũ [f] thân, và khi đẻ Con đõ-an thì hãy còn đòũ thân [f] bọn bệy. [f] vì chưng Con đức Chúa blòi đẻ ra nơi xác, thì chẳng lọ là chẳng làm hại đòũ thân đức Mẹ, mà lại [g] làm cho bọn bệy: [g] như thể khi ánh mạt blòi [h] thấu bẽào cái ngaọc, chẳng có đánh bõ, mà lại làm cho sáng: [h] huấng lọ đức Con, là ánh đức Chúa blòi, sáng vô cũ, hơn ánh mạt blòi, [i] khi ra bõi lào đức Mẹ, thì chẳng có phá xác [k] đức Mẹ đòũ thân, [k] mà lại làm cho càng bọn [l] càng bèn nữa, [l] vì chưng đức Chúa blòi có phép vô cũ, và hõá ra mọi [m] lõài, [m] có định để ra bõi đức Mẹ đòũ thân, chẳng [n] chịu khí đẫn oũ sốt. [n]

Như thể khi đầu hết thế giái nầy, đức Chúa blòi khiến đẻt hõá ra rau có, khi chưa có giói nào, mà đẻt cũ hõá ra hư khoũ làm bệy, [o] huấng chi đức [o]

Omnipotens rerum, ac naturarum omnium Conditor, [p] *iussit Virginem absq; semine concipere, & parere Filium Deum,* [q] *absque vlla virginea integritatis violatione.* [r] *Ergo Sanctissima Dei Genitrix Maria, Virgo est ante partum,* [s] *Virgo in partu, & Virgo post partum,* [t] *neque vllam in partu pressuram sensit, quæ post partum Virgo inuiolata permansit.* [u] *Quin imò statim post partum, quem genuit adorauit,* [x] *quia suum genitorem, rerumque omnium primum Conditorem peperit.*

[y] *Secundò vniuersa cælestis curia, hoc est, omnes omninò beati Spiritus,* [z] *statim frequentes post Natiuitatem Domini ad beatum præsepe descenderunt,* [a] *& infantem Deum, pannis inuolutum, ac positum in præsepio,* [b] *tanquam*

Chúa blời, có phép vô cũ, mà hóá nên mọi sự, [p] mọi lòài, [p] có khiến đầu bà đòũ thân, chẳng có chịu khí đầu oũ, mà chịu thai, và sinh đẻ Con là [q] đức Chúa blời, [q] cũ chẳng có hư blọn đòũ [r] thân. [r] Vì bệy rứt thánh đức Chúa Bà Maria, là đức Mẹ đức Chúa blời, thạt là đòũ thân khi chưa [s] có đẻ, [s] mà khi đang đẻ cũ là đòũ thân, lại khi đẻ đẳạn hãy còn đòũ [t] thân bệy: [t] mà khi đang đẻ, chẳng có chịu khổn khó gì, vì khi đẻ đẳạn, hãy còn blọn đòũ thân [u] bệy. [u] Mà lại khi đẻ đẳạn, thỏát chóuc thì lạy [x] đức Con mình đẻ, [x] vì thạt có đẻ đức Cha mình, và cội rễ đầu mọi sự.

[y] [y] Sau nữa các cõên ở tlên blời, là các đức [z] thánh thiên thần, [z] khi đức Chúa blời sinh xuâng, thỏát choúc thì rầm rầm cũ xuâng, ở nơi máng cỏ [a] mà thấy Con tlẻ, thạt là đức Chúa blời, bao lại [a] mà đẻ tlaõ máng cỏ, [b] cũ nhìn lẽy hết như Chúa [b]

Domi-

Dominum ſuum agnouerunt, atque humiliter adorauerunt: [c] *quin etiam unus ex ipſis Beatis Spiritibus, annuntiauit gaudium hoc magnum paſtoribus,* [d] *in ea regione vigilias noctis cuſtodientibus ſuper gregem ſuum,* [e] *ſcilicet quod natus eſſet, in Bethlehem ciuitate Dauid, Saluator Mundi,* [f] *qui eſt Chriſtus Dominus, & hoc illis dedit ſignum, & ait:* [g] *inuenietis infantem, pannis inuolutum, poſitum in præſepio.* [h] *Et ſubitò facta eſt cum eo Angelo multitudo militiæ cæleſtis laudantium Deum, & dicentium.* [i] *Gloria in altiſſimis Deo, & in terra pax hominibus bonæ voluntatis.* [k] *Paſtoreſque tranſeuntes uſque Bethlehem, inuenerunt ſicut dictum fuerat ab Angelo.*

[l] *Tertium mirabile eo ipſo tempore quo natus eſt Chri-*

mình, và lậy xuống khiem nhuòng cho Chúa. [c] Lại tlaõ đức thánh thiên thần, có một thì đam tin mầng nầy mlớn, cho [d] kẻ chan chiên, [d] mà giữ canh gần đêy ban đêm, coi chiên mình cho lành, [e] mà đức thánh thiên thần nói ra, có đức Chúa blòi kớn thế, sinh để ở tlaõ thành oũ David, [f] là Bethlehem, [f] êy là thật Chúa Christo, mà lại [g] ràng: có dấu cho bay, [g] tìm thấy Con tlẻ khan bảo lại, mà để tlaõ màng cõ. [h] [h] Chóuc êy thì có đêu cõên bớ-i tiên blòi, là những thiên thần, mà khen ngươ-i đức Chúa [i] blòi, ràng: [i] ai nêy thì ngươ-i khen đức Chúa blòi tlên cao, mà lại dươ-i đêt an hõà cho [k] ngươ-i ta lãõ lành. [k] Bấy giờ kẻ chan chiên thì sang cho đến thành Bethlehem, mà thấy như [l] mlòi đức thánh thiên

thần đã bảo mình êy.

[l] Thứ ba sự lạ: cũ một khi đức Chúa Ieſu [l]

stus Dominus: [m] *noua* [l] *stella tribus Magis apparuit in Oriente,* [n] *per quam agnouerunt Christũ Dominum, nouum Regem Iudæorum natum esse,* [o] *cùmque conuenissent in Hierusalem, Iudæorũ Vrbem Regiam, tres, qui erant Reges in regione Orientis, interrogauerunt,* [p] *vbinam esset natus nouus Rex Iudæorum,* [q] *cuius stellam in Oriente viderãt:* [r] *cùmque à Principibus Sacerdotum responsum fuisset; in Bethlehẽ Iudæ, quia in Diuinis Oraculis sic habebatur:* [s] *euntibus in Bethlehem tribus illis Regibus,* [u] *ecce stella, quam viderunt in Oriente, antecedebat eos,* [x] *vsque dum veniens, staret supra vbi erat puer recens natus.* [y] *Videntes autem stellam Magi, gauisi sunt gaudio magno valdè,* [z] *& intrãtes domum, inuenerunt puerum Deum, cum Maria*

[m] Christo đế ra, [l] thì ba
đua bện đoũ coi thấy
[n] cái sao mới, [n] mà bởi
đấy đã hay, có đua Chúa
mới ở nước Iudæa, mà
[o] mới đế, [o] ba đua ấy, là
đua bện phương đoũ,
đến thành Hierusalem,
là kinh đô nước Iudæa,
[p] thì hỏi ràng: [p] nao đua
Chúa ở nước Iudæa,
[q] mới đẻ: [q] vì chúng tôi
bện phương đoũ, đã thấy
[r] cái sao người: [r] khi ấy
kẻ làm thầy cả ở nước
Iudæa, thì thưa ràng:
[s] đức Chúa bởi có để,
ở trấo thành Bethlehem,
vì có sấm truyền, bởi
đức Chúa bởi, phán
[t] bấy: [t] ấy bấy mà khi
[u] ba đua đi thành Beth-
lehem, [u] cái sao, thước
đã thấy bện đoũ, bấy giờ
soi cho, mãi đàng,
[x] cho đến ở lang tiền
nơi có Con tlẻ mới đế
[y] ra đấy. [y] Khi ba đua coi
thấy cái sao ấy, thì mãng
[z] rỡ bội phần, [z] mà đẻào
nhà, thì thấy Con tlẻ,
là đức Chúa bởi, ở cùng đức Chúa Bà Maria,

Matre

Matre eius, [a] & procidentes adorauerunt eum, & apertis thesauris suis, [b] vtpote qui Reges erant, obtulerunt nouo Iudæorum Regi recens nato munera, aurum, thus, & myrrham: [c] aurum scilicet vt Regi, thus vt Deo vero, [d] myrrham, quæ corpora post mortem conseruat, ne putrefiant, vt homini, & mortali. [e] Per idem tempus Imperatori quoq; Romano Octauiano Augusto (vt fertur) [f] appauit, in ipso sole, mulier filium in vlnis habens, [g] quem ita veneratus est Augustus, vt eum Dominum agnoscens, [h] se non amplius ausus sit dicere Dominum, donec vixit. [i] Quod supra narrauimus de Sinarum Rege, [k] qui monitus est in somnis, vt veram legem à magno occidente peteret, [l] eo ipso tempore quo Christus Dominus verus legislator,

[a] là đức Mẹ, [a] mà cúi đầu xuống, lạy: lại mở những [b] của trạo; [b] vì là chưa, mà cũ chưa nước Iudæa mới đế, một là vàng, hai là cát nhàn, ba là myrrha: [c] vàng thì cũ chưa Chúa: cát nhàn thì cũ thạt đức [d] Chúa blời, [d] myrrha, là của giữ xác kẻ chết, kẻo nát, vì chẳy thì lẹy của ẽy mà cũ tính người, ngày sau có chịu chết chẳy: [e] có truyền đời xưa rằng, cũ khi ẽy có chưa Chúa nước Roma, tên là Octauiano Augusto, [f] coi thấy tlaõ mạt blời có đẫn bà bòu đức [g] Con; [g] Augusto có kính đẽy, mà lẽy làm Chúa cả, [h] cho nên tứ ẽy đến chết, chẳng dẽám xưng mình là Chúa nữa. [i] sự đã kể ngày thược, chưa [k] Chúa đại minh, [k] nàm chiem bao thấy ai bảo, đi tìm đạo thạt bên đại [l] tẩy dương, [l] âu là có làm chẳy cú một khi ẽy, vì

có đức Chúa Iesu Christo

là một thầy đẫn đạo thạt

Digitized by Google

& vnus magister natus est, putamus accidisse.

[m] *Omitto alia miranda, eo die visa,* [n] *vt fontem olei fluxisse Romæ, cuius rei memoria adhùc exstat,* [o] *tres fuisse visos soles,* [p] *& alia, quæ supremus mũdi artifex, rerumque omnium Dominus, operari voluit,* [q] *ad manifestandam suam Misericordiam, quam in medio terræ operabatur,* [r] *nascendo in mundo, vt salutem æternam hominum operaretur,* [s] *vt homines relictis falsis & diabolicis sectis, ad ipsum omnes redirent, piè ipsum vnum deinceps colerent, & adorarent,* [t] *iam in humana specie visibilem,* [u] *quamuis in Diuina sua essentia sit omninò inuisibilis naturaliter.*

[x] *Hic exhibenda eſt imago aliqua eximia,*

Ngày thứ nam

cho người ta, mà mới đẻ ra đêy.

[m] [m] Chẳng kể sự khác lạ, cũ coi thấy ngày ấy, [n] [n] như thể mạch dầu, có mạoc ra tlaõ thành Roma, ray hãy con dấu [o] tích đêy: [o] lại rằng cũ một ngày ấy thiên hạ [p] thấy bà mạt blời, [p] cũ các sự la, đức Chúa blời, là đức Thơ cả thể gái nây, là Chúa cả tlên hết mọi sự thì tõan [q] làm bấy nhêu sự ấy, [q] cho thiên hạ hay, lão đức Chúa blời nhín lành tùng ấy, cho đến làm giủa đết lão lành làm [r] đêy, [r] mà tinh đẻ ra đời, làm an lành vò cũ cho [s] người ta, [s] mà đêy người ta bó hết giáo dối, hết sự ma qui, lại blở về cũ đức Chúa blời, [t] mà thờ đêy, lạy đêy, [t] khi đã thấy đức Chúa blời đã có hình người, [u] dầu tính thiênh liêng đức Chúa blời bãy còn sâu nhiệm, chẳng có ai dử sức mình, mà thấy được mạt đức Chúa blời đâu.

[x] đến khi đã giảng bấy nhêu, thì phải sẽm sửa ảnh nào

[x]

Digitized by Google

y Beatissimæ Virginis Genitricis Mariæ Filiũ, & Dominũ nostrum, adhùc infantem gestantis, z vt illam humiliter adoremus, capitibus in terram demissis: a præmissa tamen adoratione triplici trium Diuinarum personarum, in vna Diuina essentia: b quod mysteriũ Diuinissimæ Trinitatis, vt per externam etiam adorationem profiteamur; c semel tantùm genua flectamus, d vnam Diuinam essentiam confitentes, tum capita ter in terram demittamus, tribus Diuinis personis adorationem exhibentes, f à singulis peccatorum nostrorum supplices remissionem deprecantes, g tum (Christo Domino, vt homini & Mediatori nostro) h semel reuerentiam, & adorationẽ faciemus capite semel in terram demisso, i humiliter deprecantes, vt Redemptionis suæ copiosissimæ fructum recipere mereamur, k per omnium peccatorum nostrorum remissionem plenissimam.

y khéo, y có hình rứt thánh đòũ thần Maria đức Mẹ, có bòũ đức Con là đức Chúa Iesu, hãy còn thế, z cho ta cúi đầu xuống a đất, mà lạy: a sao le thưởc thì phải lạy một đức Chúa blòi ba ngôi, b ba lạy. b Mà cho ta bỏ ngoài cũ xưng một đức c Chúa blòi ba ngôi, c khi ta lạy, ta quì gối xuống d một lần mà thôi, d bởi ta xưng có một tính thiêng liêng đức Chúa blòi, e e mà cúi đầu xuống tận đất ba lần, mà kính lạy f ba ngôi, f c khiem nhường xin mỗi một ngôi tha tội, tha vạ chúng g tôi: g thôi đặn thì phải lại đức Chúa Iesu ra đòi, làm người, mà chuộc tội h cho chúng tôi; h ta lạy cúi đầu tận đất một lần, i i mà khiem nhường cầu khẩn, cho chịu được ơn đức Chúa Iesu, đã làm phúc thứa, chuộc tội cho k chúng tôi, k mà cho ta

nissimam. l Deniq; Beatissimæ Virgini reuerentiam exhibebimus, m capitibus semel etiam in terram demissis : n quamuis enim benè nouerimus Beatam Virginem non esse Deum, o quia tamen est Dei Genitrix, ergà Filium Deum potentissima, p per illius Sanctissimam intercessionem peccatorum omnium veniam consequi speramus. q Monendi sunt hic Catechumeni, r quamuis olim antequam Deus nasceretur, cum esset omninò inuisibilis, sine imaginibus coleretur, s tamen postquã factus est homo visibilis, t & in terris visus est, & cum hominibus conuersatus, u iam eius speciem per imagines exhibemus, siue depictas, siue sculptas, aut alijs modis : x cùm tamen eorũ imaginibus Christi Domini, aut Sanctorum genu flectimus, adoramus,

Ngày thứ năm

l được khỏi hết mọi tội cho bọn. m Sau hết ta cũ phải lạy rứt thánh m đầu thân, m mà cúi đầu xuống đất, một lần nữa: n n vì chưng dầu ta đã o biết thật đức Chúa Bà đồũ thân chẳng phải o đức Chúa blời: o sảo le vì là đức Mẹ đức Chúa blời, thì có phép p cả câu cũ đức Con, thật p là đức Chúa blời, p mà ta cậy đức Chúa Bà, cầu cho ta khỏi hết mọi tội. q q đẽy ta phải bảo kẻ mu- r ấn chịu đạo : r dù mà đời xưa khi đức Chúa blời chưa có ra đời, mà chẳng s thấy được đức Chúa blời, khi ẽy có thờ mà chẳng có dữ ảnh : s s sảo le từ đã ra đời làm người mà coi thấy đư- t ợc, t đã xem tlên đất, u mà ăn ở cũ người ta, u khi đã có hình, u thì ta lẽy ảnh mà làm hình ẽy x ra, hay là vẽ, hay là chạm, hay là thể khác : x sảo le

khi ta quì lạy, cầu tlước mạt ảnh đức Chúa Iesu, hay

vel

vel oramus, [y] *intentio nostra debet ferri ad illum, qui per imaginem nobis repræsentatur,* [z] *& ita adorare, & colere Sanctum, qui repræsentatur.*

[y] là oũ thánh nào, [y] ta phải có í dớ người có [z] ảnh đ'ey, [z] mà quì, lạy, cầu người thánh, có ảnh ẽy mà chờ.

Digitized by Google

Dies sextus.

[a] PRopositis iam ad credendum ineffabilibus, Sanctissimæ Trinitatis, ac Diuinæ Incarnationis Mysterijs, [b] quæ captum omnis intellectus creati longè superant: [c] videndum nunc est iuxtà captum nostrum, [d] cur Diuina Matestas Filij Dei humanam naturam assumere, [e] & sibi tam arctò hypostaticæ vnionis vinculo copulare dignata sit, [f] vt verè Deus inuisibilis, & immortalis, [g] factus sit homo visibilis, & mortalis? [h] tria enim præcipuè mala humanum genus per peccatum originale inuaserãt, [i] primum propensio ad malum, [k] secundum ignorantia recti itineris ad vitam æternam, [l] tertium reatus mortis, non temporalis solùm, sed etiam æternæ,

Ngày thứ sáu.

[a] KHi đã nói ra sự sáu nhiệm, một đức Chúa blời ba ngoi, và sự đức Chúa blời ra đời, nói bệy cho người [b] ta tin, [b] vì chưng hai sự ấy, qua tlên trí mọi lỗài, đức Chúa blời hoá ra. [c] [c] Bây giờ ta phải suy, [d] bằng sức ta, [d] vì sao đức Con thật đức Chúa blời, cũ là đức Chúa blời bệy, mà lấy tính người, [e] buặc lại chặt chùng [f] ấy, cho đến làm một ngôi cũ, [f] mà thật đức Chúa blời chẳng có ai thấy được, cũ chẳng [g] hay chết, [g] mà làm người, thiên hạ thấy được, [h] và lại hay chết? [h] có ba sự tai vạ, bởi tội tổ tữ ta truyền cho, mà làm [i] hại lỗài người ta: [i] thứ ốc là tích một hãm sự [k] lấy, sự dữ: [k] hai là tối tam chẳng biết đàng cho [l] sống lâu vô cũ. [l] Bà là đáng chết, chẳng lọ là xác có [m] per

[m] *per quam æternæ captiuitati dæmonis in inferno ad iacendus erat.* [n] *His tribus malis tria remedia cælestis Medicus, Deus Homo, Christus Dominus adhibere voluit;* [o] *atque ideò die octauo à Natiuitate Sanctissimum Iesu nomen assumpsit,* [p] *non sine sanguinis effusione, per quam Saluatoris nostri nomen, & officium assumebat.* [q] *Propensionem itaque ad malum, qua veluti trahebamur ad vitia,* [r] *per Sanctissimæ vitæ suæ virtutes, & exempla superare voluit,* [s] *triginta tribus annis quibus inter homines vixit, & cum hominibus conuersatus est,* [t] *miram nobis insinuans humilitatem, & obedientiam:* [u] *non solum erga Deum Patrem, cuius Sanctissimæ voluntati se totum obtulit,* [x] *cum à Sanctissima Genitrice sua est præsentatus in tem-*

[m] cũ, [m] cho nên phải làm tôi quỉ vô cũ, tlaõ đ[ng] [n] ngouc: [n] ba chũng đau khổn nầy, đức Chúa Iesu, thạt là đức Chúa blòi, cũ thạt là nguòi, cũ là thày thuóc, bổi blòi mà xuống, có ba [o] mạt thuóc tlả cho: [o] vì bệy tự sinh để đến tám ngày, thì chịu tên rứt [p] thánh Iesu, [p] mà khi ẽy cũ cò đỡ máu ra, mà chịu tên, và chức kóu thế, chuậc tội cho [q] chúng toi. [q] cái tích một hãm lự dữ, mà giục [r] ta làm sự lỗy, [r] thì đức Chúa Iesu đỡ nhin đức mình, làm gương cho ta, mà chữa tội ta bệy, [s] [s] là ba mươi ba nam, sóu ở thế nầy, ăn ở cũ [t] nguòi ta, [t] thì cho ta xem sự lạ tlaõ việc khiem nhường, và tlaõ việc [u] chịu lụy; [u] chẳng lọ là chịu lụy đức Chúa blòi, là đức Cha mình, có phú blọn mình, theo rứt thánh ý đức Cha, [x] khi [x] rứt thánh đức Mẹ đạm đến đức Chúa Iesu, mà

plo: [y] *sed etiam eidem Matri suæ Beatissimæ Virgini Mariæ, & sponso eius, Sanctissimo Ioseph,* [z] *fuit subditus, vsque ad trigesimum ætatis suæ annum:* [a] *ita vt per spatium triginta annorum voluerit esse subditus illis,* [b] *cùm tamen esset ipsa infinita Sapientia Dei,* [c] *sed hominibus elegit subesse,* [d] *vt eximium nobis præberet obedientiæ, atque humilitatis, per tot annos, exemplum.*

[e] *Semel tamen cum adhùc esset duodecim annos natus Dominus noster Iesus Christus,* [f] *ex peculiari voluntate Patris Aeterni, inscijs parentibus, remansit in templo,* [g] *vt hominibus aliquã, diù expectati Messiæ, notitiam dare inciperet.* [h] *Quamuis enim post quadraginta dies à Natiuitate sua Sanctissima,* [i] *cùm iuxtà ritum, Iudæis*

[y] khi đến đền thánh: [y] mà lại có chịu lụy rứt thánh Chúa Bà Maria là đức Mẹ đồũ thân, và có ơũ thánh Ioseph, là bạn đức [z] Mẹ bệy, [z] mà đức Chúa Iesu cũ chịu lụy người, [a] cho đến ba mươi tũổi. [a] [b] bệy thì có chọn là ba mươi năm chịu phép [b] hai người, [b] dầu mình là hay biết vô cũ đức [c] Chúa blời: [c] saõ le có định chịu lụy người ta, [d] [d] mà bệy làm gương tốt lành, đang bầy lâu nam, cho ta bắt chước, và chịu lụy, và khiem nhũâng làm bệy.

[e] • Saõ le có một lần khi [f] đức Chúa Iesu, là Chúa chúng tôi, hãy còn mũ- [f] ói hai tũổi, [f] theo í riêng đức Cha vô cũ, khi đức Mẹ chẳng hay, thì [g] ở lại tlaõ đền thánh, [g] bệy thì mở đàng cho người ta hay, sự tloũ đã lâu, có đức Chúa blời ra đời chuậc tội, đã gần. [h] Vì chưng dầu khi đức Chúa Iesu mới đẻ, [h] được bốn mươi ngày, [i] mà đức Mẹ theo phép [i]

à Deo

à Deo præscriptum, in templo præsentatus, [k] *à seue* [k]
Simeone viro sanctissimo, [l]
qui responsum acceperat [l]
à Spiritu Sancto, [m] *non* [m]
visurum se mortem, nisi
priùs videret Christum
Domini, [n] *Messiam scili-* [n]
licet seu Saluatorem Dei, [o]
publicè fuerit recognitus, [o]
& publicatus, cum bonus
ille senex puerum Iesum
accepit in vlnas suas, [p] *&* [p]
gratias Deo agens, dixit: [q]
Nunc dimittis, seruum [q]
tuum Domine secundum
Verbum tuum in pace: [r]
quia viderunt oculi mei [r]
salutare tuum, [s] *quod pa-* [s]
rasti ante faciem omnium
populorum, [t] *lumen ad re-* [t]
uelationem gentium, &
gloriam plebis tuæ Israel.
Multaque alia prædixe- [u] [u]
rit, infanti Deo tuentura:
Attamen voluit ipsemet [x] [x]
Dominus Iesus, in medio

đức Chúa blòi khien
tlaõ nước Iudæa, để độ
ạn bốn mươi ngày, thì
đam con blại đến nhà
[k] đức Chúa blòi, [k] mà
khi ấy có ông già, tên là
ông Simeon, là người
[l] thánh, [l] đã chịu mlòi
đức Chúa Spiritu Sancto,
[m] [m] chưa có sinh thì, mà
thấy được Christum
[n] Domini, [n] là đức Chúa
blòi ra đòi chuộc tội,
[o] [p] mà ông già thì dìn, và
xưng tlước mặt thiên
hạ, khi tlaõ tay bồng đức
Chúa Iesu, hãy còn tlẻ,
[p] [p] mà cám ơn đức Chúa
[q] blòi ràng: [q] tôi lạy ơn
đức Chúa blòi, bây giờ
đã tha tôi đi bằng an,
như mlòi đức Chúa,
blòi đã phán cũ toi:
[r] [r] vì chưng con mắt tôi
đã thấy đức Chúa blòi
[s] kóu thế, [s] đã dẽọn bệy
tlước mặt mọi nước,
[t] [t] làm sáng, soi kẻ vô đạo,
và làm cho dên đức Chúa blòi, là nước Israel, càng
traõ nữa. [u] Ông thánh Simeão thì nói bệy, mà lại
cũ nói ra dều sự ngày sau, đức Chúa blòi Con tlẻ được
bệy. [x] Saõ le đức Chúa Iesu đã cất mình đến

Iudæo-

Iudæorum Doctorum par seipsum, [y] *clarè ostendere, iam adesse tempus diù expectati Messiæ, seu Saluatoris,* [z] *ita vt stuperent omnes de doctrina, & responsis eius, etiam doctissimi inter Iudæos,* [a] *& facilè possent, cùm aduenire tempus manifestationis eius, possent, si vellent, in cognitionem ipsius deuenire.* [b] *Atque ita inuentus à Matre Sanctissima, in medio Doctorum in templo post triduum,* [c] *cùm pia Mater quæreretur amanter, dicens:* [d] *Fili quid fecisti nobis sic? respondit Dominus Iesus:* [e] *Quid est quod me quærebatis?* [f] *Nesciebatis quia in his, quæ Patris mei sunt oportet me esse?* [g] *Nobis nimirum, ostendens exemplo Dominus Iesus,* [h] *Patris cælestis voluntatem exequendam,* [i] *quamuis ad hoc necesse sit à parentibus carnalibus se subtrahere.* [k] *Po-*

Ngày thứ sáu

giữa các cõên tử nước Iudæa, [y] mà tỏ ra, đã đến ngày đức Chúa blời chuộc tội, đã tlouũ bấy lâu; [z] mà các cõên Iudæo ấy, thấy mlời khôn ngõan, sâu nhiệm làm vậy, dù kẻ cả biết sáng láng tlaõ [a] nước ấy, thì hãi hết, [a] mà ngày sau đến khi tỏ ra, có muốn, thì để biết, [b] mà tìm đươc. [b] vậy thì rứt thánh đức Mẹ tìm đức Con ba ngày, đõan thì mới thấy, ở tlaõ đền thánh, giữa các cõên tử: [c] khi ấy đức Mẹ dậu đức Con, mà than thở ràng: [d] lạy đức Con, sao làm thế ấy cũ Mẹ? [e] đức Chúa Iesu thì thưa ràng: lạy đức Mẹ, mà sao đức Mẹ có tìm Con làm vậy? [f] Sao chẳng hay hễ là việc về đức Chúa Cha, Con thì phải chịu việc ấy? [g] vậy thì đức Chúa Iesu làm gương cho ta xem, mà bắt chươc, [h] theo ý đức Chúa Cha tlên blời, [i] dầu mà vì sự

ấy phải khỏi cha mẹ xác. [k] São le đức Chúa Iesu [k]

Hea

Res tamen, vsque ad trigesimum vitæ suæ sanctissimæ annum, ita fuit Beatissimæ Virgini Matri suæ, viroque sponso Ioseph Sanctissimo subditus, [l] *vt cũ ipso vsq; ad illam ætatem, putetur* [m] *fabrilem artem exercuisse,* [n] *imò in rebus domesticis ipsis inseruisse,* [o] *non enim venerat ministrari, sed ministrare;* [p] *nec tenuit pro vili ministerio, & suæ Diuinæ personæ indigno, nisi quod erat peccatum.* [q] *Quare peccatum nunquam fecit, neque dolus vllus inuentus est, aut inueniri potuit in ore Sancto eius.* [r] *Sic & nos Dominum Iesum imitari debemus, non abhorrentes, aut subterfugientes humilitatis opera,* [s] *sed potius amplectentes illa, vt meliùs imitemur Dominum Iesum,* [t] *& vt vitemus ctium, quod omnis mali,*

Ngày thứ láu 175

đõan việc ấy, thì có chịu lụy, và rứt thánh đức Mẹ đòũ thân, và cũ thánh Ioseph, là rứt thánh chàõ ngươi, cho [l] đến ba mươi tuổi, [l] mà vì sự làm bậy, có kẻ thì [m] ngò, [m] đức Chúa Iesu cũ làm thợ mọc, bởi cũ [n] thánh Ioseph: [n] lại thaõ cửa tlaõ nhà, cũ làm việc [o] như tôi tà bậy, [o] vì chưng đức Chúa Iesu ra đòi, chẳng phải cho kẻ khác làm việc cho mình, saõ chọn mình làm [p] việc cho kẻ khác. [p] mà có lẽy việc gì làm hèn, chẳng đáng ngồi mình, là ngoi đức Chúa blời? có che những việc hèn, [q] mà chó. [q] Vì bậy đức Chúa Iesu chẳng có khi nào làm sự lỗy, cũ bởi miệng thánh ấy chẳng thấy ra sự gian, lại cũ [r] chẳng ra đươc đâu. [r] Ta cũ nên bắt chước đức Chúa Iesu, chớ che, chớ tlánh việc khiem nhường; [s] mà lại ta làm hết [s] lúc, lẽ y đức Chúa Iesu làm gương, [t] bậy cũ khỏi [t]

&

& peccati origo est: [u] fugiamus autem omnia peccata, & mendacia, [x] tanquam rem vilissimam, & homine rationis compote, atque ad imaginem Dei facto, prorsus indignam. [y] Ita enim sequemur vestigia Domini Iesu, qui ad hoc venit, [z] in carne visibili, vt traheret nos post se, [a] in funiculis charitatis, & amoris sui suauissimi, [b] atque ita vincula nostra disrumperet, [c] ac propensionem pessimam, quam habemus ad malum, [d] ab ortu nostro, ex peccato natam originali.

[e] Vt autem secundum quo vexamur malum, nempe ignorantiam nostram curaret Diuinus Medicus Dominus Iesus, [f] trigesimo ætatis suæ anno, postquam fecit, cepit docere, quæ fecerat: [g] initio tamen Diuinissimæ prædicationis suæ, homines ad suscipiendam

u ở dưng phú lụ; là cõi
u rẽ mọi tội lỗy. [u] Ta cũ
tránh mọi tội vạ, các sự
x dối, [x] là sự rứt hên, mà
chẳng đáng người ỉ biết
mlẽ, khi đã có tlaõ linh
hồn mình, là ảnh thiêng
y đức Chúa blời. [y] Bởy
thì ta theo chân đức
Chúa Iesu, đã ra đời vì
z sự ểy, [z] mà lẽy xác thịt
ta thấy bởy, như bắt ta
a theo sau, [a] vì cái dây
là laõ nhin lành, yêu dấu
b ta lám: [b] mà làm bởy
đánh đứt cái dây buộc
c ta, [c] là laõ muốn những sự
d dữ, [d] khốõ để rá, bởi
ta từ, ểy đã có tội tổ tú
ta truyền cho.
e [e] Lại đức Chúa Iesu, là
thày thuốc cả, khi chữa
linh hồn ta tối tam, chẳng
f biết mlẽ, [f] đến ba mươi
tuổy, làm phúc, làm
phan đõan, thì mới dẽay
g dẽõ ta làm như bởy.
[g] saõ le khi giảng mlời
đức Chúa blời, đầu hết
có dẽon laõ người ta,

chịu mlời đức Chúa blời, như giống bởi blời

celestia

cælestia Diuini Verbi semina disponente, [h] *ad peccatorum pœnitentiam inuitabat, dicens:* [i] *pœnitentiam agitè, appropinquauit enim regnum Dei,* [k] *sic etiam Sanctissimus vir Ioannes Baptista, ipsius Domini præcursor eximius, qui testimonium perhibuit Verbo Dei,* [l] *& Iesum Christum verum Filium Dei, Saluatorem mundi Iudæis demonstrauit,* [m] *idem etiam exordium prædicationis habuit, homines ad pœnitentiam adhortando:* [n] *facite, aiebat, fructus dignos pœnitentiæ.* [o] *E discipulis autem, quos secum habebat Dominus Iesus, elegit duodecim, quos & Apostolos nominauit,* [p] *quibuscum assiduè conuersabatur, illos specialiter erudiens,* [q] *vt relinqueret post se totius orbis Doctores.* [r] *Legem itaque Euangelicam per se ipsum promulgauit,* [s] *per quam non tolleretur Lex antiqua data Sanctis Patribus, sed perficeretur.* [t] *Ter enim su-*

[h] mà xuống, [h] thì khuyen ăn năn tội, phán rằng : [i] hãy lo tội, mà chừa cho kịp, vì cõi trên [k] blòi đã gần. [k] Lại ơũ thánh loaõ Baptista, khi đâm đàng cho đức Chúa Iesu, mà làm chứng mlòi [l] đức Chúa blòi, [l] và chỉ đức Chúa Iesu, là Con đức Chúa blòi kíu thế, cho nước Iudea được [m] hay, [m] khi đầu hết giảng đạo, cũ khuyen người ta [n] ăn năn tội, mà ràng: [n] hãy làm phúc cho đáng việc [o] lo tội. [o] Mà đức Chúa Iesu tlaõ các đấy tớ ở cũ, thì chọn mười hai người, gọi là Apostolo, [p] [p] mà ăn ở cũ lien, và [q] dẽay dẽó riêng, [q] để thay mình ngày sau làm thày [r] cả và thiên hạ. [r] ềy vậy mà đức Chúa Iesu mình rao đạo Euangelio, là [s] tin lành, [s] mà chẳng phải cất đạo cũ, đã cho tỏ nẽ đòi xưa, lại làm cho [t] càng tốt lành. [t] Vì chưng

premus rerum effector, hominibus legem sanctam dedit: [u] semel cum legem naturalem ita cordibus hominum impressit, vt statim rectum ab iniquo discernant, & malum à bono. [x] Et hæc est ratio naturalis, & lumen vultus Dei, quod signatum est in cordibus nostris, ita vt si rectam viã [y] non fuerimus amplexati, simus inexcusabiles: [z] vt Dominus olim dixit ad Cain. [a] Nonne si benè egeris recipies? [b] sin autem malè, statim in foribus peccatum tuum aderit? [c] quia tamen per peccata, non originale solum, [d] sed etiam multa actualia, iam valdè obscuratum erat rationis lumen, [e] ita vt homines iam vix falsum à vero, & rectum ab iniquo discernerent: [f] ideò dedit Deus Moysi amico suo, & per Moysem populo hebræorum legem scriptam, [g] quæ de-

Ngày thứ sáu

đức Chúa cả làm nên mọi sự, đã cho người ta đạo thánh, có ba lần: [u] một là khi cho lão người ta tự nhiên có đạo lí, mà thôắt choúc chia ra sự ngay, sự vạy, [x] biết sự lành, sự dữ: [x] nầy là đạo lí tự nhiên, và sáng mạt đức Chúa blời, [y] có ẩn ở lão ta, [y] cho nên khi ta chẳng theo đàng ngay, chẳng khỏi đươc lỗy. [z] Như khôố xưa đức Chúa blời phán cũ thằng Cain, ràng: [a] mầy có làm lành, chẳng chịu lành ru? [b] mà có làm sự dữ, tội mầy thôắt choúc thì đến ở trước cửa mà chớ. [c] Saố le vì có tội, chẳng những là tội tổ nề truyền cho, [d] lại có tội nhiều mình làm, cho nên sáng đạo lí đã ra mù mít; [e] mà người ta chia sự đôi, sự thạt, biết sự ngay, sự vậy là hõa: [f] vì bởy đức Chúa blời có nghĩa cũ

oũ Moyses, mà truyền cho oũ ấy đạo chếp: lại khiến oũ Moyses truyền cho nước Iudæa, [g] mà

cem

cem præcepta decalogi continet, de quibus infra erit agendum, [h] & hæc fuit secunda Diuinæ legis publicatio. [i] Sed quia populus ille carnalis quamuis legẽ Dei non ignorabat, illam tamen non custodiebat; [k] ideò Diuinus hic Magister Iesus Christus Dominus noster aduenit, legem gratiæ per se ipsum promulgaturus, [m] per quam pijssimus Magister, ac Dominus, non solam doceret nos viam vitæ æternæ, [n] sed etiam per gratiam, & auxilia Diuina, quæ nobis merebatur, vires adderet, ad illam custodiendã necessarias, [o] & ideò vocatur Lex gratiæ.

[p] Atque vt homines ad credendum Dei Verbum induceret multa perpetrauit miracula Dominus Iesus, [q] ad cõfirmandam legem sanctam, quam docebat: [r] nam cæcis visum, surdis auditum, claudis gressum rectum, ægris sanitatem,

đạo nầy có mười sự răn, đến sau ta phải giảng.
[h] Ấy là lần thứ hai, khi đức Chúa blời có rao đạo. [i] Sẽ le vì đến nước Iudæa hèn, dẫu có đạo đức Chúa blời, cũ[k] chẳng có giữ. [k] Vì bởi đức Chúa Iesu là Thày cả, thật là đức Chúa blời, là Chúa chúng tôi, đã ra[l] đời, [l] mà mình đến, rao đạo *gratia*, lá két[m] nghĩa cũ người ta, [m] mà bởi khi làm Thày, và Chúa rất nhin, chẳng lo là dỗay ta đàng sóu[n] lấu vô cữ, [n] mà lại có coú thêm *gratia*, là giúp sức cho ta giữ được[o] đạo: [o] vì bởi thì gọi là đạo gratiæ.
[p] Lại đức Chúa Iesu làm nhều phép lạ, mà bởi khuyen dỗỗ người ta tin mlời đức Chúa blời,[q] và làm cho đạo thánh mình dỗay, càng tó mặt;[r] vì tôi mạt thì cho sáng; kẻ nạng tai, cũ cho sáng: kẻ què chẽn thì cho đi ngay: kẻ đau náng thì cho đã, và kẻ đã chết

mortuis etiam vitam reſtituit; [f] *multaque alia perpetrauit mirabilia, per illud triennium, quo diuinam tradidit doctrinam,* [t] *vt nimirum ſe, non ſolum verum hominem probaret,* [u] *qui inter homines, vt homo conuerſabatur, manducans & bibens, & vitam hanc humanam, quam aſſumpſerat, inter nos viuens:* [x] *ſed etiam verum Deum, qui naturales rerum leges in mundo hoc mutaret pro arbitrio ſuo,* [y] *tanquam verus rerum omnium Dominus.*

[z] *Primum autem miraculum quod Dominus Ieſus perpetrare dignatus eſt,* [a] *fuit in Cana Galilea, vbi cùm inuitatus ad nuptias ipſe,* [b] *cum Matre ſua ſanctiſſima Virgine Maria, & cum diſcipulis ſuis,* [c] *vidit iam defeciſſe vinum pro inuitatis, quod iuxtà illius regionis morem propinari ſolet:* [d] *monente itaque Virgine Ma-*

Ngay thứ ſáu

đã rồi cũ cho ſóũ lại:
[f] cũ có làm nhều phép lạ, ba nam ễy, khi đang giảng đạo đức Chúa blời, [t] mà làm ệy thì tó ra, đức Chúa Ieſu chảng những là người thạt, [u] mà ở cũ người ta như người, ăn üống, và ſóũ tlaõ xác đã lễy, [x] mà ở cũ chúng tôi: lại bố̀i phép ễy cũ tó ra, đức Chúa Ieſu, thạt là đức Chúa blời, vì đố̀i những đàng quen tlaõ thế giái [y] nầy, mạc í mình, như là Chúa thạt mọi sự.
[z] Mà phép lạ đức Chúa Ieſu có đinh làm đầu [a] hết, thì làm ở làng gọi là Cana, tlaõ xứ Galilæa, khi ở nơi ễy, có ai mờ̀i đức Chúa [b] Ieſu, và rứt thánh đức Mẹ đòũ thân, cũ đầy tớ [c] đức Chúa Ieſu, mà đã thấy đã hết nước blái nho có quen cho người [d] ta üáng, ở nước ễy, mà đức Mẹ đòũ thân nhin lành thì baó đức Con

tre

tre pÿſſima, quod vinum non haberent, [c] *quæ miniſtros etiam monuit, vt facerent quæcunque dixiſſet Dominus, quamuis repulſam paſſa videretur, cùm audiuit ab amantiſſimo Filio ſuo, quid mihi, & tibi mulier, miniſtros monuit vt facerent quæcunque dixiſſet Dominus:* [f] *tunc pÿſſimus Dominus Ieſus, iubens impleri hydrias aquv,* [g] *cùm à miniſtris impletæ eſſent ſex hydriæ ſatis amplæ, vſque ad ſummum,* [h] *præcepit hauriri, & ferri ad bibendum;* [i] *ſtatimque aqua illa, iubente Domino, in vinum perfectiſſimum conuerſa eſt,* [k] *ita vt mirarentur inuitati, & præſertim Architriclinus, qui neſciebat vnde eſſet tale vinum, miniſtri autem ſciebant, qui hauſerant aquam;* [m] *quo miraculo viſo in Fide confirmati ſunt diſcipuli Domini, & crediderunt in eum.*

[c] đã hết của ễy, [c] dù mà đức Chúa Ieſu đã thửa như bỏ mlòi đức Mẹ, mà ràng: ta có gì cữ bầ. ſaỗ le đức Mẹ có baó đầy tớ nhà ễy, đức Chúa Ieſu có khiến làm [f] ſao, thì làm thể ễy: [f] bấy giờ đức Chúa Ieſu rứt nhin, thì khiến lễy nước [g] lả, mà đầy cái chễ, [g] đầy tớ nhà ễy có thì lễy nước mà đễy ſáu cái chễ cữ mới, cho đến [h] miệng: [h] thỏi đỗạn đức Chúa Ieſu khiến múc, mà đam cho ngườ-i ta [i] iấng: [i] thỗắt choúc nước lả ễy, bỏ-i phép đức Chúa Ieſu, thì ra nước blái nho rứt ngon, là [k] rượu nước ễy, [k] cho nên kẻ ăn cưới đễy thì hãi, thước hết kẻ làm cai, vì chảng hay của ngon làm đễy bỏ-i đâu: [l] mà đầy tớ nhà ễy, khi đã kín nước lả đã hay. [m] đễy đầy tớ đức Chúa Ieſu thấy phép lạ thể ễy, thì càng tin, và lễy mlòi đức Chúa Ieſu làm thạt đễy.

Cùm

n *Cùm igitur Dominus Iesus innumera perpetraret miracula, prædicans Euangelium regni cælorum,* o *& verba vitæ æternæ haberet,* p *omnes ita ab eius ore Diuino pendebant,* q *vt quocunque iret, turbæ populorum sequerentur, vt audirent eum, & sanarentur à langoribus suis:* r *quadam vice cùm turba multa esset in litore, ascendit in nauiculam Petri primarij Apostoli sui, vt doceret eos:* s *postea iussit Petro vt duceret in altum ad capturam piscium,* t *cui Petrus respondit: Magister per totam noctem laborantes nihil cepimus,* u *in verbo autem tuo laxabo rete,* x *& statim cepit copiosam piscium multitudinem, ita vt rete rumperetur;* y *innuit autem sociis qui erant in alia naucula, vt adiuuarent eum,* z *& ex piscibus impletæ sunt amba*

n ê̂y ê̂y mà khi đức Chúa Iesu làm phép nhiều kẻ chẳng xiết, và giảng tin lành, sự cõi trên o blòi, o cũ có những mlòi p cho sóũ lâu vô cùng, p thiên hạ thì muốn nghe q lám, q cho nên đức Chúa Iesu đi đâu, người ta thì theo tầm tầm, mà nghe, và cho khỏi sự đau náng r khốn nạn: r có lần nào khi người ta nhiều ở trên bãy, đức Chúa Iesu thì xuống thuyền Pedro, s là bảy tó cá mình, mà s dẽạy đò người ta, s đoạn thì khiến Pedro đam thuyền ra, mà đi lưới t bắt cả. t Pedro thì thưa rằng: tôi lạy Thày, chúng tôi blót đêm chịu khó bó lưới, mà chẳng đu u ợc đí gì, u sao khi có mlòi đức Thầy, thì tôi bó lưới lần nầy nữa, x x mà một chóục thi đu ợc cá nhiều lám, cho y nên rách lưới ra, y khi ê̂y thì báo bạn ở thuyền khác, đến cứ mà giúp; z ê̂y thì và hai thuyền đầy | z

nau-

nauicula. [a] *Quod videns Petrus dicebat Domino: recede à me, quia homo peccator sum Domine,* [b] *stupor enim apprehenderat eum, in captura piscium.* [c] *Benignissimus verò Dominus ad eum: noli timere, inquit, ex hoc eris homines capiens;* [d] *& subductis in terram nauiculis sequuti sunt Dominum.* [e] *Alia item vice, cùm turbæ multæ de ciuitatibus secutæ fuissent Dominum Iesum, vsque in solitudinem, vt audirent eum,* [f] *& hora iam esset tarda, nec haberent quid manducarent,* [g] *dixit misericors Dominus: misereor super turbam, quia non habent quod manducent;* [h] *si dimisero eos ieiunos deficiēt in via:* [i] *tum interrogauit discipulos suos, quot panes habetis?* [k] *quibus respondentibus, puerum vnum*

[a] những cá ấy. [a] Pedro thấy vậy thì ràng, tôi lạy đức Chúa Iesu, hãy đi cho khỏi tôi, vì tôi [b] là kẻ có tội: [b] nói vậy, vì thấy bắt nhiều cá làm [c] vậy, thì hãi lắm. [c] Song le đức Chúa Iesu trút nhin, thì phán ràng: Pedro chớ sợ làm chi, từ nầy về sau mầy bắt được [d] người ta; [d] khi ấy có cất hai thuyền lên đất, mà theo đức Chúa Iesu.

[e] [e] Cứ có khi khác nhiều người ra bởi thành, mà theo đức Chúa Iesu, rầm rầm, cho đến tiền rừng, [f] mà nghe giảng: [f] khi ấy đã hầu tối, mà người [g] ta chẳng có gì ăn: [g] song đức Chúa Iesu nhin lành, phán ràng: tao thương người ta nhiều lắm, [h] vì chẳng có gì ăn, [h] vì bằng tao tha nó về khỏi, thì ngã giữa đàng, mà về [i] chẳng được: [i] lại hỏi đầy tớ cả, ràng: bay có mấy cái bánh ăn? [k] đầy tớ cả | [k] thưa ràng: lạy đức Chúa Iesu, đầy một con tiệc còn có nam

ibi

ibi esse, qui haberet quinque panes, & duos pisces; [l] *sed quid hæc inter tantos?* [m] *iussit nihilominus pijssimus Dominus sedere omnes super fœnum,* [n] *& gratias æterno Patri agens, diuisit panes, & pisces,* [o] *deditq; discipulis suis, & discipuli distribuebant turbis,* [p] *& manducauerunt omnes, & saturati sunt:* [q] *cumque iussisset Dominus colligi fragmenta, nè perirent,* [r] *inuenti sunt duodecim cophini fragmentorum pleni,* [s] *qui autem manducauerãt erant quinque millia hominum,* [t] *præter mulieres & paruulos.* [u] *His miraculis erudimur, quærentibus beatitudinem cælestem, quæ est regnum Dei, & iustitiam eius,* [x] *ad vitam hanc sustentandam necessaria minimè defutura, sed potius superabundatura;* [y] *præterea in hoc vltimo apparet, per eleemosynas terrenam substantiam non minui, sed augeri:* [z] *cùm enim ante*

Ngày thứ sáu

cái bánh, và hai con cá;
[l] mà người ta nhều làm
chẳng, là bảy nhều hột?
[m] sao le đức Chúa Iesu
phán khiến hết thay thải
[n] ngồi tlên cỏ, [n] mà cám
ơn đức Cha hàng có
phép; đoạn thì chia ra và
[o] bánh, và cá, [o] mà tlao
cho đày tớ mình; lại đầy
tớ chia cho người ta,
[p] [p] mà ăn hết thay thảy
[q] cho no: [q] thôi đoạn đức
Chúa Iesu khiến giữ tấm
[r] thừa, kẻo bỏ hư, [r] mà đã
góp lại mười hai thúng
[s] đầy, [s] kể đã ăn, những
đẫn oũ, là nam nghìn
[t] người, [t] chẳng kể đẫn
bà, cũ chẳng kể con tlẻ.
[u] [u] Phép lạ nầy dẽạy ta,
ai tím cho được phúc
tlên blời, là nước đức
Chúa blời, và nhìn đức,
[x] là đàng đến đẽy, [x] dữ
đủ ở thế nầy, chàng có
thiếu gì, mà lại thừa:
[y] [y] phép sau nầy lại dẽạy
ta, thí của cho kẻ khó
chẳng phải làm hết của,
mà lại thêm của nữa:
[z] [z] vì chưng khi chưa có

eleemo-

eleemosynam turbis hisfactam, solum essent quinque panes, & pisces duo, [a] *quæ omnia vix fortè possent sufficere ad implendum vnum cophinum:* [b] *at post eleemosynam, & distributionem factam, superauere duodecim cophini fragmentorum pleni.*

[c] *Item cùm Dominus Iesus, turbis, quæ illum sequebantur, comprimeretur;* [d] *accessit retrò mulier quædam, quæ fluxum sanguinis patiebatur, iam annis duodecim,* [e] *& substantiã suam iam expenderat in medicos, absque remedio;* [f] *hæc magna cum fide accessit, & tetigit fimbriam vestimenti eius;* [g] *dicebat enim intra se, si tantum tetigero fimbriam vestimenti eius, salua ero, & statim sanata est plaga.*

[h] *turbis autem tunc comprimentibus Dominum Iesum, quærebat tamen Dominus, quis ipsum tetigisset;* [i] *sensérat enim virtutem à se exisse, quæ mulierem illam cum fide ac-*

thí cho người ta ăn, có những nam cái bánh, cũ
[a] hai con cá, [a] hết, ấu là chẳng đầy một thóũ,
[b] [b] sao đến khi đã thí đoạn, mà chia cho kẻ đói ăn, thì thừa mười hai thóũ đầy.

[c] [c] Lại có khi đức Chúa Iesu ở chật, bởi người
[d] ta theo lám: [d] mà có đẫn bà nào đến bên sau cật đức Chúa Iesu, vì đã phải tất ra máu mình,
[e] mười hai nam, [e] mà của mình cho những thầy thuóc chữa chùng hết,
[f] sao chẳng đã cho, [f] bà ấy thì tin lám; mà đến cầm chên áo đức Chúa
[g] Iesu [g] vì nói ràng; tay tôi đá đến được chên áo đức Chúa Iesu, thì tôi đã, mà tức thì đã
[h] lành: [h] khi ấy người ta dộn lám, cho nến chen chật tlên mình đức Chúa Iesu, mà đức Chúa Iesu hỏi ràng: tay ai đá đến
[i] tao? [i] vì đã thấy có phép

cedentem sanauerat; [k] *illique se cum timore manifestanti, quod Dominum tetigisset,* [l] *benigne respondit pius Dominus: Confide filia, fides tua te saluam fecit;* [m] *ut nos doceret, ad ipsum Dominum accedere cum fide, vt à langoribus nostris sanemur.* [n] *Eo ipso tempore mortua erat Archisynagogi, filia duodennis, in domo patris.* [o] *Ingressus itaque Dominus Iesus tenuit manum eius, & dixit ei: puella surge.* [p] *Statimq; surrexit puella, aquè facilè, ac si tantum dormiret;* [q] *Dominus enim Iesus vitæ & mortis erat Dominus,* [r] *& aquè facilè à morte, atq; à somno excitare poterat, quem volebat.*

[s] *Sic adolescentem filium unicum matris suæ,* [t] *cùm iam deferretur ad tumulũ, in porta ciuitatis Nain, excitauit à mortuis;* [u] *cum*

Ngày thứ sáu

[k] bởi mình ra, có kẻ u bà [k] ấy lão tin mà đến: [k] lại khi bà ấy nói ra, tay mình đá đến đức Chúa [l] Iesu, mà dái; [l] đức Chúa Iesu nhin đức, thì thưa đều lành, phán rằng: ơ con hãy cậy đức, bởi mầy có lão tin, mầy đã [m] lành; [m] đức dạy ta có lão tin, mà đến cữ đức Chúa Iesu, thì chữa đã tạt ta.

[n] [n] Bấy giờ chúc ấy cầu đang nhà thánh có con nên mười hai tuổi, mà [o] chết ở nhà cha, [o] đức Chúa Iesu đến cầm tay con ấy, phán rằng: ơ con hãy dạy; [p] [p] thốt chúc con ấy thì sống lại mà dạy, dễ bằng [q] ngủ mà thức dạy: [q] vì chưng đức Chúa Iesu là Chúa khiến sống chết [r] mạc í; [r] mà kẻ đã chết, cho sống lại, thì dễ được, bằng kẻ ngủ, mà cho thức dạy.

[s] [s] Cữ có con blai, là một [t] con mẹ nó, [t] khi đưa đón nó đi chôn, ở cửa thành Nain, đức Chúa Iesu cho nó sống lại; [u] vì chưnh khi [u] *enim*

enim vidisset Dominus matrem ipsius, quæ vidua erat, [x] *& funus filij cum multa turba ciuitatis comitabatur, lacrymantem,* [y] *misericordia motus dixit ei: noli flere;* [z] *& postea tetigit loculum & dixit:* [a] *adolescens, tibi dico, surge; statim surrexit, & resedit qui erat mortuus, & cæpit loqui,* [b] *& dedit eum Dominus matri suæ.* [c] *Alia innumera miracula fecit Dominus Iesus,* [d] *tum vt suæ doctrinæ veritatem probaret,* [e] *per quam homines non solùm ad legem Diuinam seruandam hortabatur,* [f] *sed etiã perfectionis altissimæ, mũdo hactenus incognitæ, viam aperiebat:* [g] *tum maximè vt hominibus Diuinitatem suam aperiret:* [h] *nam eo modo se omnium rerum Dominum ostendebat,* [i] *tum in aëre, ventis imperans,* [k] *tum in*

ẽy đức Chúa Iesu thấy
[x] mẹ nó gõá chàõ, [x] mà
đưa đón con, có nhều
nguòi đôi bòi thành
ra, mà bà ẽy khãóc lãóc,
[y] [y] thì đức Chúa Iesu thư-
ơng, mà phán ràng: ơ
bà chớ khãóc làm khi:
[z] [z] đõạn thì tày đá đến
cái sãng, mà phán ràng:
ơ con blai, tao bảo mầy,
[a] hãy dẹy: [a] chóuc ẽy con
blai đã chết thì sống lại
mà dẹy ngồi, và nói ra:
[b] [b] thì đức Chúa Iesu tlao
nó lại cho mẹ nó.
[c] [c] đức Chúa Iesu có lám
phép khác nữa vô hồi
[d] vô số, [d] và cho tỏ ra,
mòi mình giảng là thạt,
[e] [e] mà ẽy chẳng lọ là
khuyen nguòi ta giữ
đạo đức Chúa blòi,
[f] [f] mà lại mở đàng nhin
đức rứt cao cho nguòi
ta, thien hạ chưa
[g] tầng hay: [g] và nhít là
cho nguòi ta hay tỏ, đức
Chúa Iesu thạt là đức
[h] Chúa blòi ẽy: [h] vì
chưng làm ẽy thì tỏ ra, là Chúa tlên hết mọi sự, [i] và
tlên gió rống, thì sửa gió, [k] và tlên biển, thì làm

mari fluctus compescens, l *tum in hominibus sanitates penè innumeras reddens,* m *interdum solo contactu, interdum etiam solo verbo:* n *tum in omnes daemones potestatem suam ostendens,* o *& compescens eos, vel iubens, vt à corporibus obsessis abscederet,* p *idque non vt alij Sancti viri,* q *qui, vt miracula aliqua perpetrarent, orationem, & ieiunium adhibere debebãt:* r *at Dominus Iesus solo imperio, & tanquam in omnia creata potestatem habens, miracula perpetrabat,* s *oratione non indigens, quamuis ad exemplum nostrum, illam interdum adhiberet.*

t *Neque solùm ipse Dominus miracula haec perpetrabat,* u *sed etiam discipulis suis ea perpetrandi potestatem faciebat,* x *vt supremus Rex, qui non solùm per se ipse potestatem exercet in suos subditos;* y *sed potestatem etiam*

Ngày thứ sáu

l cho lạng sáõ, l và tlên
người ta, thì chữa đã,
m kể chẳng xiết, m có khi
thì tay đá đến mà thỏi,
có khi thì những mlời
n khiến: n và tỏ phép mình
o ra tlên mọi quỉ, o khi
bắt chúng nó, hay là khiến ra khỏi xác, kẻ phải
p quỉ ám; p mà đức Chúa
Iesu làm mọi phép ấy,
q chẳng phải như người
thánh khác; q khi có làm
phép gì, tlước thì phải
cầu, cữ ăn chay, thì mới
r được: r saõ le đức Chúa
Iesu một khiến, như làm
Chúa tlên hết môi sự
sinh ra, thì làm phép ấy,
s mà chẳng phải cầu khẩn
cho được, dầu có khi
thì đức Chúa Iesu, cữ
cầu khẩn, làm gương
cho ta xem, mà bắt chước ấy.

t t Lại đức Chúa Iesu
chẳng lọ là mình làm
u phép ấy, u mà lại cho
dầy tớ, có sức làm phép
x lạ vậy: x như thế đua
Chúa cả, chẳng lọ là
y mình làm phép; y mà lại

com-

communicat magistratibus suis.

thoũ phép ẽy cho kẻ trị nước thay mình.

z *In hoc etiam Diuinitas Christi Domini plurimum elucebat,* a *quia intimas hominum cogitationes ita penetrabat, & perspiciebat, sicuti & ipsam faciem,* b *& tàm facilè arguebat malum, quod adhuc in corde latebat,* c *quàm opus ipsum externum malum.* d *Vnde aduersarij eius, quamuis multa machinabantur; vt ipsum caperent,* e *vel in sermone, vel in opere:* f *facillimè tamen eorum technas is eludebat.*

z Lại đức Chúa Iesu, cho người ta hay tỏ tường, thật là đức Chúa blời, a khi thấy lão người ta lo thế nào, cứ tỏ bàng thấy mặt người ẽy: b và sự nào dữ, còn giấu tlaõ lão, cũ c nghĩ trắch, c bàng việc lỗy đã làm ra bề ngoài: d a cho nên dù mà kẻ hủy báng đức Chúa Iesu, làm đều chước, mà buộc lại, e e hay là mlời nói, hay f là việc làm: f saõ le đức Chúa Iesu thì ra dễ lám, mà khỏi mọi chước ẽy.

g *Erant autem aduersarij Domini,* h *& plurimi & argutissimi inter hebræos,* i *quos Scribas, & Pharisæos nuncupabant,* k *quia scilicet eorum opera erant mala:* l *doctrina verò Domini erat æqua, & plana ad erudiendos omnes, etiã infimam plebem,* m *& clarissima ad arguenda peccata:* n *& quia multi ex principibus erant varijs*

g Dầu kẻ hủy báng đức h Chúa Iesu, h và nhều lám, và kẻ rứt quỉ quái i tlaõ Iudæa, i là kẻ hay chữ nghĩa, gọi là Scribæ, k cũ Phariſæi: k vì chưng l việc nó lám thì dữ: l mà mlời đức Chúa Iesu giảng thì bàng, và dễ dễ ay thien hạ, dù là kẻ m mọn tlaõ dền, m cũ rứt n ſáng, mà lửa sự lỗy: n saõ

pecca-

paccatis onerati, ° *oderãt lucem quam Christus Dominus præ se ferebat*, ᵖ *tũm in vitæ Sanctitate, tum in admirabili doctrina*; ᵠ *propter quæ populus illum venerabatur*; ʳ *& relictis Phariſæis, illum ſequebatur*. ˢ *Hoc autem maiorẽ inuidiam in Phariſæis, & Scribis excitabat*, ᵗ *ita vt calumnijs coram populo famam Domini curarent proſcindere*, ᵘ *præcipuè ſub ſpecie pietatis & Religionis*. ˣ *Cùm enim Dominus maximè in Sabbathis plebem erudire curaret*, ʸ *& ſæpè infirmi accederent, vt curarentur in Sabbatho*; ᶻ *Dominus Ieſus eorum miſeratus in Sabbatho etiam multas curationes præſtabat*. ª *Sic mulierem quandam, ex malitia dæmonis miſerabiliter incuruatam, iam ab annis decem & octo*, ᵇ *ita vt omninò ſurſum non poſſet aſpicere*,

Ngày thứ ſáu

le vì kẻ cả có gánh tội
° nhiều, ° thì ghét ſáng,
đức Chúa Ieſu đam cho,
ᵖ ᵖ và việc mình làm,
những ſự thánh, và mlòi
ᵠ giảng ſáng rứt mực, ᵠ
cho nên dèn thì kính đức
ʳ Chúa Ieſu. ʳ mà theo
ſ rầm rầm, bó Phariſæo
ſ là thày cũ ếy. ſ Mà làm
ệy Scribæ, và Phari-
ſæi càng ghen ghét đức
ᵗ Chúa Ieſu; ᵗ cho nên bỏ
ᵘ vạ mà ệy muốn làm
cho đức Chúa Ieſu mất
ª tiếng cũ nguòi ta, ª nhứt
là bỏ vạ ſự việc thờ.
ˣ ˣ Vì chưng khi đức
Chúa Ieſu, nhứt là ngày
ʸ thứ bảy, thì dẽạy dèỗ
dên nưọc ếy, ʸ mà nhều
lần nguòi đau náng thì
đến ngày thứ bảy, cho
ª ᶻ đưọc lành lại; ᶻ đức
Chúa Ieſu thưởng xót
nguòi ta, ngày thứ bảy
có làm nhều nguòi đau
ª cho ra lành. ª Như thể
có đến bà naò, bởi ma
quỉ dữ làm cho cội mình
xuống, đã mưòi tám nam, mà thưởng hại, ᵇ cho ᵇ
nên coi lên cháng đưọc lốt: đức Chúa Ieſu thấy

miſeri-

misericorditer sanauit in
sabbatho: [c] *sic etiam ho-*
mini manum aridam ha-
benti sanitatem restituit
in Sabbatho: [d] *cùmque*
murmurarent, [e] *imò &*
irascerentur miseris illis,
[f] *quod in sabbatho venirēt*
vt sanarentur; [g] *sub pre-*
textu religionis, dicentes:
[h] *sex dies sunt in quibus*
licet operari, in his veni-
tè & curamini, [i] *non au-*
tem in Sabbatho, in quo
non licet operari. [k] *At be-*
nignus Dominus, eorum
fictam religionem confun-
dens, vt eorum mentes e-
tiam sanaret, aiebat, [l] *nun-*
quid iumentum vestrum
si in foueam ceciderit in
Sabbatho, illud extrahi-
tis? [m] *aut etiam soluistis*
vt ducatis adaquare in
Sabbatho? [n] *Quare igitur*
indignamini, si filiam
Abrahæ, quam iam decem
& octo annis sathanas al-
ligauit, in Sabbatho solui?

[c] bệy, thì thưâng, mà cho
[d] đã ngày thứ bảy; [e] cũ
có đến oũ naò phải tay
mình héo đi, mà đức
Chúa Ieſu cho lành, cũ
[f] là ngày thứ bảy: [d] khi
ếy kẻ ghen ghét đức
Chúa Ieſu thì nói hành,
[g] [e] mà lại gện máng kẻ
đau náng khốn nạn, [f] ſao
đến ngày thứ bảy, cho
đươc lành, [g] như thể
phạm ngày lễ lạy, mà
[h] ràng: [h] có ſáu ngày thì
nên làm việc, ngày ếy
bay hãy đến, cho đươc
[i] lành, [i] mà ngày lễ, khi
chẳng nên làm việc, thì
[k] chớ đến. [k] Saõ le đức
Chúa Ieſu nhin lành, thì
bắt nó mà tỏ ra, phép
nó thờ làm bệy, là phép
[l] dối, phán ràng: [l] ví bằng
tlâu bò bay phải ngã tlaõ
lỗ ngày thứ bảy, chẳng
lếy ra, mà để bệy ru ?
[m] [m] hay là chẳng mở dếy
nó ra, mà đam nó üống
[n] nươc ru? [n] mà vì ſao có
gện giữy, khi tao mở đến

bà này, cũ là con oũ Abraham, ſự ma quỉ đã mươi tám

o Cùmq; nihil haberẽt, quod respondérent magis inuidia torquebãtur: p at populus mirè gaudebat in vniuersis, quæ gloriosè fiebant ab eo. q Erat autem Hierosolimis probatica piscina, quinque porticus habens, r in quibus iacebat magna multitudo languentium, cœcorum, aridorum expectantium aquæ motum, s Angelus enim Domini descendebat de cælo, & piscinæ illius aquam mouebat, t tum qui primus, post aquæ motum, in illam descendisset piscinam, u à quacunque tandem infirmitate detentus fuisset, statim liberabatur: x cùmq; Dominus Iesus, pro sua pietate, y locum illum languentium quadam vice inuiseret, vidit ibi hominem paraliticum, z triginta & octo annos habentem in infirmitate sua: a hunc interrogauit benignus

o nẽm có buạc nó lại? o mà khi đức Chúa Iesu nói làm ḅệy, kẻ hủy báng chẳng biết là thưa làm sao, mà càng chịu hình p ghen ghét ḅệy, p saõ le dên mòng bọi phần, vì mọi sự đức Chúa Iesu làm, cho cả sáng ḅệy.

q Lại có tlaõ thành Ierusalem ao thiêng, mà quanh ao ẽy có nam cái r chái nhà, r những kẻ đau náng, tối mạt, què chên, què tay, yếu liẹt thể naò nàm đẽy, mà đợi nược s ao ẽy có đọu: s vì có thiên thần đức Chúa blòi sai bởi blòi mà xuống, làm cho nước ao ẽy đọu t t mà nược ẽy đọu đoạn, ai xuống tlaõ ao ẽy tlước, u có phải đau khổn thể naò, thể naò, bóu choúc thì được lành: x x có ngày naò đức Chúa y Iesu thưâng, y ḅẽaò viếng kẻ đau ở nơi ẽy, mà coi thấy có ngườ̀i naò z blẹt hết chên tay, z đã ba mươi tám nam, có phải liẹt làm ḅệy. a mà đức a Chúa Iesu làõ rứt nhin, có hỏi nó, mấy muấng đã

gnus

gnissimus Dominus, vis ne sanus fieri? [b] at ille respondit, se hominem non habere, qui iuuaret, [c] ad hoc vt ad aquæ motum posset citò in aquam descendere; [d] cùm enim ipse esset paraliticus, alius præueniebat, [e] nec vnquam sanari potuerat: [f] statimque pius Dominus misericordia motus, ait illi: [g] surge, tolle lectum tuum, & vade in domum tuam: [h] tunc miser ille per viuifica Domini verba, [i] confortatus, subitò conualescens, surrexit alacris, ac viribus integris, [k] tulit lectum suum, iuxtà præceptum Domini, & ibat in domum suam: [l] erat autem dies ille Sabbathi, [m] Cùm igitur illi peruersi zelatores, [n] eum in Sabbatho lectum suum ferentem vidissent, [o] reprehenderunt acritèr, quod Sabbathũ non custodiret: [p] at ille, tutare se volens ab eo-

[b] cho lành chang? [b] nó thì thưa ràng; tôi lạy oũ, tôi chẳng có ai giúp tôi, [c] cho đến khi nước đọũ, tôi xuống cho cháõ; [d] vì chưng khi tôi blạt chên tay làm đẽy, kẻ khác thì xuống trước; [e] [f] mà tôi bấy lâu năm chẳng đươc lành: [f] thõát chóuc đức Chúa Iesu nhin lành, mà thưởng xót nó, phán ràng: [g] mầy dẽy, vạc lẽy giưầng mày, mà về: [h] chóuc ẽy người liẹt có mlòi đức Chúa Iesu làm cho người ta sóũ lại, [i] cho nó bửng bàng, mà tức thì đã lành dẽy khõế mạnh, [k] vạc giường mình, bàng mlòi đức Chúa Iesu phán, mà đi về nhà mình: [l] ngày ẽy thì phải ngày thứ bảy, là ngày lễ. [m] mà những đứa quỉ quái ẽy hủy báng đức Chúa Iesu, [n] thấy nó ngày lễ vạc giường mình, [o] thì máng nó gia giét, sao chẳng giữ ngày lễ, [p] mà nó muốn chữa mình, cho khỏi mlòi máng [p]

rum iniqua reprehensione,
[q] *ita imperatum sibi dixit,*
ab eo qui sanum illum fecerat verbo suo. [r] *Cùmq;*
illi rursus interrogarent,
quisnam ille esset qui Sabbathum non custodiebat?
[f] *ipse autem sanus factus*
nondum nosset ipsum Dominum, [t] *quia is data opera*
declinauerat à turba, [u] *non*
enim gloriam propriam
quærebat Dominus, [x] *tunc*
ergo phariſæis, qui sanus
factus erat, Iesum non manifestauit: [y] *at paulò post,*
cùm obuiam illi factus Dominus illum monuisset, [z]
vt nollet amplius peccare,
ne ipsi deterius aliquid contingeret: [a] *significans nimirum nobis infirmitates*
corporis, & alia flagella,
propter peccata sæpè nobis
euenire. [b] *Tunc ille sanus*
factus manifestauit Iudæis
Dominum Iesum fecisse
ipsum sanum; [c] *quod tantò*
magis eorum in Dominum,

Ngày thứ sáu.

[q] gian ấy, thì ràng: [q] có
làm thế ấy vì có mlời
người nói một đều làm
cho nó lành, đã khiến
[r] nó làm vậy: [r] mà bấy
đứa ấy lại hỏi; mà ngu-
ời chẳng có giữ ngày
[f] lễ là ai? [f] sao le khi ấy
người đã lành chưa
[t] biết đức Chúa Iesu, [t] vì
chưng đức Chúa Iesu
đã có í tránh người ta
[u] độn, [u] vì chẳng có tìm
cho người ta khen mình,
[x] [x] vì vậy người đã lành
ấy chẳng có tỏ ra khi
ấy đức Chúa Iesu cho
[y] kẻ hủy báng: [y] sao le
đến sao khi đức Chúa
Iesu gặp nó, mà bảo nó
[z] phán ràng, [z] chớ phạm
tội nữa, kẻo phải sự
gì càng khốn hơn nữa:
[a] [a] phán vậy cho ta biết,
sự phải liệt, và phải tai
va khác, có đến ta nhều
[b] lần vì tội ta. [b] Khi ấy
người được lành thì tỏ
ra cũ thàng Iudæo, đức
Chúa Iesu làm cho nó
lành: [c] mà bấy thàng ấy, mlẽ thì càng phải kính | [c]

quem

quem ob tam insignia miracula, & virtutes venerari debuerant, [d] *inuidiâ, instigante diabolo, excitabat.*

[e] *Similiter aliud miraculum ingens Dominus Iesus in Sabbatho facere voluit,* [f] *ex quo, si vellent, possent clarè inuidiosi isti, Diuinam potestatem in Domino agnoscere,* [g] *nisi excæcarentur inuidia & liuore.*

[h] *Erat tunc quidam cæcus à natiuitate, communiter notus,* [i] *hunc cùm vidissent discipuli quærebant à Domino:* [k] *Quis peccasset, hic, aut parentes eius, vt cæcus nasceretur?* [l] *ad quos benignè respondit Dominus: Neque hic peccauit, neque parentes eius,* [m] *sed vt manifestentur opera Dei in illo.* [n] *Tunc expuens in terram Dominus Iesus, fecit lutum, & liniuit oculos cæci nati,* [o] *& præcepit il-*

đức Chúa Iesu, vì có làm
[d] phép cả làm ḍệy: [d] ſaõ
le nó càng ghen ghét
đức Chúa Iesu, bởi ma
quỉ giục lảõ nó ḍệy.
[e] [e] Lại đức Chúa Iesu
ngày thứ bảy khiến làm
[f] phép cả khác nữa, [f] mà
kẻ ghen ghét có muốn,
thì được hay tỏ tường
đức Chúa Iesu thật có
[g] phép đức Chúa blời, [g]
nếu lảõ ghen ghét chẳng
làm cho nó càng tối tăm.
[h] [h] Khi ấy có người nào
tối mắt khốỏ đẻ ra, mà
người ta đã quen biết.
[i] [i] đấy tớ cả thấy thì hỏi
đức Chúa Iesu rằng: lạy
[k] đức Chúa Iesu, [k] ai có
tội, người nấy, hay là
cha mẹ người nấy, cho
nên đẻ ra tối mắt làm
[l] ḍệy? [l] mà đức Chúa
Iesu nhin lành phán rằng,
chẳng phải bởi tội nó,
cũ chẳng phải bởi tội
cha mẹ nó, cho nên làm
[m] ḍệy, [m] ſaõ cho phép
đức Chúa blời ra ſáng bởi nó. [n] khi ấy đức | [n]
Chúa Iesu giỏ ra đất đết làm lẽm, mà lấy lẽm
xức con mắt người ấy đẻ ra tối mắt, [o] ſau thì phán | [o]

li, vt iret ad natatoria Siloe, quod interpretatur Missus, & ibi lauaret oculos: P quod promptè exequens cæcus, iuit, lauit, & statim visum recepit. q Hunc aspicientes aliqui videntem, quem priùs cæcum nouerãt, mirabantur, r alij verò dicebant, quia similis quispiam illi erat, non autem cæcus à natiuitate: s at cæcus dicebat, quia ego ipse sum à natiuitate cæcus. t Duxerunt ergo illum ad Pharisæos, qui interrogabant an esset cæcus à natiuitate, & quomodo nunc videret? u narrauit fideliter bonus cæcus, quod illi acciderat, x nempe Dominum Iesum fecisse lutum, & liniuisse oculos eius, y præcepisseque vt lauaret ad natatoria Siloe, z iui, inquit, & laui, & video. a Non crediderunt inuidi illi quod fuisset cæcus à natiuitate, donec vocauerunt parentes eius il-

đi nơi lội gọi là, Siloe, nghĩa là, sai vien, mà rửa P con mắt đấy: P người tôi mạt thì làm thế ấy cho cháo, có đi, có rửa, mà tức thì sáng con mắt q ra: q kẻ đã biết thuốc là tôi mạt, mà bấy giờ r thấy sáng thì hãi: r kẻ khác ràng, chẳng phải người để ra tôi mạt đau, âu là người cũ giống mạt s ấy mà chớ: s mà người t thuốc là tôi mạt thì ràng: tói là kẻ tôi mạt khốn t để gióuc. t Bấy có đam người đi cho kẻ làm thày ở nước ấy, gọi là Pharisæi, mà Pharisæi bói, phải là tôi mạt khốn u để chang? mà bấy giờ u sáng làm sao? u người thì kể ngay mọi sự làm x sao, x khi đức Chúa Iesu làm lếm, mà xức con y mạt cho, y sau thì khiến z rửa ở nơi lội Siloe, z ràng: tôi đã đi, tôi đã rửa, mà tôi sáng ra bấy. a a những đứa ghen ghét ấy chẳng tin là người

tôi mạt khốn để, cho đến gọi cha mẹ người, mà hỏi

losque

loſque interrogauerũt, [b] *an ille eſſet ipſorum filius, à natiuitate cæcus, & quomodo nunc videret?* [c] *parentes candidè quidem reſponderunt, eum ipſum eſſe illorum filium, à natiuitate cæcum:* [d] *at Phariſæorum offenſionem timentes, quomodo autem nunc videat, inquiunt, nos neſcimus,* [e] *ipſum interrogate, quia ætatem habet, ipſe loquatur de ſe ipſo, quid illi acciderit:* [f] *vocauerũt ergo rurſum hominem qui fuerat cæcus, & dixerunt ei,* [g] *da gloriam Deo, nos ſcimus quia hic homo peccator eſt,* [h] *vt ſcilicet famam Domini mendacijs ſuis denigrarent:* [i] *at qui fuerat cæcus reſpondit: ſi peccator eſt neſcio,* [k] *vnum ſcio, quia cùm cæcus eſſem modò video.* [l] *Dixerunt ergo illi: quid fecit tibi? quomodo aperuit tibi oculos?* [m] *Reſpondit eis: dixi*

[b] ràng: [b] đứa nầy phải con bay, mà nó tối mạt khốn để ra chăng? làm ſao bây giờ cho nó ſáng? [c] cha mẹ thì thưa ngay, ràng: thật là con chúng tôi, mà khốn để thì tối mạt: [d] ſaõ le khi dái mất lòõ các thày ếy, thì ràng: bây giờ con mắt nó ſáng ra thế nào, chúng tôi chẳng hay: [e] phu oũ thì hỏi nó, vì tuổy nó đã mlớn, nó thưa ſự làm cho nó thế nào: [f] khi ếy lại gọi lại người đã tối mạt tlước, mà nói cũ ràng: [g] hãy làm cho đức Chúa blời cả ſáng, ta đã hay, người ếy là kẻ có tội: [h] nó nói dối đệy, bó vạ cho đức Chúa Ieſu mất tiếng: [i] ſaõ le người tối mạt tlước thưa ràng: người có tội chăng, tôi chẳng hay, [k] ſaõ một ſự nầy tôi hay, thước thì tôi tối mạt, mà bay giờ tôi đã ſáng. [l] đệy các thày ếy lại hỏi ràng: có làm cho mầy đi gì? có mở con mắt mày làm ſao? [m] người thưa ràng: tôi đã nói ra cũ phò

[m] *vobis*

vobis iam, & audiſtis: quid iterum vultis audire? n nunquid & vos vultis n diſcipuli eius fieri? o Maledixerunt ergo ei, & dixerunt. Tu diſcipulus illius ſis: nos autem Moyſi diſcipuli ſumus. p Nos ſcimus quia Moyſi locutus eſt Deus: hunc autem neſcimus unde ſit. q Reſpondit ille homo, & dixit eis: In hoc autem mirabile eſt, quia vos neſcitis unde ſit, & aperuit meos oculos. r Scimus autem quia peccatores Deus non audit: ſ ſed ſi quis Dei cultor eſt, & voluntatem eius facit, hunc exaudit. t A ſeculo non eſt auditum, quia quis aperuit oculos cæci nati, u niſi eſſet hic à Deo, non poterat facere quicquam. x Reſponderunt, & dixerunt ei, nempe iuxtà ſuperbiam ſuam exprobrantes: y in peccatis, inquiunt, natus es totus, & tu doces nos? z Et eiecerunt eum foras:

oũ, mà múốn nghẽ lại
n làm chi? n có muốn làm
đầy tớ oũ ếy chang?
o o bấy giờ Phariſæo có
rủa người ếy ràng: mầy
làm đầy tớ oũ ếy, ta là
p đầy tớ oũ Moyſe; p ta
đã hay, đức Chúa blờ̀i
có nói cũ oũ Moyſe,
oũ nầy bở̀i đâu mà có
q ta chẳng hay. q Người
ếy thưa ràng: ſự nầy ſự
là, phỏ oũ chẳng biết oũ
nầy bở̀i đâu, ſaõ le đã
r mở dược con mắt tòi:
r mà ta đã hay, đức
ſ Chúa blờ̀i bủỗn chẳng
nghe kẻ có tội: ſ ſaõ ai
t thờ đức Chúa blờ̀i cho
nên, và theo í đức Chúa
blờ̀i, thì đức Chúa
u t blờ̀i nghe người ếy: t
xưa nay chưa thấy, có
ai mở con mắt kẻ đã
x u để tối mạt, u mà người
ếy chẳng phải bở̀i đức
Chúa blờ̀i, làm đí gì
y x chẳng đườc. x Các thầy
thì thưa đều kieu nghạo,
z mà xỉ vả người ràng:
y y blót mầy để ra tlaõ tội,

mà mầy dẽạy ta ru? z bấy giờ xua người ra ngõài:

Digitized by Google

foras: quia scilicet eius argumentum clarissimum soluere non poterant, [a] *quo euidenter ipsis ostendebat, ex illo tam insigni miraculo, necessariò illos debere inferre Dominũ Iesum esse à Deo:* [b] *quod illi propter nimiam cæcitatem suã, & inuidiam inauditam, nolebant fateri.* [c] *Audiuit benignissimus Iesus, quia eiecerant eum foras,* [d] *& cùm inuenisset eum, dixit ei: Tu credis in Filiũ Dei?* [e] *& dixit ipse, quis est Domine, vt credam in eum?* [f] *Dixit ei Iesus, & vidisti eum: & qui loquitur tecum, ipse est.* [g] *At ille ait, Credo Domine, & procidens adorauit eum.* [h] *Et dixit ei Iesus, in iudicium ego in hunc mundum veni:* [i] *vt qui non vident videant: & qui vident cæci fiant.* [k] *Quia nimirum, qui per humilitatem cognoscentes ignorã-*

vì chưng mlẽ rứt tổ người nói; nó khỏi
[a] chẳng đươc, [a] vì cho nó xem tỏ tường bởi có phép lạ mlớn làm ḕy, nó thì phải lüên mlẽ thạt,
đức Chúa Iesu có phép
[b] ḕy, bởi đuc Chúa blời: [b] mà sự ḕy vì nó tối tam, ghen ghét đức Chúa Iesu, nó chẳng khứng xưng
[c] ra. [c] khi ḕy đức Chúa Iesu rứt nhin, đã nghe thấy, đã xua người ra,
[d] [d] đến khi gặp người thì phán ràng: mầy có tin Con đức Chúa blời
[e] chang? [e] mà người ḕy ràng: tôi lạy cũ, hãy giảng Con đức Chúa blời
[g] là ai, cho tôi đươc tin?
[f] [f] đức Chúa Iesu phán ràng: mầy đã thấy, mà ai nói cữ mầy, ḕy là Con
[g] đức Chúa blời: [g] bấy giờ người ḕy ràng: tôi lạy Chúa tôi tin: cữ có cui đầu xuống đất, mà
[h] lạy: [h] đức Chúa Iesu phán ràng: tao đã ra đời đến

phán xét thế nầy, [i] cho kẻ tối mạt đươc sáng thấy, [i] mà kẻ sáng thấy ra tối mạt ḕy. [k] Vì chưng kẻ khiem [k]

tiam

Digitized by Google

tiam suam, se Diuinæ subiiciunt voluntati, [l] *à Deo illuminantur, & iuuantur, vt per viam mandatorum incedentes, ad claritatem, & vitam perueniant æternam:* [m] *qui verò per superbiam, sapientiæ propriæ fidentes, nolunt admittere Dei Verbum,* [n] *in multa peccata ruentes, ita fiunt cæci, vt in præcipitiũ tandem æternæ mortis ruant,* [o] *vt impij & superbi Pharisæi, qui Christi Domini lucem, per tot, & tam insignia miracula manifestatam, admittere nolentes,* [p] *cæci facti sunt, & in damnationis eternæ ruinam tandem sunt lapsi.*

[q] *Cùm igitur quærerent Pharisæi, & Scribæ modum quo Dominum Iesum occiderent,* [r] *& nondum aduenisset illud tempus in quo Dominus Iesus statuerat vitam dare pro nostra omnium salute,* [s] *talia operabatur miracula, quæ quamuis ipsius Diuinitatem satis manifestarent,*

như vậy xưng mình là đại dột, mà theo ý đức [l] Chúa blời, [l] thì đức Chúa blời cho sáng, và giúp cho, mà vậy theo đẳng blời răn, thì được sáng, và hàng sóũ vậy. [m] [m] Mà kẻ kieu ngạo, cậy mình khôn ngoan, lại chẳng chịu phép đức [n] Chúa blời, [n] thì phạm tội nhiều, cho nên tối tam, mà đến sau thì sa [o] xuống lỗ chết vô cũ: [o] như thể Pharisæo đã, và kieu ngạo, mà chẳng chịu sáng đức Chúa Iesu, đã tỏ ra có nhiều phép [p] cả làm vậy, [p] thì ra tối tam, cho nên đến sau có ngã nơi khốn nạn vó cũ.

[q] [q] ấy vậy mà khi ấy Pharisæi và Scribæ là các thầy nước Iudæa, có tìm thể nào mà giết cho được đức Chúa Iesu, [r] [r] khi chưa đến ngày đức Chúa Iesu đã định chịu chết cho chúng tôi [s] được lành hết: [s] có làm phép lạ chứng ấy, cho

[c] *non tamen impedirent Passionem eius sanctissimã, quam tantopere cupiebat.*
[u] *recessit ergo à Iudæa in Galilæam, vt tempus suũ impleret,* [x] *doctrinamque cælestem quotidie clarius docebat,* [y] *incedens per vicos, & castella; virtutes etiam innumeras faciebat.*
[z] *Voluit etiam gloriæ suæ partem ostendere aliquibus discipulis suis;* [a] *cùm enim ascendisset in montem quẽdam, qui dicitur Thabor,* [b] *tres tantùm discipulos, quos maximè diligebat, secum esse permisit,* [c] *& transfiguratus est ante illos:* [d] *facies enim eius resplenduit sicut sol, & vestimenta eius facta sunt alba sicut nix:* [e] *& apparuerunt Moyses, & Elias loquentes cum illo de excessu, quem completurus erat in Ierusalem:* [f] *cùmque inter discipulos Petrus videns illam Christi Do-*

nẽn người ta hay, thật
[c] là đức Chúa bời, [c] sao
le chẳng có phải trốc
chịu tội, đức Chúa Iesu
[u] có ước lám. [u] Bởy thì
đức Chúa Iesu để xứ
Iudæa, mà đến xứ Ga-
lilæa, cho no ngày tháng
[x] mình, [x] mà một ngày
một giảng đạo thánh,
[y] càng tỏ tường, [y] đẻào
làng nọ, thành kia, và
làm phép nhiều, kẻ chẳng
[z] xiết. [z] khi ấy cũ tỏan
cho đầy tớ cả xem thấy
[a] phẩn vui bể, [a] mà có
lên tlên núi naò, gọi là
[b] Thabor: [b] sao le có chọn
ba đầy tớ cả mấy, là
kẻ đức Chúa Iesu yêu
[c] hơn, mà cho ở cũ: [c]
chóuc ấy đức Chúa Iesu,
tlước mạt ba đầy tớ ấy,
[d] thì ra hình khác, [d] vì
chưng mạt sáng ra như
mạt bời, mà áo thì ra
[e] tláng tứt mục: [e] cũ thấy
oũ Moyses, và oũ Elias
nói khó cử đức Chú
Iesu, sự trọ đức Chúa

Iesu tỏan chịu ngày sau, ở thánh Ierusalem: [f] khi ấy | [f]
tlạo đầy tớ cả oũ thánh Pedro thấy đức Chúa Iesu

Digitized by Google

mini gloriam, & gaudens diceret, bonum est nos hic esse; g *audita est statim* g *vox Dei de nube dicens: hic est Filius meus dilectus,* h *in quo mihi benè complacui, ipsum audite?* i *hac* i *voce territi discipuli ceciderunt in facies suas.* k k *Moniti postea à Domino, vt surgerent,* l *neminem* l *viderunt, nisi solum Iesum, qui præcepit eis, vt nemini dicerent visionem,* m *donec ipse Dominus à mortuis surrexisset,* n *nolebat* n *enim, vt passioni suæ, quam ardentissimè desiderabat, pro salute nostra, vllum apponeretur impedimentũ:* o *imò Petrum, alioqui charissimum Apostolum, acriter reprehendit, quod passionem, & mortem dissuaderet.*

p *Cùm igitur tempus aduenisset, in quo pro salute nostra mori decreuerat Dominus Iesus,* q *hac occa-* p q

cả sáng làm vậy, thì mòng rỡ, ràng: chúng tôi ở đây thì tốt vui, g thỏát chóuc nghe thấy tiếng đức Chúa blời, bói cái mây ra phán h ràng: h nầy là Con tao mến, mà lão tạo lấy làm yêu, bay nghe lấy mlới i Con tao. i đầy tớ cả nghe thấy tiếng ấy thì sợ, mà ngã sấp mặt xuk ống. k đến khi đức Chúa Iesu bảo ba đầy tớ l cả dậy, l chẳng thấy ai, thấy còn một đức Chúa Iesu phán, sự đã thấy m chớ nói cũ ai, m cho đến tao bỏ-i chết, mà sóũ lại: n n vì chưng đức Chúa Iesu ước chịu tội cho chúng tôi lành, mà chẳng cho nói sự ấy ra, keỏ trợ o việc mình chịu tội: o mà lại oũ thánh Pedro, là đầy tớ cả đức Chúa Iesu yêu lám, mà khi can giản sự chịu tội chịu chết, đức Chúa Iesu thì cỏỏ làm.

p vậy khi đã gần ngày đức Chúa Iesu đã định chịu chết, cho chúng tôi được lành, q có lấy mlẽ nầy p q

sione

ſione rediit in Iudæam.
r Lazarus vir primarius, r
Domino perfamiliaris, &
amicus, obierat abſente
Domino: f illum igitur, f
quamuis iam in ſepulchro
quatriduanum, à mortuis
ſuſcitare ſtatuit, t vt om- t
ninò inexcuſabiles eſſent
eius aduerſarij, u ſi viſo, u
& audito tanto prodigio,
non crederent in ipſum.
x Adueniẽte itaq; Domino, x
Magdalena, & Martha
ſorores Lazari, lacrymabã-
tur, & dicebant: y Domine y
ſi fuiſſes hic frater noſter,
non fuiſſet mortuus: z illis z
complorans Dominus ad ſe-
pulchrum pergit, a & aper- a
to ſepulchro fœtentem iam
inuenerunt, tam ſorores,
quàm alij multi Iudæi, qui
aduenerant, vt ſorores con-
ſolarentur, b aliqui etiam b
dicebant; Non poterat hic,
qui aperuit oculos cæci na-
ti, facere vt Lazarus non
moreretur? c Tunc Domi- c

mà bỏ về xứ Iudæa.
r Có oũ Lazaro là kẻ cả,
và có nghĩa cũ đức
Chúa Iesu, phải qua đỏi
khi váng mạt đức Chúa
f Iesu, f mà khi đã chôn
oũ ẽy đã bón ngày, thì
đức Chúa Iesu khiến cho
t sống lại, t cho kẻ hủy
bàng chẳng có chứa
u mình đươc làm sao, u
khi coi thấy, hay là nghe
phép trạõ làm ẽy, mà
chẳng tin đức Chúa Iesu.
x x khi đức Chúa Iesu mới
đến, bà Magdalena, cũ
bà Martha, là chị em oũ
Lazaro, thì cháoc laóc,
y mà ràng: y chúng tôi lạy
đức Chúa Iesu, ví bàng
có đức Chúa Iesu ở đây,
anh chúng tôi chẳng có
z phải chết: z khi ẽy đức
Chúa Iesu cũ kháoc bôi,
mà đi nơi có chôn oũ
a ẽy; a đến khi mở ra, thấy
hôi hám làm: có chị em
oũ ẽy, và nhiều Iudæo có
b đến an ủi phó bà ẽy: b
cũ có kẻ nói ràng; ngươ-
ời có mở con mắt kẻ để ra tôi mạt, chẳng làm
đươc cho oũ Lazaro chẳng chết ru? c khi ẽy đức c

nus Iesus elevatis in cælũ oculis dixit, [d] *Pater gratias ago tibi, quoniam audisti me.* [e] *Ego autem sciebam, quia semper me audis,* [f] *sed propter populum, qui circumstat dixi, vt credant, quia tu me misisti:* [g] *hæc cum dixisset, voce magna clamauit, Lazare veni foras.* [h] *Et statim prodijt, qui fuerat mortuus,* [i] *ligatus pedes & manus institis, & facies illius sudario erat ligata.* [k] *Dixit eis Iesus, soluite eum, & sinite abire.* [l] *Multi ergo ex Iudæis, qui venerant ad consolandum Magdalenam & Martham sorores,* [m] *& viderant, quæ fecit Iesus, crediderunt in eum.*

[n] *Facto autem hoc tam insigni miraculo, quo suscitauit à mortuis Dominus Iesus Lazarum quatriduanum,* [o] *tantum abest vt*

Ngày thứ sáu

Chúa Iesu, có ngửa lên
con mắt lên blời, mà
[d] ràng; [d] Con lạy đức
Cha, Con cám ơn đức
Cha, vì đức Cha đã nghe
[e] Con, [e] mà Con đã hay
đức Cha có nghe Con
[f] lien, [f] sao Con nói vậy,
vì người ta có đứng
quanh quế đây, cho nó
tin đức Cha đã sai Con.
[g] [g] Nói vậy đoạn, đức
Chúa Iesu thì kêu cả tiếng phán ràng: Lazaro
[h] ra khỏi đây: [h] bấy giờ
tức thì oũ Lazaro, đã
chết ngày thứ ốc, ra khỏi
[i] mả sống lại, [i] hãy còn dây
buộc chân tay, cũ có
khan buộc mặt oũ ấy.
[k] [k] Mà đức Chúa Iesu phán
ràng: hãy mở dây cho
oũ ấy, mà cho đi mạc
[l] lạo. [l] Khi ấy có nhiều
người Iudeo đến an üi
hai chi em Magdalena,
[m] và Martha; [m] mà thấy
phép đức Chúa Iesu
làm, thì tin kính đức Chúa Iesu.

[n] đến khi đức Chúa Iesu đã làm phép cả, cho oũ La- [n]
zaro đã chết bốn ngày, mà sống lại đoạn; [o] kẻ hủy báng [o]

conuer-

conuerterentur ad Dominum aduersarij eius, [p] *quin imò audientes hoc tam euidens Diuinitatis signum,* [q] *collegerunt Pontifices & Pharisæi concilium, & dicebant.* [r] *Quid facimus, quia hic homo multa signa facit?* [s] *si dimittimus eum sic, omnes credent in eum:* [t] *& venient Romani & tollent locum nostrum & gentem.* [u] *Vnus autem ex ipsis Caiphas nomine, cùm esset Pontifex anni illius, dixit eis,* [x] *Vos nescitis quicquam, nec cogitatis, quia expedit vobis, vt vnus moriatur homo pro populo, & non tota gens pereat.* [y] *hoc autem à semetipso non dixit: sed cum esset Pontifex anni illius, prophetauit,* [z] *quod Dominus Iesus moriturus erat pro gente:* [a] *& non tantum pro gente, sed vt filios Dei, qui erant dispersi, congregaret in vnum.* [b] *Ab illo ergo die cogitabant, vt interfi-*

chẳng lọ là chẳng blố về cữ đức Chúa Iesu, [p] mà lại khi máng tiếng phép cả ấy, là dẽầù đức Chúa blời tó tưẳng lám, [q] thì các thày cữ Pharisæo họp cữ nhau, mà [r] ràng: [r] ta tŏan sự ngườ-i nầy sao làm nhẽu phép lạ [s] thể ấy? [s] nếu ta để làm [t] bậy, cả và thien hạ thì tin lấy: [t] bậy ngườ-i nước Roma thì đến, mà cất lấy nơ-i, và dến [u] ta. [u] Mà có một gọi là Caiphas, nam ấy có làm thày cả, nói ra làm bậy, [x] ràng: [x] bay chẳng biết đí gì, mà chẳng lo, vì chưng một ngườ-i chết, thay vì dến, cho kéo [y] các dến hư, thì nên: [y] mà đều ấy chẳng có nói ra bở-i minh, sao vì làm thày cả nam ey, có chịu sấm truyền, mà nói bậy, [z] [a] vì đức Chúa Iesu có dẽ-on chịu chết vì dến, [a] mà chẳng những vì dến, lại cho các con đức Chúa blời, đã tan tái, hộp lại làm một. [b] bậy từ ngày ấy Iudæo thì lo tŏán giết [b]

Digitized by Google

terficerent eum. [c] Iesus ergo interim diem triumphi sui expectans, [d] iam non in palam ambulabat apud Iudæos, [e] sed abijt in regionem iuxtà desertum in ciuitatem, quæ dicitur Ephrem, [f] & ibi morabatur cum discipulis suis tantisper, [g] dum solemnis dies Paschæ præstitutus adpassionem suam aduenirent. [h] Quin etiam cùm viderent aduersarij Domini, quod multi ex Iudæis crederent in ipsum, [i] propter Lazarum, quem à mortuis Dominus tam mirabiliter suscitarat, [k] cogitabant vt & ipsum Lazarum interficerent, [l] eò enim illorum cæcitas, & malitia deuenerat, [m] quasi verò à Domino possent auferre potestatem, si occiderent, illum iterum à mortuis suscitandi; [n] Nos interim Iudeorum duritiem detestantes, [o] adoremus Dominum, & Diuinam eius doctrinam auidis menti-

Ngày thứ sáu

[c] đức Chúa Iesu. [c] mà đức Chúa Iesu đợi ngày mình [d] được giác thiêng; [d] chẳng còn có đi lại tlước mặt thàng Iudæo, [e] sảo đi ẩn mình ở nơi gần rừng có thành tên là Ephrem, [f] mà ở đấy cứ đấy tớ mình một [g] chút, [g] cho đến ngày lễ cả, gọi là Pasca, đã định mình chịu tội ngây ấy. [h] Mà lại kẻ hủy báng đức Chúa Iesu, khi thấy đều người tlảo nước Iudæa có tin mlời đức [i] Chúa Iesu, [i] vì thấy oũ Lazaro, bởi đức Chúa Iesu làm phép lạ cho oũ [k] ấy sống lại, [k] thì lo giết [l] oũ Lazaro nữa, [l] vì đã tối tam, và dữ tợn chừng [m] ấy: [m] như thể có cất lấy được phép đức Iesu, nếu nó giết oũ Lazaro, mà cho lại sống lại [n] chẳng được ru. [n] Sảo le ta bây giờ ghét làõ [o] dữ thàng Iudæo, [o] ta lạy đức Chúa Iesu; mà chịu lấy mlời đức Chúa

bus

bus arripiamus, ℣ *vt nunc illuminemur, & poſtea vitam conſequamur æternã.* ℣

℣ Ieſu hết làõ, ℣ cho tạ được ſáng bây giờ, mà đến ſau được chịu hàng ſóũ ḍệy.

Digitized by Google

Dies septimus

[a] *Adueniente igitur tempore, à Diuina Prouidentia præstituto,* [b] *in quo Vnigenitus Dei Filius Dominus Iesus pro salute nostra erat mortem acerbissimam subiturus,* [c] *vt ostenderet quanta, & quam lubenti voluntate mandatum Patris exequeretur,* [d] *voluit cum triumpho ciuitatem Ierusalem ingredi, in qua tam dira passurus erat:* [e] *intrante itaque Domino, tota effunditur Vrbs;* [f] *ramis palmarum, imò etiam proprijs vestibus sternebant Iudæi vias, per quas erat Dominus transiturus,* [g] *acclamantes eum Regem Israel, & dicentes,* [h] *benedictus, qui venit in nomine Domini.* [i] *Hac solemni pompa ductus est Dominus vsque ad templum* [k] *cùm maximo dolore Scribarum,*

Ngày thứ bảy

[a] [a] Ey đến ngày đức Chúa [b] blời đã định, [b] cho đức Chúa Iesu, là một Con đức Chúa blời, chịu tội chịu chết, cho [c] chúng tôi được mọi sự lành, [c] mà cho tỏ ra, lão có vâng phép [d] đức Cha, [d] khi đến thành Ierusalem, là nơi chịu khốn khó từng ấy, thì làm cho vui mặng. [e] [e] Đến khi đức Chúa Iesu đến thành, thiên hạ thì [f] ra trước, [f] mà đem có lấy lá tươi, và đón đường đàng màng, lại bó áo mình giữa đàng đức [g] Chúa Iesu qua nữa, [g] cũng gọi là vua Chúa Israel, mà rằng: [h] mọi sự lành cho người có phép đức Chúa blời, mà đến [i] cùng. [i] thiên hạ có vui mặng làm vậy, mà đem đức Chúa Iesu cho đến [k] đền thánh: [k] khi Scribæ

và Phariſæi, là thầy nước ấy, ghen ghét, mà lo láng,

Digitized by Google

& Phariſæorum, [l] *qui interim Domino mortem machinantes,* [m] *& incumbentes ſuo ſceleri, famulabantur pÿſſimo Redemptori.* [n] *Quin etiam filius perditionis Iudas impÿſſimus,* [o] *cùm fur eſſet, & furari non potuiſſet ex vnguento,* [p] *quod Mariæ Magdalenæ ſuper caput Domini recumbentis effudit,* [q] *vt illud ſuum, quod putabat, damnum reſarciret, proprium Magiſtrũ, & Dominum,* [r] *paciſcitur tradere inimicis eius,* [ſ] *modò reciperet ab illis triginta argenteos,* [t] *qui in noſtra moneta faciunt nouẽ, vel decem nummos aureos,* [u] *vt ſcilicet ſine turbis Dominum traderet:* [x] *ſed hoc, omnia ſcientem Dominũ, quomodo latere potuit?*

[y] *In vltima autem cœna quam pridie ante paſſionẽ ſuam voluit habere cum diſcipulis ſuis,* [z] *imò & lauare pedes omnium, & ipſius etiam Iudæ Dominum*

[l] lại kiếm chước mà giết
[m] đức Chúa Iesu, [m] bởy
thì giúp í là cõ nhin lành
đức Chúa Iesu kẻu
[n] chúng tôi. [n] Mà lại thàng
dữ tợn là Iuda qui
[o] quái lắm, [o] và làm kẻ
trộm, mà ăn trộm chẳng
đượ̣c của thơm trạõ
[p] lám, [p] bà thánh Magda-
lena có đỡ đơm trên
[q] đầu đức Chúa Iesu, [q] nó
lấy làm thiệt mình, mà
tõan bán đức Chúa Iesu,
[r] là thày, và Chúa nó, [r]
lại trao cho ŏan gia, kẻo
[ſ] thiệt ấy, [ſ] thì giao cữ nó
lấy ba mươi tấm bạc
[t] nước ấy gọi là, argen-
teus, [t] mà hết tấm ấy
nên chín mươi lạng dò
[u] nước ta, [u] bởy thì trao
đức Chúa Iesu khi vắng
[x] kẻo hỡn hào: [x] mà giấu
đức Chúa Iesu, đã biết
hết, làm sao đượ̣c?
[y] [y] bởy khi đức Chúa Iesu
sau hết tõan ăn tội cí
đầy tỏ cả, ngày trước
[z] khi tõan đi chịu tội, [z] mà
lại rửa chân cho hết, và

prodentis; [a] *illi clarè significans proditionem, quã machinabatur, vt illum à tam enormi scelere auerteret.* [b] *sed induratum Iudæ cor omnia monita contemnit,* [c] *& in ruinam præceps deuoluitur, diabolo iam cor eius possidente, atque foras egreditur.*

[d] *Itaque benignissimus Dominus postquam solatus est suos;* [e] *quos & insolitis, & innumerabilibus charitatis officijs in vltima illa cœna deuinxit,* [f] *egressus est in ipsum locum, in quem sciebat Iudam cum copijs paulò post aduenturũ ad ipsum capiendum.* [g] *quamuis in illa expectatione, ita tristatus sit Dominus Iesus,* [h] *vt sudorem sanguineum emiserit in tanta copia, vt in terram decurreret;* [i] *vt scilicet nobis ostenderet agoniam, quam propter peccata nostra patiebatur,* [k] *& quantum pro peccatis proprijs*

Ngày thứ bảy

cho thằng Iuda, về bỗi
dẽon tlao đức Chúa Iesu
[a] cho ỗan gia; [a] mà đức
Chúa Iesu tỏ ra cũ nó
chước dữ nó tỏan, cho
nó đừng phạm tội cá ễy;
[b] [b]saõ le thằng Iuda đã blou
làõ làm sự dữ tọn cả làm
bệy, mà chê mọi mlòi
[c] bảo; [c] thì sa nọi khõn
nạn ễy, vì ma quỉ đã nhệp
bẽaò, mà ớ tlaõ làõ nó,
bệy thì nó ra cho khỏi.
[d] [d]ễy bệy mà đức Chúa
Iesu rứt nhin, khi đã an
[e] ủi đầy tớ, [e] và làm
những sự nhin lạ, nọi
ăn sau hết ễy, cũ mòi
[f] nói chẳng hết mlẽ, [f] đỗ-
ạn thì ra, mà đi đến nọi
đức Chúa Iesu đã hay,
ít nữa thằng Iuda có đến
đễy, cũ cỗến cỗắc, mà
[g] bắt đức Chúa Iesu. [g]
lại đức Chúa Iesu khi
đọi cỗến dữ ễy, có lo
buồn sau não tùng ễy,
[h] [h]cho nên thay mồ hỏi
đổ máu ra nhều, mà chảy
[i] xuống đết, [i] bệy thì tớ
ra cho ta hay, có chịu khõn tlaõ làõ vì tội
chúng tôi thế nàò, [k] và cho ta liệu, ta phải lo [k]

trista-

triſtari, & dolore debeamus, [l] *cùm Dominus Ieſus tam vehementer triſtetur pro alienis.* [m] *Cùm igitur aduenisſet Iudas, tanquam impiorum dux, ore ſacrilego eſt auſus oſculari Dominum:* [n] *at beniginiſſimus Dominus oſculum ei non negauit, dicens;* [o] *amice ad quid veniſti? Iuda oſculo filium hominis tradis?* [p] *at impudens ille ad ſuos ſatellites eſt reuerſus, quibus dederat ſignũ, dicens,* [q] *quemcumque oſculatus fuero ipſe eſt, tenete eum, & ducite cautè.* [r] *At niſi Dominus ſe ſponte traderet, nulla vis creata illum tenere poſſet.* [ſ] *Procedit ergo Dominus Ieſus obuiam inimicis ſuis, dicens eis:* [t] *Quem quæritis? quibus reſpondentibus Ieſum Nazarenum.* [u] *Dominus rurſum ad illos: Ego ſum;* [x] *ſtatim atque Dominus Ieſus hanc emiſit*

buồn ăn năn vì tội chúng
[l] tôi tùng nào, [l] khi đức
Chúa Ieſu có lo buồn
ſau não tùng ấy vì tội
[m] kẻ khác. [m] mà đến khi
thằng Iuda làm cai cỗ
dữ có đến, thì miệng
mình dữ tợn dám hôn
[n] đức Chúa Ieſu: [n] mà
đức Chúa Ieſu rứt lành
chẳng có tlánh hôn
thằng dữ ấy, phán rằng:
[o] [o] mầy là kẻ có nghĩa cữ
tao, mầy đến có việc gì?
hỡi Iuda mầy hôn lấy con
[p] người, mà tlao cho ơan
gia làm bệy ru? [p] mà thằng
rắn mạt ấy thì blở về cữ
cỗ dữ nó, đã cho dễấu
[q] tlước, rằng: [q] ta hôn
ai, ấy là người ấy, hãy
bắt lấy, mà đam đi cho
[r] khèo. [r] Sao lẻ ví bằng
đức Chúa Ieſu dầu lão
chẳng tlao mình cho nó,
chẳng có phép nào dươi
đức Chúa blời cấm đư-
[ſ] ợc lại đâu. [ſ] bệy thì đức
Chúa Ieſu ra rước ơan gia
[t] hỏi bay có tìm ai? nó | [t]
thì thưa rằng: ta tìm Ieſu Nazareno. [u] Lại đức Chúa | [u]
Ieſu phán rằng: Ieſu là tao. [x] bỗng chóuc khi đức Chúa | [x]

Digitized by Google

vocem, [y] *ceciderunt retrorsum omnes inimici Domini,* [z] *nec surgere vnquã potuissent, nisi pius Dominus iterum interrogans, quẽ quærerent,* [a] *illos surgere permisisset, & illis se ipsum tradidisset,* [b] *probibens tamen ne quem è suis caperent.* [c] *At Petrus videns impios illos in Dominum irruentes,* [d] *tanquam lupos feroces, in agnum mansuetissimum,* [e] *id ferre non valens, exerit gladium suum,* [f] *& percutit vnum ex illis, & abscindit auriculam eius.* [g] *At benignissimus Dominus, & Petro vetat,* [h] *ne gladio amplius vtatur, sed in vaginam mittat,* [i] *& impijs iam Dominum comprehendentibus imperat,* [k] *sinite vsque hùc, vt scilicet impia illi auriculam restituat, pro malo reddens bonum.* [l] *Cùmque iam Dominum comprehendissent,*

Iesu nói ra một đều ấy, [y] các ǒan gia đức Chúa Iesu thì ngã ra hết; [z] mà dội lại chẳng được nữa, cho đến đức Chúa Iesu [a] hỏi nó lại có tìm ai? mà cho nó dậy, và tlao mình [b] cho nó, [b] song le có cấm, mà chẳng cho bắt đấy tớ naò mình. [c] Lại oũ thánh Pedro thấy cõên dữ ấy chạy bắt đức [d] Chúa Iesu, [d] như chó sói dữ bắt con chiên rứt [e] lành, [e] chẳng chịu được [f] sự ấy, thì rứt guơm ra, [f] mà đánh một thàng tlaõ cõên dữ ấy, phải chém [g] tai nó: [g] song le đức Chúa Iesu rứt nhin, và bảo oũ [h] thánh Pedro, [h] xé guơm đẽào chẳng cho dữ nữa, [i] [i] vã khiến những cõên dữ ấy, khi đã bắt ấy đức Chúa Iesu, phán [k] ràng: [k] hãy khǒan một gey đã, vì chưng đức Chúa Iesu khiến blả tai lại cho thàng dữ ấy, mà làm lành cho nó, thay sự dữ nó làm cho mình; [l] khi ấy dầu cõên dữ đã bắt [l]

tenere

tenere non potuerũt, [m] *quia se teneri non patiebatur Dominus, nisi priùs illius nequam sanaret auriculam;* [n] *qua per solum contactum sanata, se iterum illis permisit, dicens:* [o] *hæc est hora vestra, & potestas tenebrarum.* [p] *Comprehensum itaque Dominum Iesum ducunt ad Pontificem, Caipham nomine,* [q] *is enim dederat consiliũ Iudæis, vt Dominum occiderent:* [r] *Interrogante igitur Caipha Dominum de doctrina, & discipulis;* [s] *humillimè respondet Dominus, & verissimè;* [t] *Quid me, inquit, interrogas? ego palam locutus sum in Synagogis,* [u] *interroga eos, qui me audierunt.* [x] *Tali responso prudentissimè dato à Domino,* [y] *vnus assistens ministrorum impyissimè manum attollens,* [z] *dedit alapham Domino, dicens: Sic respondes Pontifici?*

đức Chúa Iesu, cấm lại
[m] chẳng được, [m] vì đức
Chúa Iesu chưa cho nó
cấm mình, mà khiến
cho tai thằng dữ ấy lành
[n] đã: [n] đến khi tay đức
Chúa Iesu đá đến tai nó,
mà tức thì lành, đoạn
thì cho cõên dữ ấy bắt
[o] mình, phán rằng: [o] giờ
nầy là giờ bay, và phép
[p] tối tam bộy: [p] cõên dữ
bắt đức Chúa Iesu đoạn,
thì đam đi cho thày cả,
[q] tên là Caipha; [q] là kẻ
giục cõên Iudæo giết
[r] đức Chúa Iesu. [r] bộy
Caipha thì hỏi đức Chúa
Iesu mlòi dẽạy dỗ, và
[s] sự đầy tớ làm sao? [s] Mà
đức Chúa Iesu rứt khi-
em nhưằng, và rứt thạt
[t] thưa rằng: [t] sao thày cả
có hỏi ta sự ấy? ta đã
nói tlaõ nhà thánh giảng
[u] chung, [u] thày cả thì phải
hỏi kẻ đã nghe ta giảng,
[x] mà chớ. [x] khi đức Chúa
Iesu có thưa đều khôn
[y] ngõan ấy, [y] có thằng
đầy tớ nào dứng đấy dữ tợn, cất tay lên, [z] | [z]
mà đánh mạt đức Chúa Iesu, [z] đã một cái, rằng: mày

facis

fici? [a] *at benignissimus Dominus, mansuetissimè tantam iniuriam ferens,* [b] *noluit tamen tacere, ne Pontifici videretur iniurius,* [c] *sed humillimè respondẽs: si malè inquit, locutus sum,* [d] *testimonium perhibe de malo: si autem benè cur me cædis?* [e] *cùm autem multi falsi testes conuenirent contra Dominum Iesum,* [f] *conuenientia tamen eorũ testimonia non erant:* [g] *tanta enim erat Domini vitæ puritas, & Innocentia, & ita omnibus nota,* [h] *vt nihil omninò possent aduersarij obijcere, quod vel vmbram peccati haberet.* [i] *Cùm ergo summo mane Dominum Iesum duxissent in concilium suũ;* [k] *Pontifex ille Caiphas nomine:* [l] *adiuro te, inquit, per Deum viuum, vt dicas nobis, si tu es Christus*

Ngày thứ bảy

thưa thầy cả làm vậy
[a] ru? [a] mà đức Chúa Iesu
rứt lành, có chịu thàng
[b] dể người tùng vậy: [b] sao
le chẳng chịu ở lạng,
kẻo người ta ngờ đức
[c] Chúa Iesu có dể thày
cả, [c] mà rứt khiem nhu-
ấng thưa ràng: ví bằng
ta đã nói đều chẳng nên,
[d] [d] mầy làm chứng sự lỗy:
mà ta đã nói phải mlẽ,
[e] sao mầy đánh ta? [e] khi
vậy cũ có nhều chứng
dối bỏ vạ cho đức Chúa
[f] Iesu, [f] sao le những
chứng vậy đã tỏ là dối
[g] blả, mà chẳng phải; [g] vì
chưng nết na đức Chúa
Iesu, những sự đức,
những sự lành, mà thi-
[h] en hạ cũ đã hay, [h] cho
nên ǒangia chẳng có bó
được đi gì, mà có hình
[i] lỗy một chút gì sốt. [i] Vì
vậy khi sáng ngầy sớm
có đam đức Chúa Iesu
nơi các thày họp lại:
[k] mà có quan đạo vậy, tên là Caiphas, nói cũ đức [k]
Chúa Iesu ràng: [l] tao lậy phép đức Chúa blời hàng [l]
sống vậy, mà khiến mầy nói ra cũ tao, mầy phải là

Fi-

Digitized by Google

Filius Dei benedicti? [m] *& Dominus dilucidè reſpondiſſet, ſe eſſe Chriſtũ Filiũ Dei viui,* [n] *quem in fine mundi viſuri erant, venientem in nubibus cæli, cum Maieſtate magna,* [o] *ſtatim impius Pontifex pÿſſimum Dominum blaſphemiæ accuſat,* [p] *quem vt verum ſuum Dominum venerari debuerat,* [q] *& dolorem fingens, ſcindit veſtimenta ſua,* [r] *& vitæ totius auctorem reum eſſe mortis impÿſſimè pronunciat,* [s] *eamdemque mortis, ſententiam reliqui eiuſdẽ farinæ homines confirmãt,* [t] *& communi conſenſu ad regni Præſidem Pontium Pilatum,* [u] *qui loco Imperatoris Romanorum adminiſtrabat Iudæorum regnũ,* [x] *ducunt Dominum innocentiſſimum tanquam mortis reum.* [y] *Pilatus, qui benè nouerat, in Domino*

con đức Chúa blời cả sáng mầy làm Chriſto chang? mà khi đức Chúa Ieſu thưa tỏ tường mình thật la Chriſto Con đức Chúa blời, hàng ſóũ ꝺ̃ệy, đến khi tận thế lại thấy đều tlên cái mây ố blời, mà có phép tác mlớn ꝺ̃ệy. Thỏát chóuc khi ễy quan đạo quỉ quái, thì cáo đức Chúa Ieſu rứt nhin, như kẻ phạm mlời chê đức Chúa blời; mlẽ thì nó phải kính đức Chúa Ieſu như thật Chúa mình, saõ le nó giả là ſàu não, mà xé áo mình ra, và nói ra đều rứt quỉ quái, mà khiến đức Chúa Ieſu, là cội rễ đàu mọi sự ſóũ, thì đáng chết; mlời dữ ễy các thày quỉ quái cữ theo như ꝺ̃ệy, và hỏà thỏận cữ nhau, mà đam đức Chúa Ieſu, là rứt lành, nộp cho Pontio Pilato, là quan cả trị nước ễy, thay vì ꝺua Chúa nước Roma, mà khiến đức Chúa Ieſu đáng chết. Saõ le Pilato, vì đã hay đức Chúa Ieſu chẳng

nihil

nihil eſſe culpæ, [z] *ſed ſolum ex inuidia illum traditum, variis modis curat liberare eum à morte iniuſtiſſima;* [a] *nam ideò ad Herodem cauſam remittit, vt ab illa ſe liberet:* [b] *deindè ad ſe ab Herode remiſſum,* [c] *proponit vt liberetur à turba, potius quam ſceleſtus quidam Barabbas,* [d] *quem data opera ſimul proponit liberandum,* [e] *vt nimirum reiecto ſceleſtiſſimo Barabba,* [f] *innocentiſſimum potius Ieſum eligant, & à morte liberent:* [g] *at malignis Pontificis ius ſuadentibus, inepta turba Iudæorum,* [h] *quæ innumera à Domino acceperat beneficia,* [i] *& paucis ante diebus Dominum, vt regem Iudæorum acclamarat,* [k] *nunc Barabbam homicidã ſceleſtiſſimũ præeligit,* [l] *& innocẽtiſſimum Dominum ad atrociſſimam Crucis ne-*

Ngày thứ bảy

có lỗy gì, mà những kẻ ghen ghét có nộp làm [z] ꝺệy, [z] thì kiếm đàng nọ, đàng kia, mà chửa đức Chúa Ieſu, cho khỏi ſự [a] chết tlái mlẽ rứt mực: [a] nhin vì ſự ẽy Pilato gưởi việc ẽy cho Herode, mà mình khỏi xét: [b] [b] ſau nữa khi Herode lại gưởi đức Chúa Ieſu [c] lại, [c] Pilato làm chước, cho dến Iudeo xin tha đức Chúa Ieſu, hơn thàng dữ tợn là Barab- [d] ba, [d] mà vì ſự ẽy đã có í ꝺí đức Chúa Ieſu cũ thàng dữ ẽy, khi chọn [e] tha ai: [e] cho dến Iudeo để thàng Barabba rứt [f] quỉ quái, [f] mà chọn đức Chúa Ieſu rứt lành, chửa [g] ꝺệy keỏ chết. [g] Saỏ le vì những thày dữ ẽy thì [h] dễỏ dến Iudeo dại, [h] đã chịu ơn đức Chúa Ieſu [i] kể chẳng xiết, [i] và mỏi ngày thưởc ꝺui mắng đã nhìn, và xưng đức Chúa Ieſu là ꝺua Chúa nưởc Iudeo, [k] mà bấy giờ thi chọn thàng Barabba rứt dữ [k] tợn, đã giết bỏ người, cho nó ſống, [l] mà đòi giết đức [l]

cem

rem deposcit. [m] *Barbaram aliam viam init Pilatus, vt Dominum à morte liberet;* [n] *flagellandum nempe Dominū militibus tradit crudelissimè,* [o] *vt vel sic placati impij Iudæi,* [p] *à morte Domini petenda desistant:* [q] *quod quidem Milites exequuntur crudelissimè:* [r] *cùm enim Iudæorum mos esset, vt in flagellando, quadraginta plagas non excederent, imò neque explerent:* [s] *tamen atrocissimas supra Dominum plagas ita multiplicarunt; vt quinquies mille superarent.* [t] *Illam flagellationem nisi Dominus Diuina virtute toleraſſet,* [u] *mortemque per miraculum impediſſet,* [x] *procul dubiò in flagellis illis atrocissimis vitam erat finiturus:* [y] *sed hæc omnia pati voluit,* [z] *propter innumerabilia peccata nostra.*

Chúa Iesu, đáo đanh tlên
[m] Crus. [m] Pilato thấy vậy,
lại kiếm chước khác dỗ
ráp, mà chữa đức Chúa
[n] Iesu, keó chết, [n] vì chưng
có tlao đức Chúa Iesu
cho cõên, mà khiến đánh
đòn cho nát hết mình
[o] người, [o] mà vậy cõên
Iudeo, dầu dữ, thấy
đức Chúa Iesu khõn làm
[p] vậy, [p] thì thuâng, mà
[q] dùng đòi giết nữa, [q] saõ
le cõên dữ tợn ấy có
đánh đức Chúa Iesu qua
[r] mực gia giết: [r] vì chưng
bủan thói nước Iudeo,
khi ai phải đánh đòn,
chẳng lọ là chẳng qua bốn
[s] mươi đợn, mà lại chẳng
đầy bốn mươi: [s] saõ le
khi đánh đức Chúa Iesu,
thì đánh đi đánh lại cho
nên qua nam nghìn đòn
[t] kực nạng: [t] ví bằng đức
Chúa Iesu chẳng dĩ sức
bề tlên mà chịu đòn ấy,
[u] [u] và chẳng làm phép lạ
cho khỏi chết, [x] thật là
khi chịu đòn ấy, kực nạng làm vậy, thì phải hết hơi,
mà chết. [y] saõ le đức Chúa Iesu thì khiến chịu bấy [y]
nhêu nạn ấy, [z] vì chưng tội chúng tôi nhêu, kẻ [z]

[a] *Neque hac feritate in Dominum Iesum, agnum innocentissimum, contenti fuere milites efferati;* [b] *sed aliud excogitauere diabolicum inuentum:* [c] *nam acutissimis, & prælongis spinis coronam supra mansuetissimi Domini Iesu caput intexuere,* [d] *ita vt in Diuino suo capite septuaginta duo vulnera ex illis spinis, tunc primum sit passus:* [e] *deinde chlamydem coccineam vaterem circundederunt Domino milites impij,* [f] *& arundinem dederunt in manum eius,* [g] *tum illudentes, flexo altero poplite, dicebant: Aue Rex Iudæorum,* [h] *& consputentes in eum, arundine percutiebant Diuinum caput, spinis illis acutissimis transfixum,* [i] *dolorem simul, & ignominiam incomparabilem ferente mitissimo Domino.* [k] *Pilatus ergo Dominum Iesum in misero illo statu videns,*

[a] chẳng xiết. [a] Mà lại cõên dữ ếy dầu đã làm những sự dữ tợn ếy, trên mình đức Chúa Iesu có chịu như con chien rứt lành, mà nó [b] chưa đủ: [b] lại kiếm chước khác, bởi mà quỉ [c] giục lão nó ếy; [c] vì nó lếy cái gai dài, và nhọn, mà đáo như triều thiên, trên đầu đức Chúa Iesu, [d] rứt nhin, [d] cho nên khi đầu hết ếy có chịu bảy mươi hai dếu trên đầu, thật là đầu đức Chúa [e] blời, mà chớ: [e] lại cõên dữ ếy lếy tấm áo đỏ cũ, mặc trên mình đức Chúa [f] Iesu, [f] cũ lếy cây nứa dể tay đức Chúa Iesu, [g] [g] mà cười nhạo, quì một đầu gối tàng: ta chào [h] đua Chúa đên Iudæo; [h] lại giỡ ra mặt, và lếy nứa ếy, mà đánh đầu thánh đức Chúa Iesu, những gai đã thâu đèào, [i] [i] cho nên đức Chúa Iesu rứt nhin, chịu và khốn, và xấu hổ rứt mực, ta liệu chẳng đuợc. [k] đến khi Pilato coi thấy đức Chúa [k]

[l] puta-

l *putauit ex eius aſpectu inimicos Domini ſore placandos:* m *eduxit itaque Dominum foras portantem ſpineam coronam,* n *& purpureum veſtimentum, dicens: Ecce homo.* o *hoc eſt, ecce ille, quem vos dicitis regnum veſtrum affectaſſe,* p *in tali figura, & adeò miſerabili poſitus eſt, vt ne hominis quidem figuram retineat.* q *Iudæi verò tantò magis in Dominũ increduleſcentes, & feris ipſis crudeliores,* r *vehementiùs expoſcunt, vt crucifigatur.*

s *Cumque Pilatus cerneret ſe nihil cum populo illo nequam proficere,* t *ſed magis tumultum fieri, lauit manus coram populo, dicens:* u *innocens ego ſum à ſanguine iuſti huius, vos videritis.* x *Iudæi autem clamabant, ſanguis eius ſuper nos, & ſuper filios*

l Iesu khốn nạn làm vậy, l thì ngờ các ǒan gia người, xem hình đã khực tùng ấy, thì thương mà ra lành: m vì vậy có đam đức Chúa Iesu ra ngǒài, có đội m triều thien gai, n và mặc tấm áo đỏ cũ, mà ràng: o nầy là người. o như thế ràng: ấy là người ấy, bay cáo đã ước làm vua Chúa nước bay, p mà bây giờ đã có hình khốn tùng ấy, cho nên q mất hình người. q Saõ le dên Iudeo càng ra láo dữ tợn hơn muâng dữ nữa, mà càng ghết r đức Chúa Iesu, r càng đòi đáõ đanh tlên cây hơn nữa, mà giết người. s s Saõ le Pilato thấy chước mình chẳng nên gì mà mở láõ dên quí t quái ấy, t lại càng hỡn hào, thì có rửa tay thước mạt dên, mà ràng; u tao chẳng biết sự gì việc đỡ máu người lành nầy, u bay sẽ hay. x mà dên Iudeo kêu ràng: máu nó tlên ta, x

noſtros: [y] *quin etiam vxor Pilati miſit ad eum, dicens:* [z] *nihil tibi & iuſto illi, multa enim paſſa ſum hodie per viſum propter illũ.* [a] *Quare Pilatus quærebat modum,* [b] *quo Dominum Ieſum à furore Iudæorum eriperet, atque à nece.* [c] *Hoc intelligentes Iudæi, vt Iudicem à rectitudine deflecterent,* [d] *Cæſaris illi obiiciunt iram; ſi hunc, inquiunt, dimittis non es amicus Cæſaris:* [e] *omnis enim qui ſe Regem facit, contradicit Cæſari.* [f] *Tantum ponderis hæc verba cum iniquo iudice habuerunt,* [g] *vt illum Iudæi in ſuam ſententiam traxerint,* [h] *& ſtatim Innocentiſſimũ Dominũ tradiderit voluntati eorum,* [i] *vt agnum manſuetiſſimum crudelium luporum rabiei.* [k] *Neque Dominus Ieſus vllum verbum in ſuam defenſionem proferre*

Ngày thứ bảy

y và tlến con cái ta, thì ta chịu. [y] Lại có bọ Pilato gưởi mlo̱i cho chảo̱ z ràng: [z] oũ chớ có lộn việc mình, bo̱ỗi việc người thánh ẽy, vì chưng tói đã phải thấy rày nhều sự, hiện ra vì người ẽy. a [a] Vì bẹy Pilato còn kiếm khi ẽy chước naò, b [b] mà chữa đức Chúa Ieſu, cho khỏi lảo dữ tơn dên Iudeo, mà kẻo c chết. [c] Khi dên Iudeo hay được sự ẽy, cho d quan bỏ đàng ngay, [d] thì đe bua Chúa Cæſar cỡ̃, mà ràng: ví bàng oũ tha người nầy, oũ bất nghĩa e cũ Cæſar: [e] vì chưng ai nẽy xưng mình là bua Chúa thì hủy bàng Cæ- f ſar. [f] Mlo̱i nầy thì nạng bấy nhêu tlaõ lảo quan g vạy, [g] cho nên quan h theo í dên Iudeo: [h] vì chưng tức thì có tlao đức Chúa Ieſu rứt lành, i mạc í lảo dên ẽy, [i] như thể tlao con chien rứt hiền, mạc í chó ſói dữ. [k] Mà đức Chúa Ieſu chẳng có k

voluit,

voluit, [l] *ne Passionem suã,* [l]
& mortem, quam iuxtà
Patris æterni voluntatem
patiebatur, vllo modo im-
pediret; [m] *quod silentium* [m]
quamuis miraretur Præses
vehementer, [n] *simul &* [n]
Domini Iesu innocentiam
haberet perspectam, [o] *imi-* [o]
quissimè nihilominus tra-
didit inimicis occidendũ.
[p] *Ergo illi purpuream chla-* [p]
mydem à Domino Iesu au-
ferentes, [q] *induunt illum* [q]
vestimentis suis, [r] *vt ni-* [r]
mirum benè notus omni-
bus incederet ad supplici-
um, [s] *Crucem postea gra-* [s]
uissimam Domini humeris,
ex recenti flagellatione
atrocissima laceratis, im-
ponunt, [t] *vt in Caluariæ* [t]
montem, in quo crucifigen-
dus erat, sic oneratus in-
tederet; [u] *cùm tamen vi-* [u]
derent Dominum Iesum
tanto Crucis oneri succum-
bere, [x] *timentes ne in ip-* [x]
sa via Dominus moreretur, antequam Cruci affi-

nói một đều gì chữa
[l] mình lốt, [l] kẻo trở mình
chịu chết, vì khi đức
Chúa Iesu chịu nạn, thì
theo ý đức Cha hằng sốũ
[m] chệy. [m] Mà sự đức Chúa
Iesu ở lạng thế ấy, dầu
quan thấy mà hãi lám,
[n] [n] và hay biết tó, đức
Chúa Iesu là ngươi hi-
ền lành, chẳng có lỗy
[o] sự gì, [o] saõ le quan ấy
có phạm sự vạy rứt mục,
mà tlao đức Chúa Iesu,
cho ŏan gia giết chệy.
[p] [p] Khí ấy nó thì cất lấy
tấm áo đỏ, ở tlên mình
[q] đức Chúa Iesu, [q] mà nó
khiến mạc áo mình quen,
[r] [r] cho thien hạ hay, ấy
là đức Chúa Iesu đi chịu
[s] tội. [s] Sau thì nó lấy cây
Crux nạng rạp, mà để
tlên chĕai đức Chúa Iesu,
khi mới chịu đánh đọn,
[t] đã nát hết, [t] mà vạc cay
nạng làm chệy, đi tlên
núi Caluaria, nó đã định
đáõ gác Crux đức Chúa
[u] Iesu tlên núi ấy: [u] saõ le
khi nó thấy đức Chúa
Iesu vác cây Crux nạng chảng nổi, [x] mà nó dái đức [x]

geretur,

Digitized by Google

geretur, [y] *prætereuntem quemdam Simonem Cyrenæum addiderunt,* [z] *qui Dominum in ferenda cruce adiuuaret.* [a] *Accidit in ea lugubri via, cùm Dominus Ieſus valdè anguſtiatus incederet,* [b] *totuſq; in ſudorem diffluxeret, admixtum ſanguine,* [c] *propter ſpineam coronam, quem in capite fixam gerebat,* [d] *vt deuota quædam mulier, Veronica nomine, linteo duplicato, compatiens Domino,* [e] *Diuinum eius vultum extergeret;* [f] *ſtatimque in eo linteo duplicata effigies anguſtiati vultus Domini per miraculum appareret, in vtraque ſcilicet parte,* [g] *quarum altera Romæ in maxima Eccleſia, altera Genuæ ad hanc vſque diem religioſiſſimè cuſtoditur,* [h] *& tum ex imaginis plus quàm humana viuacitate,* [i] *tum ex eo quod linteum nullo ſit colore infectum,*

Ngày thứ bảy

Chúa Ieſu chết dẽọc đàng, khi chưa có đáõ đánh tlên Crux, [y] vì ḳẽy có thêm một người qua đàng ếy, ten là Simon Cyrenæo, [z] mà giúp đứ̀c Chúa Ieſu vác Crux. [a] ếy ḳẽy mà khi đứ̀c Chúa Ieſu đi dẽọc đàng thường ếy, nhaọc lám, [b] mà đổ mồ hoi chảy rà̃õ rà̃õ, lộn ḳồi máu, [c] vì có triều thien gai đứ̀c Chúa Ieſu đội thâu aóc đầu, [d] thì có đền bà hiền lành, ten là Veronica, thường xót đứ̀c Chúa Ieſu, lấy khăn kép, [e] mà chui mat người, thạt là mạt đứ̀c Chúa blời: [f] thõát chóuc, bởi phép lạ, coi thấy tlaõ khăn ếy hình mạt đứ̀c Chúa Ieſu chịu khổn khó, có tlaõ hai lân khăn, mà khó nạt gia giết: [g] hai hình ếy còn giữ rày, mà kính lám, một thì ở tlaõ đền thành cả thành Roma hai là ở tlaõ thành Genua, mà thờ gia giét: [h] ḳẽy thì coi hai hình ếy, sáng tlên phép thọ naò vẽ, [i] lại tlaõ khan ếy chẳng

[k] *ſed*

Digitized by Google

k *sed quasi natiuo ipsius lintei colore Christi Domini effigiem referat,* l *Diuinum id esse miraculum, clarè perspicitur.*

Cùm igitur Dominus Iesus m *ad Caluariæ montem peruenisset,* n *extra Hierosolimæ portam, vestimentis omnibus exutus est:* o *in eo Caluariæ loco fertur olim sepultum Adæ primi hominum parentis caput,* p *ibique Dominus noster Iesus Christus Dei Filius, verus Deus & homo innocentissimus,* q *cùm expleſſet ætatis annos triginta tres,* r *die 25. Martij, sub meridiem,* s *manibus pedibusque clauis affixus, in Cruce pro nobis moriturus exaltatus est,* t *impletumque est illud Dauidis propheticum eloquium, iam ante mille annos prolatum:* u *foderunt manus meas & pedes meos, dinumeraue-*

k thấy thuốc nào biết, k sao thấy như sắc khăn, tự nhiên, mà có hình
l mặt đức Chúa Iesu, l thật là ra tỏ tường, có phép bề trên đức Chúa bày, làm việc ấy, mà chớ.
m m Ấy vậy mà khi đức Chúa Iesu đã đến trên
n núi Caluaria, n ở ngoài cửa thành Ierusalem, nó bóc hết áo đức Chúa
o Iesu: o có truyền rằng, đời xưa nơi Caluaria ấy có chôn đầu Adam,
p là tổ tiên người ta, p mà ở nơi đức Chúa Iesu Christo là Chúa chúng tôi, cũng là một Con đức
Chúa bày, thật là đức Chúa bày, cũng là người
q thế rất lành, q khi đã đầy ba mươi ba tuổi cũ
r ba tháng, r hai mươi làm tháng Martius, nữa ngày
s đó, s có chịu đóng đanh bốn chân tay trên cây Crux, mà bêu lên, chịu
t chết vì chúng tôi. t vậy thì ra sấm truyền của Dauid khi hơn nghìn năm trước đã nói, rằng: u nó thâu qua hay tay, và hai chân

u *runt*

runt omnia oſſa mea,
[x] *Dominus autem Ieſus*
tot iniurijs laceſſitus, [y] *non*
ſolum non indignabatur,
nec vindictam de inimicis
ſuis ſumebat, vt poterat:
[z] *ſed potius preces pro ijs*
ad Deum Patrem fundens
clamabat, dicens: [a] *Pater*
dimitte illis, non enim
ſciunt quid faciunt. [b] *Hãc*
Domini Crucifixionem Di-
uino ſpiritu præuidens Iſa-
ias cap. 53. ait, [c] *Non eſt*
ſpecies ei, neque decor: [d]
vidimus eum deſpectum,
& nouiſſimum virorum,
[e] *& ſcientem infirmita-*
tem: & quaſi abſconditus
vultus eius. [f] *Verè lango-*
res noſtros ipſe tulit, & do-
lores noſtros ipſe portauit:
[g] *& nos putauimus eum*
quaſi leproſum & percuſ-
ſum à Deo, & humiliatũ.
[h] *Ipſe autem vulneratus*
eſt propter iniquitates no-
ſtras, [i] *attritus eſt propter*

Ngày thứ bảy

tao, lai nó kẻ mọi xư-
ângtao. [x] Mà đức Chúa
Ieſu khi đã phải ŏan gia
thể ấy, [y] chẳng lọ là
chẳng có gẹn nó, cữ
chẳng có blá lại sự dữ,
cho ŏan gia mìng, khi
làm đươc nó; [z] mà lại
cầu đức Chúa blời, là
đức Cha mình, cho nó,
ràng: [a] lạy đức Cha,
Con xin đức Cha tha
nó, vì nó chang hay có
làm đí gì. [b] Có oũ Iſaya
đời xưa đã chịu sấm
truyền, bởi đức Chúa
Spirito Santo, mà thấy
đức Chúa Ieſu có chịu
đáõ đanh tlên cây Crux,
đŏan nạm mươi ba ràng:
[c] người chẳng còn có
hình, chẳng phải tốt lành
nữa: [d] mà ta coi thấy như
hình người hẽn, là rốt
hết người ta, [e] là người
hay đau đớn, mà mạt
người như che đẹy. [f]
thạt người đã chịu đau
náng vì ta, và khŏn khó
thay ta, cữ đã chịu lẽy: [g] mà ta ngờ là tặt phũ đức
Chúa blời đã phạt, và hạ xuống đẹy. [h] Saõ le người
chịu phải dẽấu vì tội lỗy chúng tôi, chịu nát hết mình

ſcele-

scelera nostra: [k] *disciplina pacis nostræ super eum,* [l] *& liuore eius sanati sumus.* [m] *Sicut ouis ad occisionem ducetur,* [n] *& quasi agnus coram tondente se obmutescet, & non aperiet os suum.* [o] *Et cum sceleratis reputatus est.* [p] *Et ipse peccata multorum tulit, & pro transgressoribus rogauit.* [q] *Vt igitur hæc prophetia impleretur, voluit Dominus inter duos latrones Crucifigi,* [r] *vnum ad dexteram, & alterum ad sinistram:* [f] *è quibus, is qui ad sinistram pendebat, blasphemabat eum, dicens:* [t] *si tu es Christus, saluum fac temetipsum, & nos.* [u] *Alter autem, qui erat ad dexteram, nomine Dismas, increpabat socium, dicens:* [x] *Neque tu times Deum, qui in eadem damnatione es?* [y] *& nos quidem iustè; nam digna factis recipi-*

[k] vì tội vạ chúng tôi: [k] lại người chịu rồi trên mình, cho ta được bằng [l] an, [l] cũ chịu đánh nỗi lằn cho ta đã, mà được [m] lành, [m] có đam đi giết người, như con chiên [n] bệy, [n] lại thước mạt ai cắt tóc mình, thì ở lặng, như con chiên con, mà chẳng có mở miệng ra; [o] [o] cũ lẽy người làm bạn [p] bối kẻ gian dữ, [p] lại vạc tội cho nhiều người, và cầu cho kẻ phạm [q] mlời răn. [q] bệy cho blọn sấm truyền ẽy, đức Chúa Iesu có chọn cõên dữ đáõ đanh mình giữa [r] hai đứa kẻ tlộm, [r] một ở bân tay mạt, một về [f] tay tlái, [f] mà đứa ở bêu bến tay tlái thì máng rủa đức Chúa Iesu, ráng: [t] [t] ví bằng người, là Christo, thì chữa mình, và [u] chữa tớ. [u] khi ẽy người khác, ở bêu bên tay mạt đức Chúa Iesu, tên là Dismas, thì máng bạn, ràng: [x] khi mầy đã phải chịu tội ci, sao cũ chẳng dái đức Chúa blời? [y] ta chịu

mus: [z] *hic verò nihil mali gessit.* [a] *Et conuersus ad Iesum, dicebat:* [b] *Domine memento mei, dum veneris in regnum tuum.* [c] *Cui Dominus benignissimè respondit:* [d] *hodie mecum eris in Paradiso.*

[e] *Scripsit autem titulum Pilatus Hebraicè, Græcè, & Latinè.* [f] *Erat autem scriptum: Iesus Nazarenus Rex Iudæorum.* [g] *Iudæi verò nolebant titulum eo modo conscribi, eò quod causam Dominicæ mortis contineret,* [h] *volebãt enim, vt exprimeretur, quia ipse dixit. Rex sum Iudæorum.* [i] *Sed quia titulus eo modo regente Diuina prouidentia factus erat;* [k] *ideò non permisit Deus, vt vlla mutatio in illo fieret, quamuis grauiter instantibus Iudæis,* [l] *Pilatus enim respondit eis: quod scripsi scripsi.*

Ngày thứ bảy

đã đáng, vì mình làm
[z] thì mình chịu; [z] ſaõ le
người nầy chẳng hề làm
[a] sự gì lỗy sốt. [a] Lại blớ
mạt cũ đức Chúa Iesu,
[b] mà cầu làm ḅềy. [b] Tòi
lại Chúa, khi đến nước
mình, Chúa dớ đến tòi
[c] cũ: [c] mà đức Chúa Iesu
thì thưa đều rứt nhin,
[d] phán ràng: [d] mầy rày đến
ớ cũ tao tlaõ nơi ḅui
ḅề.

[e] [e] Khi ềy quan Pilato đã
chép lịnh đức Chúa Iesu
chịu tội chữ ba nước
Hebreo, Greco, Latino.
[f] [f] mà chép làm ḅềy: Iesu
Nazareno la ḅua Chúa
[g] Iudeo. [g] Iudeo thì chẳng
yêu chép lịnh thề ềy, vì
tlaõ ềy có mlề, ì ſao
đức Chúa Iesu có chịu
[h] chết: [h] vì ḅềy nó muốn
tlaõ lịnh chép ràng: vì
đức Chúa Iesu xưng
mình là ḅua Chúa Iudeo.
[i] [i] Saõ le vì lịnh ềy ra
làm ḅềy, bởi đức Chúa blời sửa thề ềy, mà chớ,
[k] [k] chẳng cho đổi một chữ gì sốt, dẫu đến Iudeo, có
[l] [l] đòi sự ềy lắm: vi ḅềy Pilato có thưa nó ràng: tao có
chếp thề nào, thi phải để chép thề ềy, mà chớ.

Digitized by Google

m *Milites verò, qui Dominum Iesum Crucifixerant,* m mMà cõên đáõ đanh đức
diuiserunt sibi vestimenta Chúa Iesu tlên Crux đõ-
eius, n *& tunicam sumentes, quia inconsutilis erat,* ạn, thì chìa áo nguòi
dixerunt: o *Non scindamus eam, sed sortiamur* n cữ nhau: n ſaõ le áo tlaõ,
de illa cuius sit. p *Impletumque est illud propheticum Dauidis:* q *Diuiserunt* vì chẳng có may gì, thì
sibi vestimenta mea, & super vestem meam miserunt sortem. r *Hæc verò* o lẽy mà ràng: o áo tlaõ nầy
inconsutilis tunica ad hanc ta chớ xe ra làm chi, ta
vsque diem seruatur Treueris. s *Cuius ciuitatis tra-* bỏ thăm xem ai đươc
ditio est, inconsutilem tunicam, t *Christo Domino* p chớ: p mà ꝺẽy sấm tru-
infanti à Virgine Matre yền oũ Dauid ra thạt, khi
confectam, u *semperque* q ràng: q nó thì chia cữ
ab eodem gestatam, paulatim cum ipso creuisse. nhau áo ta, mà tlên cái
x *A sexta autem hora tenebræ factæ sunt super* áo ta mạc tlaõ, thì nó bỏ
vniuersam terram, vsque r thăm. r Saõ le áo tlaõ
ad horam nonam. y *Cuius* ẽy ở thành Treueris còn
miraculi magnitudo vt intelligatur, sciendum est, s giữ đến rày, s mà có
z *solem nunquã pati eclypsim, nisi luna inter ipsum,* truyền đẽy ràng: áo ẽy
t chẳng có may gì, t rứt
thành đức Mẹ đã làm
u ra cho đức Chúa Iesu,
u hãy còn tle: u mà đức
Chúa Iesu mạc áo ẽy li-
x en, khi đến mlóm một
khi một chứt, mà áo cữ
ra dài lien như ꝺẽy.
y x y ꝺẽy từ chính giờ ngọ
cho đến đâu hết giờ
thân, thì mạt blòi ra tối,
z mà cả và thien hạ phải
y tối tam mù mịt: y cho ta
biết phép lạ nầy là bao

mlóm, thì phải hay, z mạt blòi có phải nhệt thực, z

& terram interponatur.
[a] *Hæc enim lunæ interpositione, solis radij impediuntur, ne ad nos pertingant.* [b] *Quo fit, vt solis eclypsis non contingat, nisi in nouilunio:* [c] *in plenilunio autem, cum terra sit inter solem, & lunam, è diametro inter se oppositæ;* [d] *tunc luna solis radios, ne ad terram perueniant, impedire nequit.* [e] *Cùm verò Christus Dominus Crucifixus sit in solemnitate Paschali,* [f] *quæ non celebrabatur nisi in plenilunio;* [g] *Diuino tantum miraculo res accidit,* [h] *factumque est vt luna, quæ meridiano soli tunc temporis oppositæ sub terra latebat,* [i] *repentè recurrens, & vsque ad meridianum solem ascendens, sub illo immediatè sisteretur,* [k] *eumque non aliquibus tantum terris, vt solet,* [l] *sed vniuerso mundo eclypsaret,*

Ngày thứ bảy

một khi mạt blời ở một bên, đết thì ở bên khác, mà mạt blang phải ở giữa: [a] vì chưng khi mạt blang ở giữa làm chệy, thì trở ánh mạt blời, kẻo đến ta. [b] Vì sự ệy nhệt thực có đến ngầy ba mươi, hay là mòu một mà thôi; [c] ſaố le ngầy ràm khi mạt blời ở một bên, mạt blang bên khác xa nhau mà đết ở giữa, [d] khi ệy mạt blang trở ánh mạt blời, kẻo ſoi đết, [e] thì chẳng đượ̣c. [f] Mà khi đức Chúa Ieſu chịu đáố đanh tlên cây Crux, đang làm lễ cả Paſcoa, [f] mà có làm lễ ệy ngày [g] ràm mà thôi: [g] bởi có phép đức Chúa blời [h] mới có nhệt thực ệy, [h] vì chưng khi ệy mạt blang ở ẩn mình như dưới đết, khi mạt blời [i] ở tlên, đang nửa ngày, [i] mà thỏắt chóuc mạt blang thì lên, cho đến dưới mạt blời ngay, mà che mạt blời, [k] chẳng lọ là che một hai nước, như thường làm, [l] mà lại che cả và thien hạ, cho nên

Digitized by Google

ſaret, ita vt denſiſſimæ vbique eſſent tenebræ, quod nunquam aliàs contigit, [m] *& tres integras horas,* [m] *quandiù Saluator in Cruce viuus patiens permanſit, eclypſis duraret,* [n] *quaſi vel ipſa quamuis inanima, cæli lumina,* [o] *tantum ludæorum ſcelus, tantam Filij Dei, omniumque Conditoris ignominiam videri erubeſcerent,* [p] *hoc ab orbe condito inauditum miraculum, cùm Dionyſius gentilis philoſophus, & inſignis mathematicus, Hieropoli in Aegypto vidiſſet, rei nouitate commotus exclamauit:* [q] *Aut Deus naturæ patitur, aut mundi machina diſſoluetur.* [r] *Cùm verò deinde labentibus annis, Athenis Paulum Apoſtolũ audiſſet diſſerentem de Chriſtiana lege,* [s] *deque Chriſti Domini Paſſione & miraculis, quæ in illa acciderant,* [t] *& præcipuè de*

no mọi nơi phải tối tam mù mịt, chưa hề thấy [m] lần nào làm vậy: [m] mà lại nhật thực ấy một giờ rưỡi làm tối mặt blời, đang khi đức Chúa Iesu còn sống chịu tội trên cây [n] Crux, [n] như thể đèn [o] blời, dầu chẳng sống, [o] thì hổ người, mà chẳng cho ai thấy Con đức Chúa blời, làm nên mọi sự, có chịu xấu hổ từng [p] ấy. [p] Vũ Dionysio là cõ-ên tử, hay tư thiên lám, khi ấy ở thành Hieropoli tlaõ nước Aegypto, mà thấy sự là, từ đức Chúa blời hỏá nên blời đất chưa tầng thấy làm vậy, thì kẻo cả tiếng [q] ràng: [q] hai là Chúa cả sinh mọi lỗài, bây giờ có chịu khó, hay là thế giái nầy [r] tận ra. [r] Mà đến sau, qua mấy năm, khi vũ ấy nghe thấy nói thánh Paulo, là đầy tớ cả đức Chúa Iesu, ở thành Athena, giảng đạo thánh đức

Chúa blời, [s] mà kể sự đức Chúa Iesu chịu tội, [s] cũ nhén lạ có đến khi ấy, [t] nhứt là kể sự nhật thực [t]

inaudi-

inaudita illa ſolis eclypſi, [u] *atque in eamdem diem, & horam, quam ipſe Hierapoli notarat, incidiſſe comperiſſet,* [x] *Chriſtianam veritatem amplectens ab eodem Apoſtolo fidem Chriſtianam ſuſcepit.*

[y] *Hora autem nona Dominus Ieſus clamans voce magna,* [z] *Pater in manus tuas commendo Spiritum meum.* [a] *Et inclinato capite tradidit ſpiritum:* [b] *moxq, vt hominibus ratione præditis in vniuerſorum Dominum impiè ſævientibus,* [c] *inanimes ſaltem creaturæ mœroris, & luctus ſigna in illius morte exhiberent,* [d] *ecce velũ templi ſciſſum eſt in duas partes, à ſummo vſque deorſum.* [e] *Terra mota eſt. ita vt varijs in Regnis Vrbes non paucæ dehiſcente terra abſorptæ dicantur.* [f] *Petræ ſciſſæ ſunt: ita vt non ſolum in caluariæ loco,* [g] *ſed in alijs etiam mul-*

Ngày thứ bảy

[u] lạ ấy [b] oũ Dionyſio thấy có đến cũ một ngày, và một giờ, khi mình ở thành Hieropoli, mà xem [x] đươc như vậy, [x] thì tin và theo đạo thạt, mà oũ thánh Paulo có rlao đạo thánh cho oũ ấy.

[y] [y] Hết giờ mùi ſang giờ thân đức Chúa Ieſu kêu [z] cả tiếng ràng: [z] lạy đức Cha, Con phủ linh hồn Con, ở tay đức Cha: [a] [a] ſau thì gục đầu xuống, cho linh hồn mình ra khỏi [b] xác: [b] mà khi người ta, có chúa í mình, ở dữ tợn cũ đức Chúa cả, trên hết [c] mọi ſự, [c] ít là những lõài chẳng có hồn, làm hình lọ buồn kháoc laóc, khi [d] người chịu chết, [d] vậy cái màn chẽ đền thánh khi ấy xé ra, từ trên cho [e] đến dưới, [e] mà đất thì phải đọũ, cho nên có tin nước nọ nước kia ràng, có nhều thành hạ xuống [f] tlaõ đất, mà biến đi: [f] cũ có hòn đá nhều vỡ ra làm hai, chẳng lọ là ở núy Caluaria; [g] mà lạy ở đều nơi khác, nhứt là ở [g]

tis,

sis, & præcipuè in Etruria Italiæ Prouincia, Aluerniæ mons, [h] *& in Campania Caietæ promontorium, à summo ad imum ingenti hyatu discissum fuisse dicatur, vt ad hanc vsque diem cerni fertur:* [i] *& monumenta aperta sunt, & multa corpora sanctorum surrexerunt.*

[k] *Stabat autem iuxtà Crucem Domini Iesu, hæc omnia spectans, afflictissima parens Virgo Maria,* [l] *atque incredibili animi dolore de vnici ac dilectissimi Filij morte saucia,* [m] *ita vt penè exanimis ipsa remaneret.* [n] *Interim venerunt feri milites, & duorum quidem latronum fregerunt crura:* [o] *ad Iesum autem cum venissent, vt viderunt eum iam mortuum, non fregerunt eius crura,* [p] *(vt impleretur Scriptura, quæ dicit; os non comminuetis ex eo,)* [q] *sed vnus militum lancea*

nước Italia tlaõ xứ Etruria, có núi Aluernìa, [h] và tlaõ xứ Campania có núi non gần thành Cayeta, có truyen ràng, khi ẽy lở ra từ đầu núi cho đến chên, mà làm lỗ mlớn, như ràng coi thấy [i] đến nay: [i] lại khi ẽy cử có cái mả mở ra, mà thân xác nhều người thánh có sóũ lại.

[k] đức Chúa Bà Maria là đức Mẹ đòũ thân khi ẽy thì sầu não rứt mực, mà đứng áp cây Crux đức [l] Chúa Iesu chịu tội, [l] có lo buồn thế nào, khi thấy một Con mình rứt kính yêu, mà chết làm ẽy, ta [m] suy chẳng đến, [m] cho nên người cử đã hầu sinh thì. [n] Bấy giờ cõén dữ [o] có đến, mà chạt blái chên hai đứa kẻ tlộm, [o] saõ đến cử đức Chúa Iesu, khi thấy đã qua đòi, chẳng có chạt blái chên [p] người [p] (ẽy thì mlòi tlaõ kinh đức Chúa blòi ra thạt khi ràng: chớ có đánh gãy xương xác người,) [q] saõ le có một cõén! [q]

latus

latus eius aperuit: [r] *& continuò exiuit sanguis & aqua, quæ etiam peruenerunt ad oculos militis percutientis:* [f] *& vt scribit Nazianzenus, is cùm antea lippis esset oculis, & ferè cæcus,* [t] *statim visum recuperauit, & corporis, & animæ,* [u] *statim enim Dominum cognoscens, quẽ tam impiè lancea percussserat, doluit valdè,* [x] *veniamque petens illam ita obtinuit, vt posteà Sanctus etiam euaserit.* [y] *Centurio autem custodiẽs audito clamore valido expirantis Domini, dixit:* [z] *Verè hic homo erat Filius Dei;* [a] *& omnis turba eorum, qui aderant, viso terræmotu, & ijs quæ fiebant,* [b] *pœnitentia moti percutientes pectora sua reuertebantur.* [c] *Expedit hoc loco exponere præclaram aliquam Christi Domini, è cruce*

Ngày thứ bảy

tlaõ nó, cầm lưỡi đòũ, mà đâm đức Chúa Iesu, [r] mở bên sườn cụt: [r] thỏát chóuc thì máu và nước chảy ra, mà đến [f] con mát coên đâm: [f] oũ thánh Nazianzeno chép ràng: cõên ẽy tlươc nũ con mát lám, đã hầu tối, [t] [t] mà tức thì dược sáng [u] và xác, và linh hồn: [u] vì chưng một chóuc có dìn đức Chúa Iesu, mà lo láng gia giết, vì mình cầm lưỡi đòũ đã đâm [x] dữ làm ẽy: [x] có cầu đức Chúa Iesu tha, mà dược tha, cho nên, đến [y] sau đã dược nên thánh. [y] Cả có oũ cai một tlam cõên, khi nghe thấy đức Chúa Iesu, đang tlút [z] linh hồn ra, mà kêo cả tiếng, thì xưng ràng: [z] thạt người nầy là Con đức Chúa blời mà chố. [a] [a] Lại đàn người ta hết có ẽy thấy đọũ đất và [b] sự khác lạ, [b] thì ăn năn lại, mà đánh ngực về.

[c] đến nơi nầy thì phải lẽy ảnh nào khéo đức Chúa Iesu đãõ đanh tlên cây Crux, mà đam ra cho người [c]

penden-

pendentis effigiem, [d] *cum candelis & odoribus, si fieri poteſt,* [e] *& tunc ad præſentes loqui in hunc, aut ſimilem modum.*

[f] *Tu verò quiſquis corde ades, attolle mentis oculos,* [g] *& Ieſum Chriſtum Cruci affixum, & exanimẽ quaſi præſentem contemplare.* [h] *Hic eſt ille, quem Deus, obſeratas à primis parentibus olim paradiſi fores, reſeraturum promiſerat.* [i] *Hic ille, quem idem Deus antiquis Patriarchis, & Prophetis, humani generis Redemptorem venturum reuelarat:* [l] *hic ille, qui cum eſſet natura Deus impaſſibilis, ſic paſſibilis pro nobis homo fieri voluit,* [m] *qui cùm æternæ ſalutis viam oſtendiſſet,* [n] *maximiſque miraculis cæleſtem, quam prædicabat, doctrinam cõfirmaſſet;* [o] *proprij ſanguinis effuſione Patri pro noſtris ſatisfaciens delictis,*

[d] ta xem, [d] có đẽọn cái nến, và cái hương, thì [e] mới tốt, [e] mà khuyen người ta có đẽy làm đẽy, hay là thế như ẽy.

[f] [f] Ai nẽy có í đây, hãy ngửa con mát linh hồn [g] lên, [g] mà ngẫm đức Chúa Ieſu, như bàng còn tlước mạt ta, đáõ đánh tlên cây Crúx mà chịu tội [h] chịu chết làm đẽy. [h] Nầy là người, đức Chúa blời đã phán nói húa đời tlước, sẽ mở ra cửa thien đàng, tỏ tũ ta [i] khỏỏ xưa đã đáõ lại. [i] Nầy là người, đức Chúa blời đã truyền cho thánh đời xưa có chịu sấm truyền, ngày sau đến kớ u [l] lõài người ta. [l] Nầy là người, thạt là đức Chúa blời, tự nhyen chẳng chịu [m] đượ c đí gì, vì chúng tôi đã chọn làm Con người, [m] mà chịu nan làm đẽy, khi đã mở đàng cho ta [n] đượ c đui đẽ vo cũ, [n] lại là n phép rứt m'ón, cho người ta tin thạt mlời mình giảng: [o] sau thì đỏ | [o] mậu mình ra, mà đền tội chúng tôi cử đức Cha,

p *ignominiosissima mortis tolerantia, ad æternam vitam nobis aditum reserauit.* q *Hic vnicus hominũ* q *Redemptor & Saluator,* r r *sine cuius ope, veram consequi salutem animæ nemo potest,* s *ideò hunc ab* s *omnibus agnosci cupimus,* t *& gentibus omnibus,* t *quantum vires ferunt, prædicamus.* u *Tu ergo si mente polles, & ea quæ huc* u *vsque diximus, non surdis auribus audisti;* x *agnosce* x *immensam Redemptoris tui benignitatem,* y *qui cùm* y *nullis hominum bonis indigeret,* z *pro nostra tamen* z *salute tantopere laborauit,* a *qui cùm cæli terræque* a *verus Dominus sit,* b *vt nos* b *ingratissimos seruos redimeret, tot dolores, tot cruciatus, tot ignominias, tam atrox supplicium subire voluit.* c *Intuere cæli Dominum Redemptorem tuũ,* c *pro te in patibulo pendentem,*

p p chịu chết rứt xấu hổ, mà, mở cửa cho ta đươc hàng sóũ bệy: q ẽy là một Chúa chuộc kẻu r lỗài người ta, r mà bỏi bàng chẳng có giúp sức cho ta, chẳng có ai chịu đươc rồi thạt linh hồn: s s vì bệy chúng tôi ước t cho thien hạ din lẽy, t mà vì sự ẽy chúng tôi giảng ra hết sức, cho các u nước hay. u ẽy bệy mà nếu bạu hay suy mlẽ, nếu có nghe mlời giảng, từ tlước đến nay, mà chẳng x tai điếc; x thì nhìn lẽy nhin lành vô cũ đức y Chúa lesu, kẻu bạu, y dầu người chẳng có dữ z gì lỗài người ta, z saố le đã chịu khốn khó chừng ẽy, cho ta đươc rồi: a dầu làm thạt Chúa b blời đẽt, b có chịu đau, chịu hình, chịu xấu hổ chừng ẽy, mà lại chịu đáõ đanh khốn nạn lạm bệy cho ta, là tôi tá phàm hẽn, vô phét, chẳng hay ơn, mà chuộc chúng tôi. c Hãy xem đức Chúa blời chuộc tội cho bạu, mà bẽo tlến cây Crux,

tem,

tem, & membris omnibus lacerum: [d] *cerne manus innoxias miraculorum operatrices largo manantes sanguine:* [e] *vide Sanctissimos pedes, te ad æternam salutem quærendo defessos, diris confixos clauis:* [f] *attende Diuinum latus crudeli perfossum lancea:* [g] *spectata totius elegantiæ vultum, sanguine sputisque opertum;* [h] *& serenissimã quondam frontem spineo serto cruentatam.* [i] *Considera nobilissimum Principem in ipso iuuentutis flore, ceruice deflexa,* [l] *ignominiosissimam pro te resolutum in mortem.* [m] *Et quando vicem tantis beneficijs rependere non vales,* [n] *agnosce saltem immensam illius erga te charitatem,* [o] *fusisque ex intimo cordis sensu lacrymis,* [p] *tuæ erga illum compassionis, & grati animi signum exhibe.* [q] *En ipsi, qui Redemptorem tuum*

[d] cả và mình nát: [d] hãy coi tay thánh, chẳng hay làm sự gì lỗy, mà hay làm phép nhiều, bấy giờ [e] chảy máu ràõ ràõ: [e] hãy xem chên rứt thánh, khi tìm bạu, cho đươc rõi vô cữ, thì nhaoc, mà bấy giờ chịu đáõ đanh khốn [f] lám. [f] Hãy coi sườn [g] đức Chúa blời, có lươõi đòũ dữ đâm đẽào: [g] hãy ngắm mạt xưa gồm mọi sự tốt lành, mà bấy giờ [h] máu, cữ đàm giờ thi che hết: [h] và tlán xưa rứt đui, những gai thâu đẽào, cho nên chảy máu ra. [i] [i] Hãy suy, hãy xét Chúa rứt sang, rứt trạõ, khi đang thì nên ngươời, côi [l] có xưống đâu, [l] mà chịu chết rứt xấu hổ vì bạu. [m] [m] Khi bạu chẳng hay blả [n] on cả làm đẹy cho nên, [n] ít là nhìn lẽy làõ đức [o] Chúa Iesu yêu bạu chẳng cữ, [o] mà khi bạu chảy [p] nươớc mắt, bởi làõ lo lám, [p] thì làm dẽấu có làõ thưâng, và hay on đẹy. [q] Ẽy là kẻ tlươớc đã hủy bàng đức Chúa Iesu, [q]

fuerant persecuti; [r] *in illius morte tristantur, & pectora percutiunt;* [f] *surgunt ad compatiendum morienti Iesu mortui,* [c] *& res ipsæ inanimes in Domini obitu inusitatas doloris significationes edunt:* [u] *& tu qui ratione polles, pro quo Saluator pendet in ligno,* [x] *tam durus eris ac ferreus, vt non soluaris totus in lacrymas?* [y] *non liquefias in gemitus? non totus in tantæ charitatis amorem, & gratitudinem accendaris?* [z] *Sic igitur alloqueris pïssimum Dominum,* [a] *Saluatorem amantissimũ in Cruce pro te pendentem.* [b] *Aue Rex meus, & Saluator meus pïssime,* [c] *tu tu solus meos es miseratus errores,* [d] *æterno Patri obediens, vsque ad mortem, mortem autem Crucis;* [e] *gratias tibi ago, quas possum licet exiles,* [f] *pro tot*

[r] chụ ốc tội bạu, [r] khi đã thấy chết, thì lo láng mà [f] đánh ngực. [f] Lại kể đã chết thì lóũ lại, mà thưâng xót đức Chúa Iesu [c] chịu chết, [c] và lõài chẳng có hồn cữ làm nhều dễấu lậ, như bàng thưâng xót đức Chúa Iesu chịu chết [u] làm ḅệy. [u] mà bạu là kể biết mlẽ, mà đức Chúa Iesu kớ-u bạu, ở bêu tlên [x] cây. [x] Sao bạu kứnh lão bàng sắt ḅệy, mà chẳng chảy nước mạt rào rào, [y] [y] sao chẳng khảoc láoc, mà thưâng xót, kính mến, cám ơn đức Chúa Iesu hết lão hết sức ḅệy? [z] [z] nhin vì sự ếy bạu thì phải lếy mlòi làm ḅệy, mà cầu cữ đức Chúa [a] Iesu rứt nhin, [a] rứt yêu và kớ-u thế, ở bêu tlên Crux vì bạu.

[b] [b] Tôi lại đức Chúa Iesu, là ḅua Chúa tôi, nhin [c] lành mà kớ-u tôi, [c] có một đức Chúa Iesu, lão thưâng tôi, [d] mà chịu lụy đức Cha, hàng có ḅệy, cho đến chịu chết, mà chết tlên cây Crux: [e] tôi cám ơn đức Chúa Iesu hết lão, dầu hèn, [f] vì đức Chúa Iesu

exantla-

exantlatis laboribus, ac doloribus pro salute mea, g *doleo ex toto corde, quod hactenus infinitam Maiestatem tuam, tam impiè ingratus offenderim,* h *doleo quod hactenus tibi, vt debebã, non seruierim,* i *& quod potius inimicis tuis obtẽperauerim intimè doleo,* k *Vtinam te nunquã offendissem Domine mi amãtissime;* l *vtinam semper mandatis tuis obtemperassem Pater suauissime.* m *sed quia quæ iam sunt præterita in mea potestate non sunt;* n *firmiter statuo in posterum tibi ex toto corde seruire,* o *mandatisque tuis ex totis viribus obedire, vsque ad vitæ huius exitum.* p *Abrenuntio itaque idolis vanissimis,* q *& sectis omnibus diabolicis, quibus hactenus stultè adhæsi,* r *& te verum Deum meum, pro me in Cruce*

đã chịu bấy nhêu sự khổn khó, cho tôi đươc
g lành: g tôi lo buồn hết lão, vì tôi phàm hèn, chẳng hay nghĩa, từ trước đến nay, đã phạm tội lỗy cũ đức Chúa
h blời, trạo vô cũ: h tôi ăn năm sầu não, vì tôi xưa nay chẳng có dưng phép đức Chúa blời
i như phải mlẽ, i mà lại tôi đã nghe những ỏan gia đức Chúa blời, tôi càng lo buồn tlaõ lão tôi:
k k chớ gì tôi chẳng có khi nào lỗi nghĩa cũ Chúa tôi, là rứt nhin:
l l chớ gì tôi có giữ lien mlời răn đức Chúa Iesu,
m là Cha tôi rứt lành: m sao le vì sự đã qua chẳng còn có ở mạc lão tôi:
n o tôi dọc một lão, từ nẩy về sau, phục đức
o Chúa Iesu hết lão, o và dưng mlời đức Chúa Iesu răn, cho đến
p khi hết hơi. p vì bẹy

tôi bỏ hết bụt đi, là những khoư dối, q và mọi đạo quỉ, tôi dại xưa nay đã theo: r mà tôi lại đức Chúa Iesu, thật là đức Chúa blời, cữ là Chúa tôi,

passum,

passum, & mortuum adoro, [f] *& benedico in sæcula sæculorum, Amen.*

[t] *Cùm Christus Dominus in Cruce mortuus est,* [u] *nõ quidem vt Deus, sed vt homo,* [x] *eius anima Sanctissima est à corpore ita separata,* [y] *vt tamen tam anima, quàm corpus, semper fuerint vnita Diuinæ Personæ filij,* [z] *quod enim Filius Dei semel assumpsit, nunquam dimisit.* [a] *Sed sicuti si quis è vagina gladium educat, dextera gladium tenet, sinistra vaginam:* [b] *sic Diuina Christi persona,* [c] *Sanctissimam suam animam educens è corpore,* [d] *cùm Sanctissimam animam, tùm corpus Sacratissimum, sibi semper hypostaticè vnita retinuit, nec vnquam dimisit:* [e] *sed cùm Sanctissimum eius corpus adhùc in Cruce pendet mortuum,* [f] *Anima Beatissima in in-*

Ngày thứ bảy

đã chịu tội, chịu chết
f tlên cây Crux vì tôi, [f]
tôi ước đức Chúa Iesu
cả sáng đời đời đệy.
t [t] Khi đức Chúa Iesu tlên
cây Crux đã chịu chết,
u [u] chẳng phải tính đức
Chúa blời chịu chết, thật
là tính người mà chớ,
x [x] vì rứt thánh linh hồn
y ra khỏi xác; [y] saõ le và
z linh hồn, và xác chảnh
có lìa ngôi thứ hai, là
a đức Con đức Chúa
b blời: [z] vì chưng đức
Con đức Chúa blời, có
lệy gì một lần, chẳng
a có bỏ nữa. [a] Như thể
có ai rứt gươm ra, tay
mạt cầm gươm, tay tlái
b cầm bỏ gươm: [b] ngôi
thứ hai đức Chúa blời,
là ngôi đức Chúa Iesu cũ
c như đệy: [c] vì chưng
khi đam rứt thánh linh
hồn mình ra khỏi xác:
d [d] và cầm rứt thánh linh
hồn, và rứt thánh xác,
còn dính lệy làm một
đối ngôi thứ hai lien,
mà chẳng có khi naò bỏ. [c] Saõ khi rứt thánh xác đức | c
Chúa Iesu còn ở bêu tlên cây Crux chết đệy, [f] linh | f

fernum

Digitized by Google

fernum descendit; [g] *at quatuor sunt Inferorum loca.* [h] *Profundissimus omnium est diaboli, & eius angelorum locus,* [i] *ibi est ignis æternus, in quo plectuntur, tam dæmones, quam damnatorum animæ, cruciatibus æternis,* [l] *nam vermis eorum non moritur,* [m] *nec ignis extinguitur in æternum.* [n] *Supra illum locum sunt purgatoriæ flammæ,* [o] *in quibus purgantur animæ iustorum,* [p] *qui nondum plenè pro peccatis remissis satisfecerunt, in hac vita.* [q] *Tertius est infantium carcer,* [r] *qui scilicet ex hac vita, cum peccato originali migrarunt, & in tenebris detinentur,* [s] *non tamen cruciantur igne, aut alijs tormentis,* [t] *quia nullum habent peccatum actuale, quod nimirum ipsi cõmiserint,* [u] *sed solum originale peccatum, quod ab Adamo traxerunt.* [x] *Quartus denique locus est Sanctorum Patrum Limbus,*

[g] hồn rứt đui để người
[g] thì xuống địa ngục. [g] Mà
tlaõ địa ngục thì có bốn
[h] chỗn. [h] Nơi rứt sâu, là
ngục ma quỉ, và các thiên
[i] thần bạn nó, [i] đều có
lửa đời đời, phạt và các
quỉ, và các linh hồn dữ,
chịu hình lửa đời đời
[l] đều, [l] vì cái sâu, cán
ruột chúng nó, chẳng
[m] hay chết, [m] và lửa đốt
lien, chẳng hay tắt đời
[n] đời. [n] Tlên nơi ấy thì
[o] có lửa giầy tội, [o] tlaõ
ấy có giầy linh hồn ngu-
[p] ời lành, [p] khi chưa có
blả cho hết nợ tội mình,
khi còn sóũ ở thế nầy,
dầu đã chịu tha vạ vô cữ.
[q] [q] Nơi thứ ba là ngục
[r] con tlẻ nhỏ, [r] đã qua
đời, khi hãy còn có tội
[s] tổ tũ ta truyền cho, mà
ở chỗn tối tam đều, [s] chẳ-
le chẳng có phải chịu
lửa hay là hình khác;
[t] [t] vì chẳng có tội gì mình
[u] làm, [u] chẳ có một tội oũ
[x] Adam truyền cho. [x] Nơi
thứ bốn tlên hết, là chỗn

[y] & hic erat etiam carcer, [y] in quo scilicet iustorum omnium animæ detinebãtur, [z] ab orbe condito, [z] vsque ad pretiosissimam Christi Domini mortem, [a] quamuis à peccatis immunes, in eo tamen loco subterraneo erant, tanquã in custodia, [b] donec Saluator noster Christus Dominus, [c] per mortem suam pretiosissimam, & Diuinum sanguinem, [d] pro peccatis omnibus plenè satisfeciſſet. [e] Igitur Sanctissima Christi Anima, [f] statim atque fuit à corpore separata, in hunc quartum, ideſt supremum inferni locum descendit, [g] eòque Sanctorum Angelorum copijs stipata se contulit, [h] & quia Sanctissima illa anima, [i] Diuinitati, vt diximus, vnita erat, [k] limbi locum ingrediens, non solum illum cæleſti luce, incredibilique gaudio compleuit, [l] sed etiã

Ngày thứ bảy

các thánh đời xưa ở, [y] gọi là limbo, [y] đầy cũ là tù rạc, vì chưng tlaõ ấy có cầm các linh hồn [z] người thánh, [z] từ đầu hết thế, cho đến đức [a] Chúa Ieſu chịu chết: [a] dù mà đã ſạch hết tội, ſaõ le còn cầm tlaõ ấy dưới đất, như tlaõ tù [b] [b] cho đến khi đức Chúa Ieſu, là Chúa kẻu chúng, [c] tôi, [c] có chịu chết, mà đổ máu thánh mình ra, [d] [d] vậy có chuộc chung mà blả mọi tội cho hết. [e] [e] ấy vậy mà rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu, [f] [f] đến khi ra khỏi xác, thỏát chóuc có xuống địa ngục thứ bốn nầy, [g] là ngục tlên hết, [g] mà có nhều chiếc đức thánh [h] thien thần xuống cũ: [h] ſaõ le vì rứt thánh linh [i] hồn ấy, [i] như đã nói tlước, chẳng co lìa tính [k] đức Chúa blời, [k] khi bẽào nơi limbo, chẳng lọ là làm cho ſáng như tlên blời, và đầy những ſự vui vẻ đầy: [l] mà lại làm [l]

iuſtos

iustos omnes, qui ibi erant, ad beatam Diuinitatis visionem euehens, ex illa hora paradisi felicitate & gloria beauit, [m] *Sicuti & paulò post aduenientem boni latronis animam,* [n] *iuxtà promissum in Cruce pendenti paulò ante factum, à Domino Iesu dicente:* [o] *hodie mecum eris in paradiso:* [p] *nam ille inferni locus tunc incepit fieri paradisus.*

[q] *Interim Sanctissimum Iesu Christi Corpus pendebat in Cruce,* [r] *ab Anima quidem separatum, non tamen à Diuinitate destitutum.* [s] *Cum autem serò factum esset, vnus ex discipulis Iesu Christi,* [t] *nomine Ioseph, nobilis decurio,* [u] *Sanctissimum illud Corpus à Pilato impetrauit,* [x] *& cùm è Cruce deposuisset, illud coram Virgine Matre,* [y] *& alijs pijs matronis & vno aut altero Christi Domini di-*

cho các thánh ở đêy, coi thấy mạt đức Chúa blời từ đêy, mà đươc [m] thinh nhàn đời đời, [m] cũ qua một thôi, có linh hồn ngươi gọi là kẻ tlộm lành, đã đươc như [n] bêy, khi đến đêy, [n] như mlời đức Chúa Iesu, khi ở tlên cây Crùx, đã phán [o] một gey tlước cũ, khi [p] ràng; [o] mấy hôm nay ở đươc cũ tao tlaõ noi [p] đui bé: [p] vì chưng noi ngục êy, ra nơi đui bé thinh nhàn bêy.

[q] [q] Khi êy rứt thánh xác đức Chúa Iesu cồn ở [r] bêu tlên cây Crux, [r] dù linh hồn đã lià ra khỏi, [s] saõ le chẳng có liá tính đức Chúa blời: [t] mà đến khi đã tối, có một đấy tớ đức Chúa Iesu, [t] tên là oũ Ioseph sang trạõ, [u] làm cai mươi cõên, [u] thì xin đươc cũ Pilato, rứt [x] thánh xác êy, [x] mà khi đam xuống bỏi tlên cây [y] Crux, tlước mạt đức Mẹ đòũ thân, [y] và tlước mạt khác đến bà lành, cũ có một hai đấy tớ

scipulo, [z] *inuoluit in Sindone*, *& posuit in monumento suo nouo*, [a] *quod excíderat in petra*, *in quo nondum quisquam positus fuerat*: [b] *& aduoluit saxum magnum ad ostium monumenti*. [c] *Posteà conuenerunt Scribæ & Pharisæi ad Pilatum dicentes*: [d] *Domine recordati sumus*, *quia seductor ille*, [e] *dixit adhuc viuens*, *post tres dies resurgam*. [f] *Iube ergo custodiri sepulchrum vsque in diem tertium*, [g] *ne forte veniant discipuli eius & furentur eum*, *& dicant plebi surrexit à mortuis*. [h] *Et dicente Pilato*, *habetis custodiam*, *ite custodite sicut scitis*, [i] *illi abeuntes munierunt sepulchrum signantes lapidem*, *cum custodibus*.

[k] *In tertio autem die à Sanctissima Iesu Christi morte* ([l] *quo die se resurrecturum sæpè ipse Dominus prædixerat*) [m] *die vix illucescente*, *Sanctissima*

Ngày thứ bảy

[z] đức Chúa Iesu, [z] thi bao lại tlaõ bức khan, mà [a] để tlaõ mả mới, [a] đã mở tlaõ đá, mà tlaõ mả [b] ếy chưa có để ai; [b] và lếy la đá mlớn đáõ cửả mả ếy. [c] Thôi đoạn ngũng kẻ hay chữ nghịa thì hộp lại, mà đến cữ [d] Pilato, ràng: [d] chúng tôi lạy oũ, chúng tôi đã nhớ, người nầy hay dối blả, [e] [e] mà khi hãy còn sóũ đã nói, từ chết đến ngày thứ ba tao lại sóũ lại: [f] [f] Vì ộếy oũ phải khiến giữ mả ếy, cho đến ngày [g] thứ ba, [g] kéo đầy tớ người ếy đến cát lếy tlôm, mà ràng cữ đến, [h] đã sóũ lại. [h] Khi ếy Pilato ràng: bay có cỏến hay giữ, hãy đi mà giữ [i] mạc í bay: [i] bấy giờ nó đi, mà đánh ấn ở nơi mả ếy, lại để cỏến quanh quẻ mà giữ ộếy.

[k] [k] Từ đức Chúa Iesu chịu chết, đến ngày thứ ba, [l] [l] (là ngầy đức Chúa Iesu đã phán nhiều lần được sóũ lại,) [m] khi ngày

ipsius

ipsius Anima, [n] *circumdata iustorum animabus, è lymbi carcere eductis,* [o] *necnon Angelorum multitudine maxima,* [p] *ad sepulchrum pergens, & Sanctissimo Corpori se iungens,* [q] *illud statim impassibile & glorioſissimum ſuſcitauit.* [r] *Qui enim alios ſolo verbo, & imperio ad vitam reuocarat,* [s] *quid ni eadem Diuina virtute ſeipſum ſuſcitaret?* [t] *& quidem tanta facilitate, vt è ſomno potius euigilare videretur;* [u] *Reſurgens autem, lapide qui erat ad oſtium monumenti immoto, & ſigillo infracto,* [x] *per ſummum miraculum egreſſus eſt è ſepulchro, fortè cuſtodibus ipſis videntibus, & miraculo attonitis.* [y] *Mox terræ motus factus eſt magnus: Angelus enim Domini,* [z] *cuius aſpectus ſicut fulgur de cælo deſcendit,* [a] *& Chriſtum Ieſum reſurre-*

ếy bửng tưng là hỏa, rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu, [n] cùng linh hồn các người thánh, [o] đã khỏi tù lymbo, [p] và có nhều đức thánh thiên thần đi cũ, [q] có lên nơi mả, mà nhệp cẻạò tlaố rứt thánh xác mình làm một cũ; [r] thỏát choúc làm cho ſóủ lại, rứt tốt, rứt lành, chẳng hay chịu khổn khó gì nữa. [s] Vì chưng đức Chúa Ieſu đã làm tlước cho kẻ khác ſóủ lại, khi khiến một đều, [t] mà ſao chẳng dử được phép mình, là phép đức Chúa blời, cho mình ſóủ lại? [u] lại làm dề lám như thề ngủ mà thức dẹy. [x] Saố le khi đức Chúa Ieſu ſóủ lại, dù còn la đá đáố cửa mả, lại ấn đánh đẻy còn lành hết, [y] làm phép cả, ra khỏi mả: âu là cỏên giữ, cũ thấy phép lạ ếy, mà hãi. [z] thỉ đoạn có đọủ đết lám, vì đức Chúa blời ſai đức thánh thiên thần, [a] bởi blời mà xuống, có mạt như ſấm chướp, làm chứng đức Chúa Ieſu đã ſóủ lại.

Digitized by Google

xisse testatus est. [b] *Præ timore autem eius, magis adhuc exterriti sunt custodes, & facti sunt velut mortui.* [c] *tum quidam ex illis omnia quæ acciderant nunciauerunt Scribis,* [d] *& Pharisæis; Iudæos gubernantibus* [e] *hi consilium inentes, pecuniam copiosam dederunt custodibus,* [f] *incitantes eos, ac dicentes; dicete quia vobis dormientibus,* [g] *discipuli eius nocte venerunt, & furati sunt eum.* [h] *& custodum quidem aliqui accepta pecunia fecerunt sicut erant edocti.* [i] *Longinus verò, quem præcipuè illa quæ in Christi Domini morte consecuta miracula,* [k] *in ipsius Diuinitatis cognitionem duxerant,* [l] *& deinde miraculis etiam plena Resurrectio in eadem fide magis confirmarat,* [m] *à Pharisæis seduci nequaquam potuit,* [n] *sed vel illis reclamantibus, contradicentibus, & dura quæuis, etiam ipsam mortẽ mini-*

[b] Khi ấy những cõên giữ càng sợ hơn nữa, kinh khủng, mà ngã như đã chết hết. [c] thôi đoạn có kẻ thì đẹy mà đi kể hết nhẽu sự ấy cũ kẻ hay chữ nghĩa, [d] và cũ Phariseo, là kẻ sửa nước Iudea, [e] nó thì hộp lại mà toan cũ nhau đi lỗ cõên giữ ấy, [f] mà giục làm hết ràng: bay hãy nói, khi bay ngủ, [g] có đầy tớ người đến ban đêm, mà lấy trộm đi. [h] thaõ cõên giữ ấy, có kẻ thì thộ lỗ, mà nói ra như mlời bảo ấy, [i] saõ le oũ Longino bởi đã thấy phép lạ khi đức Chúa Iesu đã chịu chết, [k] mà đã tin trước, thật là đức Chúa blời, mà cho, [l] lại thấy những phép lạ nữa, khi đức Chúa Iesu sóũ lại, mà càng bền tin thật hơn nữa, [m] Pharisæo dèỡ người, mà nói dối chẳng đươc, [n] dù nó cãi lại, mà đe làm khốn người, cho đến giết chẳng đẽ,

tanti-

tantibus , ° *Christi Domini Resurrectionem, Diuinitatemque prædicans* , P *multos ad Christianam* P *Fidem conuertit* , q *quam* q *postremo ob causam* , *lubens* , *ac lætus mortem subÿt*, *& martyrio coronatus est*.

° oũ Longino thì một nõi ra , mà giảng cho người ta hay, đức Chúa Iesu đã sóũ lại, và thạt là P đức Chúa blờ̀i, P cho nên nhièu người chịu lẽy đạo thánh , mà tin; q q đến sau vì sự lẽy oũ thánh Longino đã muấn, và mãng , mà chịu chết vì đạo.

r *Cùm autem Dominus Iesus à mortuis surrexisset*, f *primum Virgini Matri*, *quæ de tam asperi vnici ac dilectissimi filÿ morte vltrà quam credi potest dolore consternata merebat*, t *glorioſissimus appa-* t *rens*, *eam secundum multitudinem dolorum ipsius*, *cælesti solatio recreauit* : u *mox misit Angelos*, *qui* u *ipsum*, *iuxtà suam prædictionem*, *verè iam resurrexisse testarentur* : x *deinde ipse quadraginta* x *dierum spatio*, y *tum Apostolis*, *tum alÿs discipulis*, *modo singulis*, *modo binis* , *modo denis* , *modo* y

r r Khi đức Chúa Iesu bố̀i tlaõ kẻ chết mà lại sóũ f lại, f tlước hết thì hiện ra viêng đức Mẹ đòũ thân , có sầu não thế nào vì thấy đức Con chịu chết làm vậy, lo chẳng t đến, t mà đức Chúa Iesu đến cũ rứt sáng, thì làm cho đức Mẹ vui vẻ laõ, bàng tlước có u lo buồn rứt mực . u đoàn thì đức Chúa Iesu sai khiến đức thánh thiên thần ra làm chứng, người đã phán tlước thế nào, đã sóũ lại như vậy. x x sau nữa đức Chúa Iesu đang bốn mươi ngày, y hiện cho đầy tớ cả xem, và đầy tớ khác nữa, y có khi thì một, khi hai, khi mười : cũ có khi thì

plus-

pluſquam quingentis ſimul rediuiuus apparuit, [z] *qui omnes oculati de Ieſu Chriſti Reſurrectione teſtes extiterunt,* [a] *maximæ ſanè atque irrefragabilis authoritatis:* [b] *tum quia moribus fuere ſanctiſſimi:* [c] *tum quia maximis ad hanc præcipuè de Chriſti Domini Reſurrectione fidem confirmandam miraculis, eorum à Deo confirmata eſt authoritas;* [d] *tum quia ferè omnes ſuſcepto pro hac veritate martyrio, illam ſanguinis chirographo confirmarunt:* [e] *his accedit teſtimonium Sanctorum, qui rediuiui de monumentis exeuntes,* [f] *poſt Chriſti Domini Reſurrectionem Hieroſolymæ multis apparuerunt,* [g] *& Redemptorem à mortuis verè ſurrexiſſe teſtati ſunt;* [h] *quæ omnia ad fidem faciendam ſatis ſuperque ſunt.*

Ngày thứ bảy

hơn nam tlam người, coi tháy đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại: [z] mà bấy nhêu người có làm chứng vì con mắt mình đã thấy đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại. [a] thạt là bấy nhêu chứng ệy, có phép cả cho người ta tin, mà chẳng hồ nghi ſốt, [b] vì chứng ệy những là người làm phúc, mà nên tứt thánh: [c] lại đức Chúa blời có làm phép mlốn, cho người ta tin đượ̃c mlời người thánh ệy, nhứt là mà tin ſự đức Chúa Ieſu ſóũ lại: [d] mà lại âu bấy nhêu người thánh ệy, đã chịu chết vì đều thạt ệy, lệy máu mình như thế đánh, ấn mà làm chứng thạt ḅệy. [e] cũ có chứng khác ḅôi, là những người thánh ệy, đã ſóũ lại, ra khỏi má mình, [f] đến khi đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại, người thành ệy hiện đến cũ đều người ở tlaõ thành Ieruſalem, [g] mà làm chứng nói ràng, thạt đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại: [h] bấy nhêu ſự nầy thì ḅủa cũ thừa cho, mà tin ḅệy.

[z] [a] [b] [c] [d] [e] [f] [g] [h]

[i] *Et*

Digitized by Google

i *Et quamuis Christus Dominus, cùm resurrexisset à mortuis,* k *commisso sibi à Patre, humanæ Redemptionis opere iam perfecto,* l *potuisset statim in cælum ad eumdem ascendere:* m *quadraginta nihilominus dierum spatio morari voluit in terris;* n *tum vt solaretur Sanctissimam Matrem, Apostolos, aliosque discipulos,* o *de ipsius morte tristatos, spatio circiter horarum quadraginta iuxtà Iudæorum computum,* p *(tandiù enim ipse mortuus extitit) totidem dierum apparitione solaretur;* q *tum vt interim multa præstaret, ad humani generis bonum,* r *ijs enim diebus fideles omnes in fide confirmauit,* s *Apostolos de multis instituit; multa ex sacris libris recondita explanauit;* t *& præcipuè vt benè intelligerent, oportuisse Christum pati mortem, & resurgere à mortuis ter-*

i Mà dầu đức Chúa Iesu, k khi đã sóu lại, k đã đoạn việc kớu lỗài người ta, đức Cha đã phó cho, l mà lên được tlên blời bấy giờ, ở lại thế cũ đức Cha: m saõ le có chọn ở lại hạ giái nầy, n bốn mươi ngày, n để vàn ủy tứt thánh đức Mẹ, cũ đầy tớ cả, và đầy o tớ khác, o khi đã lo buồn vì đức Chúa Iesu đã chịu chết, là bốn mươi giờ, kể thói nước Iudea, p (vì đức Chúa Iesu ở tlaõ kẻ chết ngan ềy,) cũ ở lại bấy nhêu ngày, mà hiện ra an ủy hết: q lại làm nhều sự, về ích lỗài người ta: r vì chưng bấy nhêu ngày ềy, có làm cho kẻ đã tin, càng được laõ tin bền hơn nữa, r có dềay dềờ đầy tớ cả, cũ có giảng ra dều sự sấu nhyệm, tlaõ kinh đức Chúa blời, t nhứt là cho hay tỏ tuẩng, đức Chúa Iesu thì chọn chịu chết

ềy, mà đến ngày thứ ba bởi tlaõ kẻ chết lại sóu,

tia

tia die, [u] *& prædicari in nomine eius pœnitentiam, remissionemque peccatorũ in omnes gentes.* [x] *Prætereà Petrum, suum in terris Vicarium constituit,* [y] *eiusque in Ecclesia successorem (quem Papam vocamus)* [z] *ad consummationem vsque sæculi nunquam defuturum promisit.* [a] *Denique multa quæ ad Ecclesiæ gubernationem, & sacramentorum administrandi modum spectant, edocuit:* [b] *atque vt Euangelium in vniuerso mundo propagarent, imperauit.* [c] *Data est, inquit, mihi omnis potestas, in cælo, & in terra.* [d] *Euntes ergo docete omnes gentes, baptizantes eos,* [e] *in nomine Patris, & Filij, & Spiritus sancti.* [f] *docentes eos seruare omnia quæcunque mandaui vobis,* [g] *atque vt facilius, efficaciusque hoc præstare possent,* [h] *plurima miracula edendi facultatem illis impertiuit.*

[u] mà lễy phép đức Chúa Iesu rao cho các nước ăn năn tội, mà được [x] tha tội chẳy. [x] Lại cho oũ thánh Pedro ở thế [y] nầy thay mình, [y] mà lại người nào theo đòi tlaõ Eccleſia có chức ễy (gọi [z] là oũ thánh Papa,) [z] đức Chúa Iesu đã nói hứa, [a] phán ràng: cho đến hết thế chẳng có thiếu chức [a] ễy. [a] sau nữa thì dẽạy nhiều ſự về trị nhậm Eccleſia, cũ phép dũ các [b] Sacramento. [b] Và khiến đam tin lành, là giảng đạo that cho kháp thien [c] hạ, [c] phan ràng: tao đã chiụ mọi phép blọn; và [d] tlên blời, và dưới đất; [d] bay hãy đi dẽạy dẽở [e] kháp người thế, mà rửa [e] tội, [e] khi lễy một phép, [f] và một danh đức Cha, cũ đức Con, cũ đức [g] Spirito Sancto, [f] mà dẽạy nó giữ mọi ſự tao đã [h] khiến bay giữ. [g] Lại cho việc ễy ra nghỉ làm, và [h] cho làm nhiều việc, [h] thì cho làm phép lạ nhiều, kể chẳng xiết.

Digitized by Google

i *Cùm verò ad cælos aſcendendi dies aduenisſet,* k *Apoſtolos, & reliquos deſua abſentia triſtandos eſſe præſentiens,* l *eos amantiſſimè ſolatus, ſe è cælo proſpecturum,* m *& ſui ipſius loco doctorem & conſolatorem alium,* n *Spiritum videlicet ſanctum, non poſt multos dies venturum eſſe pollicitus eſt.* o *Cùm verò Hieroſolyma in montem Olueti illos eduxiſſet,* p *verbis humaniſſimis, amantiſſimiſque, tum Virgine Matre, tum reliquis ſaluere iuſſis,* q *eleuatis manibus benedixit eis; tum ſpectantibus omnibus cæpit eleuari,* r *& comitantibus, tum Sanctorum è lymbo eductorum animabus, tum Angelorum copijs vniuerſis,* f *celeberrima pompa, ſolemniſſimoque triumpho ferebatur in cælum.* t *Tunc cælorum fores propter hominum peccata, ad eam*

i Mà khi đã đến ngày đức Chúa Ieſu định lên k blòi, k đã hay và đẩy tớ cả, và kẻ khác thì phải lo láng, bởi váng l mạt đức Chúa Ieſu, l có nói đều rứt lành an ủy hết: phán ràng: tao bởi tlên blòi cũ coi sóc cho m bay, m mà thay mình cũ cho ai dẽay, và an ủy bay, n n là đức Spirito Sancto, chẳng có qua nhều ngày, o mà đen cả. o Khi đức Chúa Ieſu đam ra đẩy tớ cả ngòài thành Ieruſalem, p tlên núi Olueto, p thì có nói những đều rứt lành, những đều nhin nghĩa, mà giả đức Mẹ đồũ thân, cũ các hết, q q đặt hai tay lên, mà cầu cho mọi sự lành, và thước mạt hết thì lên bệy: r r các linh hồn ngươi thánh ra khỏi lymbo, và các đức thánh thien f thần đi cũ, f mà bui bế lám, như khi đã đánh giặc mà về, có lên tlên blòi. t t Khi ẽy kửa thien đàng

bẩy lâu đàõ lại, vì tội ngươi ta, cho đến ngày

 vſque

vsque diem clausæ, [u] *vltrò apertæ sunt Redemptori,* [x] *& ipse ad supremum vsque cælum gloriosus ascendens,* [y] *tanta cum omnium exultatione, & iubilo,* [z] *tanta cum gloria & honore à Deo Patre in cælestem Curiam exceptus est,* [a] *quantam nec lingua explicare, nec humana mens concipere potest.* [b] *Interim Virgo Mater, & reliqui oculis cælo defixis, stupore pleni hærebant.* [c] *Et ecce duo Angeli steterunt iuxtà illos, humana specie, vestitu splendidissimo, qui dixerunt.* [d] *Viri galilæi quid statis aspicientes in cælum?* [e] *hic Iesus qui assumptus est à vobis in cælum,* [f] *sic veniet, quemadmodum vidistis eum euntem in cælum.*

[g] *Vt vero signa aliqua Dominicam Ascensionem attestantia ad nos etiam peruenirent;* [h] *diuino mi-*

Ngày thứ bảy

[u] ểy, [u] thì mở ra tự nhiên, cho đức Chúa Iesu kéo thể, [x] mà có lên cho đến tlên mọi tầng blời, [y] rứt đui, rứt sáng, [y] các hết đứng có mòng nhảy, [z] đui đẻ thể nào, [z] và đức Cha là đức Chúa blời, có chứa lểy trạo đức Con, tlên nhà thiên [a] đàng nhưẩng nào, [a] mlời nói cháng đến, lão người ta lo chẳng được. [b] [b] Khi ểy đức Mẹ đòũ thân, và các hết đầy tớ, thì coi lên blời liền ểy, nhũng hãi, mà đứng [c] lang đểy. [c] Chóuc ểy có đức thiên thần, lểy hình người ta, mạc áo sáng, mà đứng đểy đối, ràng: [d] [d] hỡi người ta Galileo hỡi sao có đứng coi lên [e] tlên blời? [c] đức Chúa Iesu nầy bỡi tlạo bay, [f] mà lên tlên blời, [f] ngầy sau có đến cử thể ểy, như bay đã thấy lên blời.

[g] [g] Saõ le cho có đều gì là m chứng, đến ta, sự đức Chúa Iesu đã lên blời; [h] có [h] raculo

raculo factum eſt, vt in petra, quam Redemptor noſter calcans, aſcendere cæpit, [i] ipſius veſtigia miro quodam modo impreſſa remanerent, [k] quam petrã licet Chriſtiani, vt reliquiarum aliquid ſecum ferant, iugiter radere conſueuerint; [l] ſacra tamen veſtigia eodem ſemper modo per tot ſæcula, ad hanc vſque diem perſeuerant. [m] Qua in re illud etiam memorandum, [n] quod cùm Chriſtiani olim, in Dominicæ Aſcenſionis memoriam, circa ſacra veſtigia fornicatam Eccleſiolam ædificarent; [o] reliquo quidem ædificio facilè confecto, [p] fornix tamen nulla vi, aut induſtria claudi vnquam potuit. [q] Nimirum vt à ſacris veſtigijs ad cælum, [r] quà Chriſtus aſcenderat via expedita ſemper permaneret. [ſ] Prætereà quo anni die Redemptoris

phép đức Chúa blời làm, vì tlên đá đức Chúa Ieſu đứng, khi đẽọn lên blời, [i] hãy còn có đẽấu chên người in [k] ở đẽy cách lạ: [k] dẫu kẻ có đạo thánh đức Chúa blời có quen kháo đá ẽy lien, mà lẽy đi [l] làm dẽấu thánh: [l] ſaõ le thánh dẽấu chên ẽy, đã qua mấy đời, hãy còn [m] đẽy cho đẽn rày. [m] Mà tlaõ ſự ẽy, lại có đẽu [n] nẫy đáng nhớ, [n] khi kẻ có đạo thánh xưa, có làm nhà thánh nhỏ, những đá ở nơi còn thánh dẽấu chên đức Chúa Ieſu, mà nhớ đẽy, [o] cả và nhà nghĩ làm [p] lên, [p] ſaõ le khi đẽọn lợp nhà thánh ẽy tlên, ſức nào, chước nào, làm [q] thì chẳng được sốt: [q] vì từ nơi dẽấu thánh ẽy, [r] cho đẽn tlên blời, [r] là đàng đức Chúa Ieſu lên, thì phải có đàng xaõ lien. [ſ] Lay ngày nào, kẻ

có đạo thánh, có làm lẽ xưa, nhớ đức Chúa

Aſcenſio à Chriſtianis quot annis celebrabatur, [t] *eodem totus Olueti mons eximia quadam luce noctù ſplendeſcere conſueuerat.* [u] *Cùm ergo Chriſtus Dominus in cælum aſcendiſſet,* [x] *Apoſtoli, aliique Diſcipuli, vnà cum Virgine Matre,* [y] *& pijs aliquot matronis, omnes fere centum viginti,* [z] *Hieroſolymam reuerſi, & cœnaculum, in quo vltimam Cœnam diſcipulis valedicturus fecerat Dominus, ingreſſi,* [a] *ibi ex Domini præcepto vnanimiter in Oratione perſeuerabant.* [b] *Cùm verò dies à Domini aſcenſu decimus, à Reſurrectione verò quinquageſimus aduenisſet;* [c] *hora diei tertia, iuxtà hebræorum horologium, ideſt tribus circiter horis ante Meridiem,* [d] *factus eſt repentè de cælo ſonus tanquam aduenientis Spiritus vehementis,* [e] *& replewit totam domum vbi erant ſedentes,* [f] *& apparuerunt illis diſperſitæ linguæ, tanquam ignis, ſeditque*

Ngày thứ bảy

[t] Ieſu lên blời, [t] ngày ấy đến ban đêm cả và núi Olueto thì quen sáng ra [u] chui làm. [u] Khi đức Chúa Ieſu đã lên blời đoạn, [x] [x] đầy tớ cả, cũ đái tớ khác, thì đi cũ đức Mẹ [y] đòu thân, [y] lại có đấn bà khác hiền lành đi cũ, mà hộp lại hết, là một tlam hai mươi người [z] dồ, [z] blở về thành Ieruſalem, chẻào nhà đức Chúa Ieſu làm Cœna, giã [a] đầy tớ cả, [a] mà ở đấy, làm một, cầu cũ đức Chúa blời, như mlời đức Chúa Ieſu tlước đã [b] dẽay chệy, [b] đến ngày thứ mươi, từ đức Chúa Ieſu lẽn blời, mà từ sóũ [c] lại thứ nam mươi, [c] hết giờ thìn sang giờ tị, tlaõ nước Iudea, gọi là [d] giờ thứ ba, [d] thỏát chouúc có nghe thấy ầm ầm bởi blời, như khi gió [e] bảo đến, [e] mà đấy hết nhà đầy tờ cả, cũ kẻ khác [f] ngồi; [f] cũ thấy chia lưỡi

ditque supra singulos eorum, [g] *& repleti sunt omnes Spiritu sancto.* [h] *Quo miraculi pleno Spiritus sancti aduentu,* [i] *Christum Iesum verè in cælis, quò ascenderat residere, summaque potestate potiri confirmatum est;* [k] *& simul Apostoli, ac reliqui ad Christianam legem propagandam in vniuerso mundo* [l] *varijs, tum humanarum, diuinarumque doctrinarum donis,* [m] *tum eximia quadam sanctimonia, aliisque spiritualibus ornamentis animæ perabundè sunt instructi: Quarè simul ac Diuinum hunc Spiritum acceperunt,* [n] *statim in populi conspectum prodeuntes, Euangelizare cæperunt,* [p] *præcipuè Apostoli, & infrequentissima corona concionari varijs linguis, prout Spiritus sanctus dabat eloqui illis.* [q] *Cum autem essent Hierosolymæ Iudæi ex omni natione, quæ sub cælo est;*

ôi ra như hình lửa, mà ngồi trên đầu mỗi một
[g] người, [g] chịu phép đức Chúa Spirito Sancto, đã
[h] đầy hết. [h] Mà phép đức Chúa Spirito Sancto đến
làm vậy, thật là phép lạ,
[i] [i] thì làm chứng thật, đức Chúa Iesu, từ đã lên trên blời, thì ngồi ở tả cả trên ấy, mà có
[k] phép cả: [k] lại cho đầy tớ cả, cũ kẻ khác, được mở đạo thánh khắp thi-
[l] en hạ, [l] có chịu hay biết sự thể, và sự đức Chúa
[m] blời, [m] cũ chịu nên thánh cả, và đầy nhìn đức khác nhiều tlaõ linh hồn vậy,
[n] [n] cho nên khi đã chịu phép ấy, bởi đức Chúa
[o] [p] Spirito Sancto, [o] bỏũ chóuc thì rà trước mặt thiên hạ, mà giảng đạo,
[p] [p] nhứt là đầy tớ cả, nơi có đoũ mặt người ta lám, giảng ra đều tiếng, như đức Chúa Spirito
[q] Sancto cho nói. [q] Mà khi ấy có người Iudeo, bởi mọi nước khắp thi-

[r] *facta*

[r] *facta hac voce, conuenit multitudo, & mente confusa est;* [f] *quoniam eodem simul tempore, audiebat vnusquisque lingua sua illos loquentes magnalia Dei.* [t] *Stans autem Petrus, cum vndecim Apostolis, locutus est eis:* [u] *Viri Iudæi hoc vobis notum sit, nunc impleri quod dictum est olim per Prophetam Ioel à Deo:* [x] *Effundam de Spiritu meo super omnem carnem,* [y] *& prophetabunt filij vestri, & filiæ vestræ,* [z] *& iuuenes vestri visiones videbunt, & seniores vestri somnia somniabunt.* [a] *Viri Israelitæ audite verba hæc.* [b] *Iesum Nazarenum virum approbatum à Deo in vobis,* [c] *virtutibus, & prodigijs, & signis, quæ fecit Deus per illum in medio vestri, sicut vos scitis.* [d] *hunc traditum per manus iniquorum interemptis*

Ngày thứ bảy

[r] en hạ ở tlaõ thành Ierusalem, [f] đến khi ra tiếng ấy, thì đoũ mạt [f] người ta, mà hãi; [t] vì cũ một khi ấy ai nấy có nghe tiếng mình, đấy tờ cá [t] nói ra sự đức Chua blờ̀i cá sáng. [u] Oũ thánh Pedro thì đứng đối các đấi tớ cá, là mười một [u] người, mà nói ràng: [x] hỡ người Iudeo hỡi, thì phải hay đều nầy, bây giờ đã đến đều oũ Ioel [y] chịu sấm truyền đã noi ra xưa, bỡi đức Chúa [z] blờ̀i, phán ràng: [a] tao đổ ra phép Spirito tao [y] tlên mọi thịt, [z] mà con blai và con gái bay sẽ [a] chịu sấm truyền, [b] và kẻ cồn tlẻ tlaõ bay thì thấy [c] sự hiện ra, mà kẻ già [d] thì xem chiem bao. [a] hỡ người ta Israel hỡi, hãy [b] nghe đều nầy. [c] ấy đức Chúa Iesu Nazareno, là [d] người đức Chúa blờ̀i lấy làm yêu tlaõ bay, [c] mà lấy người làm nhều phép lạ, tlước mạt bay, như bay đã hay. [d] Bay có dữ tay kẻ gian dữ,

miſtis

miſſis, [c] quem Deus iuxtà Prophetarum oracula ſuſcitauit à mortuis, cuius rei nos omnes teſtes ſumus. [f] Dextera igitur Dei ad cælos exaltatus, [g] & promiſſione Spiritus ſancti accepta à Patre Deo, [h] effudit hunc quem vos videtis & auditis [i] bis aliſque ex Petri ore auditis, compuncti ſunt corde, [k] & ab eodem aliſque Apoſtolis inſtructi, & ipſo die baptizati ſunt homines ad tria millia.

[l] Exinde Apoſtoli, & reliqui diſcipuli Chriſtianam religionem, [m] non ſolum Hieroſolymæ & in Iudææ regno; [n] ſed in præcipuas orbis terræ partes digreſſi, vbique propagare cæperũt, [o] Domino cooperante, & iuxtà ipſius promiſſa, ipſorum prædicationem confirmante, ſequentibus ſignis. [p] Quibus rebus paulatim cernebatur Chriſti

[c] mà giết người; [c] ſaõ le đức Chúa blời đã cho người ſóũ lại như blời người ta chịu sẫm truyền đã nói, mà hết ta- [f] làm chứng sự ẽy, [f] ḍệy người đã lên blời ở tay hõu đức Chúa blời, [g] [g] chịu lẽy blời đức Cha, là đức Chúa blời, khiến cho phép Spirito Sancto, [h] [h] mà đở ra phép nầy, bay [i] cói thấy, và nghe. [i] Khi dẽn Iudeo nghe oũ thánh Pedro nói ra blời nầy, và blời khác, thì lo ăn [k] năn tlaõ laõ, [k] mà ngày ẽy, và oũ thánh Pedro, vã khác đấy tớ cả, thì giảng cho, và rửa tội, đươc ba nghìn người. [l] [l] Tự ẽy đấy tớ cả, cữ đấy tớ khác đức Chúa Ieſu, có ra giảng đạo [m] thánh, [m] chẳng những tlaõ thành Ieruſalem, và [n] tlaõ nước Iudea, [n] mà lại có ra ngoái cả thien hạ, [o] giảng đạo mọi nơi, [o] có đức Chúa blời giúp sức cho, cữ làm phép lạ, theo blời giảng, làm cho tin bền, như blời đức Chúa Ieſu đã phán nói hứa tlước. [p] Bấy nhẽu sự ẽy | [p]

Domi-

Digitized by Google

Domini Passionis effectus,
q *& simul Diuina elucebat*
virtus, quæ per infirma
mundi, r *nimirum dolores,*
ignominias, mortemque
ipsam, quam Christus Do-
minus subierat, f *de suis*
hostibus, de peccato; & de
diabolo glorioſiſſimè trium-
phabat. t *Nos quoq; mini-*
mi serui Iesu Christi huc
aduenimus in regnum An-
nam, u *Euangelium præ di-*
cantes, & Fidem in Domi-
num nostrum suadentes om-
nibus, x *vt remissionem*
peccatorum suorum va-
leant percipere, y *donec*
Misericordiæ Dei tempus
est, z *antequam veniat Iu-*
stitiæ & vindictæ dies a-
cerbissimus sicut etiam Iu-
dæis accidit. a *Quamuis*
enim Redemptor Noster
Iudæorum manibus sponte
se obtulit, b *vt nostræ re-*
demptionis opus perficeret;
c *& lubens ac volens, vt*
ait S. Leo, admisit impio-
rum manus, quæ dum pro-

Ngày thứ bảy
làm cho phúc đức Chúa
Iesu chịu tội, tỏ ra sẽ sẽ,
q và làm cho phép đức
Chúa blời sáng ra, khi
lẽy sự hèn thuộc mạt
r thế gian, r là đau đớn,
xỉ vả, xấu hổ, cũ là
f chết, đức Chúa Iesu đã
chịu, f mà làm phép đư-
t ợc hết ơan gia mình, là
tội va cũ ma quỉ, mà ra
cả sáng phép. t Chúng tội
u cũ là đầy tớ đức Chúa
Iesu rốt hết, mà đã đến
nước An nam nầy, u gi-
ảng đạo lành, khuyen
hết người ta tin lẽy
x mlời đức Chúa Iesu, x
cho được chịu tha tội,
y y khi hãy còn rồi, đức
Chúa blời thương, còn
z tha va cho, z mà khi chưa
có đến ngày phán xét,
a bát tội tứt khốn, như
đên Iudêo đã phải chịu.
b a Vì chưng dầu đức
Chúa Iesu kớu chúng
c tội, có í phú mình tay
b cõên Iudeo, b mà làm
việc chuộc chúng tội.
cho bịon, c lại muốn, và

nước chịu tlên mình tay kẻ dữ, khi đang làm sự

prio

prio incumbunt sceleri, famulatæ sunt Redemptori.
[d] *Quia tamen hoc Iudæorum scelus fuit omnium ab orbe condito atrocissimum,*
[e] *sine suo, in hac etiam vita, supplicio præterire non debuit;* [f] *vt Deus per Danielem olim prædixerat.*
[g] *cùm enim Christum à Iudæis occidendum prædixisset, mox addidit:* [h] *& non erit eius populus, qui eum negaturus est;* [i] *& finis eius vastitas, & post finem belli, statuta desolatio.* [k] *Christus etiam Dominus, cùm paulò ante Passionem Hierosolymam ascenderet,* [l] *se in illa per summum Iudæorum scelus crucifigendum præuidens, fleuit super illam, dicens:* [m] *venient dies in te, & circumdabunt te inimici tui vallo,* [n] *& coangustabunt te vndique, & ad terram prosternent te,* [o] *& filios qui*

lỗy, thì giúp việc đức Chúa Iesu chuộc tội chúng tôi, như mlời oũ thánh leam nói ḕy.
[d] Saõ lê vì tội vạ ḕy, cõên Iudeo đã phạm, là tội cả kực trạõ, kức dữ, hơn mọi tội vạ, tử có thể giải nầy; [e] chẳng khá qua, mà chẳng chiụ phạt, [f] ở đờ-i nầy nữa: [f] như đờ-i xưa đức Chúa blờ-i đã phán trước dữ oũ Daniel mà truyền cho: [g] vì chưng khi oũ ḕy kể sẵm truyền, sự cõên Iudeo giết đức Chúa Iesu, thì [h] bấy giờ thêm ràng: [h] mà kẻ đã chối đi, chẳng nên [i] dên ngườ-i, [i] sau hết thì chiụ phá, đến khi chiụ giạc đõạn, thì định tan đi. [k] Lại khi đức Chúa Iesu dẽon chiụ tội mà lên [l] thành Ierusalem, [l] vì đã hay đã gần ngày cõên Iudeo đáõ đanh mình trên cây Crux, ở trong thành ḕy, thì khaóc thương nó, phán ràng: [m] có đến ngày khi õan gia mầy [m] xey tháp quanh quẽ mầy, [n] mà làm cho mầy chẹt hẹp [n] quanh quẻ ḕy, lại bắt mầy ngã xuống đất, [o] và con [o]

in te sunt, & non relinquent in te lapidem super lapidem: [p] *eò quòd non cognoueris tempus visitationis tuæ.* [q] *Verum quia cum Iesus Christus crucifigeretur,* [r] *Deum Patrem pro Iudæis, se crudelissimè persequentibus orauit,* [s] *vt sanctissimæ huius orationis fructum quiuis percipere posset,* [t] *ac tanti sceleris pœnitentiam agens, ad Deum conuerti,* [u] *vt verè plurimi sunt conuersi, quadraginta ad pœnitentiam annis illos expectauit quibus elapsis, cùm Diuinæ vltionis tempus aduenisset;* [y] *Hierosolyma bello à Romanis capta, & vt Saluator prædixerat, funditus diruta est.* [a] *hanc Hierosolymæ ruinam, & totam belli historiam libris septem complexus est Iosephus, qui vnus erat ex præcipuis Iudæorum ducibus aduersus*

cái ổ tlaõ mày, mà ổ nơi mầy chẳng có để đá nào tlên đá khác, [p] vì chưng mày chẳng nhìn, chẳng biết khi tao đến viếng, mà chữa mầy. [q] Saõ le vì khi đức Chúa Ieſu đang chịu tlên cây Crux, [r] có cầu cứ đức Chúa blời, là đức Cha, cho kẻ rứt dữ tọn, mà hủy báng mình thế ấy: [s] cho nên ai nấy chịu được phếp rứt thánh mlời cầu nầy, [t] mà ăn năn tội kực traõ ấy, blở lại cứ đức Chúa blời, [u] như thạt nhều lám có blở lại, thì có đợi nó bốn mươi năm, cho nó ăn năn tội. [x] Qua bảy nhêu nam ấy, khi đã đến mùa đức Chúa blời phạt, [y] có cõên nước Roma đến thành Ieruſalem, mà đẽào phá hết, [z] chẳng có để đá naò tlên đá khác, như mlời đức Chúa Ieſu đã phán truyền tlước: [a] Có

oũ Ioſephô là người Iudeo, mà làm cai tlaõ kể cả, giữ giạc keó cõên Roma đẽào, có chép bảy con sách, kể

Roma-

Romanos. [b] *Is inter alia multa mala, Hierosolymitanæ obsidionis tempore,* [c] *famem ita sæuiisse scribit,* [d] *vt præter plurimos, qui solo illo tempore passim moriebantur,* [e] *paucos intra dies mortui sint homines ad duodecim millia:* [f] *Omnia, inquit, dentibus necessitas subigebat,* [g] *& ea colligentes, quæ nullum, quamuis sordidissimum brutorum animalium non horreret, comedebant.* [h] *factum autem dictu quidem horrendum, auditu verò incredibile accidit:* [i] *vt mater famelica filium, quem lactentem habebat, propria manu occideret, coctumque comederet.* [k] *Idem etiam Iosephus refert Iudæorum bello cæsorum tantam fuisse multitudinem,* [l] *vt tam cæsorum quam aliter mortuorum numerus, ad vndecies centena millia perueniret:* [m] *captiuorum verò in bello il-*

truyền những giặc ấy: [b] thì kể tlaõ sự khốn nạn khác khi cõên ấy đang üêi thành Ierusalem, [c] người có ràng, tlaõ thành người ta có [d] chịu đói chừng ấy, [d] cho nên là, chẳng những dầu khi ấy chết đói lien, [e] mà chẳng bao nhêu ngầy một muân hai nghìn [f] người chết đói: [f] lại ràng, có đí gì đí gì, khi đói lám cũ bỏ, bêào miệng, [g] dầu của gì dơ dáy, muáng naò rứt hèn cũ chê, mà chẳng chịu ăn, nó thì rứt đói cũ ăn [h] bệy. [h] Lại có đều nói thì gớm ghiếc, mà nghe [i] thì có ai tin là hõa, [i] có mẹ naò khi đói rứt mực, tay nó đánh chết con mình đé, còn bú, mà nấu [k] nướng ăn. [k] Cũ một oũ Iosepho ấy kể người ta chết tlaõ nướ-c Iudeo [l] khi thua giác ấy, [l] có phải chém, hay là chết chừng khác, đã đến mười một vàn người [m] ta, [m] mà kể bắt đi làm tôi, khi giặc được thành lo

lo Hierosolymitano fuere hominum nonaginta septem millia.

n Tantam vero calamitatem idem Iosephus diuersis prodigijs significatam esse narrat; o eamque Diuinam in malos Iudæos vltionem fuisse testatur: p quod vel ex eo patet, quia qui Christianam inter eos legem susceperant, q ij Dei monitu in oppidũ Pellam fugientes, r immunes à tantis malis euaserunt. f Sic etiam qui modo inter vos, Diuinæ bonitatis consilijs acquiescentes, t fidem suscipiunt, Deique legi se subijciunt, u à ventura ira futuræ cladis æternæ fugientes, in tutò res suas ponunt. x At contra qui contradicunt Euangelio, vel Diuina spernentes monita, y suauem Dei legem recipere nolunt, z venient dies amarissimi mortis & iudicij, a quos postea sequetur

Ngày thứ bảy

Ierusalem thì kể chín muân bảy nghìn đứa.

n Mà sự rứt khốn nạn chùng ấy, oũ Iosepho ràng, có nhều sứ lạ, đã thấy tlước, như thế bảo o sự khốn làm vậy, o lại ràng, sự làm vậy cò đến, vì đức Chúa blời bắt tội kẻ gian dữ tlaõ đến p Iudeo: p sự ấy cũ tỏ ra, vì kẻ tlaõ Iudeo đã chịu q đạo thánh, q có mlời đức Chúa blời bảo, mà tlốn đi đến làng Pella; r khỏi bấy nhêu sự rứt f khốn nạn ấy. f Như thế ai bây giờ tlaõ nước nầy đương phép đức Chúa t blời, t chịu mlới tin, u mà phục đạo thánh, u thì tlánh khỏi sự khốn nạn vô cũ đời sau, mà giữ mình như thế nơi kín. x x Lại kẻ hủy báng đạo lành, hay là che mlời đức y Chúa blời bảo, y chẳng khứng chịu đạo thánh đức Chúa blời, là đạo z lành sự sống laõ, z có đến

ngày chết, và ngày phán xét thì rứt khốn, a vì chết vô a

aterna

æterna mors, [b] *Iudæorum clade longè amarissima, de qua dicemus in sequentibus.* [c] *Nunc adoremus Dominum Iesum, in sublimi cælorum throno sedentem,* [d] *à quo veniam petamus præteritæ vitæ, in iniquitatibus transactæ,* [e] *simulque gratiam, vt in posterum ei ex toto corde seruiamus,* [f] *omnibus abiectis superstitionibus, aliisque præteritæ vitæ peccatis.*

[g] *Hic ostendenda est præclara Christi Domini effigies, mundi globum in manibus habens,* [h] *vt Dominus Iesus tanquam verus cæli ac terræ Dominus, & Rex supremus ab omnibus adoretur.*

cũ, mà chẳng hết chết thì
[b] theo sau, [b] càng kực, càng khốn hơn tai nạn
dên Iudeo nữa, đến sau
[c] ta sẽ giảng. [c] Bây giờ ta lạy đức Chúa Iesu có
ngồi ở tòa tlên blời rất
[d] cao, [d] mà cầu tha tội tha
va, đã phạm ngày tlước
[e] đã nhều: [e] lại cầu gratia, là giúp sức cho ta, từ
nầy về sau phục thờ đức
[f] Chúa blời hết lào, [f] mà bỏ hết sự gian đạo vạy, và
chừa mọi tội ngày tlước.
[g] [g] đến đây thì phải lấy
ảnh nào khéo đức Chúa
Iesu cầm blời đết, mà
[h] đam ra, [h] cho người ta
hết lạy đức Chúa Iesu;
như thạt Chúa blời đết,
và chúa Chúa cả rứt rao.

Dies octauus.

[a] QVamuis simul atque quis moritur, [a] statim à Deo de ipsius statu feratur sententia, [b] atque eorum animæ, [b] qui nullo peccati reatu detinentur, [c] statim in æternam beatitudinem admittantur; [d] & contra qui peccato aliquo graui, seu mortali oneratus decedit, [c] statim eius anima in infernum detrudatur, [f] æternis cruciandæ flammis. [g] Tamen suo tempore, quod solus Deus nouit, quando futurum sit, [h] vniuersale de omnibus hominibus futurum esse iudicium, [i] Deus antiquis Prophetis reuelauit, [k] & Christus Dominus, se huius iudicij Iudicem futurum esse, sæpè prædixit. [l] Rationes autem, cur Deus iudicium hoc faciendum esse iudicauit, plurimæ sunt. [m] Primò quia ad Diuinam gloriam, & præcipuè ad ipsius

Ngày thứ tám.

[a] [a] Dù mà khi ai chết, tức thì có chịu bố-i đức Chúa blờ-i phán xét, [b] mà linh hồn kẻ chẳng có mạc tội vạ gì, [c] thoát chóuc có đẻo nơ-i đuy để đờ-i đờ-i : [d] mà lại kẻ mạc tội gì trạo, khi phải chết, [c] thoát chóuc linh hồn nó chịu đày xuống tlaõ địa ngoục, [f] phải hình lửa khốn nan đờ-i đờ-i đệy. [g] Saõ le ngày sau, đến bao giờ, có mộ đức Chúa blờ-i hay, [h] mà thạt có đến ngày cả và lõài nguờ-i ta có chịu phán xét chung, [i] và đức Chúa blờ-i đã truyện cho thánh đờ-i xưa, [k] và đức Chúa Iesu đã phán thuớc nhẽu lần, mình có chịu ngày sau chức phán xét ẽy. [l] Lại có nhẽu mlẽ, vì sao đức Chúa blờ-i đã định phán xét chung làm đệy. [m] thứ nhít thì nên cho danh

Iu-

Iustitiæ & prouidentiæ o-
stensionem ità expedit. [n]
Cùm enim sæpè contingat,
viros probos paupertate,
rebusque aduersis premi, [o]
contemni & vexari à mul-
tis, morbis alijsque incom-
modis afflictari; [p] *contra*
verò improbos frui diuitijs,
honoribus, voluptatibus, &
plurima in hoc sæculo il-
lis secunda contingere:
[q] *qui sublimem abditam-*
que Diuinæ prouidentiæ
rationem ignorant, nec
Dei arcana penetrant, [r]
hæc videntes, mirari sæpè
solent: [s] *nec deerit etiam*
qui tenuissimi iudicij sui
immemor, [t] *iustissimam*
Dei Prouidentiam temera-
ria audacia arguere non
vereatur. [u] *Quare vt tota*
Diuinæ, in humano genere
gubernando, prouidentiæ
ratio innotescat; [x] *homi-*
num vniuersorum opera
omnia, in vniuersali co-
ram omnibus iudicio denu-
dabuntur: [y] *sicque consta-*

đức Chúa blời cả sáng,
nhứt là chi linh chi coũ
đức Chúa blời, sửa mọi
sự cho phải mlẽ, mà tỏ
ra, [n] vì chưng có nhẽu
lần, kẻ lành thì phải khó
khan, khốn nạn: [o] cữ chịu
người ta chê, và làm
khổn, cữ có phải đâu
náng, và tai vạ khác:
[p] mà lại kẻ dữ có khi thì
giầu có, mà người ta
kính, chịu lụi ở thế
nầy, cữ dều sự lành: [q] kẻ
chẳnh hay việc đức Chúa
blời trị, là sâu nhiệm,
và chẳng thoũ sự kín
đức Chúa blời, [r] khi
thấy làm lệy, dều lấn
thì hãi, [s] âu là cữ chẳng
thiều gì, kẻ chẳng nhớ,
sự trí mình yếu sức thể
nào, [t] mà kiêu ngạo, có
dễám trách đức trị vô
cữ đức Chúa blời, chi
linh chi coũ: [u] lệy cho
cả phép, và trị đức
Chúa blời, sửa lỗãi ngu-
ời ta, mà có mlẽ cả, tỏ
ra: [x] hễ là việc các người
ta, khi phải phán xét
chung, thước mạt thiên hạ thì tỏ ra hết, [y] mã lệy

bit

bit omnibus, quàm iustè, & quam vniuscuiusque operibus accommodatè, Deus vniuersa dispoſuerit. [z] Cùm enim ex vna parte, impiorum iniquitatibus æterni cruciatus inferorum debeantur: [a] ex alia verò nullus adeò malus ſit, qui interdum aliquid boni moralis non agat, [b] horum verò bonorum retributioni locus futurus non ſit in inferno, [c] vbi ſolatium nullum erit: [d] ideò ne quid boni ſine ſuo præmio præteriret; [e] ſumma Dei prouidentia iniquorum paucula bona opera rebus proſperis in hac vita compenſat. [f] Contra verò quia in hac vita boni viri, etiam ſancti, leuia ſaltem admittunt peccata, [g] quibus temporalem pœnam in hac vita, rebus aduerſis immiſſis, Deus inſtigit, [h] vt nimirum puriores decedant, citiùſque in cæleſtem gloriam admittantur:

Ngày thứ tám

thì hay biết hết tỏ tường, đức Chúa blời có ſửa mọi ſự chi linh, chi coũ, mà phải mlẽ, bàng việc ai nẽy có làm, thì có [z] chịu: [z] Vì chưng một bên, kẻ dữ vì tội mình thì đáng chịu gia hình [a] địa ngục đời đời: [a] mà lại bên khác, chẳng có đứa naò dầu rứt dữ, mà chẳng có làm khi naò [b] việc tiểu gì lành: [b] ſự lành tiểu ẽy, thì chẳng có nơi chịu thưởng tlaõ [c] địa ngục, [c] vì tlaõ ẽy chẳng có ſự gì đỡ ſưởng: [d] vì đẽy, cho kẻo có ſự gì lành, mà chẳng [e] có thưởng, [e] ſửa trị rứt cao Chúa blời, ſự lành tiểu ít kẻ dữ làm, thì thưởng ở thế nầy mà cho nó ſự đỡ thế gian. [f] [f] Mà lại vì kẻ lành, dầu nên thánh, có khi thì [g] phạm tội mọn, [g] cho nên đức Chúa blời phạt ở thế nầy, mà làm cho chịu [h] khốn khó tai nạn, [h] đẽy thì qua đời ſạch hơn, và càng cháõ đẽào đượ̃c chịu phúc đỡi đế tlên thiên đàng:

i & præterea vt per rerum aduersarum tolerantiam, plurimam sibi meritorum segetem, ad maiorem felicitatis postea cumulum, comparare possint. k hæc & alia multa, vt sapientissimè à Deo prouisa esse omnibus constet, l in vniuersali iudicio omnia hominum opera manifestabuntur, m & tota hæc Diuinæ prouidentiæ ratio, coram vniuerso hominum genere, detegetur.

n Secundò, quia Christus Dominus humiliauit semetipsum vsque ad mortem, mortem autem Crucis: o propterea Deus Pater exaltauit illum, p constituendo ipsum vniuersorum Dominum, ac Iudicem; q vt qui iniquissimè iudicatus est ab hominibus, r supremum in omnes homines iudicium exerceat: s eumque vniuersi, vel sponte venerentur, vel inuiti timeant.

i cũ khi chịu sự khổn khó thì thêm phúc đức nhiều, mà ngày sau chịu đước càng đui để đời đời. k Sự nầy, cũ sự khác nhiều, cho tỏ ra, cũ các thét, đức Chúa blời hay biết vô cũ, có định thể nào; l khi phán xét chung, thì mở ra hết việc người ta, m cộy mlẽ sâu nhiệm đức Chúa blời sửa trị thien hạ, thì tỏ ra hết, trước mặt cả và lỗài người ta.

n Thứ hai, vì đức Chúa Iesu có hạ mình xuống, cho đến chết nên cáy Crux: o nhin vì sự ẽy đức Chúa Deus Cha thì đam lên chức cao, p phú làm Chúa trên hết mọi sự, cũ cho chức phán xét, q vì đức Chúa Iesu có chịu người ta phán xét mình, kức tlái mlẽ, r lại đước chức cả, phán xét cả và lỗài người ta, s mà hết thay thái, hay là dầu lảo kính, hay là dầu chẳng khứng, thì cũ dái.

[t] *Tertiò, sæpè homines, licet peccandi voluntate incenſi,* [u] *ſi aduertant ſe tunc ab alijs videri, vel peccatum diù latere non poſſe;* [x] *hac verecundia à peccato retrahuntur.* [y] *Quo circa Dominus Deus vniuerſalis iudicij diem ſtatuit,* [z] *eumque futurum hominibus declarauit:* [a] *vt qui timore Dei à peccatis minimè retrahuntur,* [b] *ſaltem verecundia cohibeantur;* [c] *dum intelligunt peccata ſua omnia, quantumuis occulta, coram omnibus eſſe reuelanda.* [d] *Aliæ præterea multæ rationes ſunt, propter quas iudicium vniuerſale futurum eſt,* [e] *has enumeraſſe nunc ſufficiat.*

[f] *Tempus autem quo faciendum eſt, nobis Deus incertum reliquit,* [g] *ſicut incertum eſt quamdiù durabit hic mundus.* [h] *certum tamen eſt, iudicium vniuerſale futurum, in fine ſæculi huius.* [i] *Certum enim eſt mundum hunc ba-*

[t] [t] Thứ ba, nhiều lần có người ta, dầu hãm phạm tội, [u] nếu thấy kẻ khác có xem, hay là giấu tội [x] lâu chẳng được; [x] bởi hổ người làm vậy, mà [y] tránh tội: [y] nhơn vì sự ấy đức Chúa Trời có định ngày phán xét chung, [z] mà nói ra cùng người ta, ngày sau có [a] phan xét chung ấy: [a] cho kẻ chẳng tránh tội, vì phải kính dái đức Chúa [b] Trời, [b] ít là cối tội, vì [c] dái xấu hổ, [c] khi đã hay các tội mình, dầu kín, ngày sau thì tỏ ra trước [d] mặt cả và thiên hạ. [d] Cũ có đều mẽ khác nữa, cho nên ngày sau có phán [e] xét chung, [e] bây giờ có kể hấy nhêu thì thôi.

[f] [f] Mà khi nào có đến ngày phàn xét chung ấy, đức Chúa Trời chẳng [g] cho chúng tôi hay, [g] như cũ chẳng cho hay thế giái nầy được bao lâu, [h] [h] sáo le đã thạt, khi hết thế nầy, thì có phán xét [i] chung. [i] Vì chưng đã

bitu-

bitarum finem, [k] *saltem quoad successionem rerum, eo modo quo nunc est*: [l] *nam omnes homines morientur, & rerum generatio cessabit*; [m] *vt Deus sæpè in Diuina scriptura testatur*; [n] *Nouos enim cælos, & nouam terram secundum promissa ipsius expectamus, vt ait S. Petrus.* [o] *Cuius rei ratio non aliunde petenda est, quam ex Diuina voluntate,* [p] *à qua sola mundi duratio, & conseruatio pendet.* [q] *Id verò iudicij tempus Deus hominibus declarare noluit, vt cautiùs viuant,* [r] *quippe qui quamo post tempore ante Diuinum tribunal stare stendi sint, ignorant.* [s] *Estote, ait Christus Dominus, parati,* [t] *quia qua hora non putatis filius hominis veniet.* [u] *Aliqua tamen ante iudicij tempus futura Saluator Noster declarauit*: [x] *nimirum fore vt priùs Christiana lex per*

thạt ngày sau thế nầy có hết, [k] ít là sự sinh, sự tử, như bàng có bảy [l] giờ: [l] vì chưng người ta thì chết hết, mà sinh [m] để thì thôi, [m] như tlaõ kinh đức Chúa blời phán nhều lần: [n] vì có mlời đức Chúa blời nói húa, mà khiến ta tloũ blời mới, và đất mới, như oũ thánh Pedro [o] bảo. [o] Mà sự ấy ta chẳng khá kiếm mlẽ khác, có một í đức Chúa blời, [p] làm cho thế giái còn bảy lâu mà có giữ đấy. [q] Saõ le ngày naò có đến phán xét, đức Chúa blời chẳng cho người ta hay, cho càng giữ [r] phép, [r] vì chẳng hay cón bao lâu, mà phải đến tlước mạt đức Chua [s] blời phán xét. [s] Có mlời đức Chúa Iesu phán ràng: bay hãy ở cho sẵn, [t] [t] vì bay chẳng hay, Con người có đến giờ naò. [u] [x] Saõ le cũ có sự đức Chúa Iesu đã phán, có đến tlước, khi chưa có đến ngày phán xét, [x] cả và thiên

mundum vniuersum propagetur, vt paulatim nunc fit. [y] *Tunc signa multa* y
praecessura docuit; [z] *consurget, inquit, gens in gentem, & regnum in regnum,* z
[a] *& erunt pestilentiæ, & fames, & terræ motus per* a
loca, [b] *hæc autem omnia* b
initia sunt dolorum, [c] *&* c
statim post tribulationem dierum illorum, sol obscurabitur, [d] *& luna non dabit lumen suum, & stellæ* d
cadent de cælo, [e] *& virtutes cælorum commouebuntur, & tunc plangent omnes tribus terræ.* [f] *Post hæc* f
omnia, ignis de cælo cadens totam terræ superficiem comburet, [g] *nullusque* g
amplius superstes erit.
[h] *Tunc homines, quotquot* h
ab Adamo, ad consummationem vsque seculi, aliquando fuerunt, [i] *omnes* i
vno die, cum suo quisque corpore, suscitabuntur;
[k] *quod quidem Deo æquè* k
facilè est, atque hominem

Ngày thứ tám

hạ thì chịu đạo thánh đức Chúa blời, như bay giờ sẽ sẽ có chịu. [y] Cũ có phán khi ễy có thấy [z] nhều dễấu tlước, [z] phán ràng: dên nấy đánh dên khác, [a] nước nấy phá nước kia, [a] lại có tật bạnh cũ đại hạn, và đọũ địa nơi nấy, nơi nọ, [b] mà bấy nhều sự ễy, [b] là đầu hết sự khổn, [c] đến khi khỏi ngày sự khổn ễy, thỡát chóuc mạt blời thì tối ra, [d] và mạt blang chẳng có sáng ra, lại cái sao bởi blời thì tế xuống, [e] mà phép tlên blời thì đọũ, cho nên khi ễy mọi lỡài người ta khaóc laóc. [f] đoạn mọi sự ễy, lửa bởi blời tế xuống, thì đốt ra hết cả và mạt đất, [g] mà chẳng còn có để ai sóũ nữa.

[h] Khi ễy hễ là người tã, từ oũ Adam cho đến hết thế, có sóũ khi naò, [i] hết thay thải ai nễy đượ xác mình, mà sóũ lại cũ một ngày: [k] sự nấy đức Chúa blời lễy làm [k] *è som-*

à somno ſuſcitare, cum
ſit omnipotens. [l] *Et certè*
cum vniuerſale hoc iudi-
cium, præcipuè ad Diuinæ,
vt diximus, iuſtitiæ, & pro-
uidentiæ oſtenſionem ſit
faciendum: [m] *ad eamdem*
pertinet prouidere, vt re-
ſurgant corpora, quorum
actus iudicandi ſunt: [n] *fa-*
ciendum enim eſt iudi-
cium, vt reddat vnuſquiſ-
que rationem de ijs quæ geſ-
ſit in corpore, ſiue bonum,
ſiue malum.

[p] *Vnde impiorum corpora*
reſurgent fœda, & fœti-
da, & vndecumque miſer-
rima. [q] *Iuſtorum autem*
corpora erunt pulcherrima,
elegantiſſimaque forma
prædita, [r] *integerrima, &*
numeris omnibus abſoluta,
in menſuram ætatis pleni-
tudinis Chriſti; [ſ] *erunt*
ſubtiliſſima, vt quoduis
corpus penetrare queant;
[t] *lucidiſſima, & Soli ipſi*
claritate ſimilia, [u] *quæ ta-*
men lux oculos non offen-
det, ſed delectabit: [x] *im-*
paſſibilia, vt non ſolum

dể, bàng đánh thức ngu-
ò-i, khi ngủ, vì có phép
l vô cũ. [l] Thật vì phán
xét chung nầy đức Chúa
blò-i có làm, nhìt mà tỏ
ra sự mình sửa tri, chi
m cóũ, [m] thì đức Chúa
blò-i phải làm cho xác
sóũ lại, vì cũ có phán xét
n việc xác làm: [n] vì chưng
có phép phán xét nầy,
cho ai nếy thì ra mlẽ naò,
có làm việc gì, khi còn
o ở tlaõ xác, [o] hay là việc
lành, hay là việc dữ ḍếy.
p [p] Vì ḍếy xác kẻ dữ, khi
sóũ lại, thì ra xấu xa, hôi
hám, và mọi bề kực khổn
q nạn, [q] mà xác kẻ lành
thì ra rứt tốt, có hình
r rứt khéo, rứt lành, [r] mọi
bề thì đươc blọn, như
hình đền blọn tuỗy đức
ſ Chúa Iesu: [ſ] ḍếy thì có
phép mầõ, cho nên chẳng
có mạc đươc xác naò,
mà chẳng ḍễào đâu đâu,
t mạc laõ, [t] lại đươc rứt
sáng, cũ bàng mặt blò-i,
u [u] saõ le sáng ếy chẳng có
chói lói con mắt, mà lại
làm cho sư-áng: [x] cũ chẳng

vltrà

vltrà mori non possint, [y] *sed nec vllũ dolori, aut necessitati subiacere*; [z] *agilissima, vt brevissimo tempore possint peruenire quo voluerint, ad instar spiritus*.

[a] *Omnium hominum resurrectione peracta apparebit in cælo sacratissima Crux, in qua Saluator pro nobis pependit*. [b] *hæc autem sanctissimæ Crucis ostensio erit; tum vt Iudæi agnoscant consilium iniquitatis suæ*, [c] *qui Dominum Maiestatis crucifixerunt*, [d] *& ipso ligno arguente, cognoscant peccatum suum*: [e] *tum vt peccatores omnes confundantur, quod suæ redemptionis fructum per Crucem, sua culpa minimè perceperunt*: [f] *tum vt salutaris ligni aspectu iusti omnes recreentur*. [g] *Tunc Dominus Noster Iesus Christus, Angelicis legionibus, & animabus Sanctorum stipatus*, [h] *comitante Au-*

có chịu đươc khốn gì, cho nên chẳng lọ là chết
[y] chẳng đươc nữa, [y] mà lại chịu một chút gì khó,
[z] cũ chẳng đươc: [z] lại đi đâu mạc lào, mà cháo đến, bàng linh thiêng.
[a] [a] Khi các hết người ta sóũ lại rồi, tlên blời thì coi thấy rứt thánh Crux, đức Chúa Iesu đã chịu bêo đẽy vì chúng
[b] tôi, [b] đức Chúa blời cho thấy Crux làm bệy, và cho dên Iudeo hay, đã lo tŏan quéi quá thể
[c] nàò, [c] khi đã đáõ đanh đức Chúa Iesu, là Chúa
[d] kực trạõ, tlên cây ẽy, [d] mà bói cây cho nên biết
[e] tội mình kực trạõ. [e] Lại cho kẻ có tội biết xấu hổ, khi thấy bởi tội mình,
[f] mà chẳng chịu coũ, sự choặc tội bởi cây Crux.
[f] [f] Mà lại cho kẻ lành sướng hết mầng lào, khi thấy cây nầy, là cội rễ
[g] mọi sự lành. [g] Chóuc ẽy đức Chúa Iesu, có quanh quế mình các đức thánh

thiên thần, cũ các người thánh, [h] cũ có rứt thánh [h]

gustissi-

gustissima Virgine Matre, đức Mẹ đồng thân đến
[i] *veniet cum virtute &* [i] cũ, [i] lại rứt trọng vạ,
maiestate maxima, qualis người ta chưa thấy sự
nunquam visa inter homi- [k] trọng làm bậy, [k] mà lại
nes est, [k] *nec fingi humana* lảng người ta lo chẳng
mente potest. đến.

[l] *Iudicium hoc vniuersale* [l] [l] Phán xét chung nầy
faciendum est in valle Io- phải làm ở nơi thủng,
saphat, propè Hierosoly- tên là Iosaphat, ở gần
mam, [m] *vbi Saluator pro* [m] thành Ieruſalem, [m] là nơi
humano genere iniquissima đức Chúa Iesu có chịu
sententia iudicatus, Cruci- phán xét rứt tlải mlẽ,
fixus est: [n] *ideò supra hanc* mà chịu đóng đanh tlên
vallem in sublime consi- [n] cây Crux; [n] vì bậy khi
stet, sedens in nubibus, in ấy sẽ ngồi tlên chốn ấy,
solio augustissimo, & splen- ở nơi mây, có tỏa kức
didissimo. [o] *Diuini Iudicis* [o] trọng, kức sáng. [o] Cũ có
Assessores erunt, tum Apo- đầy tớ cả phán xét cũ
stoli, quibus ipse pollicitus đức Chúa Iesu, vì có
est. [p] *Amen dico vobis,* [p] mời hứa, phán ràng:
quod vos qui secuti estis [p] tạo nói thật cũ bay, vì
me, [q] *cum sederit filius ho-* [q] bay có theo tạo, [q] khi
minis in sede Maiestatis tạo ngồi ở tỏa cả phán
suæ, sedebitis & vos super xét, bay cũ ngồi ở mu-
sedes duodecim, [r] *iudican-* [r] ời hai tỏa, [r] mà phán
tes duodecim tribus Israel: xét mười hai dòng nước
[f] *tum alij etiam viri san-* [f] Israel: [f] cũ có người
cti, qui præcipuo perfectio- thánh khác ngồi phán
nis studio Christi Domini xét, khi đã hết lảng theo
exempla sunt secuti. [t] [t] nhin đức, bắt chước
Tunc Angelorum multi à [t] đức Chúa Iesu. [t] Khi ấy
Christo Iudice, per vniuer- đức Chúa Iesu cả phán

sum

ſum miſſi, [u] *gentes omnes*
à quatuor ventis ante Iu-
dicem in ictu oculi congre-
gabunt, [x] *eoſque in duas*
claſſes ſegregantes, iuſtos
quidem ad Iudicis dexte-
ram, [y] *impios verò ad ſi-*
niſtram collocabunt.
[z] *Tunc Diuina virtute fiet,*
non ſolum vt vnuſquiſque,
quicquid in vitæ decurſu
egit, [a] *ſiue boni, ſiue mali*
quaſi præſens intueatur:
[b] *ſed etiam vt ſinguli ſin-*
gulorum facta omnia,
quaſi in vniuſcuiuſque
fronte deſcripta conſpi-
ciant. [c] *Quanta tunc erit*
iuſtorum lætitia de bene-
factis, & de Diuina lege
benè cuſtodita? [d] *quanta*
contra reproborum, de ma-
lefactis pœnitentia? [e]
quantus dolor, ſed iam
inutilis, quod legi Dei ſub-
ijci noluerint? [f] *Quantus*
rubor, dum ſua ſcelera
omnia coram tot millibus
populorum denudari vide-
bunt?

Ngày thứ tám

xét, cũ ſai đức thánh
thiên thần nhẽu, đi khắp
[u] thiên hạ, [u] mà hộp lại
người ta bốn bể, tức
thì đến trước mặt đức
[x] Chúa Ieſu phán xét: [x] lại
chia ra làm hai đàng: mà
kẻ lành thì cho ở bên
tay mặt đức Chúa Ieſu
[y] phán xét, [y] lại bắt kẻ dữ
ở bên tay trái.
[z] [z] Khi ấy có phép đức
Chúa blời, làm cho ai
nấy, chẳng lọ là thấy đi
gì đi gì mình làm, khi
[a] đang sống ở thế nầy, [a] hay
là lành, hay là dữ, mà
thấy như thể trước mặt
[b] bậy: [b] lại cho xem mọi
việc kẻ khác, như thể có
chép trên trán ai nấy
[c] bậy. [c] Mà kẻ lành, vì
đã làm sự lành, đã giữ
trọn đạo đức Chúa blời,
[d] có mầng thế nào? [d] mà
[f] lại kẻ dữ, vì đã làm sự
lỗy, có lo buồn sầu não
[e] làm sao? [e] vì chẳng khứng
giữ phép đạo thánh đức
Chúa blời thì ăn năn,
mà nào có ích gì? [f] có xấu hổ chừng nào, khi thấy | [f]
tội lỗi mình mở ra trước mặt muôn vàn người ta?

[z] *Sin-*

g *Singulorum factis, tum bonis, tum malis, ab omnibus hominibus, & Angelis clarè perspectis,* h *Iudex Christus statuet iustis, pro meritorum numero, & magnitudine, condignos beatitudinis, & gloriæ gradus:* i *improbis autem, pro peccatorum numero, & grauitate, cruciatuum magnitudinem decernet:* k *idque tanta cum sapientia & iustitia,* l *vt omnes nihil melius, nihil iustius constitui posse perspiciant.* m *Tum Iudex conuersus ad iustos, qui ad dexteram erunt, lætissima fronte,* n *atque amantissimis verbis dicet. Venite benedicti Patris mei:* o *possidete paratum vobis regnum à constitutione mundi.* p *Deinde iniquis qui ad sinistram erunt seueriſſimo vultu,* q *& verbis iustissima indignatione plenis, dicet:* r *Discedite à me maledicti*

g đến khi các người ta, cũ thiên thần đã thấy tỏ tường mọi việc lành dữ đoạn, h đức Chúa Iesu thì định cho kẻ lành sự phúc đức mình, mốn, nhều bậy: i mà lại cho kẻ dữ, cũ định, hình chịu bao dêu, bàng tội vạ nó phạm nhều, trao k bậy: k mà mọi sự định ẽy, thậm phải mlẽ, và coũ l bàng, l cho nên hết thay thảy có xem, chẳng có m gì tỏan được hơn: m thôi đoạn thì đức Chúa Iesu blở mạt rứt bui, rứt tốt cũ kẻ lành, ở n tay mạt, n mà nói ra đều rứt lành phán ràng: đức Cha tao khiến bay được mọi sự lành, hãy đến cũ tạo, o mà chịu lẽy phúc, trị nước đã dẽon cho bay, từ tạo thiên p lọp địa, p đoạn thì blở mạt rứt trạo, máng cho q kẻ dữ, ở tay tlái, q mà nói đều trạch xỉ vả, rứt coũ bàng, phán ra: r bay những kẻ được mọi sự dữ, hãy đi cho khỏi mạt tao, mà sa xúống tlạo lửa

in ignem æternum, [f] *qui parátus est diabolo, & Angelis eius.*

[f] vô cũ, [f] đã sắm sửa, cho ma quỉ, và cho thiên thần làm bạn nó.

[t] *Iustissima & irreuocabili à Christo supremo Iudice lata sententia,* [u] *statim Angeli cum sacratissima Cruce ascendere incipient,* [x] *eodem quo è Cælo descenderant ordine;* [y] *sequentur cum incredibili iubilo cælestes omnes legiones;* [z] *& Christus Dominus, cum Virgine Matre, & immensa Sanctorum multitudine,* [a] *solemnissima pompa, atque augustissimo, & planè Diuino triumpho cælos penetrabunt.* [b] *Interim terra ad imum vsque inferni in vastam voraginem debiscens,* [c] *qui ad æternos cruciatus damnati fuerint, descendere cogentur,* [d] *& reluctantes à dæmonibus impellentur.* [e] *conuertent subinde oculos, vt iustorum videant triumphum,* [f] *sed nimia eorum*

[t] [u] [x] [y] [z] [a] [b] [c] [d] [e] [f] [f] đến khi đức Chúa Iesu cả phán xét, nói mlòi phán làm bậy, mà chẳng có ai cãi được, [u] đoạn thì thoắt chóuc đức thánh thiên thần cầm cây rứt thánh Crux có [x] lên tlên blòi; [x] cũ bàng phép khi tlước, bồi blòi [y] mà xuống: [y] các đức thánh thiên thần mầng bội phần, lo chẳng đến, [z] mà theo bậy: [z] lại đức Chúa Iesu, bồi đức Mẹ đồng thân, và ngườ̀i thánh kể chẳng xiết, [a] [a] như đánh được mọi giạc đoạn, thì trạo vạo [c] rứt mực, như phép đức Chúa blòi, bẽaò nhà [b] thiên đàng. [b] Khi ấy đất thì mở ra làm lỗ rọu [d] thay, cho đến dưới địa [e] ngục: [c] mà kẻ phạy hính đòi đòi, thì ép xuống, [f] [d] ví bàng có ai chẳng khứng, thì ma quỉ đuổi đi, [e] cũ có khi ngửa mạt lên, mà xem kẻ lành, rứt [f] bui bẻ làm bậy, [f] sáo le sáng láng chừng ấy, mà

per-

perculsi luce cæcutient; [g] *considerantes verò alijs ad æternam felicitatem ascendentibus*, [h] *se ad perpetuos inferorum cruciatus sua culpa detrudi*; [i] *quos facilè potuerant effugere, si Diuinæ se legi subdere voluissent, rectam sequentes rationem*, [k] *amarissimè flebunt, ingemiscent, lamentabuntur, & præ inuidia, & rabie disrumpentur*. [l] *Omnibus introgressis claudetur terræ hiatus*, [m] *& miseri teterrimo, infelicissimoque carcere in omnem coërcebuntur æternitatem*, [n] *& in igne torquebuntur æterno, cum diabolo & angelis eius*, [o] *absque vlla spe vnquam exeundi in æternum*.

[p] *At verò cùm primum sapientissimus, iustissimus, ac potētissimus Iudex Christus Iesus*, [q] *verus Rex Regum, & Dominus Dominantium*, [r] *cum suis Angelis, & Sanctis, ad cale-*

[g] chọục con mạt nó: [g] đến khi lo lại, kẻ khác có lên, chịu bui bế đời đời, [h] mà mình phải sa dưới địa ngục, chịu hình phạm tội, [i] cũ nghĩ xưa khỏi được, nếu chịu bưng mỏi đức Chúa bời răn, mà theo lẽ phải mẽ, [k] thì khaóc, laóc than thở, cũ phàn nàn mà gẹn trách mình, cho nên lo buồn như xé ruật ra: [l] khi đã giục, mà đẽào hết, lỗ mlóm [m] đết thì lớp lại, [m] mà những thàng dữ ếy, thì cầm ở tlaõ tù rạc, khổn nạn làm bệy đời đời, [n] cũ hàng chịu hình lửa vô cũ bồi ma quỉ, và bồi những thiên thần dữ [o] làm bạn nó, [o] mà chẳng có tloũ được ra bao giờ cho đến đời đời bệy.

[p] Saõ le đức Chúa Iesu rứt hay biết, rứt coú bàng, và có rứt phép [q] phán xét, [q] làm bua tlên mọi bua, và Chúa tlên mọi Chúa, [r] khi blở tlên thiên đàng có đức thánh thiên thần cũ các thánh

ſtem patriam reuerſus, [f] *ante Omnipotentis Patris conſpectum glorioſam Sanctorum multitudinem, cum ſuo quemque corpore rediuiuum præſentauerit;* [t] *ſtatim eiuſdem Dei Patris iuſſu, iuxtà ſingulorum merita;* [u] *& latam paulò ante à iuſtiſſimo Iudice Chriſto de vnoquoque ſententiam,* [x] *ſuas cuique ſedes, dignitatis inſignia, & gloriæ gradus iuſtiſſima proportione diſtribuet.* [y] *Vniuersè autem Beati omnes, tum in anima, tum in corpore, tot tantorumque gaudiorum affluentia redundabunt,* [z] *vt nihil omninò deſiderandum ſuperſit:* [a] *eaque gloria perfruentur in omnem æternitatem,* [b] *abſque periculo, aut timore vllo, illam beatitudinem inenarrabilem vnquam amittendi.* [c] *Vniuſcuiuſque autem Beati, vel infimi omnium, tanta erit Maieſtas, & opulentia,* [d] *vt etiamſi omnes ſimul Reges terræ, cum omnibus*

Ngày thứ tám

[f] đồi, [t] tlước mặt đức Cha, có phép vo cũ, đam các người thánh, mà ai nấy có xác ſống lại [t] đồi; [t] thức thì có lệnh đức Chúa blời, là đức Cha, ai nấy bằng phúc [u] mình, [u] và bằng đức Chúa Iesu coũ bằng, đã phán xét khi tlước, mà [x] định đã thậm phải, [x] thì cho mỗi một ngồi ở tõa bằng coũ mình, và phứ chức có dẽấu, lại cho [y] đui đẻ ai nấy báng phúc làm, chi linh chi coũ. [y] Saõ le chung hết người thánh có chịu nhều sự đui đẻ đấy và tlaõ linh hồn, và tlaõ xác, [z] [z] cho nên chẳng còn có muấn được đí gì nữa. [a] [a] mà chịu hàng thanh nhàn làm đẹy đời đời, [b] [b] chẳng còn liệu, hay là dái sợt, khi nào mất được sự hàng đui đẻ thanh nhàn ấy, đời đời [c] đẹy. [c] Lại mỗi một người thánh dầu đượi hết, có trạõ, và giầu chừng [d] ấy; [d] cho nên dù mà hết

nibus

nibus ſuis diuitijs conuenirent ad perficiendum aliquem thronum, [c] *ad infimi Beatorum throni excellentiam, & Maieſtatem pertingere non poſſent.*

[f] *Hùc ego iuſſu Regis Regum Ieſu Chriſti aduenì,* [g] *vt bonum vobis nuncium afferrem, ipſiuſque nomine vos omnes ad ſuprema illa beatorum gaudia inuitarem,* [h] *viamque demonſtrarem, quam ſi volueritis tenere,* [i] *& infelicitatis æternæ cruciatus inæſtimabiles poſſitis euadere,* [k] *quibus damnati cruciabuntur in inferno, cum diabolo in æternum:* [l] *& beatitudinis inenarrabilis gaudia poſſideatis in perpetuas æternitates:* [m] *alterum enim è duobus neceſſariò vnicuique noſtrum euenturum eſt,* [n] *id atteſtante ſuprema, & infallibili veritate Dei;* [o] *eligite igitur, dum tempus habetis, ex beni-*

[c] bua Chúa thien hạ hộp lại làm một, mà dữ hết của mình, làm một tòa cho trạõ, [c] cũ chẳng đến tòa trạõ, và tốt lành, người thánh naò, dưới hết các thánh.

[f] [f] Thày bưng lệnh đức Chúa Ieſu, là bua Chúa trên hết mọi bua Chúa, [g] mà đến đấy, [g] đam tin lành cho bay, mà thay vì đức Chúa Ieſu, mờ̀i bay cho được chịu bui bể cả ẽy, cũ các thánh, [h] [h] và đam đàng cho, ví bàng có tòan noi giữ [i] đàng ẽy, [i] và khỏi được hình khổn nạn vô cũ, [k] lo chẳng đến, [k] nhưng hình địa ngục, kẻ dữ thì phải chịu, cũ ma quỉ đờ̀i đờ̀i: [l] mà lại chịu được bui bể thanh nhàn, vo cũ đờ̀i đờ̀i, [m] mlờ̀i nói chẳng hết: [m] vì chưng tlaõ hai sự nầy, thạt mỗi một ta, ai là ai chẳng khỏi được [n] một, [n] vì có mlờ̀i đức Chúa blờ̀i, thạt thà vô cũ, chẳng sai, có phán làm bẽy: [o] bây giờ̀ khi đức Chúa blờ̀i, là Chúa cả | [o]

gnitate

gnitate ſupremi Numinis, viam bonam & rectam, p ſcilicet dum vitæ præſentis tempus ſupereſt, cuius diem craſtinum nobis polliceri non poſſumus. q Ergo ſi ſapitis, ſtatim accipite ſcalam Diuinam, quam demonſtrabo vobis, r per quam aſcendentes, ad æterna cæli gaudia procul dubio, Deo ſic promittente, peruenietis, s euadetiſque æternos inferni cruciatus. t Quis enim habitare poterit de vobis cum ardoribus ſempiternis?

u Via hæc planiſſima eſt Diuina lex, x quam ab initio Deus Adamum docuit, & cum illo totum genus humanum, & rationalem creaturam, y per quam duobus pedibus incedere docemur ab ipſo Deo. Declina à malo, & fac bonum, z vt nimirum, quæ ſunt rationi conſona, ſectemur, a quæ verò à recta

nhin lành vô cũ, có cho rồi., thì hãy chọn lấy đàng lành, và ngay cho p kịp, p khi hãy còn sống ở thế nầy, mà ta chẳng q biết được, mai ta còn sống, hay là chang. q vì bởi nếu có khôn, thì cầm lấy, ta dẫn cho r thẳng thiêng đức Chúa blời, r mà lên thẳng nầy, thật có đến tlên blời nơi đuy đế vô cũ, vì có mlời đức Chúa blời, phán hứa bởi, s s mà khỏi hình khổn vô cũ ở tlaõ địa ngục. t Ai tlaõ bay có chịu được hình, ở tlaõ lửa đời đời bởi ru?

u a đàng nầy rứt phẳng lạ đạo thánh đức Chúa x blời, x dẽạy ou Adam từ đầu hết, cũ cả và lõài người ta, lõài hay biết y suy mlẽ, y mà đức Chúa blời dẽạy ta, có hai chên đi đàng nầy, là tlánh sự z lỗy, mà làm sự lành: z cho nên ta thấy sự gì phải mlẽ, thì ta theo, a mà ta xem việc gì tlái mlẽ, thì a

ratio-

rationis tramite dissonant, fugiamus. [b] *Sed quamuis hoc Diuini vultus lumen signatum sit super nos:* [c] *Quia tamen per peccata nimium fuerat offuscatum,* [d] *ideò benignissimus Dominus post bis mille, & amplius annos, ab hominum propagine,* [e] *in duabus lapideis tabulis legem suam conscribere dignatus est, quæ decem præceptis continetur:* [f] *& illam Moysi seruo suo tradere, vt illam ipse Moyses Iudæorum populum doceret, qui tunc erat popalus Dei.* [g] *Attamen quia populus ille carnalis Diuinam legem iam non custodiebat, vt decebat,* [h] *misit ipse Deus filium suum Iesum Christum, qui & Diuinam doceret legem,* [i] *& ad illam seruandam nobis per gratiam suam vires etiam largiretur.* [k] *non enim venit Dominus Iesus legem soluere, sed adimplere,* [l] *vt suo nos etiam Diuino exemplo doceret illam ad-*

[b] ta tlánh. [b] Saõ le dầu sáng nầy, bởi mạt đức Chúa blời, mà in ḅẽào [c] tlaõ làõ ta: [c] bởi ta có tội, sáng nầy đã hầu tối, [d] mà hư đi lám, [d] nhin vì sự ềy đức Chúa blời rứt nhin lành, từ sinh hồài người, qua hai nghìn [e] dư năm, [e] có chịu lềy hai la đá, mà ghi lại đạo thánh mình, có hết tlaõ [f] mười điều răn: [f] mà tlao cho oũ Moyse, làm tôi mình, lại khiến oũ Moise dẽạy dến Iudeo, khi ềy là dến đức Chúa [g] blời. [g] Sao le vì dến ềy những yêu xác, mà đến sau chẳng còn có giữ đạo đức Chúa blời cho nên, [h] [h] thạt đức Chúa blời có sai. đức Con mình, là đức Chúa Ieſu, mà dẽạy [i] đạo thánh, [i] lại cho chúng tôi gratia, là thêm sức cho chúng tôi giữ [k] đũợc đạo: [k] vì chưng đức Chúa Ieſu chẳng phải đến mà phá đạo, thạt đến mà giữ bọn, [l] [l] lại làm cho chúng tôi

imple-

implere. [n] Decem igitur sunt Dei præcepta, quæ à nobis seruata, [n] sunt scala tutissima nobis, ad æternam beatitudinem consequendam in cælesti regno. [o] Diuinorum autem præceptorum datæ sunt à Deo duæ tabulæ: [p] prima tabula nos docet quomodo ipsum Deum colere debeamus, [q] tum corde, tum verbo, tum opere: [r] atque ideò tria sunt primæ tabulæ præcepta tantum. [s] Primum est quo iubemur vnum colere Deum, [t] quod fit initio credendo in ipsum, accedentem enim ad Deum oportet credere, [u] quia sine fide impossibile est placere Deo: [x] credere igitur debemus omnibus quæ Deus reuelauit, [y] & per Ecclesiam Catholicam credenda proposuit: [z] nam ipse Deus Prima Veritas est, [a] qui nec falli potest, quia omnia nouit, etiam

bắt chước nhin đức Chúa Trời, mà giữ đạo cho [m] bọn. [m] Ấy vậy mà có mười sự đức Chúa Trời [n] răn, ta noi giữ đấy, [n] thật là thăng chính, mà cho ta lên được tlên thiên đàng, chịu vui vẻ [o] đời đời. [o] Mà đức Chúa Trời có cho mười răn [p] tlaõ hai la đá: [p] tlaõ một la đá có dạy ta thờ phượng đức Chúa Trời [q] thế nào, [q] và tlaõ lào, và miệng nói, và mình [r] làm, [r] vì vậy la đá thứ nhất có ba mươi răn, mà thôi.

[s] [s] Mười răn thứ nhất thì khiến ta thờ một đức [t] Chúa Trời, [t] trước hết thì phải tin kính đấy, vì chưng ai đến cùng đức Chúa Trời thì phải tin, [u] [u] mà ai chẳng có lào tin, thì đẹp lào đức Chúa [x] Trời chẳng được: [x] vì vậy ta phải tin mọi mười đức Chúa Trời truyền [y] ra; [y] và tlao cho Ecclesia Catholica, là các người ở tlaõ đạo, làm một: [z] vì chưng đức Chúa Trời là thật nhất, [a] mà chẳng có ai

ante-

antequam fiant; [b] *nec fallere quemquam potest, quia summa bonitas est.* [c] *Contra credere minimè debemus falsis sectis,* [d] *vt pote damonum inuentis, ad perdendos homines.* [e] *Hinc fit vt Deum super omnia timere debeamus,* [f] *vt nimirum quem credimus animam & corpus posse in gehennam: [g] quamuis enim Reges, & Principes viros, eorumque Gubernatores timere debeamus, & reuereri, vt paulò post dicemus;* [h] *Deum tamen super omnes, & plusquam omnes reuereri, & timere debemus,* [i] *tanquam supremum rerum, etiam hominum omnium Dominum,* [k] *à quo pendet omne bonum nostrum, tam temporale, quam æternum.* [l] *Qui verò Deum ita super omnia timet, non debet timere idola, vel da-*

[b] đối được đây, vì đã biết hết, dù mà chúa [h] có: [b] lại đức Chúa blời đối ai chẳng được, vì [c] là rứt lành. [e] Mà lại chẳng nên tin giáo dối, vì [d] chưng giáo ấy, [d] những là chước ma quỉ, bày [i] đạt, mà hại người ta. [e] Bởi lão tin, thì mới [f] ra lão kính dái đức Chúa blời, tlên hết mọi sự, [f] vì đã tin, đức Chúa blời bắt được, và linh hồn, và xác tlão lửa [g] địa ngục đời đời: [g] vì chưng dầu ta nên kính dái đua Chúa, và quan cuyền trị nước thay, như mlời ít nữa ta giảng ra: [h] Sáo le sự đức Chúa blời ta phải kính dái [i] tlên hết mọi người, [i] như Chúa cả, tlên hết mọi sự, tlên hết mọi [k] người, [k] vì chưng mọi sự lành chúng tôi, và đời nầy có cữ, và đời sau chẳng cữ, bởi đức Chúa blời mà có. [l] Ai làm dậy chẳng còn có [l] kính dái đức Chúa blời mlẽ gì, mà dái bụt, hay

mones qui in ÿs sunt, m quia hi omnes, nisi permittente, aut iubente Deo, n nihil omninò possunt nocere, & ne capillum quidem à nobis auferre.

o Quare in Deo etiam super omnia sperare debémus, p tum quia Omnipotens est, tum quia Pater est Noster amantissimus, q qui sic dilexit nos, ut proprium filium nobis dederit in mortem, r ad remedium, & in remissionem peccatorum nostrorum: s si enim proprio filio non pepercit, sed pro nobis tradidit ipsum, cum inimici essemus; t quanto magis reconciliati, saluerimus ab ira per ipsum. u Ergo primo loco sperare debemus à Diuina bonitate remissionem peccatorum infallibilem; x si adhibuerimus ea remedia, & eo modo, quo ipse nobis præcipit Deus. y Praterea remissione peccatorum per-

Ngày thứ tám

m là mà qui ở tlaõ nó, vì chưng mọi vật ấy, nếu đức Chúa blời n chẳng khiến, n nó chẳng làm chi được ta; dẫu một cái tóc ta, lấy chẳng được.

o Vì bởi ta cứ phải tlông p cậy đức Chúa blời, tlên p hết mọi sự, p vì chưng có phép vô cùng, mà lại làm đức Cha rất lành q chúng tôi, q có yêu chúng tôi chưng ấy, cho đến tlao Con mình chịu chết, r mà chữa chúng tôi, và chuộc tội cho chúng tôi: s vì chưng nếu chẳng tha đức Con mình, mà tlao vì chúng tôi, khi chúng tôi hãy còn ðan gia cừ: t hoàng lợ khi đã kết nghĩa cừ, khỏi lão gẽn đức Chúa blời, vì đức u Con: u vì bởi đâu hết ta phải tlông cậy đức Chúa blời nhìn lành, thật có tha tội cho chúng x tôi, x nếu có dữ việc, đức Chúa blời khiến dữ, lại dữ thế nào đức Chúa blời khiến dữ thì mới y được tha tội, y mà lại khi đã chịu tha tội, ta phải

cepta,

cepta, perseuerantiam finalem à Diuina Misericordia sperare debemus, [z] per quam nobis pateat introitus in æternam beatitudinem, [a] quam per merita quidem nostra, sed ex gratia Dei, [b] quæ nos præueniat, & sequatur, & bonis operibus faciat esse intentos, [c] sperare debemus etiam ex misericordia Dei. [d] Deinde bona quoque temporalia, vitam, sanitatem, & reliqua huius mundi bona, [e] in quantum nobis sunt necessaria, & utilia, ad sempiternam vitam in futuro sæculo possidendam. [f] Quod tamen imprimis hoc præcepto nobis iniungitur, [g] est amor sincerus Diuinæ Bonitatis, quam ex toto corde super omnia diligamus, [h] quia omni amore dignissima est propter seipsam, [i] & quia prior dilexit nos, tantisque cumulauit beneficijs, etiam immeritos: [k] atque ideò

rlouī cay đức Chúa blòi nhin lành, giúp sức cho ta giữ blọn, cho đến hết hoi, [z] mà bậy ta chẽảo được noi cùi [a] bé đòi đòi, [a] that bòi ta có coū, lāō le vì đức Chúa blòi cho ta gratia, [b] là giúp lúc, [b] và rlu-ớc mó đàng cho ta, và sau theo ta, lai-ó cū lien, giúp ta, thì mó-i có coū, [c] mà ta phải rloū gratia, bậy, bòi đức Chúa blòi [d] nhin lành bậy: [d] ta lại cay đức Chúa blòi cho ta sự thế nāy, sóū lâu, sức chỗē, cū các kì sự [e] ta dū, [e] mà giúp cho ta đòi sau được hàng sóū, [f] cùi bé bậy. [f] Saō le tlaō mlòi răn nāy nhứt [g] là khiến ta, [g] kính mến that đức Chúa blòi hết [h] lāō tlên hết mọi sự: [h] vì chưng đức Chúa blòi lāō lành vô cū, tự nhiên đā đáng mọi sức kính [i] mến: [i] mà lại vì đức Chúa blòi đā mến ta tlước, mà cho ta nhēu [k] ơn, kể chẳng xiết, dầu ta chẳng đáng: [k] vì bậy ta phải

Deum Optimum Maximum diligere debemus plusquam nos ipsos, [l] *plusquam parentes, aut filios, plusquam vitam propriam:* [m] *ita vt parati simus amittere omnia, vt eius amicitiam, & benevolentiam conseruemus;* [n] *ipsiusque offensam vt vitemus, omnia patiamur.* [o] *Et quia vnis præcipuus Diuinæ Maiestatis cultus in corde, & anima consistat:* [p] *Cùmque Deus supremus, & infinitus sit Spiritus,* [q] *vt nos docuit verus Magister, & Dominus Iesus Christus,* [r] *eos qui Deum adorant, in Spiritu, & veritate adorare oportet:* [s] *attamen quia corpus etiam ab ipso habemus,* [t] *exteriorem quoque cultum illi debemus,* [u] *templa nimirum, & altaria erigendo,* [x] *in quibus illum colamus, & adoremus.*

[y] *Sunt qui dicant, esto Deum super omnia colere*

Ngày thứ tám

yêu mến đức Chúa blời rứt lành, rứt cả hơn ta, [l] hơn cha mẹ, hơn con cái, hơn linh hồn cho ta sóũ; [m] cho nên ta chịu mất hết, mà ta chẳng chịu mất nghĩa cũ đức Chúa blời, [n] lại ta chịu mọi sự, cho ta khỏi mất lào đức Chúa blời. [o] Mà dầu phép thứ nhứt thờ phượng đức Chúa blời ở tlaõ lào, và tlaõ linh hồn, [p] vì chưng đức Chúa blời là tính thieng liêng cả; chẳng [q] hay cữ, [q] có mlời đức Chúa Iesu là thày thật [r] phán ràng: [r] ai kính lạy đức Chúa blời, thì phải kính lạy tlaõ linh hồn, [s] mà thật thà: [s] saõ le vì đức Chúa blời cữ sinh ra xác ta, [t] cữ phải thờ phượng đức Chúa blời [u] bề ngòài, [u] bệy thì phải dựng đền tháng, và nơi [x] thờ, [x] để mà kính lạy thờ phượng đức Chúa blời.

[y] Có kẻ thì ràng, thờ phượng đức Chúa blời trên hết mọi sự thì phải

debea-

debeamus: [z] *sed sub ipso Deo, cur non erit etiam licitum idolis cultum exhibere?* [a] *sicuti quamuis Regem, aut supremum quemlibet Monarcham, præ omnibus in quolibet Regno veneremur;* [b] *alios tamen sub ipso, duces, & Magistratus veneramur,* [c] *non repugnante, imò iubente ipso Rege.* [d] *Hoc sanè probat, non solum Deum esse colendum supremo cultu, qui latria dicitur:* [e] *sed etiam sanctos inferiori quodam cultu, qui dulia dicitur, esse colendos,* [f] *tanquam Dei amicos, per quos etiam Diuina impetremus dona,* [g] *& præcipuè Deiparam Virginem, quam sub ipso Deo,* [h] *plusquam omnes sanctos cultu qui hyperdulia dicitur, venerari debemus:* [i] *quia scilicet per eius sanctissimam intercessionem, & aliorum etiam Sanctorum,* [k] *multa debe-*

[z] rầy: [z] mà dưới đức Chúa blời, sao chẳng [a] nên thờ bụt? [a] như thể dầu nước nào, có thờ đua Chúa, hay là [b] Quan cả nào trên hết: [b] sãõ le bề dưới, cũ kính [c] quan cuyền; [c] mà đua Chúa chẳng những là chẳng có cấm việc ấy, mà lại có khiến làm [d] đẹy. [d] bởi mlẽ nầy cho nên ta hay, ta phải thờ đức Chúa blời, mà lấy phép thờ nhứt, gọi là, latria, là phép thờ một [e] đức Chúa blời: [e] sãõ le dưới đức Chúa blời, cũ nên thờ các thánh, lấy phép hạ mà thờ, gọi là [f] dulia, [f] vì các thánh có nghĩa cũ đức Chúa blời, mà cầu cho ta chịu ơn [g] đức Chúa blời, [g] nhứt là đức Mẹ đồũ thần, ta phải thờ dưới đức [h] Chúa blời, [h] mà phép thờ người gọi là, hyperdulia, là phép thờ trên [i] các thánh: [i] vì chưng đức Chúa Bà có dữ rứt thánh phép, cầu cho chúng tôi, hơn cả thánh khác, [k] thì ta phải tlouũ nhiều [k]

mus

mus q Diuinæ Bonitate sperare beneficia, | quibus l
meritis propter demerita, r
& peccata nostra priuare-
mur; m sed ob Sanctorum m
merita, vt pote intimorum
Diuinæ bonitatis amico-
rum, n placatus Deus, ea n
nobis largitur misericor-
diter.
o Sed quia idola nihil aliud o
sunt, quam dæmones, Di-
uinæ Maiestati rebelles, &
infensi: p ab enim gentium p
dæmonia, vel certè dæmo-
num figmenta, q quæ Deũ q
nobis placare non possunt,
r sed potius ad iustam in- r
nos vindictam impellunt,
s ideò illa omnia figmenta, s
& mendacia, omninò abij-
cere debemus, t vt Deum t
rectè possimus colere, at-
que haberenobis propitium.
u Sicuti si quis rebellem, u
aliquem à Rege, atque de-
sertorem veneraretur, x x
procul dubiò Regem habe-
ret infensum. y Quare su- y
perstitiosum omnem cul-

ơn, bởi lão lành vô cũ
l đức Chúa blờ i, l ví bằng
coi đến tội va chúng
tôi, thì thậm đáng mất
m ơn ấy: m sáo le vì có cou
các thánh, có nghĩa lám
cũ đức Chúa blờ i, lão
n nhịn lành, n thì đừng
gện, lại thưởng, mà cho
ta nhều ơn.
o o Sáo le vì bụt thạt là ma
quỉ, đức Chúa blờ i ghét
nó vì có ngịch cũ đức
p Chúa blờ i; p vi chưng
hễ là bụt người ta thờ,
q là ma quỉ, hay là đều
q dối, ma quỉ bày đạt, q
mà chữa cho đức Chúa
blờ i làm lành cũ chúng
r tôi thì chẳng được, r mà
lại giục đức Chúa blờ i,
coú bàng, phạt chúng
s tôi: s vì chẹy ta phải bỏ,
hết mọi sự dối blá ấy,
t t mới thờ đức Chúa blờ i
đươc cho nên, cũ đươc
đức Chúa blờ i làm lành
u cũ chúng tôi. u Như thể
ví bàng có ai thờ thàng
nguỵ nào, nghịch cũ đua
x Chúa, x thạt là mạt lão
và nghịch cũ đua Chúa mà chớ. y Vì chẹy ta phải | y

tum

tum omnino debemus abijcere, [z] *atque vnum verum Deum, ex toto corde, & ex tota anima, & ex omnibus viribus nostris venerari, & colere,* [a] *& hoc est primum mandatum Dei.* [b] *Secundum est quo Deum præcipimur ore non offendere,* [c] *non temerè iurando per ipsum,* [d] *vt enim iuramentum, per Deum, vel per res Diuinas non sit peccatum,* [e] *tria sunt requisita, nempè veritas, iustitia, & necessitas:* [f] *nam falsum iurare, semper est peccatum mortiferum:* [g] *magna enim est Diuinæ Maiestatis offensa, si in re falsa, quamuis nullius momenti, vocemus illam in testem;* [h] *hoc namque est facere Deum mendacem, vel mendacij fautorem,* [i] *quod procul dubio grauis offensa est.* [l] *Si etiam contra iustitiam iuramentum fiat, in re quidem graui, graue quoque peccatum erit,* [m] *in re verò leui, communiter non erit*

[z] bỏ hết mọi phép giả đạo dối, [z] mà thờ phượng một đức Chúa blời hết lạỏ, hết linh hồn, hết [a] sực, [a] ấy là mlời thứ nhứt đức Chúa blời răn. [b] Thứ hai mlời răn, thì khiến giữ miệng, kẻo lỗy nghĩa cũ đức Chúa [c] blời, [c] chớ lấy tên đức Chúa blời mà thề quấy [d] quá phép, [d] vì cho kẻo phạm tội khi lấy tên, hay là sự khác về đức Chúa [e] blời, [e] thì phải giữ ba sự [f] một là sự thật, hai là sự [g] cõu bàng, ba là sự cần: [f] vì chưng hễ là thề dối hàng [g] có tội trọỏ, [g] vì gọi đức Chúa blời làm chứng sự dối, dù mà sự chạt, thật là lỗy nghĩa cũ đức [h] Chúa blời lắm: [h] vì chưng sự ấy, bằng làm đức Chúa blời giả, hay [i] là yếu sự gian, [i] thật là [l] lỗy cũ đức Chúa blời [l] lắm: [l] nếu có thề sự gì, chẳng phải cõu bàng, mà sự trọỏ, thì cũ có tội [m] trọỏ; [m] ví bằng, mà sự hèn, nhẽu lên chẳng phải

pecca-

peccatum graue : [n] *sic si sola neceſſitas deſit, modò adſit veritas, & iuſtitia, vt plurimum erit peccatum leue.* [o] *Vota verò quæ Deo fiunt, fideliter perſoluere debemus,* [p] *ne in Diuinæ Maieſtatis offenſam incurramus:* [q] *melius ergo eſt non vouere, quam vota non reddere:* [r] *idem dic de promiſſione cuicunque facta, ſed iuramento firmata,* [s] *illam enim non exequi, eſt in Diuinæ Maieſtatis contemptum.* [t] *At iurare per idola, vel per dæmones Diuinæ Maieſtati rebelles, grauis eſt offenſa Dei;* [u] *ſic & ijſdem aliquid vouere, aut promittere, in honorem ipſorum, eſt graue peccatum.* [x] *Debemus igitur ethnicis perſuadere, vt quandoquidem ipſi per ſuos falſos Deos iurant, quos timent:* [y] *nos permittant iurare per verum Deum,* [z] *vt poſſe quem nouimus Domi-*

[n] tội trạo. [n] Ví bằng chẳng có ſự cần gì, ſaõ le ſự thạt, và ſự coũ bàng, quen nên tội hèn mà [o] chó. [o] Saõ le mlòi khán, nói hứa cũ đức Chúa [p] blòi, thì phải giữ thạt, [p] keọ mất lảõ lấy nghĩa cũ [q] đức Chúa blòi. [q] Vì bệy đừng làm mlòi khán, thì hơn chẳng đền mlòi đã khán cũ đức Chúa [r] blòi: [r] mà có nói mlòi hứa cũ ai, ſaõ le có thêm mlòi thề cho bền, thì [s] cũ bệy, [s] vì chưng chẳng đền mlòi hứa ẽy, là vô phép cũ đức Chúa blòi. [t] [t] Saõ le có lẽy tên bụt, hay là tên ma quỉ, mà thề, nhữnng thàng nguỵ cũ đức Chúa blòi, thì có [u] tội trạo, [u] mà có mlòi khán cũ chúng nó, hay là nói mlòi hứa gì thờ chúng nó, thì cũ có tội [x] mlớn. [x] Vì bệy ta phải dẻõ kẻ vô đạo; ví bàng nó lẽy tên bụt nó, mà [y] thề, vì nó dái bụt, [y] thì phải cho ta lẽy tên đức Chúa blòi thạt mà thề, [z] vì chưng ta đã hay, ſóũ [z]

num

num vitæ, & mortis. [a] Quodlibet tamen damnum potiùs ferre debemus, [b] siue in fortunis, siue in propria vita, [c] quam iuramentum emittere, quo falsos Deos inuocare videamur, [d] vel illos vitæ, aut mortis Dominos videamur agnoscere.

[c] Sic etiam quælibet grauia potius pati debemus, etiam ipsam mortem, [f] quam Deum negare, vel fidem Christianam, etiam ore tenus: [g] Saluator enim Noster sic pronunciat, [h] qui me confessus fuerit coram hominibus, confitebor & ego eum coram Patre meo; [i] & qui me negauerit coram hominibus, [k] & ego negabo eum coram Angelis Dei.

[l] Tertium denique præceptum, seu vltimum primæ tabulæ, quod spectat honorem Dei, [m] nobis iniungit, vt Dies festos sanctificemus: [n] hoc est vt illis die-

chết ở một đức Chúa blòi, là Chúa cả. [a] Sao le dầu ta phải chịu hại [b] thiệt đi gì, [b] hay là về mất của, hay là về mất [c] sống mình, [c] mà chẳng chịu thề, cho nên kẻ khác [d] ngờ ta khấn bụt, [d] hay là ai ngờ ta lẽy nó như làm Chúa, mà sống chết ở tay nó.

[e] [c] Lại ta phải chịu mọi sự khốn khó, dầu đến [f] chịu chết, [f] mà chớ chịu chối đức Chúa blòi, hay là đạo thánh đẽy, dầu [g] những miệng nói: [g] vì chưng đức Chúa Iesu kẻu chúng tôi, đã phán [h] bẽy, rằng: [h] ai xưng tao trước mặt người ta, thì tao cũ xưng nó trước [i] đức Cha tao; [i] mà ai chối tao trước mặt người [k] ta, [k] thì tao cũ chối nó trước mặt thiên thần đức Chúa blòi.

[l] [l] Sau thì răn thứ ba, hay là răn sau hết ở la đá trước, về việc kính [m] đức Chúa blòi, thì [m] khiến ta giữ ngày lễ lạy, là ngày ấy, ta gọi lễ lạy bẽy, [n] thì ta [n]

bus, quos festos dicimus, in cultu, & veneratione Dei specialiter occupemur: o *ipso namque lumine naturæ perspicuum est, aliquos dies festos à nobis esse celebrandos,* p *in quibus tot, & tanta Diuinæ Bonitatis beneficia, nobis collata, specialiùs recolamus;* q *atque ideò illis diebus ab opere seruili abstinere debemus, quod ad corpus hoc corruptibile spectat,* r *vt ad negotia, quæ spectant cultum Dei, & animam nostram, liberiùs & intensiùs attendamus.* s *Quare Sancta Mater Ecclesia, siue illius supremi pastores,* t *qui nobis inuigilant, aliquos dies huiusmodi festos iniunxerunt,* u *præcipuè diem Dominicum:* x *si enim sex dies corpori tribuimus, & negotijs ad corpus spectantibus,* y *in quibus tamen semper aliquid Deo, & animæ tribuendum est,* z *saltem primo mane, an-*

Ngày thứ tám phải dữ việc thờ phượng đức Chúa blời, cho nên: o vì chưng tự nhiên có sáng ở lão ta, dẽay ta, có ngày lễ lạy, mà giữ, p cho ngày ấy ta dớ mà cám ơn mlớn, vá nhều, đức Chúa blời lão lành vô cũ, đã phú cho ta: q vì ấy hễ là ngày ấy ta chẳng nên làm việc nhaọc, gọi là việc tôi tá, là việc về xác nấy hay nát, r cho làm ấy ta có rồi lo việc về thờ phượng đức Chúa blời, và lo việc về linh hồn ta, hết lão, hết sức. s Vì ấy thánh Ecclesia: hay là kẻ cả tlão Ecclesia, t mà coi sóc cho ta, đã có u định ngày lễ lạy ấy, u nhứt là ngày Dominh, that là x ngày đức Chúa blời: x vì chưng ta có cho sáu ngày lo sự xác, và làm việc nọ, việc kia, về xác y dầu tlão sáu ngày cũ phải lấy một chứt, mà làm việc đức Chúa blời, z lo sự linh hồn, z ít là sớm mai sớm, khi chưa có ta làm việc xác, và ban-

sequam

tequam ad opera exeamus, & vesperi cum ab illis redimus : [a] *meritò vnum diem quem Dominicum vocamus, Deo specialiter tribuimus,* [b] *vt in eo Diuinam Maiestatem specialius colamus,* [c] *& beneficia ab eius Bonitate nobis collata, cum grati animi significatione recolamus;* [d] *hoc enim est iustissimum. Et* [e] *quemadmodum supremus rerum Conditor Deus, sex diebus vniuersam condidit creaturam,* [f] *& requieuit septimo die ab vniuerso opere :* [g] *sic & nos sex diebus intendamus operi; nec patiamur otium, quod omnium malorum origo est, nobis dominari;* [h] *septimo tamen die vel potius primo* [i] *(quia mutatus est dies septimus, qui olim erat festiuus,* [k] *in primum, qui nunc obseruatur à Christianis, tanquam festiuus,* [l] *quandoquidem is est dies*

tối khi bởi làm việc ấy
[a] mà về, [a] lại phải mến lấy
một ngày, ta gọi là ngày
đức Chúa blời, thật là
ta cho đức Chúa blời
[b] riêng, [b] mà ngày ấy ta
thờ đức Chúa blời,
[c] hơn ngày khác, [c] mà ta
dố cám ơn đức Chúa
blời, và ngươi khen
đấy, vì ta đã chịu ơn
nhiều, bởi lão lành đức
[d] Chúa blời, [d] mà việc cám
ơn làm đấy thì thậm
[e] phải, [e] như thế đức
Chúa blời hóá ra mọi
sự, có sáu ngày, mà làm
[f] nên mọi lõài, [f] đến ngày
thứ bảy thì có nghỉ, mà
chẳng có làm việc mới:
[g] [g] ta cũ như đấy, sáu
ngày thì ta làm việc vàn,
mà chớ chịu ở dưng
phũ lu, là cản nguồn
[h] mọi sự dữ: [h] sao le đến
ngày thứ bảy, mà nói
[i] hơn, thì đến ngày thứ
nhứt [i] (vì chưng ngày
thứ bảy đời xưa lễ
[k] lạy, thì đã đổi, [k] mà
lấy ngày thứ nhứt, kẻ có đạo, bây giờ thì có
giữ làm lễ lạy, [l] vì chưng ngày thứ nhứt đức [l]

Dominicus, in quo Dominus Iesus resurrexit) [m] *relictis operibus ad corpus pertinentibus, Diuino cultui, & animarum nostrarum saluti impensius vacemus.* [n] *idemque intelligendum de alijs diebus festis, quæ in calendario iuxtà præceptum Ecclesiæ continentur.*

[o] *Secunda Diuinæ legis tabula, quæ nos informat,* [p] *qua ratione nos erga proximum ideſt, erga omnes homines gerere debeamus;* [q] *septem præcepta continet, quæ vnico hoc præcepto comprehenduntur,* [r] *charitatis erga proximum, diliges proximum tuum sicut teipsum,* [s] *ideſt vt quæ volumus vt faciant nobis homines, & nos faciamus eis:* [t] *& quod tibi fieri non vis alteri ne feceris.* [u] *debemus enim proximo velle bonum, illumque diligere,* [x] *non verbo tantum, sed opere, & veritate,* [y] *& nullo modo nocere illi, nec in propria persona,* [z] *nec in*

Ngày thứ tám Chúa Iesu đã sóũ lại,) [m] ta đừng việc về xác, mà làm việc thờ đức Chúa blời, và việc về linh dồn ta cho lành, hết [n] lão hết sức. [n] Mà ngày khác cũ là lễ lạy tlão lịch, vì có mlời răn thánh Ecclesia, cũ phải giữ như bệy.

[o] [o] La đá thứ hai đạo thánh đức Chúa blời, [p] dẽạy ta, [p] cách nào ở cũ các anh em, là các [q] người ta, [q] có bảy mlời răn, mà gộp lại tlão một [r] đều răn, [r] khiến ta yêu [s] người ta như bệy: [s] cho nên sự gì ta muàn người tà làm cho ta, lại ta làm [t] cho người ta bệy: [t] cũ mấy chẳng khứng ai làm đều gì cho mấy, lại mấy chớ làm đều ẽy cho ai. [u] [u] vì chưng ta phải muấn lành cho người, mà yêu [x] người, [x] chẳng những là có mlời nói, lại có việc [y] làm, mà thạt thà. [y] Và chẳng khá làm hại người thể naò, dầu về mềnh [z] người, [z] dầu về danh,

bono-

honore, nec in fortunæ bonis, [a] *illudque nec facto, nec verbo, nec etiam voluntate interna,* [b] *quamuis non exeat ad actum*; *quæ omnia septem illis præceptis secundæ tabulæ continentur.*

[c] *Quartum itaque præceptum, quod in sacra pagina primum in promissione vocatur,* [d] *docet nos honorem parentibus debitum exhibere,* [e] *nomine autem parentum omnes superiores intelliguntur:* [f] *honoris autem nomine quatuor potissimum intelligenda:* [g] *amor, reuerentia, obedientia, subsidium.* [h] *Amor vt non illis malum,* [i] *sed bona omnia cupiamus, & à Deo precemur.* [k] *Reuerentia, vt nos illis subijciamus, eosque nec opere, nec verbo offendamus.* [l] *Obedientia, vt quæ licitè præcipiunt opere impleamus,* [m] *& multo magis si ea sint ad æternam salutem vtilia:* [n] *sub-*

dầu về của cải người ời,
[a] ma sự ấy hay là mình làm, hay là miệng nói, hay là tlaõ lòõ muốn, [b] dầu chẳng ra bề ngoài, mà mọi sự có răn tlaõ bảy mlòi răn ở la đá thứ hai:
[c] ấy đây mà mlòi răn thứ bốn, tlaõ kinh đức Chúa blòi, gọi la răn thứ nhứt, tlaõ mlòi hứa,
[d] thì dậy ta thaó kính
[e] cha mẹ cho nên, [e] mà hễ là kẻ bề tlên, cứ gọi
[f] là cha mẹ: [f] lại sự thảo kính thì hàng có bốn
[g] phần, [g] là yêu mến, kính dái, chịu lụy, giúp cho
[h] mọi sự. [h] yêu mến, là chớ ghét, chớ muốn sự
[i] dữ cho người ời, [i] lại ước mọi sự lành cho, mà cầu đấy cứ đức Chúa blòi.
[k] Kính dái là ở khiem nhường cứ, mà chớ mất lòõ người ời, dầu mình làm,
[l] dầu miệng nói. [l] Chịu lụy là đưng phép người ời, mọi việc khiến ta,
[m] mà phải mlễ, [m] huống lọ khi khiến ta sự, về ích cho ta lành đời đời: [n] mà giúp

[n] *sidium*

ſidium in omnibus quibus indigent impendendum eſt, ° *præcipuè ſi ſenio aut ægritudine laborant.* P *ſi verò ſpirituali etiam ſubſidio egent,* q *(quod Deum nondum agnoſcent, vel ab æterna ſalutis tramite deuient)* r *id tantò ſtudioſius impendendum, quantò anima ſalus, quam corporis, maioris eſt momenti.*

ſ *Ad hoc etiam præceptum pertinet honor, reuerentia, & obedientia quæ debetur Regibus,* t *Principibus, moderatoribus, magiſtris, & maioribus omnibus, pro ſuo cuique gradu.* u *Quibus perſonis non parere in ijs quæ præcipiunt iuxtà rectam rationem* x *vel eas offendere, peccatum eſt, contra Diuinam legem:* y *grauiſſimum verò crimen contra eandem eſt, à proprio Domino rebellare.* z *Ratio autem cur Superioribus teneamur obedire,* a *non ſolum eſt vt eorum beneficijs, & curæ quam de nobis gerunt, nos gratos exhibeamus:*

Ngày thứ tám

cho mọi ſự người ſi có đủ thể nào, thì phải giúp, ° nhứt là khi đã già cả, hay là phải đau náng. P ví bằng người còn thiếu ſự về linh hồn cho q lành, q (như thể khi cha mẹ chưa biết đức Chúa blời, hay là có lạc đàng về, cho được lành đời đời) r khi ấy càng phải giúp hết ſức, càng việc về linh hồn, cho lành, thì traọ hơn việc về xác.

ſ Giải nấy cũ khiến ſự thaó kính, và chịu lụy đua Chúa, t quan cuyền, thày, cũ các người bề tlên, bàng chức ai nấy đòi. u Mà chẳng đưng phép bấy nhêu chức ấy, khi khiến việc gì phải x mlẽ, x hay là lỗy nghĩa đấy, thì có tội, phạm y đạo đức Chúa blời: y ſaọ le blở lào làm nguy cũ đua Chúa mình, thạt là có tội kứ trạọ, lỗy đạo z thánh lám. z Mà mlẽ khiến ta đưng phép kể a bề tlên, a chẳng nhũng vì phải blả ơn người i,

b *ſed*

[b] *sed etiam vt in earum* [b]
persona obsequamur Deo, [c]
[c] *à quo, tanquam ab omnis*
dominatus fonte, potestas
omnis deriuatur. [d] *Quare* [d]
obedire debemus ex animo,
propter Deum, [e] *à quo hu-* [e]
tus obedientiæ præmium
expectamus, [f] *& inobe-* [f]
dientiæ supplicium time-
mus.

[g] *Sciendum autem est pa-* [g]
rentibus & alijs superiori-
bus obediendum quidem
esse in omnibus alijs: [h] *sed* [h]
non in illis quæ Diuinis
præceptis aduersantur: [i] [i]
obediendum enim magis est
Deo, quam hominibus. [k] [k]
Primo quia Diuina Maie-
stas longissimè maior est,
& venerabilior. [l] *Secundo* [l]
quia Dei vindicta timen-
da est magis quam homi-
num, [m] *qui nos tantum pu-* [m]
nire possunt, vel spoliatio-
ne bonorum, vel priuatione
vitæ: [n] *Deus autem præter* [n]
ista, æternis etiam potest

khi có lo coi sóc cho ta
[b] lành: [b] mà lại cho ta
khi nghe mlời người,
thì chưng phép đức
[c] Chúa blời, [c] là cội rễ
mọi quan trị, mọi phép
bề tlên bởi đấy mà ra.
[d] [d] Vì bởy thì phải chưng
phép ấy hết lảõ, vì đức
[e] Chúa blời, [e] mà bởi
đấy ta tloũ chịu phúc sự
[f] chịu lụy; [f] lại dái, khi
chẳng có chưng phép bề
tlên, đức Chúa blời có
bắt tội.

[g] [g] ấy bởy mà ta phải
hay, ta nên chưng mlời
cha mẹ, và phép các kẻ
[h] bề tlên, sự phải mlẽ; [h]
faõ le sự gì lỗy đạo đức
Chúa blời thạt là chẳng
[i] phải mlẽ: [i] vì chưng
được thì ta phải chưng
lệnh đức Chúa blời sau
thì chưng phép người
[k] ta: [k] nhứt là vì đức Chúa
blời rứt bề tlên, và rứt
[l] traõ: [l] hai là vì ta phải
dái phạt bởi đức Chúa
blời, hơn phạt bởi ngu-
ời ta: [m] vì chưng người ta phạt được cất của, [m]
và phạt chết; [n] faõ le đức Chúa blời, và phạt được [n]

man-

mancipare supplicijs. [o] *Tertio quia licet parentibus & Dominis plurimum debeamus,* [p] *longe tamen plus debemus summo omnium parenti, ac Dominorum Domino,* [q] *sine quo isti nihil nobis conferre possunt* [r] *Dei vero beneficia sunt, & numero infinita, & magnitudine immensa:* [s] *præcipuè cum Diuina illa Maiestas,* [t] *pro nobis (quod nullus hominum fecit) tot probra, tot cruciatus tulerit,* [u] *& inæstimabilis pretij pro nobis sanguinem vitamque profuderit.* [x] *Præterea notandum est, sicut hoc præcepto filij, & subditi iubentur obedire parentibus, & Dominis;* [y] *ita istis vicissim præcipi, vt filijs & subditis pro suo quique gradu consulant,* [z] *eorumque curam gerant, vitia resecent: vt Domini*

bầy nhiêu sự ấy, mà lại phạt được bắt chịu hình [o] đời đời chết vô cùng. [o] Ba là vì dẫu ta chịu ơn nhiều bội cha mẹ, cũ [p] bội kẻ bề trên: [p] sao le ơn ta đã chịu bội đức Chúa, bội là Cha cả, cũ Chúa cả, trên hết mọi [q] chúa, thì khác xa, [q] vì chưng, hễ là ơn nào ta chịu bội kẻ khác, thật là bội đức Chúa bội ra hết, mà đức Chúa bội chẳng cho, thì ai nấy cho đi gì chẳng đư- [r] ợc. [r] Mà lại ơn đức Chúa bội cho ta nhiều kẻ chẳng xiết, cùng rứt [s] mốn vô cùng; [s] nhứt là khi đức Chúa bội rứt cả [t] rứt trạo, [t] vì chúng tôi (chẳng có người nào làm sự ấy) có chịu xỉ [u] vả, chịu nạn chừng ấy, [u] cho nên đổ hết máu thánh mình ra, có giá vô cùng, mà chịu chết vì chúng tôi. [x] Lại phải hay, như giải nấy khiến con cái, và kẻ bề dưới, chưng mội cha mẹ, và kẻ bề trên: [y] lại cũng khiến cha mẹ, và kẻ bề trên, lo mà giữ con cái, và kẻ bề dưới, ai nấy bằng chức mình, [z] coi sóc mà cầm sự lỗy:

commu-

communem omnium pacem, & iura tueantur; [a] *vt parentes filios bonis moribus, & præcipuè ijs, quæ ad æternam pertinent salutem, instituant,* [b] *Denique hoc præcepto includuntur omnes proximi,* [c] *vt nimirum omnibus benefaciamus, & subueniamus,* [d] *in eorum necessitatibus, siue spiritualibus, siue corporalibus, sicuti nobis subueniri volumus,* [e] *& in extremi iudicij die, specialim de ijs exigetur à nobis ratio;* [f] *quia quod proximis benefaciamus, tanquam sibi factum Dominus Iesus remuneraturus est;* [g] *& quod illis in eorum necessitatibus negamus,* [h] *tanquam sibi negatum Dominus vlturus est.* [i] *Quinto præcepto, Non occides, prohibetur homicidium: non autem occisio aliorum animalium.* [k] *Quia Dominus Deus reliqua viuentia, & alias res*

kẻ làm quan thì lo chờ dên hỏà thỏận, mà ở cho ngay cữ nhau: [a] cha mẹ thì coi sóc cho con cái haọc sự lành, nhứt là sự vẽ cho đươc lành đời đời. [b] sau nữa giái nấy gọp lại các người ta, [c] khiến ta làm lành cữ hết, và giúp hết, [d] khi có thiếu gì, hay là về linh hồn, hay là về xác người, như thể ta muấn cho người giúp ta, [e] mà đến ngấy đức Chúa Iesu phán xét chung, sẽ hói ta rieng sự ẽy mlẽ nào: [f] vì chưng ta làm sự gì lành cho anh em tlaõ đạo, đức Chúa Iesu sẽ blả coũ ẽy cho, như thể làm cho đức Chúa Iesu: [g] mà sự gì ta chẳng khứng giúp, khi anh em ẽy phải thiếu, [h] đức Chúa Iesu thì phạt, như chối làm cho đức Chúa Iesu. [i] Giái thứ nam, chớ giết, thì cấm giết người, mà chẳng có cấm giết mu[k] ứng chim, [k] vì chưng đức Chua blời hỏá ra lỏài khác sóũ, cữ sự khác

corporales creauit propter hominem, [l] *eique dedit facultatem animantia in suum vsum conuertendi,* [m] *ideò ista occidere non est peccatum* [n] *(nisi forte habeant dominum: tunc enim eo inuito,* [o] *illa occidere esset contra septimum præceptum, de quo mox dicemus)* [p] *contra verò quia Dominus Deus non fecit hominem propter hominem,* [q] *sed propter seipsum, & ad suam imaginem, ac similitudinem:* [r] *ideò homicidium peccatum est grauissimum, contra ipsum Deum:* [f] *sicut si quis Principis famulum interimeret, Principem ipsum grauiter offendere censeretur;* [t] *hoc eodem præcepto prohibetur etiam mutilatio,* [u] *verberatio, & quæuis læsio corporis proximi.* [x] *Sicut enim hominem, quod Dei famulus sit, occidere non licet,* [y] *ita eamdem ob cau-*

[l] có xác vì người ta, [l] mà cho người ta dữ lõai muâng chim khi có việc: [m] [m] vì bởi giết lõài ấy [n] chẳng có tội gì, ([n] ví bằng giống ấy có chúa, mà chúa [o] nó chẳng cho giết, [o] khi ấy giết nó, thì lỗy giái thứ bảy, ít nữa sẽ giảng [p] giái ấy) [p] mà lại đức Chúa blời chẳng phải sinh người vì người, [q] [q] thật sinh người vì đức Chúa blời, mà cho người làm hình tượng thiêng đức Chua blời, [r] vì bởi giết người là tội [f] rực trao, lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời: [f] như thể ví bằng có ai giết đầy tớ quan, thì lỗy [t] nghĩa quan ấy lám. [t] Lại giái nầy răn chớ có chạt [u] tay người, [u] chớ có đánh đòn người, cũ [x] chớ làm hại thể nào [x] mình xác người. [x] vì chưng bởi người làm [y] tội đức Chúa blời, thì chẳng khá giết người, [y] cũ vì sự ấy có cấm, chớ làm hại mình người |

sam

ſam, quodcunque illi malum inferre prohibemur.
z hæc tamen non obſtant,
quin Principes, moderatores, & iudices, a in delinquentes animaduertere, iuſtoque eos afficere poſſint ſupplicio. b Quia enim omnis poteſtas à Deo eſt; c ab eodem poteſtatem iuſtam habentibus, data cenſetur facultas malos iuſtè puniendi vſque ad internecionem eorum; d tum ne eorum longiùs progrediatur iniquitas, e tum vt illorum ſupplicio, alij à criminibus patrandis abſterreantur.
f Sextum præceptum prohibet omnem actum venereum extra legitimum coniugium. g Cùm enim huiuſmodi actus inſtituti ſint propter prolem, eamque legitimè educandam; h licitus non eſt niſi actus, is vnde legitima proles poſſit ſequi, i & multò minus licebit actus, vnde proles ſequi nullo modo queat.
k legitimum verò coniugium eſt vnius cum vna,

z thế nào. z Sáo le giải nầy chẳng có cấm đua
a Chúa, quan cuyền, a có phép ſửa kẻ có lỗy, mà
b phạt bằng tội nó. b Vì chưng khi mọi phép phạt bởi đức Chúa blời mà
c ra, c ai có phép ngay ấy bởi đức Chúa blời, cũ có phép mà ſửa ngay kẻ có lỗy, cho đến giết
d nó, d và cho keó tội nó
e càng lâu càng nhiều, e và khi phạt nó, kẻ khác thì dái phạm tội, mà khỏn bệy.
f f Giái thứ ſáu thì cấm mọi việc rà đâm, khi chẳng phải việc ngay,
g lấo một bọ một chão: g vì chưng khi đức Chúa blời định việc ấy, cho người ta đượ̣c con cái, mà nuei nấng cho nên,
h h việc ấy thì khá, khi có dữ cho đượ̣c con cái
i chính, mà thôi: i việc nào rà đâm làm ra con cái nào chẳng đượ̣c, thì
k càng lỗy. k mà ſự giao cấm cho ngay, thì phải có một bọ một chão,

l ita vt viuente coniuge, nullus possit aliam ducere: m quare tàm poligamia, quàm repudium; lege Diuina sunt prohibita, n ab initio enim non fuit sic, vt Diuino suo nos docuit ore Dominus Iesus. o nam ab initio vnicam vxorem Dominus Euam dedit Adamo, p & is cum illa permansit vsque ad mortem, nongentis scilicet & triginta annis.

q Septimo præcepto prohibetur quæuis rerum alienarum vsurpatio inuito Domino, r vt sunt furtum quod fit, Domino inscio; rapina, quæ fit per vim, f fraus quæ fit in mercimonijs & contractibus: t denique quæcumque illatio damni, u vt si quis alienum bouem, equumue occidat, x vel domum alienam incendat, & similia, sunt contra hoc præceptum.

y Illud etiam sciendum, non solum peccari, cum

l cho nên khi bạn còn sóũ, ai là ai chẳng nên lẽy m bạn khác: m vì bẽy đạo thánh đức Chúa blời cấm, dầu lẽy nhều bọ, dầu rảy n bọ mình, n vì chưng đầu hết chẳng có thói ẽy, như miệng thánh đức Chúa Iesu đã dẽạy chúng o tôi: o vì chưng đức Chúa blời đầu hết tlao cho ỏũ Adam, có một p bà Eua, làm bạn, p mà ỏũ Adam ở cữ bà ẽy, cho đến chết, là chín tlam ba mươi năm.

q q Giái thứ bảy thì cấm lẽy của gì người, khi chúa nó chẳng cho lẽy, r r như thể lẽy tlộm của người, khi người chẳng hay: hay là lẽy tlước f mạt, khi ép người: f hay là khi buôn bán, cữ khi t giao đi gì mà gian; t sau nữa, hễ là làm hại của u người thể nào, u như thể giết bò, hay là ngựa x người, x hay là đốt nhà người, cữ làm hại sự khác, thì lỗy giái nầy bẽy. y Cữ phải hay có phạm giái nầy, chẳng lọ khi

res aliena, aliquo ex dictis modis aufertur, [z] *sed etiam quamdiù iniustè retinetur inuito Domino, vel eo inscio* [a] *(quod detentio illa fit eiusdem furti continuatio)* [b] *ita vt eiusmodi peccata, quandiù illatum damnum non pro viribus resarcitur, minimè deleantur.*

[z] lẽy cửa người thế ấy, [z] mà lại khi gian, để của gì ở nơi mình, mà người chẳng khứng, hay là chẳng hay, ([a] vì chưng cầm lại của người làm vậy, cũ như lẽy lien cửa người,) [b] cho nên khi được, mà chưa có sửa lại sự làm hại của người, cũ chẳng có khỏi tội ấy.

[c] Octauo præcepto, Non loqueris contra proximum tuum falsum testimonium: [d] *alienæ famæ, & bonæ existimationis detractio prohibetur.* [e] *Aliena autem famæ detrahi triplici ferè modo contingit.* [f] *Primò cum in iudicio contra proximum falsum profertur testimonium quod est peccatum grauissimum,* [g] *quippe quod iustitiæ, charitati, & Reipublicæ bono aduersatur.* [h] *Secundò cum falsum crimen extra iudicium imponitur,* [i] *quod etiam graue peccatum est, pro criminis, quod imponitur grauitate, & personæ cui im-*

[c] Giải thứ tám chớ nói chứng dối báng người: [d] thì cấm nói hành người, khi làm hại tiếng [e] người. [e] Sáo le sự nói hành người, bủa thì có [f] ba giống. [f] thứ nhứt khi tlước mặt quan có nói chứng dối, báng người, [g] mà có tội rực trảo, [g] vì chưng có báng sự ngay, và lỗy nghĩa cũ người, lại lỗy phép chung người ta. [h] Thứ hai khi bỏ vạ cho người, dầu chẳng phải tlước mặt quan, [i] mà tội ấy cũ trảo hèn bằng vạ bỏ là sự trảo, hèn, hay là người chịu

poni

positur qualitate. [k] Tertiò cum crimen occultum detegitur; nemo enim est qui suaue velit probra diuulgari. [l] Præterea huius præcepti virtute prohibetur, ne qua contumelia verbo, aut alio modo proximis inferatur. [m] Denique sciendum est, eum qui alienæ famæ detraxit, [n] resarcire teneri, sicut qui alienas abstulit facultates, [o] solent enim homines, præcipuè nobiles, iniquiùs ferre famæ iacturam, quam opum. [p] Quod si quis in iudicio contra proximum falsum dixit testimonium, vnde illi secutum sit damnum, [q] præter famæ restitutionem, debet damnum etiam illud resarcire.

[r] De vltimis duobus præceptis (Non concupisces vxorem proximi tui, Non desiderabis rem alienam) aliquid dicturi, [s] illud prius aduertimus; Quoties Diuina lege opus aliquod prohibetur, [t] prohiberi etiã eiusdem operis voluntatẽ: [u] vt

bó vạ ấy là người trạo, hèn hệy. [k] thứ ba khi tỏ ra tội còn kín, vì chẳng có ai khứng sự mình lỗy còn kín, tỏ ra. [l] Lại giái nầy cấm chưởi rủa người, hay là lỗy phép kính người, dầu miệng nói, dầu mình làm. [m] Sau nữa thi phải hay, ai đã làm hai tiếng người, [n] thì phải sửa lại cho lành, như bàng khi ai đã lẽy của người, [o] vì chưng thói người ta, nhứt là kẻ trạo, thì lo mất tiếng hơn mất của. [p] Ví bàng có ai bó vạ cho người, trước mặt quan, cho nên người phải thiệt của, [q] chẳng lọ là phải sửa tiếng, mà lại phải đền của thiệt nữa.

[r] Chớ ta giảng hai giái sau (chớ muốn vợ người, chớ tham của người) [s] trước thì ta bảo: hễ là khi đạo thánh đức Chúa bởi có cấm việc gì, [t] thì cũ cấm làõ muốn việc ey; [u] như thể

quia

quia peierare non licet, nec enim o ſtatuere ſe peieraturum licebit. [x] *Nam radix peccati eſt in voluntate,* [y] *ita vt ſi libera voluntas operi, alioqui Dei lege prohibito, nullo modo conſentiat, peccatum non admittatur;* [z] *vt patet in amente, qui quia libera voluntate non vtitur,* [a] *etiamſi quid contra Dei præcepta faciat, minimè peccat.* [b] *Contra verò qui iudicio pollens alium, exempli gratia, occidere ſtatuit,* [c] *etiamſi actu non occidat, iam violauit præceptum Dei,* [d] *qui intimas etiam cordis cogitationes videt, & peccandi etiam voluntatem prohibet.*

[e] *His poſitis, licet voluntas contra quodcunque præceptum faciendi ſit peccatum;* [f] *præcipuè tamen cupiditas alienæ, tum coniugis, tum rei,* [g] *ſpeciali præcepto prohibetur;* [h] *quia ad hæc duo, vitiata hominis natura propendet magis, quam ad alia peccata.*

Ngày thứ tám 303

vì chẳng nên thề dối, cũ chẳng nên dẽọuc lào thề dối. [x] Vì chưng cội rễ [y] mọi tội ở tlaố lào, [y] cho nên khi ai làm việc gì, dẫu cấm tlaố mlòi đức Chúa blòi răn, mà khi làm việc ẽy chẳng có chúa í, cũ chẳng có tội: [z] [z] sự nẩy khi ai dại thì tỏ, vì chưng khi nó làm [a] sự gì, [a] dẫu phạm đạo đức Chúa blòi, cũ chẳng có tội, vì nó chẳng có [b] chúa í mình, [b] mà lại khi ai có Chúa í, ví bằng có dẽọuc lào giết nguòi, [c] [c] dẫu mà chẳng có phải giết, đã có tội, lỗy đạo [d] đức Chúa blòi, [d] coi thấy lào đọu thề nào, mà cấm hết bloũ lào phạm tội.

[e] [e] Sự thạt làm dẹy, dẫu lào muốn làm sự gì lỗy mlòi naò răn, thì có tội: [f] [f] Saố le nhít là muốn đọ, hay la của nguòi, [g] [g] thì có giái riêng mà cấm: [h] [h] vì chưng lỗài nguòi ta, đã quen sự lỗy, thì lẽn mề hai tội

[i] *Nul-*

[i] *Nullus enim, [s] aut rarus est, qui amore homicidij quemquam occidat, aut amore periurij periret.* [k] *Contra verò quia homines ab ipsa alienæ rei, vel coniugis cupiditate, [l] ad furtum, vel adulterium incitantur, [m] ideò speciali præcepto utraque ista capiditas fuit prohibenda.* [n] *Quinis autẽ nono præcepto cupiditas quæcunque venerea prohibita censeatur;* [o] *apposita præcipuè est cupiditas alienæ coniugis,* [p] *quod per adulterium, præter libidinis peccatum, alteri coniugi grauis inferatur iniuria.* [q] *Decimo præcepto prohibetur concupiscentia alienarum facultatum,* [r] *quas duplici modo concupiscere contingit.* [s] *Primò cùm quis eas cupit auferre.* [t] *Secundò cum quis simplici tantum voluntate illas, vel similes cupit habere.* [u] *Prior cupiditas est quæ propriè hoc præcepto prohibetur;* [x] *sed posteriorem etiam fugere debemus;*

Ngày thứ tám

[i] ẽy hơn tội khác. [k] Vì chưng có ai giết người, bởi yêu sự giết là hỏa. thể dối, vì yêu sự thế [k] dối cũ là hỏa. [l] Sảo le vì bởn người ta bởi muấn của người, hay là đọ [l] người, [m] thì lên mê ấn [m] tlọm, hay là tà dâm, vì ḍệy thì phải cấm là ố muấn hai sự lỗy ẽy, mà [n] có giái riêng ḍệy. [o] Lại dầu giái thứ chín thì cấm các lào ước sự tà [o] dâm, [p] sảo le nhít có cấm sự muấn ḍọ người, [p] vì chưng ai phạm lẽy ḍọ người, chẳng lọ là có sự tà dâm, mà lại có lỗy nghĩa cũ bạn khác ḍối. [q] Giái thứ mười thì cấm sự tham của người, [r] mà sự tham nấy [s] có hai giống. [t] Một là khi ai muấn cất lẽy của người. [u] Hai là khi ai những muấn khoũ, hay là của ẽy, hay là của khác, bằng [u] của ẽy. [x] Giái nấy nhít thì cấm giống thạm tlước [x] ẽy: [x] sảo le ta cũ phải

[x] *quod*

y quod ex nimia facultates possidendi cupiditate, mala plurima oriantur.

y tánh sự tham lam nữa, vì chưng bởi người ta hãm cho được của nhiều thì ra nhiều dự lỗy.

x Hæc sunt decem præcepta Diuinæ legis, a sicuti decem gradus, quibus ad aternam cælorum beatitudinem infallibiliter ascenditur. b quod si quis vel vnum ex his gradibus fregerit, c in æternam procul dubio perniciem corruet, nisi maturè resipiscat. d hæc autem decem præcepta omnia duobus comprehenduntur. e Primum est, Diliges Dominum Deum tuum ex toto corde suo, & ex tota anima tua, & ex omnibus viribus tuis. f Secundum, Diliges proximum tuum sicut teipsum: g in his duobus mandatis tota lex Diuina comprehenditur; h qui hanc custodierit, viuet in æternum; i qui neglexerit æterna morte plectetur.

x Nầy là mười sự răn đạo đức Chúa blời, a hay là mười bực thang mà lên thật tiên thiên đàng, cho được bui b để đời đời; b ví bằng ai phạm dầu một bực tlaõ mười ấy, c mà chẳng chừa cho kịp, thật thì phải sa xuống khốn nạn vô cùng. d Mà mười giái nầy hết tóm về hai ấy mà chớ: e nhứt là kính mến đức Chúa blời, là Chúa chúng tôi, hết lảõ, hết linh hồn, hết sực. f Hai là yêu người, như ta vậy: g hai giái nầy thì bao lại blọn đạo thánh đức Chúa blời: h ai giữ vậy, thì được hàng sóũ vậy: i ai tlế nải mà chê vậy thì phải phạt chết vô cùng.

k Qui totum hùc vsque catechismum audiuit, l & aliquid habet dubij, po-

k Ai nầy đã nghe blót mlời giảng từ đầu hết cho đến bây giờ, l mà

est illud proponere, [m] *vel publicè, vel priuatim, prout magis ipsi placuerit:* [n] *si tamen dubium fuerit circa vxorem, vel vxores,* [o] *satiùs est vt priuatim audiatur, & statuatur cum ipso quid agendum,* [p] *differaturque baptismus, donec quod statutum est de facto compleuerit:* [q] *experientia enim docuit promissionibus istis,* [r] *nisi ante Baptismũ executioni mandentur,* [s] *post Baptismum magnam inesse difficultatem, vt vincula ista diaboli disrumpantur.*

[t] *Postquam sua vnusquisque dubia proposuerit,* [u] *ad Baptismum suscipiendum per sequentes actus disponendi sunt,* [x] *qui quoniam debent esse supernaturales,* [y] *à Diuina bonitate petendi sunt flexis genibus per Orationem Dominicam;* [z] *& per salutationem Angelicam, intercessio Beatissimæ Virginis*

[m] còn có đều gì hồ nghi, thì nên hỏi, [n] hay là chung, thưởc mặt người ta, hay là riêng, mặc người: [o] vì bằng có hồ nghi sự một bợ, hay là đều bợ, [p] hỏi riêng thì hơn, mà tỏan cũ, làm thế nào, [q] sự phép rửa tội thì phải dượm đã, cho người làm rồi sự đã tỏan: [r] vì chưng đã quen thấy, mlời hứa làm bậy, [s] nếu chẳng làm khi ai chửa có chịu phép rửa tội, [t] đến khi đã rửa tội rồi, mới đòi tội ấy, bới ma quỉ đã đáo lại, thì khó lám.

[t] đến khi ai nấy đã hỏi đều mình hồ nghi rồi, [u] thì phải dẹọn mình chịu phép rửa tội, mà làm việc nhin đức về sau: [x] sáo le vì bấy nhêu việc ấy khỏi sức mình, [y]: thì phải cầu cũ đức Chúa blời nhin lành, mà qùi gối nguyện một kinh [z] Chúa. [z] Lại nguyện một kinh, Aue, xin cứ rứt thánh đòũ thân Maria, là đức Mẹ đức Chúa blời, cầu cho chúng tôi

Mariæ

Digitized by Google

Maria Dei Genitricis est petenda, vt ritè exerceantur; [a] *ad hoc vt Catechumeni ad Baptismi gratiam recipiendam disponantur.* [b] *Singuli autem respondeant ad interrogata, tum ore, tum corde:* [c] *signumque dent, præter modestam oris responsionem, decussatis ante pectus brachijs, se ita habere in corde.*

[d] *Primus est actus fidei, quo credant infallibili Dei veritati;* [e] *quæ nec fallit, nec fallere potest, hæc reuelanti, & per Ecclesiam proponenti:* [f] *primò quod Deus est res spiritualis, infinita, æterna,* [g] *immensæ sapientissima, potentissima, optima, qua nihil melius cogitari potest;* [h] *vt pote primum rerum omnium principium, atque vltimus finis,* [i] *estque vnus Deus in essentia, & trinus in personis,* [k] *Pater, & Filius, & Spiritus san-*

làm việc ấy cho nên,
[a] mà phải kẻ muốn chịu đạo, dọn mình cho được chịu gratia, là nghĩa cũ đức Chúa blời ra phép rửa tội. [b] Khi hỏi mỗi một người thì thưa, và ngoài miệng, và trong lòng: [c] mà lại khi miệng thưa, cho có phép, cũng quàng hai cánh tay trước ngực, làm dấu trong lòng có như vậy.
[d] Thứ nhứt là việc tin, vì phải tin đức Chúa blời là nhứt thật, [e] chẳng có ai dối được mình, cũng chẳng có dối được ai, truyền bày nhiều blời, mà trao cho Ecclesia, dạy ta; [f] trước sự đức Chúa blời, là tính thiêng liêng vô cùng, hằng có vậy, [g] mọi nơi mọi có, hay biết vô cùng, có phép vô cùng, lành vô cùng, chẳng có lo đến được sự gì lành hơn; [h] vì chưng là cội rễ đầu mọi sự, mà lại như bia mọi sự nữa, [i] mà có một tính đức Chúa blời, song le có ba ngôi, [k] là đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Santo:

Ctus, [l] ita vt Pater sit verus Deus, & Filius sit verus Deus, & Spiritus sanctus sit verus Deus, [m] non tamen sunt tres Dij, sed omnes tres personæ sunt vnus verus Deus, [n] Omnipotens, Creator cæli & terræ, rerumque omnium Creatarum, tam visibilium, quam inuisibilium. [o] Pater autem à nullo procedens est verus Deus, & est verus Pater, [p] quia ab æterno ipse solus, sine alterius consortio, generat filium, [q] cui totam suam Diuinam essentiam, per veram, & ineffabilem generationem communicat: [r] Filius etiam est verus Deus, & verus filius, [s] à Patre æterno per veram generationem, sine matre genitus, [t] consubstantialis, coæqualis, & coæternus Patri. [u] Spiritus quoque Sanctus est verus Deus, & verus amor æternus, à Pa-

Ngày thứ tám

[l] mà đức Cha thật là đức Chúa blời, đức Con cũ thật là đức Chúa blời, đức Spirito Santo cũ là đức Chúa blời cũng, [m] sáo le chảnh phải ba đức Chúa blời, thật cả và ba ngôi, cũ một đức [n] Chúa blời thật, [n] có phép vô cũ, hỗá nên blời đết cũ mọi sự sinh ra, dầu ta thấy được, dầu thấy chẳng được. [o] Mà đức Cha chẳng phải bởi ai, thật là đức Chúa blời, [p] cũ thật là đức Cha, [p] vì chưng đời tlược vô cũ, một mình, chẳng có bạn nào, mà sinh đức Con, [q] tlao blót tính đức Chúa blời cho, vì thật có sinh đức Con, mà thế nào, mlời nói chẳng đến. [r] đức Con cũ thật là đức Chúa blời, và thật [s] đức Con, [s] vì bởi đức Cha thật sinh đẻ ra, mà [t] chẳng có mẹ, [t] cũ một tính cũ đức Cha, cũ mọi sự bàng đức Cha, hàng

có quyền cũ đức Cha. [u] Lại đức Spirito Santo thật là đức Chúa blời, cũ thật là yêu vô cũ, bởi đức Cha,

re filioque procedens, [x] *quo nimirum Pater & Filius se inuicem ab æterno ineffabiliter amant,* [y] *totamque suam Diuinam essentiam Spiritui sancto ab æterno communicant:* [z] *tres igitur sunt Diuinæ Personæ realiter distinctæ,* [a] *sed hæ tres personæ non sunt tres Dij, sed vnus verus Deus;* [b] *quod etsi captum intellectus nostri superet, id tamen firmiter credere debemus,* [c] *quia Deus sic nobis de se reuelauit.* [d] *Creditis ne ex toto corde? Vnusquisque debet respondere verè, ac dicere.* [e] *Ego verè ita Credo.*

[f] *Ité credere debemus hunc vnum verum Deũ in essentia, & trinum in personis,* [g] *esse primum principium, & vltimum finem nostrũ,* [h] *qui secundi præmia æterna largitur bonis,* [i] *sic æterna supplicia decernit malis. Creditis nè?*

và bởi đức Con mà ra,
[x] là yêu, vì đức Cha, và đức Con có yêu nhau, từ đời thuở vô cùng, mà đời đời nói chẳng đến, [y] mà đức Cha, và đức Con thoũ ra blót tính mình, là tính đức Chúa blời, từ đời thuở vô cùng, cho đức Spirito Santo: [z] vì bởy đức Chúa blời là ba ngôi, thạt ngôi khác nhau, [a] saõ le ba ngôi nầy, chẳng phải ba Chúa blời, thạt là một đức Chúa blời mà chớ. [b] Sự nầy dầu khỏi sức hay biết ta, saõ le ta phải tin thạt bởy, [c] vì đức Chúa blời đã truyền sự mình cho ta làm bởy. [d] Bay có tin hết lòng chang? Ai nẽy thì phải thưa thạt mà nói đi. [e] Tôi tin thạt như bởy.

[f] Lại ta phải tin thạt đức Chúa blời có một tính, mà có ba ngôi, [g] là cội rễ đầu, cũ là như bia lòng chúng tôi, [h] mà như thể có thưởng kẻ lành, cho chịu phúc vô cùng, [i] Lại cũ phạt kẻ dữ, bắt chịu hình vô cùng. Có tin thạt chang?

[x] By. Cre-

k ℟. *Credo verè ita esse.* k

l *Præterea credere debemus* l
unicum & verum Dei Fi-
lium, m *Dominum Nostrum* m
Iesum Christum, n *propter* n
nostram salutem æternam,
humanam assumpsisse na-
turam, o *& factum fuisse* o
verum hominem, per vir-
tutem Spiritus sancti, p *&* p
verè conceptum, & natum
ex Beatissima Virgine Ma-
ria, q *quæ Virgo fuit ante* q
partum, Virgo in partu,
& Virgo post partum: r r
ita ut Dominus Iesus sit ve-
rus Deus, ex Deo Patre na-
tus ante sæcula sine matre:
s *& verus homo, in tempo-* s
re natus ex Maria Virgi-
ne, sine patre. t *Creditis ne* t
sic verè esse?

u ℟. *Ego sic firmiter credo.* u

x *Deinde credere debemus* x
eundem Dominum Nostrũ
Iesum Christum, y *verum* y
Deum, & verum hominẽ,
qui peccatum non fecit,

k ℟. Thưa ràng. Tôi tin thật như vậy.

l Ta lại phải tin một Con
m thật đức Chúa blời, m
là đức Chúa Iesu Chri-
n sto Chúa chúng tôi n cho
chúng tôi được lành
chẳng cứ, lấy xác, lấy
o linh hồn người, o mà
làm người thật, bởi phép
p Spirito Santo, p có thật
xuống thai, mà sinh bởi
rứt thánh Maria đồng
q thân, q người khi chưa
có đẻ thì đồng thân, khi
đẫng đẻ cũ đồng thân,
mà khi đẻ đoạn cũ còn
r đồng thân. r Cho nên
đức Chúa Iesu thật là
đức Chúa blời sinh bởi
đức Chúa blời là đức
Cha đời đời vô cũ,
s mà vô mầu: s lại là ngu-
ời thật, có sinh ở thế
bởi Maria đồng thân, mà
t vô phụ. t Có tin thật
làm vậy chăng?

u u Thưa ràng. Tôi tin thật như vậy.

x Sau ta phải tin, cũ một đức Chúa Iesu, là x
Chúa chúng tôi, y thật là đức Chúa blời, cũ y
là người thật, mà chẳng có tội gì được sốt,

z pro-

z *propter peccata nostra fuisse Crucifixum, & mortuum in Cruce,* a *vt nos à peccatis, & à morte æterna liberaret;* b *quamuis enim in forma Dei esset impassibilis, & immortalis;* c *in forma hominis verè passus, & mortuus est pro nobis.* d *Creditis ne verè ita esse?*

e ℟. *Credo firmiter ita esse.*

f *Insuper credere debemus, eundem Dominum Nostrũ Iesum Christum,* g *sicuti propria voluntate animam suam posuerat, & verè mortuus erat:* h *sic tertia die propria virtute resurrexisse à mortuis,* i *& post varias apparitiones discipulis factas,* k *quadragesimo die à resurrectione admirabiliter in cælum ascendisse, in oculis discipulorum suorum,* l *& iam regnare viuum in cælis, ac omnem habere potestatem in cælo & in terra:* m *& in fine*

z z vì tội chúng tôi, đã chịu đáo đanh, mà chết a tlên cây Crux, a bẹy kớu chúng tôi, cho được khói tội, khói chết b vô cũ: b vì chưng dầu đức Chúa Iesu, ta lüán có tính đức Chúa blời, cháng chịu đí gì khổn được, cũ chẳng có chết c được; c mà ta lüán tính người, thạt là đã chịu nạn, và chịu chết vì chúng d tôi. d Có tin thạt làm bẹy chang?

e e Thưa ràng: tôi tin thạt như bẹy.

f f Sau nữa ta phải tin, cũ một đức Chúa Iesu; là g Chúa chúng tôi, g như mạc í mình, đã cho linh hồn mình ra khói xác, mà thạt mình đã chịu h chết, h cũ đến ngáy thứ ba, dữ sức mình, đã lại sóu lại, bởi tlaõ kẻ chết, i i mà hiện ra nhều lần cũ k đải tớ đoạn, k từ sóu lại đến bốn mươi ngày, tlước mạt đải tớ, sự lạ, thì lên blời, l chịu chức làm bua Chúa tlên blời tay mình có mọi phép, dầu tlên blời, dầu dưới đết: m đến

l

m

mun-

mundi venturum esse tum gloria iudicare viuos, & mortuos: [n] *tunc enim daturus est præmia æterna bonis,* [o] *corpus, & animam illorum in æternum beando;* [p] *& malis similiter irrogaturus est supplicia æterna,* [q] *corpora simul, & animas eorum æternis inferni ignibus addicendo.*

[r] *Creditis ne verè ita esse?*

[s] *Rſ. Credo firmiter ita esse.*

[t] *Denique credendum quicquid credit Sancta Catholica & Apostolica Ecclesia,* [u] *quæ est congregatio fidelium omnium Christianorum;* [x] *sub uno Summo Pontifice Romano, Iesu Christi Domini Nostri supremi pastoris Vicario, & Beati Petri successore, toto orbe diffusa.* [y] *Creditis ne verè ita esse?*

[z] *Rſ. Credo verè ita esse.*

[a] *Secundus est actus timoris Dei, & Domini Nostri Iesu Christi;* [b] *quem timere*

Ngày thứ tám

khi hết thế lại xuống sáng láng, phán xét kẻ sống, và kẻ chết: [n] vì chưng khi ấy có thưởng kẻ lành [o] chịu phúc vô cùng, [o] cho và xác, và linh hồn kẻ lành đời đời đời đời; [p] [p] mà lại phạt kẻ dữ chịu [q] hình vô cùng, [q] bắt và xác, và linh hồn nó ở tlão lửa địa ngục đời đời chẳng.

[r] [r] Có tin thật làm vậy chăng?

[s] [s] Thưa rằng: tôi tin thật như vậy.

[t] [t] Sau hết thì phải tin mọi mlời truyền ra bởi thánh Ecclesia Catholica Apostolica, [u] là các bổn đạo đức Chúa blời, [x] ở khắp thiên hạ, [x] hợp làm một dưới một quyền thánh Papa ở nước Roma, làm thày cả tlên, thay vì đức Chúa Iesu, theo đòi quyền thánh Pedro như vậy. [y] Có tin thật làm vậy chăng?

[z] [z] Thưa rằng: tôi tin thật như vậy.

[a] Việc thứ hai, là kính dái đức Chúa blời, cùng đức Chúa Iesu là Chúa chúng tôi, [b] mà ta phải dái đẽy

debe-

debemus super omnia, [c] *qui non solum habet potestatem vitæ & mortis huius sæculi*, [d] *sed etiam postquam occiderit, potest animam, & corpus perdere in gehennam*, [e] *æternis inferni ignibus rebelles, & inobedientes addicendo*, [f] *& combustioni, ac cruciatibus æternis*. [g] *Timetis ne sic Dominum Iesum super omnia*.

[h] *R. Timeo sic super omnia.*

Tertius est actus spei, quo per merita Domini & Saluatoris Nostri Iesu Christi, [k] *speramus à Diuina misericordia, nobis promittente, remissionem peccatorum omnium,* [l] *si ea media, quæ ipse nobis ex gratia sua misericorditer largitur, adhibuerimus*, [m] *nempe veram pœnitentiam, & receptionem Sacramentorum*, [n] *quæ Dominus Iesus præcipit, & sunt in potestate nostra, maturè recipere*. [o] *Speratis ne hoc modo à Deo re-*

[c] hơn mọi sự, [c] vì chưng chẳng lọ là sốũ chệt đời [d] nầy ở tay người: [d] mà lại khi đã giết rồi, thì bắt được ở tlaõ tù rạc địa ngục và xác, và linh [e] hồn, [e] bệy khiến kẻ nghịch ở tlaõ lửa am [f] phủ, [f] mà chịu đốt, và hình khác nữa đời đời [g] bệy; [g] Có kính dái làm bệy đức Chúa Iesu tlên hết mọi sự chăng?

[h] Thưa ràng: tôi kính dái đức Chúa Iesu làm bệy, tlên hết mọi sự.

[i] Việc thứ ba là tloũ cậy: vì có coũ đức Chúa Iesu, là Chúa kớu chúng tôi, [k] thì phải cậy đức Chúa blời nhơn lành, có khiến tha mọi tội và chúng [l] tôi, [l] nếu chúng tôi có dữ việc đức Chúa blời thưởng, và giúp sức cho [m] chúng tôi dữ, [m] là việc chính ăn năn tội, mà chịu [n] phép Sacramento, [n] là phép đức Chúa Iesu phán chịu và ở ta chịu được, [o] mà chịu cho lợp. [o] Có

missionem peccatorum?

p Rſ. Spero hoc modo.

q Præterea ſperare debemus à Diuina miſericordia vitam æternam in cælis, r per merita Ieſu Chriſti Saluatoris Noſtri, f & nobis dandam, ex gratia & promiſſione Dei, ſi tamen nos Diuinæ gratiæ cooperauerimus. t Speratis ne vitam æternam eo modo à Diuina miſericordia vobis dandam?

u Rſ. Spero vitam æternam eo modo dandam.

x Denique ſperare debemus omnia temporalia nobis neceſſaria ad vitam hanc tranſigendam, y vt deinde vitam conſequamur æternam, à Diuina etiam Bonitate, quia ſic promiſit: z ſed præcipuè auxilia Diuinæ gratiæ per merita Chriſti, vt Diuinam legem cuſtodire poſſimus vſque ad finem vitæ, ſunt nobis à miſericordia Dei ſperanda. a Speratisne

Ngày thứ tám

tlouũ cậy tha tội, bởi đức Chúa blời chẳng?

p Thưa rằng: Tôi tlouũ cậy như vậy.

q Lại ta phải cậy đức Chúa blời nhin lành, cho chúng tôi hàng sóũ vậy tlên blời, r vì có coũ đức Chúa Ieſu, đã kóu chúng tôi, f mà lại có mlời đức Chúa blời cho ta chịu ơn giúp sức cho chúng tôi, nếu ta có dữ sức t mình vậy. Có hàng sóũ vậy, bởi đức Chúa blời cho chúng tôi làm vậy. Có tlouũ cậy thế ấy chẳng?

u Thưa rằng: Tôi tlouũ cậy háng sóũ làm vậy.

x Sau hết thì phải tlouũ cậy mọi sự thế nầy ta y dữ khi hãy còn sóũ, y cho thế sau ta đến hàng sóũ vậy, bởi lão lành đức Chúa blời, vì khiến cho vậy: z nhứt là tlouũ cậy đức Chúa blời nhin lành, cho gratia, là sức cho chúng tôi được giữ đạo thánh đức Chúa blời, cho đến blọn đời,

vì có coũ đức Chúa Ieſu. a Có tlouũ cậy bấy nhêu sự

hac

hæc omnia à Diuina miseri-
cordia?
nây bởi lão lành đức Chúa blời chang?

[b] *℟. Spero & confido eo modo.*
[b] Thưa ràng: Toi tlông cậy như dệy.

[c] *Quartus actus est amoris Dei super omnia:* [d] *Quia scilicet Deus est infinitè perfectus,* [e] *& bonus, omnem bonitatem in se uno perfectissimè continens,* [f] *atque ideò omni amore dignissimus.* [g] *Amatis ne Deum summè bonum, super omnia amabilia?*
[c] Việc thứ bốn, là lão kính mến đức Chúa blời tlên hết mọi sự, [d] vì chưng đức Chúa blời blọn vô cử, và lành vô cử, [e] tlaõ một mình gồm hết sự lành, rứt blọn: [f] vì dệy đức Chúa blời đang chịu mọi lão hết sức kính mến đức Chúa blời. [g] Có kính mến đức Chúa blời rứt lành tlên hết mọi sự lành chang?

[h] *℟. Amò Deum eo modo.*
[h] Thưa ràng: Tôi kính mến đức Chúa blời như dệy.

[i] *Quia tamen verus amor non in verbis, sed in operibus consistit;* [k] *& ipse Dominus Iesus asserit; si quis diligit me mandata mea seruabit;* [l] *ideò probatio dilectionis, exhibitio est operis,* [m] *debemus ergo si Deum verè diligimus, firmum habere animum seruandi omnia mandata Dei cum eius gratia vsque ad finem vitæ.* [n] *Habetis*
[i] Saõ le vì mến thạt chẳng phải là mlời nói, thạt là [k] việc làm mà chớ: [k] lại có mlời đức Chúa Iesu phán ràng: ai mến tao, thì giữ mlời tao răn: [l] vì dệy cho ra thạt lão mến thì phải có việc làm.

[m] Nhin vì sự dệy, nếu ta kính mến đức Chúa blời cho thạt, thì phải dẽọuc lão giữ hết mlời răn, đức Chúa blời giúp sức, cho đến chết. [n] Có dẽọuc lão

ne huiusmodi animum?

° R. *Habeo huiusmodi animum.* °

P *Quintus denique actus est dolor intimus de peccatis, & detestatio super omnia detestabilia,* q *quia sunt offensa Dei super omnia dilecti,* r *quem tot titulis super omnia diligere debueramus,* f *à quo tot, & tanta beneficia sine numero accepimus:* t *præcipuè quia ipse Deus pro nobis homo factus, tam dira tulit in Cruce vsque ad mortem, propter peccata nostra.*

u *Igitur ex toto corde contteri & dolore dabamus,* x *quia tam atrociter peccatis nostris Diuinam læsimus bonitatem, quam colere debueramus.* y *hic iterum exhibenda, est imago Iesu Christi Saluatoris nostri è Cruce pendentis;* z *vt vnusquisque intimum quem de peccatis suis dolorem concepit, intimis sensibus aperiat,* a *proferens quæcunque*

Ngày thứ tám

làm bệy chang è

° ° Thưa ràng: Có dẽ̱ọuc lào̱ làm bệy.

P P Việc thứ nam sau hết là lo buồn tlaõ lào̱ vì đã phạm tội, mà ghét nó, tlên hết mọi sự phải ghét, q vì tội là lỗy nghĩa cũ đức Chúa blòi, ta kính mến tlên hết mọi sự, r r mà có nhều mlẽ ép ta f kính mến làm bệy, t nhu thế ta là kẻ đã chịu ơn nhều bởi đức Chúa blòi u kẻ chẳng xiết: x nhít là vì đức Chúa blòi ra đòi làm Con nguòi, mà đã chịu nạn chùng ẽy, tlên cây Crux, cho đến chết, vì tội chúng toi.

u u Vì bệy ta phải ăn năn x sầu não hết lòi, x vì ta đã phạm lỗy gia giết cũ lào̱ lành đức Chúa blòi, thay vì phải thò phượng y đức Chúa cả, y đây thì phải lẽy ra lại ảnh đức Chúa Iesu chữa chúng toi, đáo đanh tlên cây z Crux, z mà ai nấy ăn năn tội tlaõ lào̱ thế nào, thì tỏ ra hết sức, a mà có sầu não ăn năn tlaõ lào̱ thế nào, a

Sugge-

suggeret mens, & affectus.

[b] *Interrogandi postea sunt omnes, an verè ita doleant super omnia, quod Diuinam Bonitatem infinitam offenderint?*

[c] R. *Doleo illo modo.*

[d] *Sed quia vera pœnitentia, non solum præterita peccata plangit; [e] sed etiam plangendæ non reiterat: [f] ideò statuere debemus, grauia quauis, & aduersa potius pati, etiam ipsam mortem, [g] quam amplius Diuinam Bonitatem infinitam offendere. [h] habetis ne firmum huiusmodi animum?*

[i] R. *Habeo firmum huiusmodi propositum.*

[k] *Dimittendi tunc sunt omnes, vt priuatim vnusquisque sua peccata plangat, saltem per vnam horam; [l] veniamque suorum peccatorum à Diuina Bonitate humiliter petat, [m] per merita Passionis & mortis*

[b] cũ nguyện bề ngòài như vậy. [b] Sau thì phải hỏi hết, thạt có lo buồn ăn năn tiếc hết mọi sự lỗi, vì đã lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời, lành vỡ cũ, thạt có lo làm vậy chang?

[c] Thưa ràng: Tôi lo buồn ăn năn như vậy.

[d] [d] Sảo le vì ăn năn thạt chẳng những là lo buồn khaóc laóc vì tội đã [e] phạm thuớc, [e] mà lại chẳng có phạm nữa đều nên khaóc laóc thế ấy: [f] [f] vì vậy ta phải dẽouc một làõ, chịu đi gì đi gì khốn nạn, dầu đến chết, [g] [g] mà chẳng chịu nữa lỗy nghĩa cũ đức Chúa [h] blời, lành vỡ cũ. [h] Có dẽouc thạt làõ làm vậy chang?

[i] [i] Thưa ràng: Tôi dẽouc thạt làõ như vậy.

[k] [k] đoạn mọi việc ấy, thì cho về hết; mà ai nấy thì khaóc laóc, ăn năn tội mình riêng, ít là một đem, [l] mà khiem nhường cầu cũ đức Chúa blời nhìn [l] lành tha tội cho, [m] vì có coũ đức Chúa Iesu, đã chịu [m]

sacra-

sacratissimæ Saluatoris Nostri Iesu Christi, [n] *& per Intercessionem Beatissimæ Virginis Mariæ Dei Genitricis, & omnium Sanctorum,* [o] *ieiunantes, & orantes, vt sequenti die paratiores,* [p] *ad sacrum Baptismi lauacrum accedant, qui nullo detinentur impedimento;* [q] *ideſt qui iam idola omnia, non solum à corde, sed etiam domo abiecerunt, qui domus sunt Domini.* [r] *Qui nullum proximis malum volunt, nec rixas in corde fouent,* [s] *sed potius inimicis omnibus & pepercerunt, & satisfecerunt iniurijs iniustè illatis.* [t] *Qui vnam tantum vxorem habent, quæ verè sit legitima vxor: vel si sunt mulieres coniugatæ, an sint verè vxores, alioquin ante Baptismum petere debent libellum repudij.* [u] *Denique si non tenentur ære alieno, quod statim*

Ngày thứ tám

nạn, chịu chết, khỏi
[n] chúng tôi: [n] lại xin cứ rước
thánh đồng thân đức
Chúa bà Maria, là đức
Mẹ đức Chúa blòi, và
lại xin cũ các thành cầu
[o] cho; [o] cũ ăn chay, và
nguyền, cho mai sau đã
dẽọn mình nên hơn,
[p] [p] mà chịu phép thánh
rửa tội, là kẻ chẳng có
đều gì trở việc thánh
[q] ẽy: [q] vì đã bỏ hết bụt
đi, chẳng lọ bởi lão,
mà lại kẻ làm chúa nhà,
cũ đã phá đi bởi nhà
[r] [s] mình bôi: [r] cũ chẳng
còn có ước sự gì dữ cho
ai, và chẳng còn có tlaõ
[t] lão gẹn giủy gì ai, [s] mà
lại đã tha cho hết ỏan
gia, và có làm sự gì lỗy
nghĩa cũ ai, đã đền bàng,
[u] mà đã làm lành cũ; [t] lại
có một bọ chính mà
thôi: ví bằng là đẫn bà
có chào, cho nên bọ
thạt chào ẽy, nẽu chẳng
phải bọ thạt, thì phải
xin chữ để tlước, khi

chưa có chịu phép rửa tội. [u] Sau hết cũ chẳng có mạc

persol-

perſoluere poſſint . x hæc enim quatuor hominum genera regulariter non ſunt ad Baptiſmum admittenda , donec impleant quæ pollicentur : y experientia enim me docuit in illis Ethnicorum terris, Cathecumenos ex Baptiſmi deſiderio multa polliceri, z quæ niſi ante Baptiſmum fiant , poſt Baptiſmum receptum, executioni minimè mandant ; præſertim quod ad concubinas ſpectat . a hæc ante Baptiſmum ordinariè docenda videntur, ad maiorem Dei gloriam .

nơ gì ai, mà blả đươc bẽy giờ . x Vì chưng bốn giống nẩy , buản chảng khá cho chịu phép rửa tội, cho đến khi đã làm rồi mlời ẽy nói húa : y vì chưng ta thấy, nước chưa có đạo ẽy, kẻ đã nghe giảng, mà dẽọn chịu đạo, có nói húa nhiều sự, khi muốn chịu phép rửa tội, z ví bảng chảng làm khi chưa có chịu phép ẽy, đến khi đã chịu rửa tội rồi, chảng có làm việc ẽy, nhứt là kẻ mạc bọ mọn . a bẩy nhiêu sự nẩy buản thì phải giảng cho người ta, khi chưa có chịu phép rửa tội, cho danh đức Chúa blời cả sáng hơn .

FINIS.

Errata

Digitized by Google

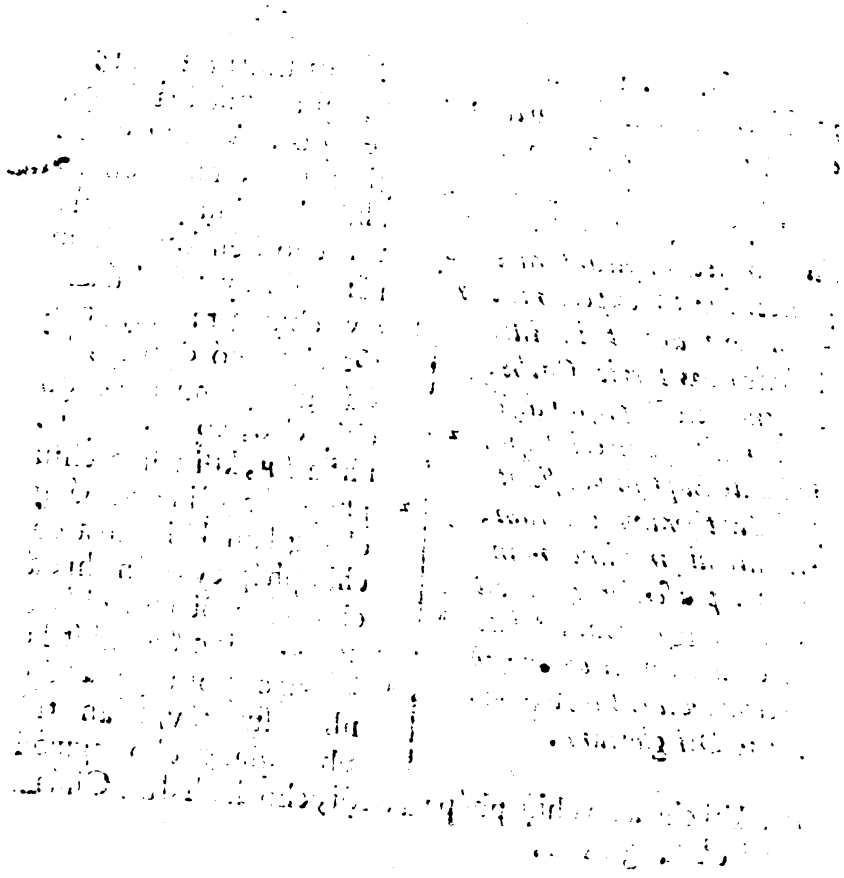

Digitized by Google

Digitized by Google

Errata corrige.

In principio ma, corrige mã. pag. 5. lin. 2. ſưc, cor. ſức: lin. 12. kiẽm, kiém: ſõũ, ſóũ. l. 13. viẹ, viẹc. p. 6. 27. uó, nó. 10. 27. kõn, khõn: 28. khói, khói. 11. 29. bựt, bụt: 31. rang, ràng. 13. 19. tù, tự. 14. 18. lay, lạy: 21. éi, ếy. 15. 4. cách, các. 25. 10. phat, phạt: 15. thành, thánh. 26. 15. chiu, chiụ. 27. 20. thit, thịt. 28. 12. ngót, ngọt. 29. 1. boi, bói. 32. 20. blá, blá. 33. 14. cúc, cực: 16. cúc, cực. 34. 21. dẽam, dẽám. 35. 31. nhẽu, nhẽu. 37. 5. bói, bói: 17. lếy, lếy: 26. chứng, chưng. 38. 3. đầu, đầu. 39. 11. mính, mình: 24. la, là. 40. 6. còn, còn: 20. chảnh, chẳng: 23. đều, đều: 26. ḍếy, ḍệy. 41. 20. vá, và. 42. 8. viec, việc. 43. 7. thính, tính: 24. rựt, rứt. 44. 6. nhữug, những. 45. 18. ḍuẩn, bủẩn. 46. 6. ſinh, tính: 18. cõn, còn: 19. ỉ, í. 47. 32. khõn, khõn. 48. 33. ſư, ſự. 49. 5. nhẽu, nhẽu. 50. 7. thùang, thứáng: 19. nhẽu, nhẽu: 28. mênh, mềnh. 51. 3. thính, tính: 7. lếy, lếy: 19. nơi, nơi. 52. 30. đẩn, đầu. 55. 31. dẽon, dẽọn. 57. 8. ké, kế: 10. lõi, lỗi. 60. 14. thín, tính: 33. thành, thánh. 61. 6. kẻ, kế. 62. 16. idem 64. 2. ſực, ſức. 3. chiu, chiụ. 67. 20. gọi, gọi. 68. 2. bói, bói. 71. 13. rạu, rau. 72. 6. mlói, mlòi. 73. 23. thành, thánh: 31. phếp, phép: 32. tù, tự. 74. 3. oủ, oũ: 27. blải, blái: 30. phu, phú. 75. 3. chảug, chẳng: 7. thất, thạt: 8. phàm, phạm: 23. cứ, cữ. 24. idem. 76. 19. ban, bạn. 80. 25. ſự, ſư: 27. tù, tự. 82. 30. ngich, nghịch. 83. 26. đên, đến. 84. 32. đưc, đức. 85. 2. o, ổ: 15. gưò ng, gương. 86. 23. blà, blá. 88. 8. muẩn, muẩn. 89. 17. cây vả, ficus. 90. 9. ấn, ẩn: 21. ngịch, nghịch. 92. 3. idem: 6. idem: 29. truyẹn, truyền: 31. đẽ, dể. 95. 4. ngich, nghịch: 9. đẩn, đàn. 98. 11. thẳng, thàng. 99. 8. thoi, thói. 100. 31. đòi, đợi. 101. 24. hõn, hồn. 103. 1. còn, con. 104. 25. đẳng, đàng: 32. Như, Nhu. 105. 20. lếy, lếy. 106. 32. mênh, mềnh. 111. 1. dạ, dại. 112. 13. ngôẽn, nguồn. 113. 2. ninh, nhin. 114. 18. lam, làm. 116. 9. tù, tự. 119. 21. naó, naò. 122. 14. me, mẹ. 125. 23. dõi, dối. 126. 11. tlai, tlái. 128. 12. hợn, hơn. 129. 1. hõn,

Digitized by Google

hồn 130. 1. còn, con. 133. 7. rữa, rửa: 10. tlaõ, tlao. 134. 3. lai, lại. 138. 20. guêng, gương: 29. anh, ánh 139. 24. đuc, đức: 32. nguền, nguồn. 140. 17. thội, tội. 141. 14. lộện, luân: 18. thânh, thần. 142. 20. lõện, luân. 143. 26. tôi, tội. 152. 10. dưt, đứt: 30. hõa, hõá. 153. 4. thân, thần: 25. dề, đề. 155. 9. che, chê. 158. 10. hớ, hở: 25. thành, thánh. 159. 21. tlếy, tlếy. 162. 7. đầu, đần. 193. 2. nhuáng, nhuõng. 171. 27. idem. 173. 1. khiẽn, khiến: 30. Simeao, Simeon. 175. 21. che, chê: 29. idem. 176. 4. hên, hèn: 7. hồn, hồn: 16. dết, đứt: 19. tử, ếy, corrige tử êy. 177. 4. kip, kịp: 28. cữ, cũ. 178. 11. ấn, ẩn: mít, mịt. 179. 5. đến, đến. 182. 3. kẻ, kể: 17. dỡ, dễõ: 22. đem, đêm. 184. 16. hait hóu, hai thóu. 185. 17. chửa, chữa. 186. 7. o, hở: 20 idem. 187. 7. idem: 8. khi, chi: 11. o, hở: 17. lám, làm. 189. 26. idem. 190. 20. dễỡ, dễõ. 193. 6. blạt, blẹt. 195. 23. rồi, tồi. 196. 7. đả, đã. 198. 13. là, lạ. 201. 30. sư, sự. 203. 7. bón, bổn: 10. chửa, chữa. 208. 17. bó, bố: 19. giửa, giữa. 211. 8. dẽam, dẽám: 32. bòũ, bóũ. 212. 21. xế, xổ. 216. 22. chửa, chữa. 221. 2. trở, trỡ. 222. 3. đánh, đanh: 18. chui, chùi. 223. 24. làm, lăm. 224. 13. chang, chẳng: 17. thầy, thấy. 227. 3. chìa, chia. 228. 31. che, chê: 32. idem. 229. 18. là, lạ. 230. 21. lọ, lo: 23. che, chê. 25. đuòi, đuối. 231. 9. đên, đến: 24. blái, blái. 232. 1. càm, cầm. 233. 10. đánh, đanh. 235. 15. che, chê: 24. côi, coi. 236. 8. lậ, lạ: 8. xòt, xót. 238. 12. chánh, chẳng. 239. 17. chửa, chữa: 29. lam, làm. 240. 7. chết, chết. 241. 21. lía, lìa. 242. 1. thi, thi: 5. chưa, chửa: 8. ngữ̃ng, những: 12. blả, blá. 243. 3. bói, bồi: 29. thoi, thôi. 245. 2. nồi, nói: 23. 24. đoạn, đõạn. 246. 22. đánh, ấn, đánh ấn: bua, bữa. 249. 1. đền, đến: 14. đen, đến. 251. 23. lợp, lớp. 255. 17. lao, lào. 28. ngoái, ngoài. 256. 4. khi, khi: 11. va, vạ. 257. 31. quế, quế. 259. 1. truyẽn, truyện: 11. ngầy, ngày: 14. bẽào, bẽao: 28. giác, giạc. 260. 26. che, chê: 261. 22. rao, cao. 263. 13. thế, thế. 265. 7. hét, hết. 266. 12. phan, phán: 25. phàn, phán. 269. 5. nhit, nhít. 271. 23. ngói, ngồi. 274. 26. đia, địa. 292. 18. ta nhu, nhu ta. 297. 32. khác sóũ, các sóũ. 304. 10. là õ, lào. 316. 29. đáo, đáõ. 317. 31. đem, đêm.

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Österreichische Nationalbibliothek
+Z179392802

Digitized by Google

Digitized by Google

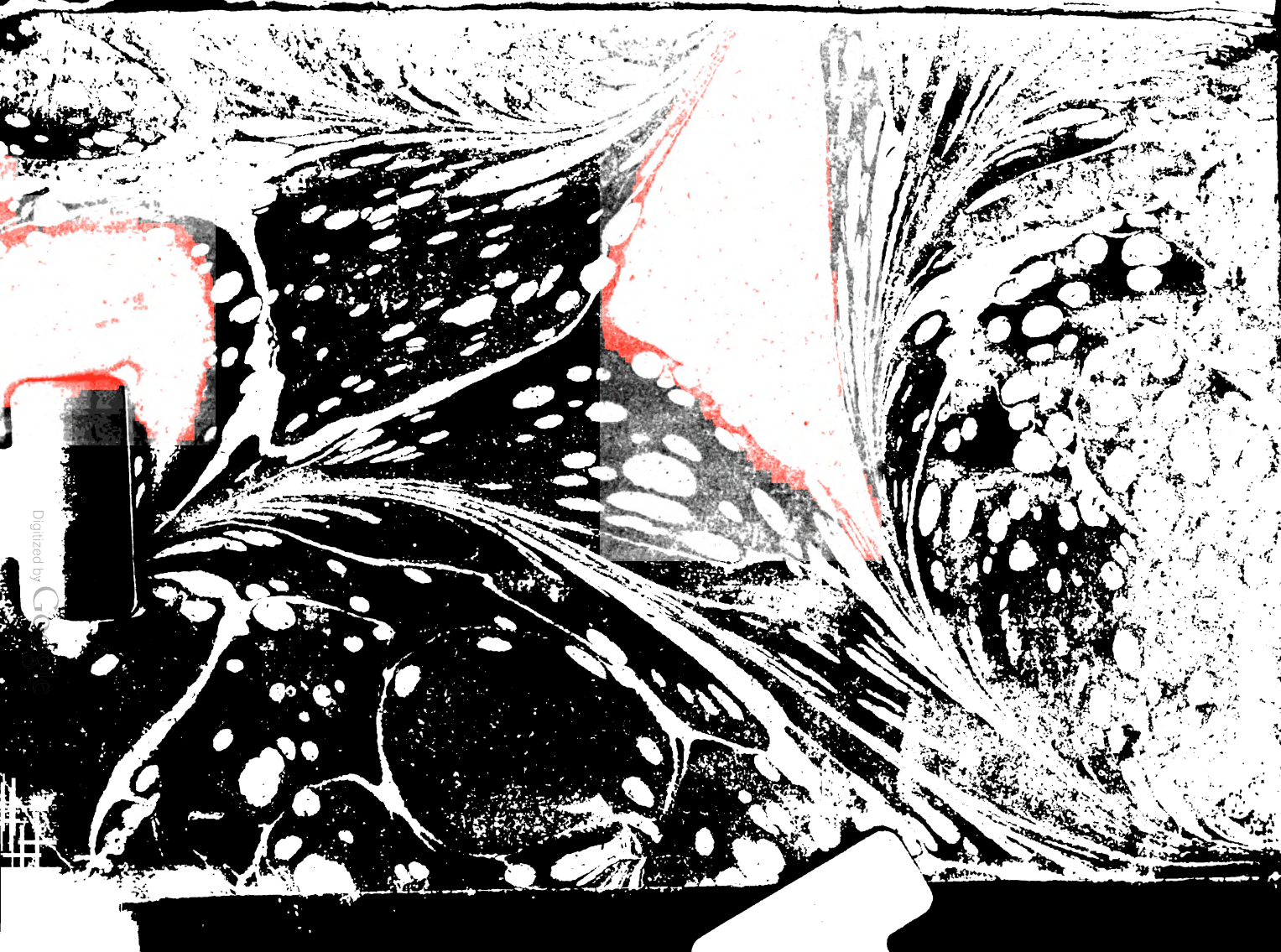

Digitized by Google